

NHIỀU TÁC GIẢ

NHỮNG BÔNG HOA NƠI NGỤC TÙ CÔN ĐẢO



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

<http://tieulun.hopto.org>

NHIỀU TÁC GIẢ

NHỮNG BÔNG HOA
NƠI NGỤC TÙ
CÔN ĐẢO

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

<http://tieulun.hopto.org>

*Giữa ngàn thác lũ nghiêng trời đất
Những cánh hoa kia vẫn ngược dòng...*

NGUYỄN THÀNH CÔNG

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Côn Đảo, Bà Rịa - Vũng Tàu là một địa danh nổi tiếng trong nước và quốc tế. Địa danh này được biết đến như một huyền thoại: “đảo địa ngục, đảo căm thù, đảo anh hùng và đảo tự do” (Nguyễn Văn Linh). Côn Đảo chính là một bảo tàng sống về lịch sử đấu tranh cách mạng Việt Nam.

Năm 1861, thực dân Pháp Tuyên cáo chiếm đóng Côn Đảo. Một năm sau, Toàn quyền Pháp Bonard đã cho lập một nhà tù ở đảo này để đày ải các nghĩa sĩ Nam Bộ đang bị thực dân Pháp cầm tù. Như vậy, Côn Đảo từ năm 1862 đến 1975 đã thực sự trở thành chứng nhân lịch sử 113 năm chống thực dân đế quốc của dân tộc Việt Nam.

Dưới thời thực dân Pháp, nhà tù Côn Đảo ban đầu chỉ là những lán trại mái tranh vách nứa, sau do số tù ngày càng đông (có lúc lên hơn 4000 người), với những “phần tử đặc biệt nguy hiểm”, thực dân Pháp

cho xây dựng kiên cố hóa nhà tù Côn Đảo. Sau bảy năm, từ 1889 đến 1896, nhà tù Côn Đảo kiểu hiện đại với các “Banh” và “Chuồng Cọp” được đưa vào sử dụng. Hệ thống nhà tù và chế độ lao tù biến nơi đây thành “địa ngục trần gian” đầy đọa bao lớp người tù yêu nước; song cũng chính nơi đây là trường học lớn, thử thách tình yêu Tổ quốc và khi tiết những người cách mạng. Trong chín năm chống thực dân Pháp, hơn 2000 tù nhân kháng chiến đã bị giam giữ tại Côn Đảo. Nhiều người trong số họ đã ngã xuống, tiếp sức để đồng đội vững bước đi theo con đường đã chọn. Phần lớn họ đã trưởng thành, góp sức cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Truyền thống đấu tranh bất khuất của những người tù chống Pháp đã làm nên “huyền thoại Côn Đảo”. Huyền thoại ấy được viết tiếp bởi máu xương và khi tiết của những người tù cách mạng thời chống Mỹ.

Dưới thời đế quốc Mỹ, đặc biệt khi Mỹ - nguy đẫy mạnh chiến tranh, nhà tù Côn Đảo được củng cố và mở rộng, trở thành một trong những nhà tù khủng khiếp nhất trên thế giới. Tù nhân có lúc lên đến gần 10 000 người, trong đó có hơn 4000 tù chính trị. Nếu trước đây, nhà tù Côn Đảo thời Pháp thuộc chỉ có duy nhất một nữ tù chính trị là chị Võ Thị Sáu (giặc đem kết án xử tử ở tuổi mười sáu) thì dưới thời Mỹ - nguy, số nữ tù chính trị lên đến gần 500 người. Hệ thống nhà tù không những được tăng cường, mở rộng, mà

Mỹ còn cử cả các cố vấn nhằm thiết lập một chế độ nhà tù thẳng tay đàn áp người tù bằng nhục hình tra tấn tàn bạo. Chuồng Cọp Pháp với diện tích 1,5 x 2,5m nhốt 1-2 người để cách ly, đến thời Mỹ - ngụy, là 4-5 người, “còng một chân” hoặc “còng xếp lớp” để hành hạ người tù đến chết. Bất kỳ một sự chống đối hay đấu tranh nào đều bị tra tấn đến cực điểm nhằm buộc người tù phải khuất phục về chính trị.

Điều kiện sinh hoạt khắc nghiệt: cơm hầm trộn cát, khô mục, không rau xanh, nước thiếu; bị tra tấn và hành hạ dã man, lao động khổ sai đến kiệt cùng sức lực, ... nhưng những người tù yêu nước, vẫn lớp lớp nối nhau, lớp lớp cùng cố truyền thống đấu tranh bất khuất, thà chết không chịu đầu hàng. Tâm gương dũng cảm, bất khuất của các anh, các chị đã viết lên những trang sử hào hùng của dân tộc.

Lịch sử Việt Nam ghi nhận “huyền thoại Côn Đảo” với khá nhiều sách, báo, tài liệu, phim ảnh về Côn Đảo và nhiều nhân vật người tù cách mạng trung kiên. Thế hệ trẻ qua đó hiểu hơn về Côn Đảo, về lịch sử Đảng và lịch sử đấu tranh cách mạng của dân tộc. Tuy nhiên, khi tiếp cận những tài liệu nói trên, một thực tế là: tài liệu viết về cuộc đời của những người nữ tù Côn Đảo còn quá ít. Các tài liệu mới chỉ ưu tiên một số trang khiêm tốn về tập thể những người nữ tù và số ít những gương mặt cá nhân.

Theo thống kê của cuốn *Côn Đảo - Ký sự và tư liệu* (NXB Trẻ, 1998), năm 1957 là năm đầu tiên đưa tù nữ ra Côn Đảo: khoảng 100 chị cùng một số cháu nhỏ; năm 1969 là 342 chị và hai cháu bé; cùng một số đợt bổ sung khác, đến ngày giải phóng 1-5-1975, số nữ tù Côn Đảo lên đến 494 người. Đây là một lực lượng không lớn so với lượng số tù Côn Đảo nói chung có lúc lên đến gần 10 000 người. Tuy nhiên, đây lại là một lực lượng khiến kẻ thù phải nể sợ, phải nhiều phen chao đảo và chấp nhận thế yếu trong nhiều cuộc đấu tranh. Tập thể các mẹ, các chị nữ tù là tấm gương sáng về sự đoàn kết, kiên cường, bất khuất trong tranh đấu; là hình ảnh xúc động về sự thương yêu, đùm bọc, sẻ chia trong khó khăn, hoạn nạn, thiếu thốn. Tiêu biểu là tập thể nữ tù chống ly khai - "41 bông hoa trong Hàm Đá" (sự kiện năm 1957 - 1958) và tập thể nữ tù trong "Chuồng Cọp" (1969 - 1970).

Sau năm 1954, Hiệp định Genève được ký kết, chính quyền Diệm ráo riết lùng bắt những người kháng chiến cũ và đàn áp những người biểu tình đòi thi hành Hiệp định, các nhà tù trong đất liền đầy ắp tù nhân. Năm 1957, chính quyền Diệm quyết định đày những người tù "cứng cổ" ra Côn Đảo, trong đó có cả nữ tù. Chế độ nhà tù Côn Đảo thi hành mọi biện pháp tàn ác và âm mưu quỷ quyệt để hành hạ người tù cả

thể xác và tinh thần. Nữ tù Côn Đảo tuy thành phần xuất thân, vị trí chiến đấu khác nhau, hoàn cảnh cũng không giống nhau, nhưng đều chung một quyết tâm "thà chết chứ không cho địch khuất phục về chính trị, kiên quyết bảo vệ phẩm chất người cách mạng", họ đã phá tan âm mưu thâm độc của địch trong việc "tiêu diệt sinh mệnh chính trị của người tù" bằng cách buộc người tù phải xác định rõ lập trường của mình: hoặc là đi theo con đường cộng sản sẽ bị đặt ngoài vòng pháp luật; hoặc là ly khai cộng sản để trở về với chính nghĩa quốc gia do Ngô Đình Diệm lãnh đạo. Nếu chấp nhận ly khai, người tù phải thực hiện nội quy của nhà tù gồm mười điều trong đó có việc phải hô khẩu hiệu huấn chính là "Ủng hộ Ngô Tổng thống", "Đả đảo Hồ Chí Minh độc tài", phải tham gia chào cờ, học tập tổ Cộng, phải chào sĩ quan, ... Dù phải vượt qua muôn vàn thử thách cam go: hầm đá chật chội (1.5 x 2,5m), nóng nực; đầy rận rệp; ăn cơm khô mục, mắm dòi; không được vệ sinh, tắm rửa; quần áo mục nát; tiêu tiện tại chỗ; đấu tranh tuyệt thực... nhưng tập thể 41 nữ tù chống ly khai và tập thể nữ tù trong Chuồng Cọp đã đứng vững, một lòng trung thành với Đảng, với cách mạng.

Bài học lớn trong "lò lửa địa ngục", trong trường tranh đấu ấy là những người phụ nữ đã đấu tranh để vượt lên sự sợ hãi, yếu đuối của bản thân, xác định tinh thần chiến đấu đến cùng. Họ chấp nhận đau

đơn, hy sinh để giữ gìn phẩm tiết người chiến sĩ cách mạng. Họ ý thức được sức mạnh của đoàn kết, tinh thần đồng đội, sự thương yêu, đùm bọc và chia sẻ lẫn nhau. Họ luôn lạc quan và luôn tin tưởng vào Đảng, vào Bác Hồ, vào lý tưởng và con đường cách mạng mà mình đã lựa chọn. Nhà tù đồng nghĩa với địa ngục, nhưng những người tù Côn Đảo nói chung, nữ tù Côn Đảo nói riêng, đã biến nó thành trường tranh đấu, trường học làm người, trường học văn hóa, thành nơi biểu dương lực lượng của tinh đoàn kết và lòng trung kiên cách mạng.



Với mong muốn góp thêm phần tư liệu về truyền thống đấu tranh cách mạng của chị em phụ nữ nói chung, chị em nữ tù Côn Đảo nói riêng, Nhà xuất bản Phụ nữ xuất bản cuốn sách **Những bông hoa nơi ngục tù Côn Đảo**. Cuốn sách dành những trang mở đầu giới thiệu "người nữ tù chính trị đầu tiên" ở Côn Đảo: bà Đặng Thị Phi Yến; tiếp theo là "người nữ tù duy nhất trong kháng chiến chống Pháp": chị Võ Thị Sáu. Nội dung chính của cuốn sách là chân dung 15 nữ tù Côn Đảo trong kháng chiến chống Mỹ; tập trung tái hiện quãng thời gian các mẹ, các chị bị đày đọa nơi "địa ngục trần gian" - nhà tù Côn Đảo; đồng thời khắc họa những nét riêng trong cuộc đời, số phận mỗi

người, cũng như những đóng góp sau khi ra tù, với những cương vị xã hội khác nhau. Phần Phụ lục của cuốn sách cung cấp một số thông tin thú vị về đời sống tinh thần của người tù, đó là hoạt động văn nghệ trong tù với các bài thơ, ca, hò, vè; các vở kịch và những mẫu chuyện cười khám lao do chính những người nữ tù tự sáng tác, tự biên, tự diễn. Ngoài ra, cuốn sách cũng cung cấp “Một vài số liệu về tù nhân trong các giai đoạn lịch sử ở nhà tù Côn Đảo” và một số “thuật ngữ Côn Đảo” để bạn đọc hiểu hơn về Côn Đảo và các cuộc đấu tranh của người tù cách mạng ở đây.

Theo chúng tôi được biết, trong thực tế, gần 500 nữ tù chính trị Côn Đảo, với những đóng góp và sự hy sinh lớn lao cho dân tộc, các mẹ, các chị đều xứng đáng là những tấm gương sáng để thế hệ con cháu noi theo. Tuy nhiên, do điều kiện tư liệu còn nhiều bất cập, chúng tôi chưa có dịp giới thiệu trong cuốn sách này, rất mong được lượng thứ và mong có dịp được giới thiệu đông đủ.

Những bông hoa nơi ngục tù Côn Đảo là lời tri ân đến các mẹ, các chị đã từng bị tù đầy tại Côn Đảo, những người đã góp phần viết lên trang sử hào hùng của đất nước chống ngoại xâm, cũng như xây dựng một đất nước hòa bình, phồn vinh và phát triển. Mỗi trang sách còn là những lời tâm tình, sẻ chia với cuộc đời, số phận của các chị, các mẹ mà những chân dung ở đây chỉ là phần nhỏ trong muôn một.

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các chị nữ tù Côn Đảo cũng như gia đình và người thân của các chị đã cung cấp tư liệu và cho phép chúng tôi gặp gỡ, viết bài và biên soạn sách. Xin trân trọng cảm ơn Bào tàng Phụ nữ Nam Bộ; các chị trong Ban Liên lạc nữ tù và tù binh thành phố Hồ Chí Minh; đặc biệt các chị trong Ban Liên lạc nữ tù Côn Đảo; các chị nhà văn, nhà báo đã tận tình giúp đỡ để chúng tôi hoàn thành cuốn sách này.

Nhà xuất bản Phụ nữ xin trân trọng giới thiệu cuốn sách tới bạn đọc. Rất mong nhận được sự góp ý của quý bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

Đặng Thị Phi Yến

(Thế kỷ XVIII)



Miếu An Sơn thờ bà Phi Yến

NGƯỜI NỮ TỬ TÙ CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN Ở CÔN ĐÀO

Nàng rất đẹp và còn rất trẻ. Khi bị xử tử hình bởi chính chồng mình, nàng mới vừa tròn hai mươi ba tuổi đời. Nàng tên là Phi Yến, vương phi của Nguyễn Ánh lúc đó mới xưng vương, tục danh của nàng là Răm (rau răm), phiên chữ là Nhân, người huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, họ Đặng (Đặng Thị Phi Yến). Vụ án xảy ra năm 1783, nhưng trong các sử sách chính tông triều Nguyễn không hề nhắc tới, không có vụ án, mà ngay cả tên nàng, tên con nàng - hoàng tử Cải - và cả những sự kiện mà ngày nay vẫn còn sờ sờ bao nhiêu chứng tích là vua Gia Long khi còn bôn tẩu đã có lần trốn ra Côn Đảo cùng với cả trăm gia đình thuộc hạ. Câu chuyện sau đây được ghi lại theo một truyền thuyết của đồng bào địa phương.

Trên Núi Chúa còn dấu tích chỗ ở của Chúa Nguyễn: Gần phi trường Cỏ Ống có mộ Hoàng tử, Am Cựu. Bên Suối Ót còn Am Bà. Ở An Hải có Miếu Bà. Trên Hòn Cau, ba ngôi mộ đá của hoàng thân quốc thích vua Gia Long. Trên Hòn Bà, hang đá lạnh - ngục từ tù đã nhốt kín đời nàng vương phi trung liệt - và ngôi đền thờ ngay dưới chân núi đá có hình dáng như một người phụ nữ ngóng trông về đất liền... là những bằng chứng không thể nào bác bỏ được về câu chuyện thương tâm của nàng.

Nhưng tại sao không có một sử quan nào nhắc đến việc này? Theo tôi nghĩ, hoàng đế Gia Long khi đã toàn thắng không muốn có ai nhắc lại những tội ác ghê gớm của ông thườ còn lặn đạn mà muôn đời còn nguyên rủa là giết vợ, giết con của chính mình. Cuốn *Gia Long tấu quốc* nhắc đến hết các đảo Phú Quốc, Cỏ Long, Cỏ Cốt, Thỏ Chu... thế mà tuyệt nhiên không thấy dù chỉ một lần thoáng qua thôi - nhắc đến Côn Đảo.

Trong sử có ghi lại năm lần quân Tây Sơn đánh vào Gia Định trong vòng từ 1776 đến 1783 và cả năm lần quân Nguyễn Ánh phải trốn ra các vùng hải đảo. Quân Tây Sơn, sau khi đánh bật quân Nguyễn Ánh ra khỏi đất liền, bao giờ cũng truy kích gắt gao ngoài vùng biển.

Sử chép lần cuối cùng là tháng 3-1782, thủy quân Nguyễn Ánh đại bại ở cửa Cần Giờ (Gia Định) phải chạy về Long Hồ, rồi sau đó về Ba Động, Ba Thắc, gặp Bá Đa Lộc, giám mục khâm mạng Tòa Thánh, ở Đàng trong (ở trường đạo Mạc Bắc), cùng nhau chạy ra đảo Diệp Thạch, bị đánh, chạy

qua Cỏ Long, lại bị đánh, chạy qua Cỏ Cỏt, rồi không có gì ăn phải chạy về Phú Quốc.

Tháng 6-1783, thủy quân Tây Sơn đánh vào Phú Quốc, nhưng Nguyễn Ánh chạy thoát ra biển. Quân Tây Sơn nhắm theo hướng Côn Đảo mà truy kích, nhưng một trận bão lớn đã chặn đứng cuộc tiến quân của Tây Sơn.

Tháng 12-1784, Nguyễn Ánh giao ấn tín và Hoàng tử Cảnh cho Bá Đa Lộc đem sang Pháp cầu viện.

Ngày 28-11-1787, thay mặt Nguyễn Ánh, Bá Đa Lộc ký hiệp ước Versailles với đại diện vua Pháp là De Montmorin. Theo đó thì Pháp hứa giúp Ánh bốn tàu chiến, 1200 lính, 200 pháo thủ, 250 lính người Phi. Để đổi lại, Nguyễn Ánh nhượng cho Pháp được độc quyền thương mại ở Nam Kỳ. Quần đảo Côn Lôn cũng bị nhượng cho Pháp (điều 3 và 5 của hiệp ước Versailles).

Kết hợp những đoạn sử trên với các chứng tích và truyền thuyết ở Côn Đảo, tôi kể câu chuyện nằng từ từ đầu tiên ở Côn Đảo.

Tháng 6-1783, Nguyễn Ánh cùng một trăm gia đình chạy thoát về Côn Đảo lập ra ba làng Cỏ Ống, An Hải, An Hội. Lần đó Nguyễn Ánh đem theo người vợ ba yêu nhất là cô Nhâm - Đặng Thị Phi Yến cùng con trai một là hoàng tử Cảnh (không phải hoàng tử Cảnh con của người vợ đầu). Nguyễn Ánh cho người sang cầu viện với Xiêm hoàng, mặt khác nhờ Bá Đa Lộc về khẩn khoản với Pháp hoàng Louis XVI. Bá Đa Lộc đòi Nguyễn Ánh phải giao một người con trai cho

Pháp làm con tin. Vì nóng lòng muốn chiếm lại chiếc ngai vàng đã mất, Nguyễn Ánh định giao hoàng tử Cải cho giám mục. Nàng Phi Yến đã can ngăn chồng. Nàng hỏi:

- Họ không đòi hỏi điều kiện gì cả hay sao?

- Thì chi cần nhượng cho họ quần đảo Côn Lôn này, cho phép họ được tự do buôn bán và truyền đạo Thiên Chúa trên cả nước thôi!

- Người Tây Dương họ trí trá và tham lam lắm. Một khi đã bám được vào đất nước mình rồi thì không dễ gì họ lại buông tha đâu.

Là một người con gái thông minh và có học vấn, Phi Yến đã cố gắng tìm lời thuyết phục Nguyễn Ánh đừng vì chiếc ngai vàng đã mất mà bán nước, bán con. Nàng nói:

- Thiếp trộm nhớ chuyện người xưa: khi Lê Ngọa triều mất đi thì bầy tôi nhà Lê đồng thanh tôn Lý Công Uẩn lên ngôi. Khi đã đánh đuổi xong giặc Minh, thần dân nhất tề ủng hộ Bình Định vương Lê Lợi chứ không thuận cho Trần Cao tiếp tục cơ nghiệp nhà Trần. Thiếp cũng luôn nghĩ: Khi mỗi triều đại đã hết sứ mạng của mình nên vui vẻ truyền lại cho triều đại mới hợp với mệnh trời và lòng người hơn. Nhà Tây Sơn từ áo vải dấy binh được dân chúng đồng tình, chẳng bao lâu đã thông nhất được cả Nam Bắc. Lòng Trời đã ngược với họ Nguyễn ta thì quân vương cần chi mà phải nhọc lòng phục quốc? Tại sao lại phải đi quy lụy ngoại bang, biết đâu rồi đây lại mang lấy cái tội “công rấn cán gà nhà” với dân, với nước?

Nguyễn Ánh nghe những câu can gián của nàng đã dùng dùng nôi giận:

- Ai khanh lại dám ca tụng giặc Tây Sơn trước mặt ta ư?

- Thiếp chi xin với quân vương đừng vì lợi ích riêng mà bỏ mặc thân dân hải hùng trong cơn binh lửa.

- A, không ngờ bấy lâu ta đã nuôi ong tay áo. Ta đâu có ngờ lại chung chấu với một kẻ nội ứng của quân thù!

Trong cơn tức tối, Nguyễn Ánh đã bộc lộ tất cả tính khí hung ác của ông ta.

- Quân bấy lâu, hãy đem tên phản trắc này ra ngoài chém đầu cho ta!

Các vệ sĩ của ông ta định xông vào lôi Phi Yến đi. Nhưng các tả hữu tướng quân thân cận cùng vội vàng chạy đến can ngăn. Nghĩ chút tình chồng vợ, lại đang còn con nhỏ ngây thơ, Ánh đã đổi án chết chém thành án đầy chết trong hang đá. Một toán quân được lệnh lột hết tư trang của Phi Yến, cho vương phi ăn mặc như dân dã, chờ lúc triều xuống đưa qua hòn Côn Lôn nhỏ nhột vào một hang núi, rồi lấy đá lớn tẩn cửa hang lại.

Khi xong việc, quân về tàu trình. Ánh nghĩ rằng Phi Yến sẽ bị giày vò vì đói khát mà thay đổi ý kiến. Ông ta định bụng độ mười ngày, nửa tháng sẽ cho người lại thăm dò, nếu Phi Yến hối lỗi, khẩn cầu, ông sẽ tha cho.

Nhưng rồi một sự kiện đã xảy ra ngoài dự định của Nguyễn Ánh. Trạm thám báo trên Núi Chúa phát hiện một chiếc thuyền lạ đang tiến về phía đảo. Nguyễn Ánh lo sợ ra lệnh rút quân, tìm đường lẩn trốn trước. Chỉ trong phút chốc, tất cả doanh trại bị nhò lên, Nguyễn Ánh cùng quân sĩ xuống thuyền chạy về Phú Quốc.

Trong lúc quá vội vàng hoảng sợ, Nguyễn Ánh đã quên phất mắt người vợ đang còn bị nhốt trong hang đá bên kia đảo. Khi chiếc thuyền đã rời bến rồi, hoàng tử Cải đột nhiên hỏi cha:

- Mẹ con đâu? Mẹ con đâu rồi?

Nguyễn Ánh trả lời cho qua chuyện:

- Mẹ con ở thuyền sau.

- Con muốn ở chung với mẹ cơ.

Rồi Cải khóc ré lên khiến Nguyễn Ánh rất khó xử. Thuyền đã nhổ neo, tình hình rất căng thẳng. Nguyễn Ánh nghĩ rằng nếu chỉ chậm một khắc là có thể nguy hại đến tính mạng của mình. Ông tìm lời dối con:

- Thôi để lát nữa đến nơi rồi con sang với mẹ.

Thuyền đi về hướng Gò Công, đứa bé càng khóc dữ dội hơn. Nó túm lấy áo cha nó mà kêu thét, van vi. Thế là một cơn dông tố bất thần chụp xuống đầu Ánh. Ông tàn nhẫn dần từng tiếng hỏi đứa nhỏ:

- Mày nhất định đòi theo mẹ mày phải không?

Đứa bé càng giãy giụa:

- Phải, con ở với mẹ cơ!

Ánh không kìm được nữa, thét lên:

- A, vậy ta cho mày được như ý!

Dứt lời, ông đập thẳng đứa con nhỏ xuống biển và ra lệnh cho thuyền tiếp tục đi. Hoàng tử Cải bị chết chìm. Ba ngày sau, xác đứa bé nổi lên và được sóng biển đánh vào Cỏ Ống...

Khi dân làng Cỏ Ống thấy xác của hoàng tử Cải nằm trên bãi cát mới sực nhớ đến vương phi Yến còn đang bị đày chết bên Hòn Bà. Họ tìm đến hang đá để cứu nàng. Cũng may là khi còn tự do, Phi Yến có nuôi một con vượn và một con cọp ở trong dinh, hai con thú tinh khôn và có nghĩa này đã tìm ra chủ đang bị nhốt trong hang đá, con cọp săn mỗi thịt mang đến trước cửa hang, con vượn hái trái rừng và leo lên nóc hang tìm lỗ hồng tuồn vào cho nàng ăn uống, nhờ đó mà nàng vẫn còn sống...

Dân làng Cỏ Ống vừa rước nàng về thì dân làng An Hải đến mời nàng sang làm chủ lễ cúng đình. Mọi người kính mến vương phi tuy đã bị vua bỏ rơi, vẫn gọi nàng là “Lệnh Bà”. Nhưng tấn thảm kịch cuối cùng đã chụp xuống đầu nàng. Trong buổi lễ cúng đình, ban ngày, nhan sắc tươi thắm của nàng (mới hai mươi ba tuổi) đã lọt vào con mắt một kẻ dâm dật làng An Hải là Biện Thi. Sau buổi lễ nàng còn ở lại An Hải. Đêm ấy, Biện Thi đã tìm cách len vào phòng ở của nàng, tán tỉnh không xong, hấn toan giờ trò hãm hiếp. Phi Yến quyết chống cự. Trong bóng tối nàng chụp được một con dao rất bén và chém loạn đá vào kẻ dâm tà. Rùi thay, vì bị rối loạn do quá phấn kích trước hoàn cảnh bi ai của mình, nàng đã chém nhầm vào cả chính tay mình đến đứt đoạn. Máu ra xối xả, không sao cầm lại nổi.

Khi Biện Thi bị bắt và phải đền tội ác thì nàng Phi Yến vì máu ra nhiều quá đã kiệt sức và cuối cùng tắt thở trong niềm thương xót của dân làng. Dân Côn Đảo chôn nàng gần chân Núi Một - con vượn ngày xưa đến ngồi ủ rû bên nấm mộ

nàng rồi chết khô luôn bên mộ. Người ta lập đền thờ nàng ở An Hải và gọi là An Sơn miếu, hay Miếu Bà. Bên Cỏ Ống người ta cũng lập một am nhỏ để thờ hoàng tử Cái và gọi là Am Cậu. Hòn Côn Lôn nhỏ nơi nàng bị giam trong hang đá được gọi là Hòn Bà từ đó.

Câu chuyện nàng Phi Yên sáng ngời tâm lòng trung trinh tiết nghĩa của người phụ nữ Việt Nam, đến nay còn truyền trong ca dao:

Gió đưa cây Cái về trời

Rau Răm ở lại chịu đời đắng cay.

Nhân dân Côn Đảo giải thích: Cái là hoàng tử Cái, Răm là Nhâm - Đặng Thị Phi Yên - người nữ tù chính trị đầu tiên ở Côn Đảo.

LÊ QUANG VỊNH

Võ Thị Sáu

(1933-1952)



LIỆT NỮ ANH HÙNG VÕ THỊ SÁU

Như một cuộc hành hương, tôi trở lại Côn Đảo trong cái nắng hanh vàng của một trưa tháng 8... Vẫn tiếng gió rì rào, vẫn không gian tĩnh lặng, bỗng chốc lòng tôi như chùng xuống, cái xô bồ, huyền ảo của đời thường như tan biến khỏi nơi đây. Tôi đã không sao quên được cái cảm giác lần đầu khi đặt chân tới đây - mảnh đất linh thiêng - nơi chôn vùi biết bao thân xác của những người con thân yêu đã hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc và tôi đã lặng người trước mộ bia của chị, một liệt nữ anh hùng miền quê hương Đất Đỏ mà trước đó tôi đã từng nghe nói đến qua lời kể của những cựu tù Côn Đảo năm xưa, qua những trang sách hào hùng của lịch sử dân tộc.

Giờ đây, tôi đang ở bên chị. Bên trong mộ còn lưu lại một tấm mộ bia bằng đá do chính những người bạn tù năm xưa dựng nên, ghi rõ: “Liệt nữ Võ Thị Sáu”.

Chị Võ Thị Sáu sinh năm 1933, tại xã Phước Long Thọ, huyện Long Đất, thị trấn Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa (Nay là Bà Rịa - Vũng Tàu). Thân sinh của chị là ông Võ Văn Hợi, làm nghề đánh xe ngựa thường chạy tuyến đường từ chợ Đất Đỏ đi Long Điền hay Phước Hải. Mẹ chị - bà Nguyễn Thị Đậu bán bún bò, chả giò tại chợ Đất Đỏ. Chị là người con thứ sáu trong gia đình. Dưới chị là cô em út Võ Thị Bảy sinh năm 1934.

Tháng 8 năm 1945, mười hai tuổi chị thấy lòng mình rạo rức nhìn theo bước chân anh Ba trong đội Thiếu niên Tiền phong tham gia giành chính quyền, bảo vệ thôn xóm... chị ước mơ có một ngày nối gót theo anh.

Thực dân Pháp tái chiếm Đất Đỏ, anh Ba, anh Năm lần lượt thoát ly kháng chiến, chị cùng cô em út ở nhà phụ giúp ba má. Là người con có hiếu thông minh, tháo vát, việc gì nói là làm, chỉ một lần là biết nên chị được cha mẹ yêu thương nhất nhà. Từ ngày hai anh đi kháng chiến, chị phải bỏ dở việc học lớp 3 trường làng, ở nhà giúp gia đình.

Chị còn có tiếng là người gan dạ khi còn nhỏ. Có lần, vì bận việc nhà, không học thuộc bài, bị thầy giáo bắt đặt tay lên bàn đánh bảy thước. Tay chị sưng vù, nhưng chị vẫn bậm môi không khóc. Lần khác, mấy cậu con trai nghịch ngợm bắt con kỳ nhông dứ dứ, làm cô Chí, bạn

học của chị sợ hãi khóc thét lên. Chị Sáu nắm cổ con kỳ nhông liệng lại, mấy anh chàng ngỗ ngược cũng phải ù té chạy.

Năm 1947, vừa tròn mười bốn tuổi, sau nhiều lần ra vào căn cứ, mang lương thực, thực phẩm, nắm tình hình địch ở bên ngoài báo cho các anh, chị Sáu được ban chỉ huy Đội cho vào hoạt động và chính thức trở thành chiến sĩ trinh sát của Đội Công an xung phong Đất Đỏ.

Từ ngày trở thành chiến sĩ trinh sát, chị thường luôn sâu vào vùng địch tạm chiếm, từ Đất Đỏ đến Phước Lợi, Phước Hải, luôn thay đổi hình dạng, lúc là người đi chợ, khi làm cô thợ cấy, thợ gặt. Nơi nào Đội Công an xung phong chuẩn bị về hoạt động là chị đến trước trinh sát địa bàn, nắm tình hình địch và báo ngay cho đội biết theo ám hiệu đã được quy định từ trước. Vì vậy, từ khi có chị làm trinh sát, Đội Công an xung phong ít bị địch phục kích, đỡ tổn thất thương vong.

Chị đã tham gia nhiều trận đánh, như trận đánh phá cuộc mít tinh kỷ niệm Quốc khánh Pháp 14-7-1948, do tên Trưởng tỉnh Lê Thành Tường tổ chức tại Đất Đỏ. Trận này làm cho tên Tỉnh trưởng mất mặt với quan Tây, nhưng đồng bào mình thì vui vẻ hả hê, khen Việt Minh “xuất quỷ nhập thần”, chị Sáu được tuyên dương trước toàn Đội.

Chị còn tham gia diệt ác trừ gian, đưa ra phương án tiêu diệt tên Cai tổng Tòng gian ác có tiếng ngay tại văn phòng của hắn. Trận này, Cai tổng Tòng tuy không chết nhưng bị thương nặng. Cả đám hội tề và bọn lính đồn từ đó hoang

mang khiếp sợ, co lại và không dám sục sạo vào xóm vắng, đi đâu cũng phải đi cá tốp năm, bảy tên. Riêng tên Cai tổng Tông sau lần chết hụt đó, hẳn rất thận trọng, biết sợ hơn lúc trước. Chị Sáu cũng cảnh giác hơn vì chị biết sau lần Cai tổng Tông chết hụt, bọn lính gác được lệnh phải kiểm soát gắt gao đối với tất cả những người đi chợ và buôn bán tại chợ. Nhưng hai tên Cai Suốt và Cai Đay vẫn ngày càng hung hăng, nhiều nhượng đối với bà con. Chị Sáu lên kế hoạch trình Ban Chi huy Đội phương án tiêu diệt hai tên Đay và Suốt để trừ họa cho dân chợ. Tuy nhỏ tuổi nhất nhưng chị thường đưa ra những ý kiến táo bạo nhất để đánh địch ngay tại hang ổ của chúng, ngay nơi chúng gây tội ác. Đó là cách đánh riêng của chị, nhưng có lẽ đó cũng là “định mệnh” của người con gái Đất Đỏ này!

Trong trận này, mặc dù chị đã tiêu diệt được cả hai tên ác ôn Suốt, Đay và làm bị thương một số tên khác, nhưng chị đã bị tên Kê (một tên chi điểm gian manh đã ngấm theo dõi chị từ lâu mà chị không biết) bắt được. Nó túm tóc chị, giật té ngựa rồi bẻ quặt hai tay chị ra sau lưng. Bọn lính ào tới, trói chị giải về đồn. Năm đó (1950) chị mới mười bảy tuổi.

Nghe tin con bị bắt, bà Đậu vô cùng đau xót, lặng lẽ không nói một lời nào, chỉ nằm khóc ròng. Suốt ba ngày tra tấn dã man tại bót Đất Đỏ, Cai tổng Tông không moi được một lời khai nào của chị. Chúng giải chị về khám Bà Rịa tiếp tục khai thác. Trên người chị đầy thương tích!

Tháng 4 năm 1950, chị bị chúng chuyển về khám Chí

Hòa, Sài Gòn. Chúng giam chị ở khám 8, chung với các chị Cẩm, Hồng, Trâm,... Các chị rất thương chị Sáu, chia sẻ từng miếng cơm, manh áo. Chị tham gia các hoạt động ở khám phụ nữ, được các chị lớn dạy học văn hóa, dạy cách đối phó với kẻ thù trong tù.

Tổng kết phong trào học tập văn hóa trong nhà tù, chị Sáu được nhận phần thưởng do Liên đoàn tù nhân khám Chí Hòa tặng là một cây bút chì, một cuốn tập và một đôi bông tai bằng gáo dừa được mài giữa rất công phu, láng bóng như sừng. Có lẽ chỉ có những người tù mới có được thứ trang sức quý báu như vậy. Và riêng với chị Sáu thì đó là món trang sức đẹp nhất của chị suốt từ thời thơ ấu đến lúc đó.

Phiên tòa xử chị Sáu không có luật sư, không có công chúng, chỉ có những tên chánh án, bồi thẩm tay sai giặc. Chúng buộc tội chị: “Giết người, phá rối trị an, có hành vi chống lại nhà nước bảo hộ Pháp” và tuyên án tử hình chị. Án lệnh do Thủ tướng Pháp ký. Bản án tử hình đối với người con gái chưa đủ tuổi thành niên đã gây dư luận phẫn nộ, bất bình thời ấy!

Nghe tin dữ, bà Đậu khóc lóc, vật vờ. Bà tìm đủ mọi cách, mọi người để hỏi thăm đường vào khám Chí Hòa, ngày giờ, phép tắc thăm nuôi... Một người vợ lính tốt bụng đã chỉ cho bà biết và nhờ đó bà Đậu được vô thăm con. Chị Sáu xin mẹ một chiếc áo bà ba màu hoa cà, một chiếc quần lụa đen, một chiếc khăn rằn và một khăn tay. Tới phút chia tay, hai mẹ con cùng không nói gì đến cái chết. Chị Sáu chỉ nghẹn ngào

nói với mẹ: “Đừng buồn nghe má!”. Còn bà Đậu thì ngo
ngẩn như người mất hồn!

Những ngày cuối cùng ở khám Chí Hòa, chị Sáu vẫn tiếp
tục học văn hóa, thêu thùa và ca hát. Kề run sợ trước bản án
tử hình không phải là chị Sáu mà chính là bọn thực dân Pháp.
Chúng không dám xử tử chị tại Sài Gòn, mà lén lút đưa chị
ra Côn Đảo để hành hình.

Bốn giờ sáng ngày 21 tháng 1 năm 1952, một chiến vận
hạm xuất hành từ bến Bạch Đằng đã đưa 40 tù chính trị và
ba tử tù ra Côn Đảo, trong đó chị Sáu là người phụ nữ duy
nhất và nhỏ tuổi nhất. Những người bạn tù nhìn chị xót xa,
thương cảm, vì họ đều biết chuyến đi này chị sẽ vĩnh viễn
không trở về!

Bốn giờ sáng ngày 23 tháng 1 năm 1952, Giám thị trưởng
Passi đến Sở Cò, cùng chủ Sở Cò áp giải chị Võ Thị Sáu về
văn phòng Giám thị trưởng. Tại đây đã có mặt đầy đủ các tên
chánh án, cố đạo, đội lính lê dương và cả Chúa đảo Jacty.
Chị Sáu rất tinh táo dù suốt đêm hôm trước chị không chợp
mắt được.

Chị Võ Thị Sáu thẳng thừng từ chối rửa tội, và yêu cầu
không được bịt mắt chị, để chị được nhìn đất nước mình đến
giây phút cuối cùng.

Khi tên chánh án quay ra đọc lệnh thi hành án, chị Sáu
bắt đầu hát bài *Tiến quân ca* (Quốc ca của nước Việt Nam
Dân chủ Cộng hòa). Giọng hát của chị thiết tha, trong trẻo
vút lên ngân vang trong gió sớm. Chị say sưa hát, không
thèm nghe tiếng tên chánh án đọc lệnh thi hành án, cũng

không nghe tiếng tên đội trưởng Lê Dương hô lệnh chuẩn bị lên đạn. Đôi mắt chị đăm đăm nhìn như muốn thu cả hình ảnh đất trời quê hương.

Khúc hát chưa dứt, chị đưa mắt nhìn thẳng vào bảy tên đao phủ, bảy nòng súng đen ngòm ngọ nguậy. Đến khi nghe tiếng tên đội trưởng hô: “Mục tiêu! Chuẩn bị!”...

Võ Thị Sáu ngừng hát và hét lên:

Đả đảo thực dân Pháp!

Việt Nam độc lập muôn năm!

Hồ Chủ tịch muôn năm!

Bảy tên đao phủ giật nảy người! Bảy tiếng nổ khô khốc chệch choạc, nhưng chỉ có hai viên đạn găm vào bả vai và sườn trái, một viên sượt mang tai của chị. Máu tuôn đỏ thấm vạt áo, chị vẫn tiếp tục hát *Tiến quân ca*... khiến bọn giặc kinh hồn bạt vía. Tên đội trưởng Lê Dương rút khẩu súng ngắn, lảo lồi bước lại, dí tận mang tai chị, bóp cò!

Lúc đó là 7 giờ sáng ngày 23 tháng 1 năm 1952.

Chị Võ Thị Sáu được Đảng ủy nhà tù Côn Đảo kết nạp vào Đảng Lao động Việt Nam, và công nhận là Đảng viên chính thức ngày 22 tháng 1 năm 1952.

Ngày 2 tháng 8 năm 1993, chị Võ Thị Sáu đã được nhà nước công nhận là Liệt sĩ Công



*Tượng đài Võ Thị Sáu
tại Côn Đảo*

an Nhân dân và được truy tặng danh hiệu cao quý Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Cuộc đời và sự nghiệp của chị đã, đang và sẽ mãi mãi được ghi vào lịch sử - truyền thống của Đảng bộ huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, của lịch sử Nhà tù Côn Đảo, lịch sử phụ nữ Nam Bộ và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam!

--*--

Vạt nắng chiều đã tàn. Tôi nghe như có tiếng hát của chị trong tiếng gió rì rào của hàng dương xanh ngắt. Thấp nén hương lòng, tôi gửi đến chị lời chào tạm biệt... Tạm biệt hàng dương.

KIM CHI

Lê Tú Cẩm

(Sinh năm 1948)



HOA TÚ CẨM

Tôi biết chị từ năm 1991, khi chị cùng đoàn cựu tù chính trị ra thăm lại Côn Đảo. Hồi đó, tôi còn quá trẻ, để cảm nhận về sự khốc liệt của những năm tháng tù ngục mà các chị đã ném trái. Lần ấy, các chị thăm lại các nhà tù mình đã bị giam cầm, kể những câu chuyện bị tra tấn, những câu chuyện tình qua song sắt... Những câu chuyện ấy không trôi đi, vậy mà mãi đến gần hai mươi năm sau, tôi mới có dịp ngồi lại bên chị, nghe chị kể tỉ mỉ hơn về những ngày tù ngục. Và cả nghị lực vượt lên đi chúng những ngón đòn tra tấn để trở thành một cán bộ quản lý giỏi, một người vợ, người mẹ của hai đứa con thành đạt. Con đường ấy thật không dễ dàng...

Chị có niềm tự hào khi cả hai mẹ con chị đều được học

dưới mái trường Áo tím - Gia Long, sau là Nguyễn Thị Minh Khai nổi tiếng, như hồi ức trong tập sách *Gia Long ngôi trường yêu dấu*:

“Cái gia đình bé nhỏ, ấm cúng của tôi vào những năm năm mươi của thế kỷ XX, nay chỉ còn một mình tôi.

Ba tôi, một “secrétaire” của Club Nautique bị Pháp đuổi việc vì cầm đầu công nhân đấu tranh, và rồi ông đã mất vào năm 1960, để lại mẹ tôi, một cô giáo, vốn là nữ sinh Áo tím, một mình nuôi hai cô con gái - nữ sinh Gia Long.

Ba tôi không nói nhiều, dạy con bằng thực tế, bằng hành động. Ông đã dạy chị em tôi phải thức dậy từ 5 giờ sáng, đứng nghiêm chào cờ theo nhạc quốc ca phát từ Đài Tiếng nói Việt Nam - phát thanh từ Hà Nội. Ông chờ chị em tôi đi học, đi nghe đờn ca tài tử...

Má tôi dạy con từ tình thương bao la của người mẹ, bằng kiến thức của một nữ sinh Áo tím. Mẹ tôi dạy hai chị em tôi học ăn, học nói, học gói, học mở, học đũa, học ngồi... Khi ba tôi mất, má tôi không để cho chúng tôi thiếu thốn, buồn tủi vì “mất cha”, chỉ trừ một điều là má không thể chờ các con đi học, đi chơi đó đây để biết nhiều điều hay lạ trong xã hội, thay vào đó chúng tôi đi học bằng xe đưa rước”.

Hai chị em Tú Cẩm thời ấy được cha mẹ nâng niu, được sống trong ấm êm, nhung lụa. Nhưng những bông hoa tú cẩm kiêu sa ấy đã chọn cho mình con đường gian khổ, hiểm nguy, đầy bất trắc. Chị kể: “Thực ra tôi đi theo cách mạng là vì mê chị Hoàng Thị Kim Dung - học trên tôi mấy lớp có nét chữ rất đẹp. Chị Dung hay cắt giấy poluya, chép thơ, truyện

chuyên tay cho chúng tôi. Rồi chị Dung bỏ học. Tôi nhớ chị vô cùng. Một hôm, chị Hồ Thị Năm làm quen với tôi, báo tin chị Dung đã ra chiến khu. Chị Năm nói chị Dung rất muốn được gặp tôi... Trong bộ quần áo dài, tôi đi xe đò về Cù Chi. Trời mưa, người tôi ướt nhem. Tôi cố chịu đựng, tự an ủi rồi mình sẽ được gặp chị Dung. Nhưng tôi vô cùng thất vọng, khi hay tin chị Dung đã lên Rừng. Bù lại, tôi được gặp một nữ cán bộ tuyên huấn trùm khăn kín mặt. Chị có giọng nói trong trẻo, ngọt ngào, ấm áp lạ. Chị tuyên truyền giáo dục tôi về lý tưởng của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Những lời chị nói thấm vào người tôi kỳ lạ. Tôi được thuyết phục và sẵn sàng dấn thân...”. Về Sài Gòn, chị tiếp tục cấp sách đến trường, vẫn được mẹ thuê xe đưa rước từ nhà đến trường mỗi ngày. Nhưng mẹ chị, bà Trần Mỹ Ngân đâu hay



Chị em Tú Cẩm cùng cha mẹ hồi nhỏ

các con bà đang dần thân vào sự nguy hiểm, như lời bộc bạch của chị:

“Vào năm 1963, tôi nhận nhiệm vụ phải “gây tiếng nổ” trong trường để “khùng bố tinh thần” bà hiệu trưởng Huỳnh Hữu Hội, tạo điều kiện cho phong trào đấu tranh công khai tại trường. Tôi tìm hiểu và học tập kinh nghiệm gây nổ bằng lon khí đá. Đêm về nhà, hai chị em “lùi cui” (chị Lê Thị Châm học cùng trường, trên tôi một lớp, phụ trách một tổ công tác khác) cho khí đá vào lon sữa bò, rồi phải tính cách làm sao mang vào trường, nghĩ trang thế nào để giờ ra chơi mang từ lớp xuống nhà vệ sinh. Con gái tính hay “ăn hàng”, vì vậy chị có ngụy trang trong ruột trái bưởi. Tới giờ ra chơi, tôi giả vờ đem bưởi sang ăn cùng chị vì ai cũng biết tôi có chị học lớp trên, tôi phải xách trái bưởi đi ngang phòng học chị tôi rồi mới đi xuống nhà vệ sinh, đặt lon, cho nước vào, nhớ cả phải phi tang vỏ bưởi thế nào, lại cầm trở lên dây phòng chỗ chị tôi học tìm thùng rác bỏ vô.

Một tiếng nổ vang, cả trường nhón nháo. Văn phòng trường phát loa yêu cầu học sinh ai ở đâu ở đó. Trong lòng tôi vui thầm, vì lần đầu tiên lập được một “chiến công”.

Nếu như việc “gây tiếng nổ” được tiến hành rất công phu thì việc rải truyền đơn ngay trong ngôi trường nổi tiếng cũng không dễ dàng. Chị Tú Cẩm kể:

“Đến năm 1964, tôi nhận được lệnh rải truyền đơn trong trường. Một buổi chiều, tôi mặc áo dài, ôm cặp như đi học để đi gặp chị Bảy Sương (Hồ Thị Năm) nhận truyền đơn. Nhận xong, tôi lên xe buýt đi về nhà. Nhà tôi ở đường Hoàng Sĩ

Khái - quận 7 (nay thuộc quận 8) thì còn phải qua một lần xe lô. Hôm ấy, “chơi sang”, tôi đi xe taxi từ bến xe buýt ở quận 6 về qua cầu chữ U để khỏi bị xét (do xe lô chờ hành khách về tận Rạch Cát là một vùng còn nhiều đầm lầy hoang vu nên cảnh sát thường xét gắt gao). Thế nhưng hôm nay chúng xét cả xe taxi. Xe ngừng lại, theo tiếng tu huýt của cảnh sát. Trống ngực đập dồn dập nhưng tôi cố trấn tĩnh. Tôi làm ra vẻ ung dung đặt chiếc cặp bên cạnh, mở cửa, trong tư thế như sẵn sàng bước xuống xe cho “các anh” thi hành nhiệm vụ. May sao, một tên cảnh sát vừa nhìn vào xe thấy tôi, neho mắt hỏi: “Cháu cô Cấn hả (cô Cấn là di út của tôi, làm thư ký hộ tịch ở tòa hành chánh quận 7 lúc ấy). Học sinh Gia Long mà tưởng ai, sao đi học về trễ vậy?”. Tôi cười nói: “Chiều nay cả lớp bị phạt vì tội nói chuyện trong lớp, nên phải về trễ”. Anh ta khoát tay nói: “Thôi về đi, để cả nhà trông”. Thế là tôi thoát, với chiếc cặp đầy truyền đơn.

Sáng hôm sau, tôi mang chiếc cặp đầy truyền đơn ấy vào trường. Xấp truyền đơn ấy tôi nghi trang trong chiếc bìasơ-mi tôi vẫn dùng lưu bài kiểm tra (thời ấy thường dùng tấm giấy bìasơ cứng tự xếp thành somi chứ chưa có nhiều loại somi bằng nhựa như ngày nay). Lớp học của tôi ở phía đường Phan Thanh Giản (nay là Điện Biên Phủ), giờ ra chơi, tôi phải xuống tầng trệt rồi lại lên cầu thang cuối dãy đường Bà Huyện Thanh Quan để tung truyền đơn ra từ hành lang dãy lớp này, xong lại xuống cầu thang giữa. Tôi đã cố với tay ra để bung truyền đơn, không để cho người đi dưới đường nhìn thấy mặt. Thế nhưng có lần, tôi đi xuống cầu

thang, liền có mấy bạn chỉ trỏ: “Nó đó, nó rải truyền đơn đó”. Nhưng đã có một bạn khác nói át đi: “Những người ấy, thể nào họ cũng có võ, thôi mày, để ý làm chi”. Tôi phải đánh lạc hướng đi về dãy lớp phía đường Ngô Thời Nhiệm, rồi mới tìm cách trở về lớp học trước khi chuông reo vào lớp. Lòng tôi tràn đầy niềm vui vừa hoàn thành nhiệm vụ, vừa xen lẫn niềm vui khi nghĩ đến người bạn tốt chưa quen biết - “dân Gia Long”.

Những việc làm ấy thật nhỏ nhoi, nhưng với tôi, là những kỷ niệm đầu tiên của cuộc đời cách mạng, những bước chân đầu tiên đưa tôi nhìn thấy “mặt trời chân lý” đã bắt đầu từ ngôi trường thân yêu này...”.

Nhìn những bức ảnh chị em Tú Cẩm trong những chiếc áo đầm xinh xắn, những bộ quần áo dài tha thướt, chụp cùng cha mẹ, người thân trong một gia đình khá giả, tôi không ngăn được câu hỏi: “Dấn thân vào con đường cách mạng là đối mặt với gian khổ, hiểm nguy, tù đày, cái chết. Khi biết chị tham gia cách mạng, mẹ chị có ủng hộ không?”. Chị xúc động nói: “Khi đã làm mẹ, tôi thương mẹ biết bao khi phải sống trong nỗi khổ, nỗi lo sợ phập phồng của mẹ năm ấy”. Và chị kể về nỗi khổ của một người mẹ nội đô có con đi kháng chiến:

“Chúng tôi được mẹ chăm sóc rất chu đáo. Mỗi ngày, chị em chúng tôi đi học bằng xe đưa rước. Thế nhưng, ngoài buổi sáng được đưa rước chu đáo từ nhà đến trường, từ trường về nhà, một thời gian sau, má tôi thấy cứ buổi chiều là hai chị em tôi đi đâu không biết cả buổi chiều, có khi còn

về trễ hơn má đi làm về. Dần dần, thấy không thể giấu được, hai chị em tôi thú nhận với má là tụi con đi hoạt động cách mạng theo chị Kim Dung, chị Hồ Thị Năm. Má chỉ nói: “Ba còn sống chưa chắc đã cho tụi con đi, tụi con còn nhỏ quá, chưa học xong, rồi sau này làm cái gì. Nhớ cẩn thận, thôi thì tụi con tiếp tục việc của ba, chứ má biết làm sao bây giờ”. Điều làm má an lòng là thời gian dành cho công việc học ở nhà không nhiều nhưng xem học bạ thì lại thấy sức học chị em chúng tôi không kém, mà còn có phần khá hơn trước...

Nhưng rồi, cái ngày má tôi vẫn lo âu, hồi hộp, không mong đợi lại đến với mẹ con tôi sớm quá, đột ngột quá. Do một số anh chị em cánh trường công liên hệ trực tiếp với chị em tôi bị bắt, tổ chức yêu cầu hai chị em Tám Minh và chín Anh phải rời khỏi trường, rời khỏi nhà lập tức không được quay trở lại nhà chuẩn bị hay từ giã gì cả. Chị Bảy Sương (Hồ Thị Năm) là tổ trưởng của chị em tôi truyền đạt chỉ thị và hẹn 6 giờ chiều hôm ấy gặp nhau trước cổng trường Bác Ái - (nay là trường Cao đẳng Sư phạm) để chị Bảy Sương cùng với chị em tôi đến nghỉ tại một nhà nào đó, sáng hôm sau sẽ cùng về căn cứ.

Từ lòng yêu thương vô bờ bến, bằng giác quan đặc biệt của bà mẹ che chở con, má tôi “ra lệnh” hai chị em tôi không được đến gặp chị Bảy Sương theo “móc” đã hẹn để má đến và hẹn lại sáng hôm sau gặp nhau để đi về cứ luôn. Và quả thật, chị Bảy Sương đã bị bắt ngay chiều hôm ấy, sau khi chia tay với má tôi. Sau nhiều chặng thay đổi xe taxi, má tôi về nhà đi Sáu ngủ với hai đứa con gái một đêm cuối. Má

tôi kể lại: “Khi đến nơi má có cảm giác là công an đang lần quất gần đó, má giả vờ như tình cờ gặp chị Bảy Sương trên đường đi làm về”. Khi má tôi lên taxi ngoài chỗ lại nhìn thấy mấy tên công an chạy đến ngay chị Bảy Sương và má tôi còn nghe cả câu chúng hỏi chị Bảy Sương “Bà nào mà sang quá vậy?”. Nếu không có sự “can thiệp” của má tôi vào cuộc hẹn “móc” ấy thì hai chị em tôi đã vào tù ngay ngày đầu tiên “thoát ly”. Sáng hôm sau, má đưa hai chị em tôi ra chợ Bến Thành mua cho hai túi xách rồi chia tay. Hai chị em cứ đi giáp vòng bốn cạnh chợ, nhìn lại phía sau lại thấy má vẫn đi, giữ một khoảng cách vừa đủ nhìn thấy nhau, rồi đến lúc “hai con chim non” cũng phải bay mất hút mẹ...”.

Nhưng tình thương người mẹ không che chở nổi cho con trước sức mạnh tàn bạo của bộ máy chiến tranh. Được kết nạp Đảng khi mới mười bảy tuổi, Tú Cẩm nhận nhiệm vụ trở vào nội đô công tác. Năm 1967, chị bị bắt cùng với nhiều đồng đội nam khi cả quận đoàn quận 6 do chị làm bí thư đang sôi nổi với các công việc tuyên truyền xung kích, xây dựng “lõm” căn cứ cách mạng tại nội đô, bởi trong hàng ngũ của chị có một người phản bội. Sau đợt I Mậu Thân 1968, chúng đưa chị ra tòa trong trạng thái chúng hoang mang, vì vậy chị đã nhận được bản án tù treo và trả tự do. Lần bị bắt thứ hai, chị bị tra tấn, đánh đập dã man. Người con gái mảnh mai ném đù mọi ngón đòn. Chị nói: “Lúc ấy, tôi có cảm giác những gì mình chịu đựng quả thật quá sức. Nhưng sau này nghe các chị kể, tôi thấy những gì mình đã chịu đựng cũng chưa phải là quá sức, có nghĩa là

chúng chưa sử dụng hết các ngón đòn đối với tôi. Và tôi tự hỏi: “Nếu bị những ngón đòn hiểm hơn, liệu mình có chịu đựng nổi không? Có lẽ vì nghiên cứu hồ sơ, chúng cho tôi là học sinh bị cộng sản dụ dỗ nên phần nào còn nương tay”. Từ bót cảnh sát quận 3, chị bị đưa đến Nha cảnh sát Đô thành, đến Tổng nha, nhà tù Thủ Đức rồi Côn Đảo... Cũng từ đó, bắt đầu hành trình thăm nuôi con trong tù của một người mẹ:

“Một vài năm đầu, má tôi còn có một niềm vui mong con nhắn tin về và đón vào căn cứ thăm vài bữa. Những năm sau, má trở thành “chuyên nghề” đi nuôi tù. Chạy theo con hết nhà tù này đến nhà tù khác, cứ lúc nào được thăm nuôi thì mỗi tuần hai giờ đây, nặng mang vào, không chỉ để nuôi con mà còn biết bao chị em khác nữa. Khi con hoạt động, má là “quần chúng tích cực” che chở cho con. Khi con ở tù má là “hậu phương” đáng tin cậy của các chiến sĩ đấu tranh tay không trong tù, của bao nhiêu đồng chí, đồng đội của con đang hoạt động khắp nơi...”.

Tôi hỏi chị: “Kỷ niệm sâu sắc những ngày tù ở Côn Đảo?”. Chị kể: “Đó là những ngày mới đến Trại 4. Trước đó, do các anh căm phẫn đánh chết một tên ác ôn trong trại, chúng đàn áp, chuyển hầu hết các anh qua trại khác. Sau khi đàn áp, đày trên 300 nữ tù ra Côn Đảo, chúng đưa chúng tôi vào trại này. Đối diện với phòng 13 chúng tôi ở là phòng 8 - nơi nhốt một số tù nam chưa kịp chuyển đi. Nhìn thấy các anh, chúng tôi đều rơi nước mắt. Các anh bị trừng phạt, không cho cắt tóc khiến râu dài tới rún, tóc tới vai... Ở bên

này, chị Bửu Liên nhìn qua, trào nước mắt khi nhận ra chồng mình. Ông cũng không ngăn được nước mắt khi nhận ra vợ, để viết nên những câu thơ xé lòng:

*Nhìn qua song sắt gặp mình
Chỉ xa gang tấc mà thành ménh mông
Ra đây nào phải thăm chồng
Sa cơ mình bị gông cùm trước tôi
Tình yêu lẽ sống trên đời
Ngục tù Côn Đảo nhắc lời thề riêng
Còn chưa bẻ gãy xích xiềng
Gặp nhau ta nói bằng tim, nghe mình...*

Cảnh vợ chồng gặp nhau trong chốn tù ngục khắc nghiệt, không biết nói gì hơn, chỉ để nước mắt thay lời. Nhưng chính trong hoàn cảnh ấy, các anh tù nam lại không thể chịu nổi khi nhìn thấy cảnh các chị nữ tù bị liệng vào phòng giam. Các anh nói: “Nhìn thấy chị em tả tơi, bị dòn dầy, ném vào trại tù, chúng tôi không ngăn được nước mắt”. Nhưng trong chốn khắc nghiệt ấy không ngăn được tiếng cười tràn đầy lạc quan. Chị kể: “Ở Trại 4, cái bất tiện nhất với chị em lại là cái cầu tiêu đặt đối diện với phòng nam. Có hai chị miền Trung đi vệ sinh nói với nhau: “Mi muốn có cửa thì lấy cái thau che”. Chị kia đáp: “Làm sao mà che hết”. “Không hết thì mi che ở dưới thôi”. “Ở dưới thì ai cũng giống như ai, để người ta không biết thì che mặt vậy”. Nghe các chị đối đáp, chị em cười khúc khích. Nhưng sau đó, chị em đấu tranh dữ dội, đòi chúng phải làm tấm gỗ chắn ngang cầu tiêu.

Tôi hỏi chị: “Tình huống khắc nghiệt nhất ở Côn Đảo mà chị đã phải chịu đựng?”. Và cũng thật bất ngờ, khi tôi nghe chị trả lời: “Đòn roi, ăn uống kham khổ...; không có gì khuất phục nổi chúng tôi. Nhưng đó là trong trạng thái khỏe mạnh. Trong tù, có lần tôi bị đổ bệnh. Khi bệnh, cơ thể rã rời, lúc ấy mới có rất nhiều ý nghĩ bi quan đến với tôi. Tôi nhớ nhà, nhớ người thân, nhớ... Rồi lại nghĩ đến những ngày sau đó, tuổi xuân của tôi có còn không? Còn có những ngày trở về không?! Kẻ thù quý quyết lắm. Chúng đợi những lúc ấy đánh vào sự yếu đuối của mình. Nhưng chị em trong tù cũng rất hiểu, bởi hơn lúc nào hết, hãy đến với đồng đội của mình lúc ấy. Tình thương đồng đội, nghị lực vượt lên sự yếu hèn đã giúp chúng tôi chiến thắng bản thân mình...”.

Ngày hòa bình, chị trở về trong vòng tay của mẹ. Bà không ngăn được nước mắt khi ngày tiễn con đi làm cách mạng, Tú Cẩm như đóa hoa xinh tươi, đài các giờ tiều tụy, xơ xác vì những ngày bị đọa đày nơi địa ngục trần gian. Người mẹ thương con tìm đến thầy thuốc Đông y giỏi nhất cắt cho chị hơn trăm thang thuốc, rồi lại lọ mọ sắc cho con gái uống. Được sống trong tình yêu thương gia đình, chị hòì sinh, lấy chồng, sinh con. Chị nói: “Những năm tháng trong tù ngục, với tôi là những ngày được tôi luyện, trưởng thành. Tôi chỉ tiếc ngần ấy năm, mình không có cơ hội thực hiện ước mơ nghề nghiệp của mình. Từ hòì còn là nữ sinh Gia Long, tôi rất thích ban Văn chương (ban C) nhưng theo lệnh cấp trên, tôi phải học ban Khoa học (ban A). Tôi mong muốn

được trở thành người cầm bút thì cuộc chiến tranh đẩy tôi vào tù ngục. Nhưng tôi hạnh phúc hơn nhiều bạn tù, bởi còn có cơ hội lấy chồng, sinh con. Anh ấy cũng bị bắt vào tù như tôi và ngày chiến thắng đã trở về. Anh biết tôi đã lâu, từ ngày tôi còn hoạt động nội thành. Tôi cũng biết rõ tình cảm của anh dành cho tôi nhưng biết thì để vậy thôi, chúng tôi nghĩ nhiệm vụ còn trăn nặng trên vai, tôi thì hãy còn quá trẻ. Rồi anh bị bắt vào tù, cùng với anh Lê Minh Châu. Khi nghe địch kết án tử hình anh, tình cảm trong lòng tôi trào dâng. Lúc ấy, tôi biết rất rõ là anh đã thuộc về tôi...”.

Họ đã thuộc về nhau, cùng nắm tay nhau đi suốt cuộc đời. Trên con đường chị phấn đấu trở thành Phó Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin Thành phố Hồ Chí Minh, có bờ vai của anh động viên, chia sẻ với người vợ đã có những năm tháng thanh xuân bị ném vào chốn khắc nghiệt nhất của ngục tù.

TRẦN HƯƠNG

Trần Tường Chân

(Sinh năm 1949)



TRẦN TƯỜNG CHÂN - CUỘC ĐỜI LÀ MỘT MŨI TÊN BẮN THẲNG ...

Tên của chị là Bành Phụng Chân, tên trong tù là Bành Dương, nhưng bây giờ mọi người đều gọi chị là Tường Chân. Trần Tường Chân, cái tên này sẽ đi cùng chị đến hết cuộc đời, là tên chị ký khi viết báo, tên quen thuộc cùng bạn bè hiện tại. Chị yêu quý nó, vì nó là chị của thi hiện tại, vì chữ Chân theo Hán tự đó là chân thật, là chính con người chị, một con người sống thật, quá thật đến nhiều lúc mọi người cảm thấy như chị quá ngây thơ trước cuộc đời...

Suốt hai mươi năm quen biết chị, hiểu chị đến tận tâm can mà nhiều lúc tôi không khỏi bực mình về sự ngây thơ của chị. Chị nhìn cuộc đời chỉ thẳng có một đường, đó là con đường chị nghĩ là đúng, là chân lý. Và chị sẵn sàng lao theo nó như một mũi tên bắn thẳng, không trở ngại nào

bắt chị lùi bước trừ khi chị ngã xuống. Đó là tính cách của chị, tính cách ấy đã hình thành ngay từ khi chị còn bé, ở nhà hay ở trường, bất cứ việc gì được giao chị cũng muốn hoàn thành xuất sắc. Gia đình chị không giàu, cha mẹ đều là người Phước Kiến, Trung Quốc, nghèo quá sang Việt Nam tha phương cầu thực. Mẹ tảo tần buôn bán, ngoại phải còng lưng thuê thùa kiếm sống... Gia đình chị chính gốc Hoa, và chị đã lớn lên, sống đúng truyền thống Trung Hoa. Cha họ Bành, mẹ họ Trần, hai mảnh đời tha phương tìm gặp nhau trên đất Sài Gòn, sanh con đẻ cái ở Việt Nam, nhưng vẫn luôn giữ gìn huyết thống và văn hóa ngàn xưa của dân tộc mình.

Cô nữ sinh xuất sắc của trường Khai Trí

Bành Phụng Chân ra đời năm 1949, sống đúng nề nếp của một cô gái Hoa trong gia đình có tám anh chị em. Phụng Chân là con gái thứ ba, từ bé đã học giỏi nổi tiếng, từ trường cấp 2 Minh Đức đến trường cấp 3 Khai Trí. Chân nổi tiếng vì cô vừa học giỏi xuất sắc, năm nào cũng lãnh phần thưởng hạng ưu toàn trường lại vừa là cây văn nghệ của trường với giọng hát cao vút. Cô là ngôi sao sáng của trường và là niềm tự hào của gia đình cô. Từ năm mười ba tuổi, tâm nguyện của cô là trở thành một bác sĩ, nhưng chỉ hai năm sau, cô bắt đầu mê văn chương, cô thương tiếc Khuất Nguyên, ngưỡng mộ Tô Đông Pha, Lý Thanh Chiêu, cô nghiên cứu Khổng Tử, Trang Tử như một cách tìm lại cuộc hành trình của dân tộc cô. Và rồi cô say sưa đọc Lỗ Tấn, người đã làm cô

chuyên chí hướng, muốn trở thành một người sống vì chân lý tự do, công bằng, cho một xã hội văn minh tiến bộ. Chính chân lý ấy đã đưa cô đến với cách mạng Việt Nam, cô muốn làm cái gì đó để cảm thấy mình sống xứng đáng, cô mơ một chân trời rực ánh mặt trời có cô trong đó, băng ngàn trong hiểm nguy, sóng gió cùng với bao bạn bè đồng chí. Cô biết mình là người Hoa, quê hương đại lục xa xôi, nhưng rất gần trong trái tim cô, bởi vì cô đang thực hiện sứ mạng thiêng liêng mà Tổ quốc cô đang giao phó, đó là sát cánh bên những người bạn Việt Nam làm cách mạng. Mười sáu tuổi, cô đọc Nguyễn Văn Trỗi với trái tim cháy nóng của tuổi trẻ. Cô thần tượng người anh hùng ấy và ước ao được sống như anh, hiên ngang khí phách như anh. Cô sinh hoạt tổ tam tam, mỗi tháng một lần, nhận nhiệm vụ rải truyền đơn và phát triển cơ sở cách mạng trong trường, trong cộng đồng người Hoa. Đêm 30 Tết Mậu Thân, mấy anh cho hay phải thoát ly để chuẩn bị lực lượng. 30 Tết, gia đình đang đoàn tụ chờ đón giao thừa, nhưng cô nói dối là thăm người bạn bị xe đụng... Đêm ấy, cô đến chỗ má ngủ, lặng nhìn má ngủ say hồi lâu: *"Giờ con phải đi đây, dù con có thể hy sinh"*, và một mình cô lên ra khỏi nhà giữa đêm khuya tới chỗ hẹn. Cô ngồi ở đó đến sáng, nhưng không thấy ai đến rước. Cô thực sự còn quá non trẻ để hiểu rằng đã có biến trong tổ chức... Cô trở về nhà chờ mãi, vẫn không thấy ai gọi, cô đến số 4 Duy Tân (Nhà Văn hóa Thanh niên bây giờ) và hòa vào đêm *Hát cho đồng bào tôi nghe* của nhóm sinh viên Văn khoa Sài Gòn. Băng đến ngày 22-4, chuẩn bị cho đợt hai Mậu Thân,

do cô có tài hùng biện nên được tổ chức phân công tuyên truyền, cô đứng lên bục cao ở đường Lý Nam Đế, cầm loa hùng hồn kêu gọi đồng bào võ trang đứng lên cứu nước. Cô biết trước làm việc này là cực kỳ mạo hiểm, như là một thách thức công khai đối với chính quyền Sài Gòn nên đã chuẩn bị mặc hai áo. Thật vậy, cô chỉ mới vừa nói "*Thưa đồng bào, chúng tôi là người của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam...*" thì cảnh sát đã ập đến giăng tứ phía. Mọi người chạy tán loạn, cô cũng chạy hòa trong dòng người, bọn cảnh sát rượt theo bắn. May lúc ấy, các chị em bán trái cây gần đó ào lại tạo thành một vòng vây để các cô chạy thoát ra ngoài. Cô lao vào hẻm, cởi phăng cái áo xanh công nhân, bên trong là chiếc áo trắng nữ sinh, đội nón lá và cưỡi chiếc mobbylette chạy thoát... Nhưng bây giờ thì đi đâu? Cô đã đi ngang qua chú Nghị, chú nhìn thẳng phía trước nói nhanh một câu: "*Lộ rồi, đừng về nhà*". Cô chui vào rạp hát, xem liên tục hai suất... Trời tối sụp xuống, cô lại lang thang đến nhà người bạn cùng hoạt động, nghe ngóng tình hình. Cả hai đã ngậy thơ nhận định đến giờ này không động tĩnh gì, chắc không sao (?!). Vậy là cô quyết định về nhà. Cô có biết đâu, cô vừa rời khỏi nhà bạn thì cảnh sát đã ập đến nhà họ, và khuya hôm đó, bọn cảnh sát đến khám xét nhà cô. Truyền đơn vẫn còn trong ngăn tủ, cô gái chưa đủ kinh nghiệm đề tiêu hủy chúng ngay. Chứng cứ rõ ràng, và đó là lỗi rẽ ngoặt trong cuộc đời cô. Chúng còng tay cô gái đưa ra xe trong đôi mắt thẳng thốt của cả nhà... Cô không bao giờ có thể quên được gương mặt ướt sũng nước

mắt của má khi cố gắng chạy theo chiếc xe Jeep đưa cho cô cái áo ấm. Ngồi trên xe, cô thấy lòng trống không, cô chỉ kịp nghĩ và dặn lòng một câu: *“Tôi không phải là Nguyễn Văn Trỗi, nhưng dùt khoát tôi sẽ không để đồng chí mình bị bắt vì tôi”* ...

Bành Dương - Người nữ tù kiên trung

Và đó chính là câu trả lời của cô trong suốt thời gian bị địch tra tấn tàn bạo, chết lên chết xuống nhiều lần. Khuya đêm ấy, suốt ba tiếng đồng hồ, cô gái mười chín tuổi giống như con mèo non tơ đề cho bốn, năm thằng cảnh sát ra đòn. Trên người cô chỉ còn chiếc quần lót, cô không còn biết đau nữa, cũng không biết nó đánh đá ra sao, chỉ biết khi cô ngất đi, nó lại tạt nước cho cô tỉnh dậy và cười ngật ngoẹo khi ngắm nhìn thân hình con gái đẫm máu của cô. Nhìn những đôi mắt cú vọ ấy, cô đã ớn lạnh tự nhủ với lòng: *“Nó đánh đau mình chịu được, nhưng nếu nó hãm mình, mình sẽ tự sát”*. Tâm lý quyên sinh để giữ gìn trinh tiết dường như đã ngấm vào trong máu của cô gái từ trong tiềm thức, từ truyền thống văn hóa Trung Hoa của bao đấng liệt nữ mà cô đã được đọc và thấm từ thuở ấu thơ. Nhưng may quá, bọn chúng đã không đụng đến cô, nó đã không thể khai thác được gì nơi cô, không có ai bị bắt vì cô, cô đã giữ trọn lời thề với chính mình.

Bây giờ cô là nữ tù tên Bành Dương, cô già vờ không biết tiếng Việt, chỉ toàn nói tiếng Phước Kiến nên bọn cảnh sát cũng chẳng hứng thú khai thác cô. Một tháng khai thác,

không hề thu được gì, chúng giải cô lên Tổng Nha cảnh sát và chuyển về nhà giam Thủ Đức. Sáu tháng sau cô ra tòa, cha cô mượn luật sư cãi cho cô được trắng án. Nhưng bọn cảnh sát đâu dễ tha cô dễ dàng, nó có cách thử thách riêng để nhận diện rõ ràng đâu là người cộng sản thứ thiệt. Bọn chúng đưa cô về giam ở Thủ Đức và ra điều kiện, chỉ cần cô chịu chào cờ ba ngày, hô đả đảo Hồ Chí Minh thì nó thả cô ngay... Má cô khóc ngất năn nỉ con cứ chịu chào cờ đi để về với má và đi học lại... Nhưng làm sao cô có thể đi ngược lại chí hướng của mình. Chào cờ và hô đả đảo Bác Hồ, cô sẽ còn mặt mũi nào nhìn ai nữa? Không, con đường cô đã chọn lựa chỉ có thẳng tắp một hướng nhìn, như mũi tên đã bay đi thì không thể nào quay trở lại. Và từ tiếng “Không” quyết liệt ấy, cô đã thực sự bộc lộ mình, bọn chúng chẳng những không thả cô ra mà còn đưa cô lên phòng tra, đánh một trận còn dữ dội hơn những lần trước. Bắt đầu từ đó, cô hiểu rõ, cô không còn là “con cá bé” trong mắt chúng nữa mà đã trở thành người tù nguy hiểm, xếp chung với những nữ tù gan lì nhất.

Suốt sáu năm, cô bị đưa đi khắp các nhà tù Thủ Đức, Chí Hòa, Tân Hiệp, Côn Đảo... Hồ sơ nữ tù Bành Dương không có án, nhưng cái án nặng nhất đó là sự gan lì của cô gái trước sự đàn áp dã man của bọn cai ngục. Bởi vì ở nhà tù nào, cô cũng nằm trong danh sách chống đối vì không chịu chào cờ, cô luôn có mặt bên cạnh các má, các dì, những đảng viên kỳ cựu nhất, gan lì nhất...

Lời thề lạng lẽ...

Đó là những dòng hồi ký mà Bành Dương đã ghi lại trong lần cô tham gia tuyệt thực cùng má Mười Thanh và chị Sáu Bé. Ngày 29-11-1968, cô bị đày ra Côn Đảo, và cũng như mọi nhà tù khác, chỗ của Bành Dương là Chuồng Cọp, nơi giam giữ những người phụ nữ cách mạng gan lì nhất mà bọn địch gọi là thành phần “đại ngoan cố”. Chỉ vì một lọ muối tiêu nhỏ má Mười Thanh tiếp tế qua phòng bên cạnh trước sự kiểm soát của chúng khi chúng mở cửa phòng vào giờ cơm trưa mà chúng phạt cấm phòng chị em 30 ngày. Cấm phòng 30 ngày, một hình phạt vô cùng dã man đối với phụ nữ, nghĩa là 30 ngày không thấy ánh mặt trời, không được hít thở khí trời và nhất là không được ra sân tắm rửa, không có miếng nước rửa mặt... Má Mười Thanh quyết định tuyệt thực phản đối, buộc chúng phải bãi bỏ lệnh cấm phòng. Bành Dương xung phong đi theo má tới cùng. Má Mười Thanh và chị Sáu Bé là những đảng viên cộng sản kỳ cựu giữ vai trò quan trọng trong kháng chiến và trong nhà giam, chỉ có Bành Dương, cô gái mới hai mươi tuổi, chỉ mới là đoàn viên. Cả ba người nằm bất động trên nền xi măng ngập ngụa, hôi thối và để chống chọi với lũ ruồi đen kệnh dày đặc khắp phòng, họ phải đắp trên người tấm mền rách và che mặt bằng miếng vải mỏng. Mỗi ngày cửa phòng vẫn xịch mở, và bọn cai ngục đưa thức ăn vào với phần cơm tù gạo mốc, khô mục, mắm dòi - đó là những thức ăn như thường ngày. Đến vài hôm sau, bọn cai ngục cứ

người đến dỗ từng người uống sữa, nhưng cả ba đều bất động như xác chết. Mỗi ngày, họ chỉ thoi thóp bằng vài ngụm nước nhỏ, đó là cách duy trì sự sống cho cả ba người, bởi cả ba đều hiểu rằng càng mau kiệt sức thì cuộc đấu tranh càng mau kết thúc. Đến ngày thứ sáu, sức Bành Dương đã kiệt nhiều, đầu kêu ong ong, mắt mờ dại đi, từng tế bào cơ thể cô như vỡ vụn. Ở giữa cảm giác rã rời mê mệt ấy, cô rùng mình khi nghĩ có thể nó sẽ đưa cô đến Hầm Đá Nồi, Chuồng Bò, Hầm Tối... những địa danh khủng khiếp mà khó có người tù nào đến đó có thể trở về. Và cô sẽ phải chịu đựng một mình ở đó với còng, quỳện, dùi cui, giày đinh và những trận đòn. Nhưng rồi hình ảnh chị Võ Thị Sáu bỗng sáng rực trong cô, và cô nghĩ đến cái chết, cái chết hiên ngang trước quân thù. Cô nghĩ, tại sao ta không thể sống được như chị Sáu, không thể noi gương chị ngẩng cao đầu trước cái chết? Sáng hôm sau, cô nói ngay với má Mười Thanh, để sớm kết thúc cuộc đấu tranh, đề nghị cho cô nâng hình thức đấu tranh lên một mức bằng cách tự mổ bụng mình bằng cây kim tây cô giấu được trong người. Má Mười nhìn cô nhíu mày và lắc đầu cương quyết: *Không, chưa đến lúc.*

Bốn ngày nữa trôi qua, cả ba người đã hoàn toàn kiệt sức, Bành Dương cảm thấy mình sắp chết, và bây giờ đâu có muốn tự sát cô cũng không thể nhấc nổi cánh tay lên khỏi mặt đất... Cái chết đến quá gần và cô đang sẵn sàng đón nhận nó. Nhưng cũng lúc đó, chợt có tiếng mở khóa, cánh cửa Chuồng Cọp mở tung, chị Biệp là người đầu tiên

xông vào phòng, nhưng chị bị dội ra vì mùi hôi thối và đám ruồi ào ra như ong vỡ tổ, chị kêu lên trong tiếng khóc nghẹn: *"Xóa cấm phòng rồi, xóa cấm phòng luôn cả khu Chuồng Cọp rồi!"*. Và chị ôm lấy ba người nói qua làn nước mắt: *"Cuộc đấu tranh đã thắng lợi rồi má Mười, chị Bé, Bành Dương ơi!"*. Cô đã nghe, đã nghe, và cô biết mình đã thắng, thắng quân thù và thắng cả chính mình..., nhưng bỗng dưng cô thấy mình chơi vơi và rơi tụt xuống đáy vực đen ngòm...

Tiếng thăm hỏi, hò hát rộn ràng cả khu Chuồng Cọp, mọi người đang chuẩn bị đón cái Tết Chuồng Cọp để mừng thắng lợi của ba người nữ tù kiên gan. Ba ngày sau cuộc đấu tranh, chị Bé và má Mười đã có thể ngồi dậy được, riêng Bành Dương vẫn còn nằm bất động. Cuộc vui chưa lâu, cánh cửa sổ nhỏ bên trái phòng đã bật lên cùng gương mặt nham nhở của tên cai ngục và tiếng nện tay vào cửa sắt âm âm: *"Bành Dương, đổi phòng"*. Bọn chúng quyết tách cô ra khỏi má Mười Thanh và chị Bé, đôi mắt cô rưng rưng đỏ. Giọng má Mười trở nên nghiêm trang: *"Phải làm lễ kết nạp Đảng cho nó ngay bây giờ"*. Người cô rung lên xúc động, trái tim cô như vừa bị bóp nghẹt rồi bỗng vỡ òa một niềm vui vô bờ, máu dường như dồn cả vào tim làm cô muốn ngạt thở trong cái cảm giác hạnh phúc đến choáng ngợp tâm hồn. Chẳng bao giờ cô quên được cái cảm giác ngày hôm đó, khi lặng nghe tiếng má Mười thì thầm nghiêm nghị bên tai: *"Hôm nay, ngày 10-2-1970, tại Chuồng Cọp, Côn Đảo..."*. Giọng má nghiêm, đánh thép

nói với cô tất cả về điều lệ Đảng, về nhiệm vụ người đảng viên và giờ nắm tay lên giục: “*Đồng chí thề đi, suốt đời trung thành với Đảng*”. Tiếng đập cửa rầm rầm bên ngoài hồi thúc, nhưng cô dù cố gắng hết sức vẫn không thể nào giờ bàn tay lên khỏi nền xi măng, bàn tay phải cô chỉ có thể động đậy được mấy ngón run run yếu ớt. Bất lực và đau đớn, đôi môi cô mấp máy trong sự cố gắng đến tuyệt vọng hai tiếng “*Xin thề!*”, nhưng vẫn không thể ra lời. Nước mắt cô trào ra lặng lẽ. Má Mười và chị Bé gật gật đầu xiết chặt tay cô, họ đã hiểu, đó chính là lời thề khắc ghi từ trái tim sôi bỏng của cô, một lời thề kiên trung của người từ cõi chết trở về. Không có nắm tay giờ cao trước cờ Đảng, cờ Tổ quốc, không cả lời thề, nhưng má Mười biết người đảng viên ấy sẽ kiên trung đến hơi thở cuối cùng trước lá cờ của Đảng.

Trần Tường Chân - Tình yêu đầu đời và những nỗi đau...

Năm 1974, cô được trao trả ở Lộc Ninh và được cho đi học trường Báo chí miền Nam, một năm cô được sống trong tình thương yêu của các đồng chí ở khu B21. Cô bắt đầu tập viết báo và lấy tên là Trần Tường Chân. Cô được sống chung với người mẹ nuôi kết nghĩa trong tù bên túp lều tranh giữa rừng. Mẹ cô là má Ba Ảnh (Tôn Thị Ảnh), Bí thư chi bộ trong tù, má Ba Ảnh là chị ruột của bà Tư Chơn, nguyên Thứ trưởng Bộ Tư pháp, phu nhân của ông Trần Bạch Đằng, vì vậy Bành Dương vẫn gọi ông là Dương Tư. Đầu xuân năm 1975, tin chiến thắng bay về dồn dập, tất

cả học viên trường Báo chí miền Nam đều trở về đơn vị chuẩn bị vào chiến dịch cho ngày Giải phóng miền Nam. Vì là nữ sinh Sài Gòn, hiểu rành địa bàn nên cô được điều vào chiến dịch ngay đợt đầu tiên. Chuyển đi rất nhiều gian nan và kỷ niệm ấy đã hình thành trong cô một tình cảm khác lạ với chàng sinh viên Sài Gòn học trường Dược thoát ly đi kháng chiến. Cô nhớ hoài không quên những đêm ngồi nói chuyện với anh bên ngọn đèn dầu đèn khuya với bao nhiêu chuyện vui buồn từ phong trào đấu tranh của học sinh sinh viên Sài Gòn ngày cũ. Cô nhớ mãi sự chăm sóc thân yêu của anh đối với cô. Mỗi chiều anh lẳng lặng xách nước để sẵn trong nhà tắm và kêu cô tắm sớm kẻo bị sốt rét, để sẵn cục xà bông thơm dành cho cô trong khe đá. Suốt cuộc hành quân, khi hạ trại, bao giờ anh cũng mắc võng cho cô cạnh bên anh. Và cô đã ghen đi trong xúc động khi cô một mình giữa khuya lang thang trong rừng vì không ngủ được, mãi mê tới rạng sáng, quay nhìn lại đã thấy anh theo ở phía sau cô, âm thầm bảo vệ cho cô. Nhưng tình cảm thâm lặng sáng trong ấy sẽ chỉ mãi mãi là kỷ niệm đẹp trong cô, vì cô đã không dám bước tới trong vòng tay anh. Bởi cô sợ không thể vượt qua nền nếp gia đình để yêu và lấy người con trai Việt.

Trở về Sài Gòn trong vòng tay gia đình, cô say sưa lao vào công tác, từ Đài phát thanh đến bộ phận báo chí ở Cục Báo chí - Xuất bản, rồi sang nghiên cứu báo chí ở Vụ Báo chí Ban Tuyên huấn Trung ương - đặc trách nghiên cứu báo Hoa văn Giải phóng. Đó là những ngày tháng đẹp nhất trong

cuộc đời cô, những ngày cô được toàn tâm toàn ý cống hiến bằng cả sức lực của mình. Tình yêu thứ hai đến với cô như một định mệnh, ở tuổi hai mươi chín, cô yêu một sĩ quan công an cũng người Việt. Cha mẹ cô đành chấp nhận dù không được mãn ý, lễ hỏi đã xong, chỉ chờ ngày cưới. Nhưng cuối cùng cô phải chấp nhận lời từ hôn của anh một cách tình táo trong nỗi đau quặn thắt. Đó là những năm khó khăn nhất của cuộc đời cô. Cô phải rời nhiệm vụ ở Vụ Báo chí để về Sở Văn hóa - Thông tin, phụ trách tờ *Điểm phim*, một công việc nhẹ nhàng, vô thưởng, vô phạt. Cô hiểu hết mọi lẽ, từ việc bị từ hôn đến việc phải rời bỏ công việc mà cô đang tâm huyết. Cô hiểu nhưng cô vẫn đau đớn như bị ai cứa vào trái tim, một trái tim lúc nào cũng đập nồng cháy với Đảng và đất nước Việt Nam, nơi cô đã được sinh ra và sẵn sàng chết vì nó...

Năm ba mươi sáu tuổi, qua mai mối của nhạc sĩ Diệp Minh Tuyên, cô nhận lời cầu hôn của nhạc sĩ Ngô Huỳnh. Cuộc hôn nhân chỉ kéo dài được tám tháng, cô kiên quyết chia tay dù trong cô đã hình thành giọt máu của chồng. Cô muốn sinh con và nuôi con một mình, ấp yêu nó bằng cả tình yêu cô từng vun đắp cho một mái gia đình mà cô hằng mơ ước. Nhưng ngay trước ngày cưới, khi thiệp cưới vừa phát ra, cô đã biết trước sẽ có kết cục này khi phải đối mặt với người vợ không hôn thú của chồng. Đêm tân hôn cũng là đêm cô phải khóc hết nước mắt vì đau đớn và tủi nhục... Cô đã cố gắng hết mức để là người vợ hiền, cố gắng bằng hết cả sức lực của mình, nhưng cô đã thất bại. Và nỗi đau

đón, tuyệt vọng đã hạ cô gục ngã hoàn toàn khi đứa con năm tháng tuổi trong bụng cũng từ chối được sinh ra, xóa tan hết niềm hy vọng cuối cùng của cô. Đó là lúc cô giống như một người điên, cô cười cười, nói nói mà không hiểu mình nói gì?! Cô nói chuyện với con, chăm chút cho con trong tưởng tượng, trong niềm hy vọng không bao giờ đến trong cuộc đời cô. Cô đã phải nằm viện sáu tháng vì những cơn thần kinh bộc phát như vậy... Cả công việc ở Phát hành phim thành phố, nơi công tác cuối cùng của cô cũng đầy ắp công gai bởi những thành kiến mà cô không thể vượt qua. Cô tiếp tục vào bệnh viện để điều trị căn bệnh trầm cảm, và phải xin về mất sức năm 1994, năm cô mới bốn mươi lăm tuổi. Các má và bạn bè thân thiết thương cô đứt ruột, nhất là má Mười Thanh, dì Ba Tốt, nhưng biết làm sao được. Cô gái Bánh Dương, người nữ tù kiên trung năm nào, cô gái suốt ngày yêu đời hát véo von trong tù ngày nào nay không còn nữa. Mà là một Trần Tường Chân thắm đằm nổi xót xa vì hai chữ *niềm tin*, một Trần Tường Chân bị mệnh danh là “*con Chân điên*”.

Trần Tường Chân - Vượt lên số phận

Với gia đình chị là ai? Năm 1978 sau một đêm ngủ mê mệt, đến khi thức dậy chị chợt thấy cả nhà vắng tanh, chỉ còn mỗi cha chị vẫn ngồi đó, nhìn chị ứa nước mắt: *Cả nhà đã đi hết rồi, cha ở lại với con*. Chị bật lên khóc uất, cả gia đình đã ra đi không một lời từ biệt chị vì chị là *cách mạng*!! Ở tuổi bốn mươi lăm, chị đã về hưu tay trắng, chị chưa hề

đòi hỏi cơ quan phân cho mình một căn phòng, dù rất nhỏ để trú thân, nên phải sống nhờ vào gia đình. Vậy là một mình chị ở lại nuôi cha già. Chị không được gục ngã, dù bao nhiêu lần chị đã muốn ngã quỵ. Chị phải học, phải học để bù vào vốn kiến thức bị hẫng hụt suốt sáu năm tù tội, suốt bao năm băng mình công tác cật lực. Cô nữ sinh xuất sắc của trường Khai Trí ngày nào đang bắt đầu làm lại từ đầu ở tuổi bốn mươi lăm, chị đã thề với lòng rằng chị sẽ không bao giờ đầu hàng số phận, con đường chị đã đi, đã vạch ra phải là một đường thẳng đi tới. Cũng như khi đi làm cách mạng, chị quyết không bao giờ quay đầu lại dù cái chết cận kề. Và bây giờ mũi tên chị đã bắn ra, đó là phải học. Chị đi học và học như điên, sáu giờ sáng ra khỏi nhà, trưa gặp đâu ăn đó, đến tám giờ tối mới trở về nhà. Chi



Trần Tường Chân tại Lễ trao bằng Cử nhân Báo chí và Ngôn ngữ

trong bốn năm chị lấy luôn bốn bằng đại học: Báo chí, Xã hội học, Châu Á - Thái Bình Dương và Lý luận phê bình sân khấu.

Đoạn kết của mũi tên bắn thẳng...

Năm 1994 chị đưa cha ra sân bay đi Canada, nơi cả gia đình chị đang định cư ở đó. Còn lại một mình trong căn nhà trống rỗng, chị vẫn tiếp tục học và lấy bằng Thạc sĩ Xã hội học, và được mời đi dạy ở một số trường đại học trong thành phố. Chị vẫn viết báo như một thói quen, một nhu cầu thiết yếu của cuộc sống. Tất cả mọi mục tiêu chị đề ra, chị có thể làm được hết với một quyết tâm bốc lửa. Nhưng chị có một nỗi khát khao duy nhất trong đời, chị không thể làm được: đó là mái ấm gia đình. Chị cô đơn lặng lẽ từng ngày giữa bốn bức tường, mỗi ngày chị bật ti vi để nghe tiếng người bên cạnh, chị gọi điện thoại nói chuyện hàng giờ với từng người bạn thân để cảm thấy mình vẫn sống giữa tình thương yêu của mọi người. Tôi hiểu chị, hiểu hết những nỗi niềm riêng tư của chị, chị vẫn luôn là một người đàn bà muốn sống trọn vẹn cho người mình yêu, nhưng chưa bao giờ chị đạt được điều đó. Để đến năm 2007, sau chuyến đi thăm cha và các em ở Canada về, chị đã thực sự ngã quỵ bởi cơn bạo bệnh. Chị vẫn sống giữa tình yêu thương của bạn bè, đồng chí, và chị biết rõ, mũi tên cuộc đời chị đã lao đi, đã trúng đích, và chị đã sống trọn vẹn với lý tưởng của mình. Còn giờ đây, một mình giữa căn nhà vắng lặng, chị nói có lẽ những ngày tháng gian lao trong tù

lại chính là những ngày chị sống tràn trề niềm tin yêu và hạnh phúc nhất... Vì ở đó, tất cả đều là đồng chí, đều chỉ có một hướng nhìn duy nhất là đấu tranh trực diện với quân thù. Còn đời thường sao mà nhiều khê quá, mà con người chị thì quá thật, quá thơ ngây... Chị không biết phân biệt thế nào là giả là thật, là những thủ đoạn gian trá lọc lừa, ai nói gì chị cũng tin... Mà cuộc đời thời bình đâu thể như trong chiến tranh, đâu phải ai cũng còn giữ lý tưởng sáng trong như chị. Vì thế mãi mãi chị vẫn là một con người không bình thường trong mắt mọi người...

NGÔ NGỌC NGŨ LONG

Phan Thị Định

(Sinh năm 1948)



NGƯỜI CON GÁI ĐẤT RẠCH GẦM

Bắt gần đầy giỏ cua, Bé Tư nghe tiếng con đầm già ù ù trên đầu, cô bé ngưng tay ngược nhìn lên bầu trời, con đầm già quành lại khu vực ngoài vàm sông. Bầu trời trong xanh cao vời vợi, nắng chói chang trên những vườn cây, đang vui vì sáng nay cô bé bắt được nhiều cua, đem về cho chị Ba nấu được nồi canh tập tàng ngọt ngào chèo, vậy mà con đầm già muốn phá đám gì đây, cô bé ghét cay ghét đắng cái tiếng ù ù đầy tai họa của nó, cái âm thanh nghe âm u đầy sự hăm dọa. Bé Tư vội bước lên bờ ruộng, xách cái đục đầy nhóc những con cua đồng vàng hươm, đi thẳng một mạch về nhà.

Ú ù u... ùng... chéo... Chiếc đầm già quăng trái màu ngoài vàm sông. Hai chiếc phàn lực xé gió bay tới. Bé Tư bươn vội

qua mương, chạy vào nhà. Tiếng chị Ba quát “Chui trảng xê mau!”, hai chị em vừa chui tọt vào miệng trảng xê thì những trái bom làm rung rinh mặt đất với những tiếng nổ kinh hoàng.

Hai người đã quen với cảnh bom đạn nên cũng không mấy lo sợ. Bé Tư làm bằch chửi mấy con ma “Thần sấm”, cô bé nói với chị Ba “Năm tới, chị cho em đi theo mấy cô chú cho rồi, ở nhà chị bom đạn riết chưa chắc gì sống được với bọn nó”.

Chị Ba nhìn em lo lắng “Sao lúc nào mầy cũng tính chuyện đi, ba má công tác xa ít khi nào về nhà, anh em đi tàn lác hết, bây giờ em bỏ đi nữa, nhà đâu còn ai”. Bé Tư nhìn chị buồn rầu “Em không đi ở nhà cũng không yên với bọn nó, đi học thì dở dang, không ra trường Huyện nổi, đi theo mấy cô chú sẽ kèm cặp, cho học tập thêm, chị lo gì... Chị cho em đi đi, em hứa sẽ công tác tốt, không phụ lòng chị với ba má đâu... Chị cho em đi nghe...”, “Đế ba má về em hỏi xin ông bá chớ chị không dám quyết đâu”, “Chờ ba má biết chừng nào, em đi rồi chị báo cáo sau cũng được mà”. Chị Ba lặng im nhìn đứa em gái tuổi mới mười sáu mà cơ thể đã trở mã, gương mặt xinh xắn với đôi mắt to đen sâu thẳm, gương mặt của nó giống như cô gái lai Án, tương tá mặt mày nó mà ở nhà, giặc càn vô bắt được không khéo làm mồi cho bọn chúng. Chị Ba nửa muốn cho em đi, nửa muốn giữ lại, lòng chị rối bời không biết quyết định thế nào, ước gì có ba má bên cạnh thì dễ dàng biết bao, chị Ba nhìn em thờ dài thườn thượt. Tiếng bom vẫn rền vang, ngày một xa dần...

Hai chị em bịn rịn chia tay, chị Ba đứng dưới hàng dừa nhìn theo đứa em mà nước mắt tuôn lã chã, chị thương đứa

em hiếu thảo, chịu thương chịu khó chuyện nhà mà cũng giỏi chuyện công tác, tuy mới gia nhập giao liên có một năm nhưng Bé Tư tỏ ra già dặn, chững chạc hơn nhiều. Bây giờ Bé Tư không có bên cạnh, chị Ba thấy hụt hẫng hoang mang quá, mà không cho em đi chị cũng lo canh cánh bên lòng, thời ly loạn gia đình thật đảo điên. Nhà có mấy anh chị em mà cậu em trai đã theo địa phương quân ở Long Định, em Bảy theo giao liên của đơn vị cô Chín Bạch, còn em út Hải thì còn đi học, má công tác bên kinh tài của Ban Công vận, còn ba thì hoạt động ở Long An. Gia đình ly tán mỗi người một nơi, hỏi làm sao chị không buồn khi đưa em mà chị thương yêu nhất lại tiếp tục ra đi. Chị nhìn theo cái dáng mảnh khảnh của em tới khi khuất khỏi bụi tre mới dám khóc lớn, chị sợ tiếng khóc của chị sẽ làm chùn bước chân em. Chị khóc cho nỗi khổ của mình, chồng chị cũng đi công tác xa, khóc cho các em và cho ba má, tiếng khóc nghẹn ngào hòa trong tiếng gió lạnh lạnh cuối xuân.

Vậy là Bé Tư (Phan Thị Định) được chị Lê Thị Bạch hướng dẫn vào làm liên lạc cho Ban Công vận T4. Sau một thời gian, thấy Tư công tác tốt, tổ chức cho cô đi học văn hóa và chính trị tại Ba Thu. Sau khóa học cô trở về đơn vị cũ rồi được cử lên Sài Gòn xâm nhập khu vực Hòa Hưng và phụ trách Tổ Võ trang tuyên truyền. Từ một cô gái quê lên tỉnh, lại tự mình tìm cách lẩn vào dân, lần đầu công tác đơn tuyến Bé Tư gặp nhiều khó khăn, đôi lúc cô thấy bơ vơ trợ trợ quá, muốn trở về chiến khu, nhưng nghĩ đi nghĩ lại, nhớ tới cha mẹ anh em đang lẩn lộn ở chiến trường, nhất là vừa

nghe tin chồng chị Ba và đưa em trai kể vừa hy sinh rất dũng cảm khiến lòng cô thêm căm thù, càng tăng thêm nghị lực trong thời gian chiến trong lòng địch, cô không thể nào thoái thác công việc khó, nhất là đã nhận việc rồi thì khó khăn nào cũng phải vượt qua, không thể bỏ dở việc để trở về cứ. Bé Tư tự lo chỗ ăn ở để bảo mật, cô lân la làm quen với những người mua gánh bán bưng, quen được với bà Bảy bán bắp là người tốt và được bà cho ở trọ, Bé Tư mừng lắm, cô xin vào hãng Brotere học ráp bộ phận tay quay vào trục máy may, ban ngày đi học, ban đêm viết truyền đơn rồi cùng với cơ sở anh Lương Văn Thoại, anh Võ Văn Bảy đi rải ở khu vực Hòa Hưng. Ngày nào Bé Tư cũng mua gân bò nấu cho thơm để thả cho bầy chó trong xóm mỗi khi cô và các đồng chí đi làm nhiệm vụ. Có hôm, Tổ Võ trang của Bé Tư làm cho giặc khiếp đảm chi vì một trái lựu đạn được gọt tía bằng trái su hào có ghim cái cãm xe đạp mắc trên cột điện, bọn cảnh sát cho máy rà đi rà lại, chúng phải một phen hoảng vía khi lấy trái lựu đạn giá xuống. Bọn địch điên cuồng lòng lộn khi thấy khu vực Hòa Hưng không còn bình ổn như trước, truyền đơn rải thường xuyên và tác động mạnh mẽ đến dân chúng. Chúng lúng lúng khắp nơi, ráo riết theo dõi đối phương. Tháng 1-1967, Bé Tư được phân công là Tổ trưởng tổ Võ trang tuyên truyền Ban Công vận T4, khu vực Hòa Hưng. Chị tổ chức đánh đồn cảnh sát ở Hòa Hưng nhưng do trục trặc khâu vũ khí, lựu đạn quăng vào bột có nhiều trái không nổ khiến không giết được tên ác ôn của đồn, chị và một nam đồng chí phải thay hình đổi dạng, đóng giả tình nhân bước

vào rạp chiếu phim Thanh Vân để theo dõi tình hình bên ngoài. Nhiều lần tổ võ trang của Bé Tư phải vượt qua vòng vây của địch, thoát chết trong gang tấc.

Ngày 7-1-1968, sau thời gian theo dõi ráo riết, địch phát hiện ngôi nhà của Tô, hai đồng chí nam đến gặp Bé Tư để bàn công tác thì bị bọn mật thám ào tới, chúng bắt hai người ngồi yên trong nhà để như Bé Tư. Thấy nhà vẫn mở cửa như thường khi, Bé Tư bước vào liền bị chúng chụp bông-xô lên đầu và đưa về Cục An ninh quân đội ngụy (số 8 đường Nguyễn Bình Khiêm).

Bé Tư bị tra tấn dã man, đang ngày hành kinh mà chúng bắt cởi bỏ hết quần áo, kẹp sắt vào cửa mình để tra điện. Bé Tư không còn kịp hô thẹn vì thân hình nõn nà của mình phơi ra trước mặt lũ sói lang, luồng điện quái ác đã khiến cơ thể cô giật cong lên, mắt hoa lên như có muôn ngàn con đom đóm, hai tai ù ù, cô ngất rồi tỉnh, chết đi sống lại nhiều lần. Chúng hỏi khâu K 54 của cô do ai cấp, cô căm hờn nhìn vào gương mặt bí bí của tên điều tra, bảo có người đưa vào buổi tối, cô không nhớ mặt, nó lại hỏi lui hỏi tới câu “Ai là người chỉ huy? Nếu khai thì tao sẽ thả ra ngay”, cô bảo công tác này chỉ có một người giao nhiệm vụ mà người đó luôn bịt mặt nên cô không biết. Điện tiết, chúng cho cô đi “tàu bay” và nhiều đòn roi khác, nhất là nơi bộ phận sinh dục.

Bé Tư nhìn luồng ánh sáng nhờ nhờ chập chờn trước mắt mà không định được mình đang ở đâu, cô cố định thần lại để nhớ những gì đã xảy ra. Toàn thân cô đau nhức rã rời, nền xi măng lạnh buốt dán vào da thịt không mảnh vải che thân.

Bộ phận sinh dục đau buốt, nơi cửa mình máu ri ri chảy. Bé Tư nhìn ngọn đèn sáng hoắc trên trần nhà, nhìn các công cụ tra tấn giết người trên bàn mới biết cô vẫn còn nằm ở phòng thẩm vấn. Cô băn khoăn không biết bọn chúng đi đâu, cô đoán có lẽ chúng nó đi ăn uống ở đâu đó lấy sức để vào tra tấn tiếp. Lòng cô bỗng nhiên chùng xuống, chúng đánh đập cô có thể chịu đựng được nhưng nếu cô bị chúng hãm hiếp thì còn gì để tính chuyện trăm năm với người yêu là bộ đội quân y đang công tác ở chiến trường miền Tây. Bất giác, những giọt nước mắt lăn dài trên má, cô biết từ đây chuyện tình của cô sẽ bước qua con đường đầy chông gai, cách trở. Cô gọi thầm trong tim “Anh Thiện ơi! Hãy hiểu cho... em...”.

Sau thời gian tra tấn không lấy được khẩu cung, chúng đưa Bé Tư về nhà tù Thủ Đức, tại đây cô tham gia phong trào chống chèo cờ và các phong trào khác mà Ban lãnh đạo nữ tù đề ra. Về đây, cô bị đưa xuống trại biệt giam cùng với các bạn tù Quế Nga, Ngọc Trang, Phương, Mai, Bửu... Trại biệt giam vừa nhỏ vừa nóng như lò thiêu, các cô các chị chỉ mặc quần lót, mồ hôi ra đầm đìa phải thường xuyên lau và vắt nước. Những lần bọn cai ngục xuống mở đèn để kiểm tra thì các cô vội nằm úp lại. Không khí nhà lao lúc nào cũng hôi hám bẩn, chật và bị chúng khủng bố thường xuyên nhưng các chị vẫn tổ chức học văn hóa (học bằng cách dùng gạch viết lên nền gạch), vẫn thành lập và duy trì tổ văn nghệ mà Bé Tư là một trong những diễn viên tích cực của tổ. Những lúc ca hứng, chị thường cùng các chị em hát bài *Không cho*

chúng nó thoát, giọng hát của các chị bay tới phòng của Ban quản lý tù khiến chúng rất bức bối. Tên Trưởng ban Dương Ngọc Minh quát: “Tụi bây ở tù rục xương mà còn hát *Không cho chúng nó thoát* là nghĩa thế nào, chân cẳng tụi bây bị tao còng mà còn dám không cho chúng nó thoát hả? Sao chúng mày láo toét thế”. Bé Tư trả lời “Rồi sẽ tới ngày tụi bây không thoát được mạng lưới của nhân dân đâu”. Bọn chúng hậm hực nhìn đám người không còn ra người nhưng trong đôi mắt của họ chất chứa ngọn lửa thù hận mà chờ đợi.

Bé Tư là cô gái đầy bản lĩnh, tính tình chu đáo và tỉ mỉ, dù trong hoàn cảnh gian nan nhưng vẫn giữ được tính lạc quan, yêu đời. Những trận đấu tranh ác liệt trong tù, cô thường cùng với cánh trẻ đứng ra bảo vệ cho người lớn tuổi. Cô được những chị trong Ban lãnh đạo tù (Chị Ba Tốt, chị Mười Thanh, chị Ba Bích) tin yêu, giúp đỡ. Họ trực tiếp dạy văn hóa và chính trị cho cô. Cô đã cùng họ trải qua các nhà tù Tổng nha cảnh sát, Thủ Đức, Chí Hòa, Côn Đảo, Tam Hiệp rồi trở ra Côn Đảo. Cô là diễn viên nòng cốt trong đội Văn nghệ nên những ngày lễ 1-5, 2-9, ngày để tang Bác Hồ, cô đều tham gia các tiết mục văn nghệ khiến cho người xem phải buồn vui theo vai diễn và giọng hát của cô. Trong vở kịch *Lửa hận rừng dừa* do chị Trần Hồng Nhật sáng tác trong nhà lao, cô cất cao tiếng hát “Rừng dừa căm uất, thôn xóm tan hoang... Rừng dừa ru lá, thương nhớ bao nhiêu người ra đi... nhân dân sống trong điêu linh, hận giặc Mỹ lũ quân tham tàn... Gieo tang tóc... gieo bao căm hờn... mắt hướng trông, lòng thương nhớ Bác Hồ... Mơ ngày giải phóng...”.

Tiếng hát của chị và các chị trong phòng giam đã khơi gợi bao nỗi niềm ân uất khiến bao đôi mắt của những nữ tù đỏ hoe, họ khóc rất nhiều ngày nghe tin Bác mất.

Năm 1969, trại tù Thủ Đức, một cuộc thăm sát nữ tù bằng vôi bột khiến nhiều chị hy sinh, qua cuộc đấu tranh của các chị, chúng đàn áp và đưa các chị về Chí Hòa. Sau ngày để tang Bác chúng đưa nữ tù ra Côn Đảo, tác động của Hội nghị Paris buộc chúng phải đưa nữ tù trở lại đất liền, giam tại nhà giam Tân Hiệp. Năm 1970, một cuộc đàn áp đẫm máu lại diễn ra ở nhà tù Tân Hiệp, chúng dùng vôi bột, lựu đạn cay có chất phospho khiến hầu hết đều bị phỏng, có nhiều người bị phỏng nặng không chịu được đã chết như chị Võ Thị Chín. Bé Tư cùng các chị tuyệt thực mười ngày không ăn, cô bị kiệt lý tưởng đầu phải mất mạng lần đó. Từ trại tù Tân Hiệp chúng lại đày mấy trăm chị em ra Côn Đảo, Bé Tư và tất cả bị nhốt vào Chuồng Cọp. Chế độ tù ở đây đối với phụ nữ hết sức khắc nghiệt, chúng cho tù nhân ăn uống còn thua cho súc vật ăn, cơm dỏ trộn cát, khô mực hoặc mắm đắng có dòi, không rau xanh, không trái cây. Một ngày, mỗi người chỉ được hai lon sữa bò nước để tắm rửa giặt giũ. Những ngày hành kinh, các cô gái phải lấy giẻ lau, người nào máu kinh ra nhiều phải lấy cái đĩa nhôm mình ăn cơm để hứng. Những người chưa tới kinh hoặc hết kinh nhường bớt nước cho người đang hành kinh. Ngay cả muối chúng cũng không cho ăn, các chị phải giấu vào đáy quần mỗi ngày một ít để phòng khi đau yếu hoặc bị chúng đánh đập có mà trị liệu. Những ngày hành kinh, Bé Tư nhớ chị Ba, nhớ má còn cào cà ruột

gan. Lúc ở nhà, những ngày “con gái” chị Ba nấu nước nóng với lá bưởi cho Bé Tư tắm gội. Chị bảo đàn bà con gái cực khổ, hiểm nguy nhất là sinh đẻ, kinh nguyệt, phụ nữ phải giữ gìn kỹ lưỡng không thôi về già “đuôi ruồi không bay”, còn má tuy ít gân gù nhưng lúc nào má cũng nhắc nhở chuyện giữ gìn vệ sinh phụ nữ. Những lời dặn dò thân thương đó làm sao thực hiện ở chốn địa ngục trần gian này.

Sau Hiệp định Paris năm 1974 chế độ tù Côn Đảo có chiều hướng dễ dãi hơn, Ban quản đốc cho một số nữ tù ra tự quản nhà bếp và trồng rau tự túc. Tháng 3-1974, Bé Tư có tên trong danh sách trao trả tù binh ở Lộc Ninh. Mừng vui vì sắp được về với quê hương, gia đình và đồng đội nhưng cũng buồn thương những đồng chí trong suốt thời gian sáu bảy năm qua đã cùng nhau chia ngọt xẻ bùi, sát cánh bên nhau qua các nhà lao. Tình đồng chí giờ đây trở thành máu thịt, Bé Tư đã khóc nhiều cho cuộc chia tay và hẹn gặp lại trong ngày chiến thắng.

Về Lộc Ninh, sau khi kiểm điểm ở L71 và dự lớp tập huấn chính trị xong, Bé Tư được bố trí trở về quê hương để xây dựng căn cứ, cô tìm thăm người yêu cũ thì được biết anh đã lập gia đình. Cô bàng hoàng đau khổ trước nguồn tin như sét đánh, cô muốn gặp lại người yêu hỏi cho rõ ngọn ngành nhưng nghĩ đi nghĩ lại, lòng tự trọng của người phụ nữ khiến cô chùn bước. Cô hỏi thăm tổ chức thì được biết, do thời gian ở trại giam Thủ Đức, cô tuyệt thực và bệnh suy tụy chết, một thời gian dài không liên lạc được với gia đình, nên có tin gửi về gia đình là cô đã hy sinh rồi. Nghe tin này, Bé Tư cảm



*Phan Thị Định và các bạn
tại đám cưới Quê Nga (1974)*

thấy nhẹ lòng vì không phải người ấy muốn phản bội mà do hoàn cảnh chiến tranh gây ra. Cô lau khô dòng nước mắt, nén chặt nỗi đau vào lòng rồi trở về Long Tiên (Cai

Lậy, Tiền Giang), cùng đồng đội lao vào công tác mới, tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh.

Sau một tháng lặn lội bằng đường bộ, vừa đi vừa đựng độ với giặc, Bé Tư cùng đồng đội đến chợ Bến Thành vào đúng 11 giờ trưa ngày 30-4, ngày đất nước giải phóng. Niềm vui không thể nào nói hết, cô nhìn ngôi chợ đẹp cổ kính mà niềm vui dâng tràn. Sài Gòn được giải phóng trong bình yên, không tằm máu. Sài Gòn, thành phố hoa lệ nhưng cũng đầy hiên ngang bất khuất, Sài Gòn bây giờ đã thênh thang những con đường, không còn bóng dáng của những tên lính Mỹ xa lạ hôi tanh, Sài Gòn đã sạch bóng quân thù, đã hết những ngày sống trong tối tăm, sợ hãi. Bé Tư được phân công về tiếp quản phường 11, quận 2, sau đó được bầu vào cấp ủy của phường, phụ trách khối Dân vận của quận 2.

Năm 1975, chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Tiến trước đây là cán bộ của Ban Võ trang Liên quận 2-4, năm sau chị

sinh đưa con gái đầu lòng Nguyễn Phan Hồng Tiền Giang, hạnh phúc đã mỉm cười với chị mỗi khi ngắm nhìn đứa con gái ngây thơ xinh xắn. Từ năm 1986 đến 1994 chị là Trưởng ban quản lý chợ Bến Thành và sau đó làm Trưởng ban quản lý chợ Dân Sinh. Suốt thời gian công tác trong Ban quản lý, chị tỏ rõ bản chất của một chiến sĩ thời bình, luôn tận tụy với công việc, vẫn liêm khiết thanh sạch như ngày nào, ngày ngày việc cơ quan xong thì quay về đảm đang vén khéo việc nhà, cơm nước cho chồng con, chăn nuôi heo để cải thiện cuộc sống, lúc rảnh rỗi vẫn liên hệ với các bạn tù ngày xưa, giúp đỡ nhau trong cuộc sống hàng ngày.

Giờ đây mặc dù tuổi cao, sức khỏe yếu kém, chồng chị đã qua đời do bệnh tật nhưng chị vẫn lèo lái gia đình đến bến bình an, ba người con nay cũng đã khôn lớn, thành đạt, giúp ích cho đời. Chị yên tâm lao vào công việc từ thiện, đi xây nhà tình nghĩa, tình thương cho người nghèo, cho những cơ sở ngày xưa đã giúp đỡ chị trong chiến tranh, ngoài việc từ thiện, chị cùng với các chị em bạn tù khác có mối quan hệ tốt với các bạn sinh viên và các tổ chức tiến bộ nước ngoài muốn đến Việt Nam để tìm hiểu về chiến tranh Việt Nam.

Chị là cánh én của đất Tiền Giang, luôn mong muốn góp sức mình mang lại mùa xuân cho quê hương, xứ sở.

KIM QUYẾN

Trương Mỹ Hoa

(Sinh năm 1945)



NHỮNG MẪU CHUYỆN CỦA NGƯỜI CỰU TÙ - BÀ TRƯƠNG MỸ HOA

Có thể nói, bà Trương Mỹ Hoa nổi tiếng vì bà là Phó Chủ tịch nước, xuất hiện nhiều trong công việc, kể cả thời kỳ bà làm Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam. Cũng đúng thôi, đó là thời kỳ mà đất nước dốc sức ra xây dựng, giải quyết nhiều vấn đề hậu chiến và phát triển, giải phóng và bồi đắp nhân cách người phụ nữ mới. Vì đó là những mối quan tâm hàng đầu của đất nước này.

Ngay đài BBC trong hàng loạt bài phỏng vấn bà cho chuyên mục “Những người phụ nữ nổi tiếng Việt Nam”, bà cũng trả lời vấn đề quan tâm nhất lúc đó là việc phụ nữ Việt Nam lấy chồng nước ngoài. Và tổ chức Hội Liên hiệp phụ

nữ là tổ chức chính trị - xã hội, nên mỗi quan tâm lúc đó là việc chống tham nhũng. BBC viết: “Bà không đồng ý với câu hỏi của phóng viên rằng, Hội phụ nữ có phải là cánh tay nối dài của Đảng không? Bà cho rằng, đây là một tổ chức chính trị - xã hội và một trong những vấn đề quan trọng là chống tham nhũng. Về vấn đề xã hội chị em phụ nữ đi lấy chồng nước ngoài, bà nói: Tôi luôn trần trụi. Pháp luật Việt Nam cho phép thôi, nhưng có những cái không bình thường. Phải làm sao để phụ nữ không thua thiệt, có được những cuộc hôn nhân bền vững và sự bình đẳng...”.

Những vấn đề lớn của đất nước đã “kéo” cả bà và người phóng viên vào những vấn đề nóng của xã hội và không hỏi gì về cuộc đời bà, trong đó có một đoạn đời quyết liệt của người tù Côn Đảo.

Trong bản tiểu sử, Trương Mỹ Hoa tham gia cách mạng năm 1960 lúc mười lăm tuổi, chứ thực ra cô bé đã biết cách mạng từ rất sớm. Từ năm 1954, cô đã tham gia phong trào thiếu nhi, lúc bố tập kết ra Bắc, má ở lại hoạt động và cô làm liên lạc. Trước ngày đình chiến 1954 đề đi ra Bắc, ba cô đi chiến đấu hay về nằm vùng ở quê cô, nhà nội có hầm bí mật làm trú ẩn, mấy chú thường hay theo về. Ở cái vùng xóm Dinh, làng Long Thuận, Gò Công ấy, cô bé đã rất thông thạo canh gác lính và làm những việc liên lạc do người lớn sai đi. Khi cha đi rồi, cô bé cứ thế quen việc đi các xã, chờ má đi gặp cán bộ. Thời kỳ Ngô Đình Diệm trút phé Bảo Đại, làm trò trung cầu dân ý, phải đem căn cước những người không đi bầu mà đóng dấu đã bầu, cô bé đã

cắm nhiều căn cước như thế đem đi để có nơi đóng dấu hợp pháp hóa. Má ghim vào trong quần một túi vải, mỗi lần đi năm cái căn cước. Một lần tò mò trẻ thơ muốn biết có gì trong túi, đến giữa đồng trống không có ai, cô lén lấy ra xem. “Má dặn không được giở ra - vậy mà tôi quá tò mò. Đây là lần không nghe lời má, đến nay má đã mất rồi, tôi vẫn còn áy náy”. Bà Trương Mỹ Hoa sau một cuộc đời dài, đã qua cả chức Phó Chủ tịch nước, nay nhắc lại vẫn như còn có lỗi. Má của bà - một người cách mạng kiên trung của một gia đình có truyền thống cách mạng, bà mẹ Việt Nam được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, nay đã khuất, bà không bao giờ biết được “lỗi” của Trương Mỹ Hoa ngày ấy, cũng như sự băn khoăn yêu thương của hôm nay.

Mở ra mấy cái căn cước có hình, chưa đóng dấu, lúc về thì thấy có dấu, cô bé mới biết mình vừa đi đến nhà bác Mười là để có dấu cho các căn cước được hợp pháp. Căn cước của các chú hoạt động cách mạng phản đối trò hề bịp bợm nên không đi bầu cử. Thế là cô bé biết người nào tốt, loại nào không tốt, dù nhà ở phố Chợ đủ loại người. Nếu nói đến cách mạng, phải tính từ lúc đó. Một lần cô được tham gia đồn trấu vô bao nhưng không biết để đốt đồn bốt. Cách mạng không ai dạy nhưng sống ở môi trường như vậy hiểu ba má đang làm việc tốt. Tuy còn ngây thơ, Mỹ Hoa biết mang máng người tốt kẻ xấu. Cô không chơi với người Tàu, do ngây thơ hiểu lịch sử đất nước bị xâm lược. Những ai không giống hoàn cảnh mình, không chơi, như con nhà lính, con công

chức, đám nhà giàu có, con nhà phú hộ, địa chủ. Sau này khi lên Sài Gòn, cô xóa bỏ định kiến với người Tàu vì cô gặp được những đồng chí người Hoa làm cách mạng, nhất là sau khi ở tù Mậu Thân 68, gặp gỡ hiểu biết chị em người Hoa cùng chí khí, càng biết phân biệt nhận ra một cách đúng đắn người tốt, tiến bộ.

Khi Mỹ Hoa còn nhỏ, lúc mới mười hai tuổi, hai chị em đi bộ từ trường về nhà xa tới 7km khi lên tỉnh học. Hai chị em đi giữa đường vắng, bỗng thấy má bị lính giải đi ngược trở về tỉnh. Má bị bắt. Đường rất xấu, không có xe cộ nên lính giải má đi bộ. Gặp má ngay ngã ba Vạn Thắng, hai chị em ôm chầm lấy má la khóc giữa đường. Má bình tĩnh dặn: Má bị bắt rồi, các con về chịu khó lo cho em út, má không làm điều gì xấu đâu. Rồi má sẽ về. Nhớ báo cho nội biết.

Hai chị em vội vã vừa đi vừa chạy về nhà. Chị Hai (Mỹ Lệ) rẽ bờ kênh đi xóm Dinh ngay. Mỹ Hoa còn nhỏ cứ nghĩ đơn giản là báo bà nội cho bà biết, cô không hiểu đó cũng là ám hiệu má dặn báo cho tổ chức. “Không có chứng cứ gì. Má cũng chẳng khai báo, chẳng nhận gì nên chúng giam má hai năm ở Gò Công - Mỹ Tho rồi thả về”. Mỹ Hoa nhớ lại, dạo đó gần Tết. Trời gió nhiều. Ngoại đóng cửa sớm. Má có tiệm may sạp vải ở chợ vẫn dạy may. Nay sáu chị em nheo nhóc vừa tự lo cho nhau, vừa có sự đùm bọc của ngoại và các dì. Bé Hiền còn nhỏ, tối đến sang bà ngoại ngủ cách đó một căn. Chợ nghe tiếng xe ngựa dừng trước nhà và có người kêu cửa. Má về! Cả sáu chị em mừng rỡ, bà con hai bên phố dấy hết chạy sang thăm.

Má thấy cuộc sống ở quê không ổn nữa rồi, để tránh sự nhòm ngó của tề - nguỵ, phải lên Sài Gòn thôi. Làm sao kiếm sống nuôi một đàn con để hoạt động? Má đưa chị Hai đi trước. Hai mẹ con kiếm chỗ ở, mà theo nghề của mình tìm cách bán vải ở chợ An Đông. Không vốn, không cửa hàng, mà vô những người buôn bán sạp lớn lấy hàng giá gốc đem ra rải chiếu bán. Con cái cả một đàn đông như thế phải xé lẻ chia ra mới sống nổi. Mỹ Hoa ở nhà. Nhựt ở với bà nội. Minh, Hiền, Quang ở với cậu, với dì.

Ở chợ, dần dần má lãnh đồ may. Chị Hai dạy mẫu giáo, đi học. Rồi má về quê dắt Mỹ Hoa đi. Lại xáo trộn nữa. Nhựt ở với bà nội rồi, còn dì Năm nuôi Hiền, Quang thì ở với cậu Hai. Sau này khi Minh lớn, má cũng dắt lên và tất cả các con, khi lớn lớn, má dắt làm cách mạng hết. “Tôi lên thành phố phụ má ra chợ dọn vải, chờ má đi đi về về, và cùng với chị Hai may đồ ở chợ”. Bao năm đã qua, bà Mỹ Hoa nay vẫn nhớ “hai cái cái quai nón”. Trưa, chiều Trương Mỹ Hoa đi học đệ thất. Chị Hai vừa dạy vừa học. Gian khổ chật vật nhưng má không để đàn con thất học. Ngay cả khi má phải xoay thêm nghề nấu cơm tháng cho học sinh, sinh viên vẫn không bao giờ xa rời hai sứ mạng dạy con biết làm cách mạng và chăm học.

Năm 1960 - cột mốc lịch sử - Mặt trận Dân tộc giải phóng ra đời. Chị Hai đi rải truyền đơn, rù Mỹ Hoa đi, Mỹ Hoa coi thấy những dòng chữ đầu tiên của Mặt trận vạch rõ âm mưu của địch. Ở đâu có vậy? Đừng có hỏi. Có thích làm không? Hai chị em nói với nhau, chị Hai rù vậy đó, không phải tuyên truyền, giác ngộ gì hết.

Vì sao lại “nhẹ nhàng” như vậy - cái mốc chính thức Mỹ Hoa tham gia cách mạng tình từ năm 60, đó là vì ý thức đã có sẵn từ khi còn rất nhỏ. Sau năm 1960 ở Gò Công đã có Đại hội ra mắt Mặt trận dân tộc Giải phóng Gò Công, mà được mời dự. Má liền hệ lên Sài Gòn đưa một đoàn học sinh, sinh viên có cả chị Giàu về làm đại diện thanh niên Gò Công. Mỹ Hoa cũng được về dự ở Cù Lao Cồn Cồng xã Phú Đông, nay thuộc huyện Tân Phú Đông. Mấy chú giữ ở lại, thuyết phục má: Cho một đứa ở dưới này đi, nơi này trước kia chị và anh Bảy cùng hoạt động. Thôi, làm cách mạng thì ở đâu cũng là cách mạng. Bảy Thu (tên bí danh của Mỹ Hoa) mong được như vậy lắm. Nhưng cô đã tham gia vào tổ chức và phải về căn cứ Ba Thu ở giáp Long An để học thêm. Làm cán bộ vận động thanh niên, sinh viên, học sinh đô thị, phải được học hành, trang bị lý luận. Cô nhớ những ngày sôi nổi ấy ở biên giới, nước nổi mênh mông cao đến gần hai thước, có khi phải ngồi khum khum lên trên lưng nhà sàn. Ở căn cứ, cô được kết nạp vào Đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng và không bao giờ quên những ngày học tập đầy ắp những kỷ niệm ở cánh đồng bưng nước nổi được gọi là “Đại tây dương” ấy. Cô cũng nhớ cái năm 1962 được kết nạp Đảng tại căn cứ Cù Chi, đợt 19-5, nhưng chạy giặc càn cho đến sát ngày - Lúc ấy cô mới mười bảy tuổi, sau này theo Điều lệ chính thức Đảng viên phải mười tám tuổi, cô phải báo cáo lại với tổ chức và được tổ chức công nhận như cũ.

Suốt năm 1962 và 1963 ấy thật sôi nổi. Cô tham gia phong

trào học sinh, tuyên truyền giáo dục phát triển Hội viên, đoàn viên xây dựng cơ sở, tham gia biểu tình, hoạt động vừa công khai vừa bí mật, trở thành Ủy viên Ban chấp hành Khối trường Gia Định - Tân Định. Đó là những năm mà tên tuổi của những người như Nhất Chi Mai, Quách Thị Trang, hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, thật lừng lẫy.

Thì ngày 15-4-1964 Mỹ Hoa bị bắt.

Đây là lần đầu tiên bà kể kỹ lại cuộc đời tù ngục. Kể cũng lạ. Một người phụ nữ lầy lừng Việt Nam, câu chuyện ở tù của bà thấp thoáng là chị X, chị Y gì đó trong câu chuyện của người anh hùng Nguyễn Văn Trỗi, khi miêu tả nhà tù. Bây giờ khi được hỏi về chuyện đó, bà bảo lúc ấy bà cũng đang ở cùng nhà tù, cùng đấu tranh vụ anh Trỗi với các bạn tù, khi chị Phan Thị Quyên vợ anh Trỗi bị bắt thì Bảy Thư cũng ở đó. Chị Quyên cùng giam một phòng. Còn cả một câu chuyện đời tù rất nhiều tình tiết mà bà chưa từng kể bất cứ đâu. Người ta chỉ biết gia đình bà là gia đình cách mạng, có mẹ là Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, có tử tù thoát chết, có nhiều người ở tù, có nhiều chị làm lớn, học cao, kể cả tiến sĩ, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch nước, nhưng cuộc đời ở tù của bà có nhiều câu chuyện chưa từng kể ra.

Câu chuyện Bảy Thư bị bắt lúc mười chín tuổi, đang tham gia đợt tuyên truyền đợt xuất, diễn ra vào thời kỳ Nguyễn Khánh lên thay Ngô Đình Diệm, tiếp tục thực hiện chiêu bài của Mỹ. Ông ta hung hăng tìm cách xoay trở tình hình, ra

lệnh tổng động viên toàn lực bắt những người từ mười tám đến bốn mươi lăm tuổi vào lính. Vì thế, cách mạng cũng dồn sức cho phong trào chống bắt lính, chống quân sự hóa học đường, quân sự hóa toàn dân. Các cánh hoạt động đều phát huy sáng kiến truyền đơn, khẩu hiệu, cờ, biểu ngữ chống bắt lính, kẻ cả khẩu hiệu viết trên tường.

Dùng trái cau vẽ khẩu hiệu lên tường, cau tác dụng với tường vôi nó thành màu đỏ rất nổi. Mà đi đường mang theo trái cau không sợ bị nghi ngờ. Mà màu đỏ tươi của cau địch không xóa được, trừ khi đem quét vôi lên mới hết. Nếu muốn giăng khẩu hiệu thì quăng trên dây thép.

Cô bé ngày xưa do nhà nấu cơm tháng nên đã đi gánh nước đêm. Có đêm cô gánh tới 25 đôi nước, người tương chừng như không còn lớn nổi nữa. Vì vất vả sớm hôm quen rồi, cô thường hoạt động vào cả đêm khuya hay tảng sáng. Truyền đơn, thư kêu gọi bỏ trong phong bì, cô nhét vào khe các cửa nhà.

Đêm hôm đó, hai chị em đi hoạt động, có thùng gánh nước để nguy trang. Đám thanh niên Cộng hòa nghi ngờ vì có thùng không. Chị Hai giải thích là đem thùng xấu đi xếp hàng. Nhưng rồi ở đó không được. Má bảo tém dẹp công việc làm ăn, bán nhà dọn đi nơi khác. Mỗi người ở mỗi nơi. Thế là các cô thoát ly gia đình từ đó.

Chuyện bị bắt diễn ra ở khu vực Nancy, phía nam thành phố. “Tôi phụ trách mấy tổ ở chợ An Đông, đường Nguyễn Trãi và khu vực chỗ Nancy. Hôm đó còn phân tôi với Hồng Loan (bí danh Bảo Thủy) đi bỏ nốt thư và truyền đơn vào

các cửa nhà. Lúc đó tảng sáng. Không may, chị em chúng tôi lúi húi bỏ thư ở bên dưới, không thấy một tên có vẻ làm lính hay sao - nó dậy sớm đang tập thể dục trên sân thượng nhìn thấy. Nó chạy xuống mở cửa rượt theo. Chúng tôi ù chạy, Loan thoát, còn tôi bị té, nó chộp tôi. Đây là phó Trần Hưng Đạo, đối diện Nha Cảnh sát Đô Thành. Tôi liền la lên: bà con ơi, tôi đang đi đứng tự nhiên ông này ông ôm tôi - để hy vọng bà con tốt hai bên phố sẽ tìm cách thoát. Dân hai bên nghe tiếng la đều mở cửa ra xem, thấy dân bu đồng, tên này nói to: Con nhà này đi rải truyền đơn, nên tôi bắt nó. Trong đám người dân phố, tôi thấy có ông thầy giáo mình, cũng dân kháng chiến cũ, thầy nhìn tôi thông cảm, hôm sau vào trường, thầy kể với người bạn thân của tôi: “Thấy con nhỏ thương quá”. Nhưng không ai làm được gì. Tôi la quá, nó kêu các công an gần đó còng lại, bỏ lên xích lô máy chở tôi băng qua đường về Nha Cảnh sát Đô Thành. Tôi vẫn la lớn: Tôi làm gì mà bắt tôi. Tôi làm việc phải, có gì bắt tôi! Chính câu đó sau này nó vạ tôi mãi. Làm phải là làm gì. Khi về đến Nha cảnh sát Đô Thành, tôi mới biết tên bắt tôi chính là Huấn luyện Cảnh sát.

Ở khu vực đó, bà con lao động ít, công chức nhiều và rất nhiều công an. Nó đánh liền và bảo: “Con nhỏ rải truyền đơn. Rồi nó đi thu lại ở các nhà”. Bà Mỹ Hoa nhớ lại khá kỹ chuyện đã cách nay nửa thế kỷ - Cô bé Mỹ Hoa lúc đó bắt đầu phải chuẩn bị suy nghĩ đối đầu với một tình huống khó khăn. Đầu tiên là phải khai tên gì, lý lẽ sao.

Cô khai tên Nguyễn Thị Tâm - cái tên chọn lựa khá kỹ,

nó có ý nghĩa với cô. Tên Tâm có hai ý: Thứ nhất là không trùng với các đồng chí đồng đội, thứ hai nó khẳng định cái tâm vững vàng. Cô vẫn còn nhớ thầy giáo dạy viết chữ tâm. Xấu tốt là do tâm ta, cái tâm là lòng con người kiên tâm với lý tưởng. Cái tên ấy cần tiêu biểu cho cô lúc này. Còn quê quán, khai sao cho nó không điều tra được. Cô khai cô ở Cai Lậy - Mỹ Tho vì cô biết xã đó là xã giải phóng, nó không thể vào đó xác minh được. Mồ côi. Ở với bác đi học, thi trung học đệ nhất cấp bị rớt, nay lên thành phố tìm nơi luyện thi miễn phí.

Cái đoạn lên Sài Gòn ở đâu? Cô khai là có nghe nói bà chị ở đâu mạn Gò Vấp, chưa lên lần nào, chưa hỏi tới nơi thì bị bắt. Còn việc chính là rải thư và truyền đơn thì cô dựa vào việc Hồng Loan đã trốn thoát, nên bịa ra chuyện dọc đường lên Sài Gòn, ngồi trên xe làm quen một chị. Chị đó bảo biết trung tâm luyện thi và sẽ dắt đi tìm nhà bà chị luôn cho. “Tôi đi với chị đó. Trời còn sớm nên hai chị em đi tìm đồ ăn sáng, chị làm gì tôi không biết. Khi thấy chị chạy, tôi chạy theo”. Nghe câu chuyện đơn giản và hợp lý, nhưng bà Mỹ Hoa báo: Giữ được lời khai đó là bị đôn ba tháng trời thừa sống thiếu chết. Nó không xác minh được (khai học trường Hùng Vương - Mỹ Tho, nó không đi điều tra vì học trò nghỉ hè hết rồi). Không xác minh được gì, không khai, không giấy tờ. Chúng đưa ra tòa kêu án 18 tháng tù, tội phá rối trị an, có khung hình phạt nhẹ nhất, chứ nếu tội phản nghịch thì phải năm năm trở lên.

Thường thì được ký cung là hết đánh, nhẹ nhàng hơn nếu

bắt có chứng cứ thì chỉ ra tòa. Lúc chưa ra tòa, do Nha tổng tù nhân không có chỗ giam, nó đưa Mỹ Hoa lên Đền lao Gia Định nên lúc chị Quyên được thả, không có Mỹ Hoa ở đó. Khi hoàn thành hồ sơ ra tòa, nó đày Mỹ Hoa đi Thủ Đức, Chí Hòa, Tân Hiệp (Biên Hòa), hai lần đày ra Côn Đảo.

Khác hơn các anh chị em tù khác, cô là người bị đưa ra tòa hai lần, vì tòa xử án lần hai do cô khiếu nại, tố cáo bị bắt oan, vô tội, tuổi mười bảy còn là vị thành niên. Nó mỉa dân xử lại, nhưng không xử theo nội dung chống án mà khép tội danh mới “Thành phần cứng đầu ngoan cố chống chào cờ, không thi hành nội quy của các trung tâm”, 18 tháng tù. Luôn luôn cô nói với bọn chúng: Tôi bất mãn chế độ lắm. Tôi là học sinh, bị giam cầm, không đi thi được. Có tên hỏi: Thế xưa mày đi học có chào cờ không? Có! Thế sao bây giờ chống? Vì trước chưa hiểu. Nay đã bị đòn roi, đóng đinh, các ông vô nhân đạo, còn bắt ở tù, giam hãm tuổi thanh xuân trong tù. Nhiều chị sống chung với còn bị giam cầm tàn phế. Bây giờ tôi mới hiểu rõ bản chất chế độ xấu xa của các ông nên tôi không chào cờ.

Có lần cô hát bài *Giải phóng quân một lần ra đi*. Một tên cải huấn rình nghe được báo cáo lên: Trại D biệt giam chống chào cờ còn hát bài *Giải phóng*. Khi bị bắt lên tra hỏi, cô nhận và hát lại cho chúng nghe bằng bài khác: *Đoàn học sinh*. Các má các chị “tấn công”: “Nó còn trẻ, tuổi bay nhảy, có gì mà tra hỏi. Các ông giam cầm nó, nó buồn nó hát”.

Trong thời gian ở trại D biệt giam (nhà lao Thủ Đức), đợt

Mậu Thân 1968 có xảy ra một chuyện mà bà Mỹ Hoa cho là một kỷ niệm không thể nào quên.

“Bữa đó tôi bị tiêu chảy, đúng vào dịp sắp tới ngày 20-7- ngày quốc hận của tụi nó. Thường những dịp như vậy chúng rất hay gây sự. Mấy chị kêu y tế xuống, cho thuốc uống cũng không cầm, yêu cầu cho tôi đi nhà thương Chợ Quán. Những dịp người tù đi nhà thương như vậy kết hợp lấy thông tin tranh thủ từ bất cứ nguồn nào nghe được. Nhưng mới cho đi được một ngày, truyền cho chai nước biển lại đưa gáp về nhà tù, khi về không đưa trở lại phòng cũ mà giam chỗ khác. Ngồi đó chờ lệnh!”. Bà Mỹ Hoa miêu tả cái chỗ đó để tạm giam. Đó là khoảng giữa của hai cái phòng: Bên trong là một phòng đóng cửa, bên ngoài là phòng giám thị trực, cùng ngồi đó có cả hai bà tù thường phạm. Thấy dấu hiệu không bình thường, Mỹ Hoa gặp giám thị đòi trả cô về phòng, và đòi gặp Quán đốc trại giam. Chiều đó chúng kêu cô “lên họp”. Có mặt từ Quán đốc trưởng an ninh, Trưởng cải huấn đủ cả bàn oval khoảng hai mươi người. Chúng “giáo dục” đấu lý với cô gái tù nhân bệnh tật, gầy nhom tới mấy tiếng đồng hồ liền.

Tên Đại úy nói trước: Đại úy nói con Tâm nghe. Hứa danh dự đây: Sẽ thả liền nếu chỉ chịu chào cờ thôi. Cô gái nói việc chống chào cờ cô đã quyết định làm từ lâu rồi. Ở nhà lao Gia Định hay Thủ Đức cũng vẫn thế.

Tên Đại úy: Cô còn trẻ. Cô cứ nghĩ xem hàng ngày gia đình cô tụ tập quây quần bên bữa ăn luôn thấy một cái ghé trống của con Tâm. Cô không thương ông bà cha mẹ à? Cô

về đi để đáp lại tình thương của gia đình. Nếu cô không về, ngày qua ngày người ta không còn nhớ cô nữa và dẹp cái ghế, xóa mất hình ảnh của đứa cháu bất hiếu đi.

Bây Thư trả lời: Không phải tôi không thương gia đình. Các ông nếu không tha tôi, thì ngày nào gia đình tôi cũng thấy một ghế trống ở bữa cơm, sẽ ngày nào cũng oán giận các ông giam cầm đứa con của mình và nhớ thương chứ không trách tôi, mà khi oán trách là oán trách chế độ ông.

Chúng ra điều kiện muốn đi chữa bệnh phải ra chào cờ. Nếu không chịu sẽ khiêng ra bắt chào. Cô gái trẻ tức giận nói: Nếu các ông khiêng tôi sẽ lăn xuống đất nhất định không chào. Đại úy nóng lắm á, đừng nói xóc óc. Ông muốn đánh thì các ông cứ đánh, đừng vin vào cớ nóng hay lạnh. Bàn chất các ông ác như vậy rồi mà. Còn tôi căm thù, bắt mẫn sâu sắc lắm. Có chết tôi cũng không bao giờ chào cờ. Thà thì thà đi, không điều kiện gì hết. Cô cứ đối đáp thế trước cuộc họp có bao nhiêu người dự. Tên Đại úy phản ứng lại các lời buộc tội chế độ lao tù dã man. Nó bảo: Cô ở tù, ngồi không, chẻ sợi tóc làm tám, cái gì cũng thắc mắc. Cô toàn cộng thêm.

Bây Thư bảo: Tôi có thực tế sống hàng ngày. Tôi nhìn rõ bản chất chế độ ông rồi. Cờ ông, ông cứ chào. Còn tôi thì thà chết chứ không chào đâu.

Đấu lý “giáo dục” mãi không được, chúng cho cô về chỗ lúc này. Không thấy ba chị tù nhân mặc áo đen khi trước ở phòng bên trong, lúc ấy qua khe cửa cô đã thì thảo báo cho họ biết là cô ở bệnh viện về, nó không cho về với chị em mà

giam một mình ở đây. Bây giờ nó đưa ba chị đi nơi khác và tống cô vô đây.

Cô nhìn kỹ. Có vẻ là cái nhà kho được liệu, tù đông quá không đủ chỗ nhốt, chúng cho vào đó. Khi trở lại, Bà Thu thấy vẫn còn ba chiếc chiếu, còn hai bà tù thường phạm thì cũng đã dời đi chỗ khác. Tên quản trại Dương Ngọc Minh muốn tách cô ra giam một mình không cho về phòng giam tập thể, không cho tiếp xúc với ai để dễ bề bắt ép chào cờ.

Qua diễn biến tình hình, đến giờ phút này, Mỹ Hoa thấy rõ âm mưu xé lẻ, rún ép chào cờ hạ uy thế cách mạng. Âm mưu này bắt đầu từ cô, vì lúc bấy giờ cô là người trẻ nhất trong số chị em tù chống đối chào cờ; thành phần học sinh chúng cho là tư tưởng bấp bênh. Và lại trong hồ sơ hoàn toàn không phải là “Việt cộng”, nó cho là dễ tấn công và dễ đạt mục đích. Từ nhận định đó, đối với cô, cuộc chiến đấu mới được bắt đầu. Làm thế nào để bẻ gãy âm mưu đó? Nếu thực hiện được ở cô thì nó sẽ dẫn tới với những chị em khác.

Tối đó cô ngồi quan sát. Rõ ràng phòng bố trí không phải phòng giam nên không có các khóa cửa chắc chắn. Chốt cửa chỉ là cái cây ngang cột dây đay chốt lại như then cài tạm bợ. Đây là cơ hội để cô thực hiện ý định của mình. Trong đầu cô miên man suy tính.

Khoảng 9-10 giờ, tỉnh cờ cô nghe tiếng tên quản trại Dương Minh Ngọc xuống tán tỉnh bà giám thị Liên và bà Vân Anh y tá đang trực. Đối thoại qua lại cũng khá lý thú.

Khoảng 12 giờ (giờ gác mỗi một), Bà Thu lấy cái khăn

mùng che kín cửa để ngoài nhìn vào không thấy gì, cô làm một hình nộm giả người đang nằm ngủ. Ba chiếu các chị để lại, cô lấy hai chiếc bó tròn lại, ba lô đựng quần áo để làm đầu, chiếu xếp tròn để làm thân, cái thau nhựa nhỏ màu đỏ đi Báy gởi vào cho úp lên giả làm cái bụng, đắp chăn lại trông như người đang ngủ, hai tay gác lên trán, dép để dưới chân quay mũi ra. Cô nhìn đi nhìn lại trông giống lắm, nhất là đặt chỗ người nằm mà từ khe cửa sẽ nhìn vào, nếu giám thị kiểm tra là dễ thấy nhất.

Cô lấy mảnh võ lười lam hời chiều đứng bên cửa sổ, lấy móng tay cạy lên, do chị em tù cố ý nhét vào, để thực hiện việc mở cửa. Phòng ngoài là phòng giam cô hời chiều, cũng là phòng thay quần áo của giám thị, cửa luôn mở toang. Phòng ngoài nữa là phòng trực của giám thị trại tại cửa Zone. Cái cửa cột bằng sợi dây đay, mảnh lười lam này có thể cắt đứt sợi dây không khó. Nếu mở cửa làm rớt cây then ngang sẽ động, cô rút dây chiếu xe lại, đo gập, nắn xong nối một đầu dây, tay trái nắm một đầu dây ngắn, tay mặt nắm đầu dây dài từ từ buông nhẹ tới đất êm ru, không gây tiếng động. Cô vội vàng đi ra, cột dây thọc vào then cài như cũ. Khi đi khỏi phòng giam cũ, cô đã cố ý mặc hai quần hai áo trên người, một ít tiền và một chai dầu mang theo người.

Cô quyết định chờ đến 4 giờ sáng, giám thị trực mở cửa cho mấy anh hòa thực đi nấu ăn sáng, mình sẽ lên vọt ra. Nhưng bây giờ ra rồi khi trời còn quá sớm, mà ngòai đây mãi sợ lộ. Cô nhìn thấy một cầu thang lên, liền men theo. Một cái kho đồ cũ đã lâu không có ai lên, chuột ia cứt đã khô, đồ đạc

đề lộn xộn. Ngồi một lát cô chợt giật mình, thấy một hình người lơ mờ trong bóng tối, bình tĩnh lại thì đó là một hình manơcanh bằng nhựa. Một phen hú vía. Cô lần đi vài mét, có thể nhìn xuống cái phòng lúc này cô làm hình nộm giả người. Hình nộm vẫn nằm “ngủ”.

Mấy lần cô bò lên, bò xuống cái cầu thang, không biết thuốc lào của ai để đó, bị đụng rớt cái bộp, cô một phen đứng tim. Nhưng không ai nghe thấy. Có lẽ bà Liên đang ngủ say. Trong đầu cô đang nảy ra ý định, hay lấy áo giám thị mặc trốn ra ngoài may ra về đời được? Cô mặc thử vào cũng vừa vặn, lên nhìn bà Liên nằm xây mặt vào trong; cô lom khom ra khỏi cửa phòng, nhưng cửa phía ngoài vẫn đóng chặt, cơ hội “đi ra” khó, thường thì 7 giờ sáng, khi bắt đầu làm việc, cửa mới mở để cho nhân viên vào. Cô lom khom trở vào cởi áo máng lên, nép mình chờ đợi để đi “trờ vô”.

Đúng 4 giờ sáng, giờ mà cô mong đợi, bà Liên kéo cửa sắt xách xâu chìa khóa đi. Bảy Thư trèo xuống cửa. Cô muốn làm sao chạy về cái phòng giam chung với các chị em tù, để báo cáo tình hình của mình cho tập thể biết. Cô lên đi ra cửa, ngang qua một cái sân 20m, qua cái lô cốt, hội trường, qua hai trại tù, chị em đang ngủ yên. Trước khi vọt xuống cái bậc tam cấp thụt hẳn xuống. Đó là biệt giam D của cô, lòng mừng khắp khơi. Cô bỏ cái quần ngoài khoác lên vai, lưng phủ sao cho che bớt cái áo trắng, trong lòng vẫn toan tính lên tiếng sao cho các chị nghe thấy tiếng mình mà không kinh động. Là bởi cái cửa phòng giam cô là chỗ đi Sáu Xê nằm và khi có bọn nào đèn rình mò bên ngoài là bà hay la

lên. Cô sợ khi mình tới, bà Sáu tưởng kẻ xấu lại la lên thì kinh động hết.

Cô cất tiếng nhẹ nhàng: Di Sáu ơi con là Tâm nè! Con đi bệnh viện nó bắt cóc con, không cho con về phòng, ép chào cờ, con núp ngoài này, chờ sáng nó đưa cháo, con chạy vào và công khai la lớn để các chị đấu tranh. Di Sáu nghe xong. Các chị, các di phải tìm cơ hội sao cho có thể mở cửa khóa cho Bảy Thư lọt vào. Cô nép mình vào miệng cống, dưới bậc tam cấp, đầu ló ra như con rùa, nghe tiếng giám thị Liên hỏi: phòng nào kêu y tá? Có tiếng đáp: Trại D! Ai bệnh? Chị Yên. Bệnh gì? Đau bụng đi chày. Mỹ Hoa mừng chày nước mắt, đã hiểu kế hoạch các chị. Bà Liên về, một lúc sau y tế xuống. Trời mưa lâm râm, khi y tá vào, mời bà Liên giám thị vào phòng, thực ra giám thị rất kiêng khi vào phòng tù nhân, nhưng vì trời mưa nên bà Liên buộc lòng phải vào phòng, cả một nhóm người bao quanh, một vài chị lại ra cửa. Lợi dụng lúc lộn xộn đó, Tâm (Bảy Thư khai tên này và nay thành tên cô trong tù) len vào chỗ của mình, đắp mền nằm im. Sau khi khám xong họ đi ra, cửa đóng lại, cô mới ngồi dậy, các chị xúm lại mừng rỡ, cô báo cáo tình hình chung và diễn biến đầy đủ về tình hình địch bắt cóc cô, khi nghe xong tập thể bắt đầu bàn bạc. Đây là âm mưu bọn họ định xé lẻ chị em ra để lung lạc tinh thần.

Bây giờ phải có kế hoạch đối phó ngay, bọn nó không để yên. Vì sao Tâm lại có mặt ở đây cùng chị em? Phải giải thích thế nào khi đám cai tù tra hỏi việc này? Nó sẽ có kế hoạch để đàn áp chị em, vì để một người tù “biến mất” khỏi

nơi giam là lớn lắm, thế nào nó cũng kết tội qua vụ “trốn tù” này. Ngay việc cô về đây lúc nào cũng thành vấn đề gay go, phải tìm ra lý lẽ hợp lý. Về vào ban đêm sẽ bị kết tội phá rối trị an.

“Tâm về phòng từ lúc sáng, khi người ta đưa cháo vô, còn đi thế nào thì cứ hỏi con Tâm, chị em không biết, vì chưa kịp hỏi, chỉ một mình Tâm trả lời, không để bị lọt chọt”. Đó là kết luận thống nhất của tập thể đã bàn.

Đám cai tù phát hiện ra Tâm biến mất như thế nào? Có một chị chống đối chào cờ khá quyết liệt nhiều năm, chúng cũng rất nể, chị đã từng ở phòng kỷ luật chung với Tâm. Có lẽ vì hoàn cảnh gia đình bức xúc thế nào đó nên chị chấp nhận chào cờ để được về. Biết chị đã từng giam chung với Tâm, tên Dương Ngọc Minh tìm ra ngay cơ hội để lung lạc Tâm. Hăm muốn Tâm chứng kiến cảnh chị ra về, nên bảo “Đặt con bé Tâm lại đây”. Định dùng tình cảm chị em để thu phục Tâm. Bà giám thị xuống phòng kêu mấy lần mà không thấy Tâm dậy, khi hát tung các mền ra thì thấy hình nộm đang ngủ. Lúc đó mới tóa hòa đi tìm, thấy “người ngủ giả” với các chậu thau úp làm bụng vẫn đang “ngủ”, còn Tâm biến mất. Tưởng là cô vượt ngục nên nhà tù áp dụng ngay phương án khi có trốn trại: Tất cả các cửa phòng giam đóng hết, thiết quán luật, “nội bắt xuất, ngoại bắt nhập”, tiến hành điếm danh các trại, nó bắc loa phát lệnh liên tục. Lệnh cho phong tỏa, truy nã các ngã đường. Hôm đó, chị Hai Tô trực nhật quan sát bên ngoài, báo tình hình cho chị em: “Cha con nó chạy có cờ, mặt mày xanh lét, các trại tù xôn xao, mất tù

dâu phải chuyện chơi. Đề bớt căng thẳng độ nửa giờ sau, chị em đồng ý gọi giám thị báo Tâm có mặt ở đây”.

Có tới năm mươi linh kéo xuống xông vô trại. Một cuộc chiến đấu mới sắp diễn ra. Lý lẽ của Tâm sẽ là: Cô phải được ở đây, không đi đâu, bởi đau ốm đòi đi bệnh viện còn bị lường gạt, không giữ lời. Giăng co bằng lời không xong, chúng đem băng ca vào định khiêng Tâm đi. Rình lên băng ca, Tâm lăn xuống phản đối quyết liệt. Chị em cũng phản đối không cho đi vì lý do Tâm đang bệnh. Cuối cùng chị em đưa ra yêu sách: Nếu đưa Tâm đi đâu thì phải có chị em đi cùng, nó chấp nhận. Chị em vừa đi vừa tố cáo, la to âm mưu bắt cóc, ép chào cờ cho các chị trại xung quanh nghe. Các chị ở các trại cũng lên tiếng phản đối.

Khi băng ca khiêng lên tới cửa Zone, từ ngoài sân nó bắt đầu đàn áp, rồi đánh xối xả. Nó tách riêng từng người ra để lấy lời khai. Chị Bạch Mai bị nó đánh tét đầu, đổ máu.

Với Tâm, một cuộc xét hỏi bắt đầu:

- Về lúc nào?

- Hồi cháo vô. Tôi đi công khai, không trốn.

Dương Ngọc Minh khăng khăng buộc tội: Chắc là vô lúc trại D kêu y tá? Tâm chỉ nói bệnh quá, phòng lại ướm dột nên về với chị em, còn kêu y tá hồi nào không biết! Mấy ông ác quá bây giờ còn buộc tội tôi cái gì?

Dương Ngọc Minh vẫn lớn tiếng: Nó phải ra từ chiều qua, núp đâu đó tới khi mấy bà kêu y tá. Tôi đảm bảo như vậy, không đúng chặt đầu tôi đi! Nó cứ khăng khăng cố thủ lý lẽ nhằm buộc tội nặng cho chị em.

Tâm chợt nhớ câu chuyện khi Minh xuống tán tỉnh bà nữ giám thị và bà y tá. Vũ khí đó rồi. Cô tấn lại, cô hỏi: Nếu tôi đi từ lúc chiều qua, sao tôi biết ông gặp bà giám thị và cô y tá nói gì lúc 9-10 giờ đêm, có cần thuật lại đầy đủ không?

Đụng vào điểm huyết rồi, sợ mọi người nghe được câu chuyện đêm qua của ông ta, Minh vội vàng “Thôi thôi khỏi nói đi”. Giăng co, cuối cùng nó cũng cho kết thúc. Chị Bạch Mai bị tét đầu, khâu tới sáu mũi, không cho về phòng mà để ở chung với Tâm. Họ đưa Tâm trở lại căn phòng cũ nơi cô bày ra hình nộm. Hai chị em tuyệt thực để phản đối, đòi trả về phòng. Còn các chị em đưa về buồng giam. Chị em lần thực ăn cháo, đấu tranh đòi trả Tâm và Bạch Mai về phòng.

Sáu ngày oằn oại đấu tranh với địch, vì sự kiên định, lý lẽ của tập thể, sự mâu thuẫn nội bộ của cấp dưới đối với quán đốc Dương Ngọc Minh và sự không hợp tác của các nhà lao khác, vì Ngọc Minh có ý định đưa hai người này (Tâm và Bạch Mai) để dẫn mặt phong trào đấu tranh, nhưng các nơi khác đều không nhận vì cho rằng đây là thành phần chống đối, bất trị. Cuối cùng địch nhượng bộ, giải quyết yêu sách phải trả Tâm và Bạch Mai về phòng. Đây là cuộc đấu tranh thắng lợi chống việc xé lẻ, rún ép bắt chào cờ hạ uy thế cách mạng, bẻ gãy âm mưu “đưa biệt giam xuống kỷ luật, từ kỷ luật rún ép ra chào cờ địch”.

Phải thấy cuộc đời người tù cần tập thể thế nào mới hiểu hết ý nghĩa thắng lợi đã giành được.

Chuyện người chiến sĩ ở tù bị đày đọa, đấu tranh bị bỏ đói, chống đói không để bị bắt rời xa tập thể, “đi bằng lưng”

(địch kéo lôi ra vì không chịu đi), ở Chuồng Cọp năm người có gần hai mét vuông phòng giam.

Một ngày một lon nước. Tiều tiện tại phòng. Ăn khô mục mắm đắng. Tám tháng có một bộ áo quần, xé dần hết vật, tay áo, ống quần. Bị tát với bột, phun nước, tóc dính bết không được chải, lấy lon sữa bò làm dao xen tóc. Đêm ngủ đắp mền bằng giấy đầy cát. Cát cả trong cơm gạo mục đắng, phải hớt ra, rửa cơm mới ăn được. Để đấu tranh cho được có tí rau ăn, có người tù đã phải dùng hình thức đấu tranh cao nhất là mổ bụng. Ở Côn Đảo hai lần, hơn ba năm. Tất cả chuyện lao tù ấy, bà Mỹ Hoa đã nếm trải tất cả. Từ việc bị kẻ địch lôi đi không cưỡng nổi thì làm được cái gì cứ làm: Nhắm mắt, há họng. Mãi tay trên nền xi măng đến mòn, bật máu để không còn vân tay chống kẻ thù lẫn tay chụp hình làm giả án hình sự, đối phó với Điều 14C Hiệp định Paris về con số tù chính trị, cố làm cho ít đi. Mãi tới trước Giải phóng ít ngày, Mỹ Hoa mới được trả tự do vô điều kiện ở nhà lao Tân Hiệp - Biên Hòa.

--*--

Hỏi bà điều gì sâu sắc nhất của đời người tù Côn Đảo. đời nữ tù, bà báo: Ngồi ngẫm lại, cuộc sống đó rất đẹp tình người, tình đồng chí, chị em. Nhìn lại, nói gian khổ hy sinh nhưng rất đẹp. Cái gì cũng nhường nhau, từ miếng ăn, nước uống, viên thuốc, chỗ nằm, mảnh quần, tấm áo cho tới tí bóng nắng dùi qua lỗ mái tôn. Chỉ giành nhau nhận khó.

khăn, chịu đòn người khỏe che người yếu. “Tình đó nay khó kiếm”.

Ở tù có hai việc lớn: Chống địch, bảo toàn khí tiết và xây dựng lực lượng đoàn kết vững mạnh. Lấy đâu ra sức mạnh cho người tù? Bà Mỹ Hoa: “Có xây dựng tình yêu Đảng, yêu Bác Hồ, yêu đất nước, yêu nhân dân, yêu đồng chí, đồng đội mới có sức”. Người tù thiếu mọi thứ nhưng lại thừa vì nhường nhau. “Đi không khát đâu con”. Tình người, đối xử, không bao giờ quên được. Học chính trị, văn hóa, làm thơ, ca múa, quân sự, y tế, nấu ăn, may, đan, thêu... nhưng quan trọng hơn hết, học cách sống, cách đối xử ở đời, cách đánh địch và cách làm người Cộng sản. Đó là những bài học quý báu. Con rất nhiều cha, người dù mọi miền thương yêu nhau. Người tù chỉ có tinh thần, ý chí đối chọi với sức mạnh tàn bạo. Là chiến đấu trong lòng của kẻ thù.

Người tù sợ nhất điều gì? “Sợ nội bộ mất đoàn kết, sợ bị tách khỏi tập thể. Phụ nữ đêm nghe tiếng khóa, sợ bị làm bậy”.

Khi trở lại nhà tù Côn Đảo sau hòa bình, bà có cảm nghĩ gì? “Bùi ngùi thương những người nằm đó và càng khẳng định trách nhiệm nặng hơn”. Chiến đấu có hai điều xác định: Một là, Cách mạng nhất định sẽ thắng lợi; ngay cả khi cô độc một mình, bị đàn áp vẫn phải khẳng định mục tiêu đó. Hai là, ngày chiến thắng chưa chắc có mình, chọn hy sinh vậy là cao nhất. Đối đầu cả với mọi thách thức, luôn cảnh giác với địch. Một khi chết không sợ thì không còn cái gì phải tiếc.



*Bà Trương Mỹ Hoa (thứ 4 từ phải sang)
cùng ba má và gia đình các anh chị em (1975)*

Cuộc đời tù ngục mười một năm hai lần ra Côn Đảo và sống rất nhiều nhà tù ở miền Nam, đến nay còn dấu vết gì để lại trên bà? Bà Mỹ Hoa trả lời bằng đưa bàn tay mình ra còn sẹo. Bà đã bị đóng đinh mười ngón tay. Nó treo lên xà, dùng cây đánh qua đánh lại, cổ tay nay còn sẹo lớn. Bà bị đánh roi vào mặt. “Da không phải da mình” do bị phồng, bị ném lựu đạn cay, phi tiễn tạt nước có lúc mọng lên và lột da cả gói, giống con rắn lột da, nhưng mình không sống đời như rắn. Bà là Thương binh loại 3 trên 4.

Người phụ nữ làm chức vụ cao ấy sinh trong một trong những gia đình Việt Nam điển hình. Cha bà là một Tỉnh ủy viên đi tập kết, từng làm Giám đốc Mỏ than Hòn Gai, Viện trưởng Viện Mỏ, Viện trưởng Viện Thiết kế Chế tạo máy,

Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực. Ông mất lúc mới năm mươi tám tuổi. Mẹ của bà - Bà mẹ Việt Nam được truy tặng Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Các anh chị em đều tham gia Cách mạng, giữ nhiều chức vụ quan trọng. Gia đình bà có ba thế hệ (bà, mẹ, cháu) cùng qua một nhà lao - Nhà lao Thủ Đức. Mẹ bị bắt hai lần, khi trao trả ở Thạch Hãn mới gặp chồng ở đó. Chị Hai sinh cháu Trang ở trong nhà tù Thủ Đức, “bây giờ hộp tù con Trang cũng đi”. Người chồng của bà “hồi năm 1962, Tòa án Quân sự của Mỹ - ngụy kê án chung thân khổ sai (trong Tiểu đội Anh hùng Lê Quang Vịnh, Lê Hồng Tư - ám sát Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn), tôi đã biết tên nhưng không quen”. Chỗ Chuồng Cọp bà bị giam, anh cũng đã ở qua. Họ lúc đó chưa biết nhau, chỉ chung: “mình la bên kia hỗ trợ. Bên kia ăn vôi bột, bên này cũng vậy”.

Cuộc đời của bà có rất nhiều giai đoạn hoạt động. Khi đã là Phó Chủ tịch nước, đi làm nhiệm vụ quốc tế, bà đã tới rất nhiều nước trên thế giới. Người ta hỏi cái gì giúp bà chịu đựng mười mấy năm ở tù? Câu trả lời cho cả câu chuyện dài ấy chỉ ngắn gọn: Tình yêu quê hương, đất nước.

Từ mười chín tuổi cho tới ba mươi ở tù, nhưng bà nhìn lại: Không có gì phí tuổi xuân.

NGUYỄN THỊ NGỌC HẢI

Trần Bửu Liên

(Sinh năm 1923)



KÝ ỨC NHỮNG NGÀY TÙ NGỤC

“Bà Trần Bửu Liên sinh năm 1923, trong một gia đình khá giả, quê Gò Công, nữ sinh trường Áo tím, học xong bằng thành chung, tham gia kháng chiến. Năm 1954, sau Hiệp định Genève, bà là Tổng Thư ký Ban Chấp hành phụ nữ Việt Nam, hoạt động công khai tại Sài Gòn, tham gia các phong trào đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Genève, bảo vệ hòa bình, thống nhất đất nước. Năm 1955, bà bị bắt cùng một số đồng chí khác và đã bị tra tấn dã man qua các nhà tù Chí Hòa, Phú Lợi, Phú Quốc, Côn Đảo, Tân Hiệp... Những cánh thư bà viết, vượt qua song sắt từ những nhà tù khốc liệt, gửi ra miền Bắc đã động viên những người thân vững lòng tin vào ngày chiến thắng...”.

Những cửa ải

Đó là những dòng ngắn gọn về bà Trần Bửu Liên - một cựu tù Côn Đảo mà tôi được biết qua một tờ giấy cũ kỹ, từ người em gái của bà. Nhưng người phụ nữ bé nhỏ, nhiều năm nằm trên giường bệnh kia đã có một cuộc đời lớn rộng, song hành cùng những thăng trầm lịch sử dân tộc. Và tôi, một người lớn lên sau chiến tranh đã cảm nhận về bà: một phụ nữ bé nhỏ nhưng những gì bà phải chịu đựng quá lớn. Bà Trần Thanh Tuyền, em gái của bà Bửu Liên kể: “Ngoài Bắc, tôi trải qua những năm tháng vừa học, vừa nuôi con, vừa sơ tán, vừa công tác, quả thật không dễ dàng. Nhưng so với nỗi gian khổ của chị Ba, những khó nhọc đời người như tôi nào có thấm gì. Hòa bình, hai chị em gặp lại, chị tâm sự: “Những người hoạt động cách mạng khi bị địch bắt vào tù, hầu hết đều phải qua hai “cửa ải lớn”. Cửa ải thứ nhất gọi là “ải địa đầu”. Tù nhân bị khảo tra, thẩm vấn bằng mọi hình thức để triệt để khai thác bí mật cách mạng, hầu đánh phá, tiêu diệt kịp thời. Và cuối cùng, người tù bị lập hồ sơ đầy ải hoặc thủ tiêu. Cửa ải thứ hai, người tù bị buộc phải chào cờ “ba que” của địch. Chúng lại dùng mọi cực hình tàn khốc nhất để bắt buộc người tù cách mạng phải thay đổi thái độ chính trị, đứng vào hàng ngũ dưới lá cờ của chúng. Mục đích của chúng ở cửa ải thứ hai là muốn răn đe cao độ kẻ nào, lực lượng nào dám chống lại chúng, để ngăn cản, tiêu diệt phong trào cách mạng. Khốc liệt như vậy nhưng phần lớn tù chính trị không dễ dàng bị khuất phục mà chị Ba của tôi là một trường hợp”.

Cửa ải đầu tiên bà Trần Bửu Liên phải qua là Nha Cảnh sát Đô Thành. Nơi đây, bà đã chứng kiến và chịu đựng cảnh tra tấn tàn bạo trong một thời gian khá dài. *Một ngày trong tù dài bằng ba năm ngoài đời*. Người xưa đã từng ví von như thế. Sống trong cảnh căng thẳng này người tù có cảm giác phải mất ba mươi năm và bà đã ném trái rỗng rã cảnh này trên tám tháng. Bà Bửu Liên phải trải qua cửa ải này lâu như vậy là do khi địch sắp hoàn thành hồ sơ để giải đi, bỗng có người trong đường dây hoạt động của bà bị bắt mà tù nhân ấy lại là người phụ trách bà. Người ấy khai ra rất nhiều bí mật nên bà bị giữ lại. Chúng cho đối chất, đem tra khảo nhiều lần, nhiều hình thức và lần sau cùng là giữa đêm khuya. Đêm ấy đã gây dấu ấn căm hờn đậm nét, ăn sâu trong tâm can bà về sự dã man của loài thú dữ ăn thịt đồng loại mà không bao giờ bà quên được. Về sau, bà biết thêm có nhiều nữ tù đã ném cục hình tàn khốc hơn cả mình. Số em gái nhỏ, thanh xuân khi bị bắt vào tù tuổi từ khoảng mười lăm đến mười bảy tuổi như Kiều Thu, Trúc Chi... Số em nữ thanh tuổi từ mười tám đến trên dưới hai mươi như Bảy Xuân (Bảy Châu), Mỹ, Phương Dung, Bảy Hà, Mỹ Lợi... Cả hai loại chị em này là miếng mồi ngon cho loài quỳ dữ.

Những người phụ nữ bị giam cầm trong các nhà tù được ví như “*Những cánh hoa ngược dòng*”. Đó là tên một bài hát do Nguyễn Thành Công (Hồng Nguyễn), một sinh viên tham gia phong trào đấu tranh của học sinh sinh viên bị bắt vào tù, chứng kiến cảnh kẻ thù đàn áp nữ tù nhân đã viết nên. Anh kể: “*Bài hát Những cánh hoa ngược dòng có liên quan đến*

chị Nguyễn Thị Chơn - nguyên Thứ trưởng Bộ Pháp luật. Chị Chơn đã mất vì một chứng bệnh hiểm nghèo năm 1999 nhưng những người bạn tù vẫn nhớ đến chị cùng với huyền thoại làm nên một bài hát trữ tình, thấm đẫm chất lạc quan, bi tráng. Khi bị bắt vào tù, chị đã gởi cho chồng hai câu thơ thăm gởi gắm ý chí kiên định, đề chồng chị đừng lo lắng, phân tâm (bởi chồng chị - anh Trần Bạch Đằng lúc ấy là bí thư đặc khu Sài Gòn - Gia Định nên kẻ thù muốn dùng chị để lung lạc anh). Chị Chơn đã lấy ý của một nhà thơ nói về những “cánh đào” vì dông bão đã phải ngược dòng, tan tác. Nhưng với chị, dù sống trong nghịch cảnh vẫn nguyên vẹn một tấm lòng: *“Giữa dòng thác đổ nghiêng trời đất - Những cánh hoa kia vẫn ngược dòng”*. Nguyễn Thành Công hoạt động phong trào học sinh sinh viên những năm 60, trong một lần ra khu đã nghe ông Trần Bạch Đằng ngâm nga hai câu thơ ấy. Sau đó, anh bị bắt vào nhà tù Chí Hòa. Chính nơi đây, anh đã chứng kiến cảnh chị em nữ tù bị đánh đập dã man, tàn bạo. Anh bị nhốt trên lầu, tầng trệt dành nơi giam giữ tù nữ. Hôm ấy, chúng đưa về Thủ Đức rất nhiều nữ tù chính trị trong âm mưu bí mật đẩy các chị ra Côn Đảo. Một cuộc chiến đấu quyết liệt đã diễn ra. Hình như hôm ấy có hơn 100 nữ tù chính trị đã đánh lại cảnh sát bằng đá, gậy. Những tù nam leo đến bên song sắt hỗ trợ cuộc chiến đấu của các chị bằng cách hô la. Hàng trăm tên cảnh sát đã chiến sẵn dụng cụ tra tấn trong tay: vòi rồng, phi tiễn, dùi cui, ma trắc, lựu đạn cay... Còn các chị chỉ có những tấm thân mảnh mai, yếu đuối. Trong ánh sáng lập lòe, những âm thanh gào rú, những

tên cảnh sát đã xông vào “những cánh hoa ngược dòng”. Các chị đã dùng nước tiểu, tôi bịt mũi đối phó lựu đạn cay... Cuộc chiến từ 6 giờ tối đến nửa đêm. Những âm thanh im bật, chỉ còn đọng lại trong lòng anh nỗi xót thương vô tận. Trở về trong tâm trí anh hai câu thơ bị tráng của chị Chơn. Cái chung, nỗi niềm riêng, khí phách của những người phụ nữ ấy đã thôi thúc Nguyễn Thành Công phải viết nên một cái gì đó ghi nhớ đêm hào hùng đầy máu và nước mắt này. Không có giấy bút, anh dùng âm thanh. Bài hát phải mang màu sắc dân ca Nam Bộ, nhất định là như thế. Anh tự nhủ và viết liền một mạch. Bài hát đã nhanh chóng truyền đi đến các nhà giam... Bài hát năm ấy sau ngày hòa bình vẫn được các nữ tù chọn làm tiết mục thường niên biểu diễn ngày họp mặt nữ tù. “Giữa ngàn thác lũ nghiêng trời đất - Những cánh hoa kia vẫn ngược dòng... Hoa đẹp nhất là hoa hướng dương - Người đẹp nhất là người Cộng sản - Dù có chết giữa ngục lao - Dù chị đi - dù em đi...”. Gần nửa thế kỷ, hàng vạn phụ nữ đã dẫn thân, đã hát, đã lạc quan đề “ngược dòng” cho độc lập tự do và hòa bình của dân tộc. Lớp trẻ hôm nay khó có thể hình dung những gì mà những cánh hoa ngược dòng gió bão ấy đã phải trải qua, đã phải chịu đựng trong nhà tù. Nghe bà Bửu Liên kể qua (khi bà chưa nằm liệt giường vì căn bệnh hiểm nghèo), dù chỉ một lần, tôi vẫn không sao quên được nỗi ám ảnh. “Kiều Thu, một nữ biệt động khi bị bắt vào tù chỉ mới mười lăm tuổi. Vậy mà em đã bị tra tấn đến mức xê dịch bà vai khiến một cánh tay bị xuy vĩnh viễn. Với em gái nhỏ này, chúng còn tổng vật bện vào

cửa mình, máu tuôn đầm đìa. Với thương tích nặng nề, sau ngày hòa bình, Kiều Thu vẫn kiên trì vươn lên cuộc sống. Sau này, em còn kiên cường chống chọi với căn bệnh ung thư hiểm nghèo, muốn sống những năm còn lại thật có ý nghĩa”. Bà còn kể những cực hình tàn khốc khác kẻ thù áp dụng lên những cô gái trẻ tuổi: “Các em cũng phải đi “tàu bay”, “tàu lặn”, bị tra điện các đầu ngón tay, ngón chân hoặc đầu núm vú. Có một em bị chúng bấm đuôi con lươn để nó vọt vào cửa mình. Cô gái ấy sau này công tác tại Ban Tổ chức Văn phòng Thành ủy”. Kể lại chuyện “qua cửa ải số 1”, bà căm phẫn, ghen ngào: “Ôi, nói thì tức lắm, ô ưể lắm nhưng đó là sự thật đau đớn, xót xa và tột cùng man rợ trên đời của ngón đòn kẻ ác thú. Nhưng rút cuộc, chúng vẫn không khuất phục được những cô gái trẻ tuổi ấy. Các em vẫn giữ vững bí mật cách mạng, vẫn chống chèo cờ địch và vẫn ở hàng ngũ những tù nhân chính trị kiên cường, ở kỷ luật biệt giam mãi cho đến khi được trao trả”.

Còn “cửa ải số 2”, bà Bửu Liên được ném trái tại nhà giam Thủ Đức. Ròng rã trên tám tháng ở Nha Cảnh sát Đô Thành, bà bị khảo tra, thẩm vấn và địch hoàn tất hồ sơ. Vào một ngày tháng 9 năm 1969, chúng đem bà ra xe để giải đến trại giam Thủ Đức. Ngồi trên chiếc xe bít bùng, trên đường đi, bà chuẩn bị tinh thần và tự xác định: “Tám tháng qua chỉ là cửa ải thứ nhất. Lên đến nơi, thế nào cũng trải qua cửa ải 2, phải kiên quyết chống chèo cờ địch, kiên định lập trường đứng về phía cách mạng, phía chính nghĩa, phía anh chị em đồng chí chúng ta, cho dù địch có khùng bỗ, ép buộc đến

mức nào đi chăng nữa. Trước sau cũng phải một mực, phải ráng chịu cực hình!”. Vào lúc ấy, bà rùng mình nhớ lại hình ảnh dã man, ghê rợn của đêm tra tấn sau cùng, vào lúc 12 giờ đêm tại cửa ải Nha Cảnh sát Đô Thành. Một người phụ nữ mảnh mai, ốm yếu như bà phải chịu đựng những ngón đòn ngoài sức tưởng tượng: “Đêm ấy, chúng tôi đến phòng tra khảo, bắt đứng lên chiếc ghế đầu đặt giữa phòng. Chúng lấy dây cột, treo hai tay tôi lên sàn nhà. Rồi bất ngờ, chúng xô ngã chiếc ghế đầu. Toàn thân tôi bị treo tòn ten, đung đưa cho đến khi mắt trợn tròn, tường chừng sắp bị lòi ra, miệng mồm há hốc, nước dãi chảy ròng ròng, lưỡi thè ra, tai ù, mồ hôi toát ra như tắm. Tôi sắp ngất xỉu, tường chừng thần chết kề bên. Nếu được chết vào lúc ấy, chắc hẳn tôi xem như mình được giải thoát, hẳn thấy dễ chịu hơn biết bao. Nhưng kẻ thù không để tôi phải chết. Chúng muốn tôi sống chờ chết dờ, bèn mở dây thòng lọng xuống, cho thân tôi sà xuống mặt đất. Thân thể tôi rã rời, từng đốt xương như rời khỏi cơ thể. Đến lúc đó, chúng mới kéo lê tôi trở về phòng. Hậu quả của trận đòn hôm đó là hai cánh tay tôi bị tê liệt, tới mức muốn bốc một món gì, vật gì, nhắm như đã trúng rồi nhưng luôn bốc trật, bốc hụt. Tình trạng này kéo dài khá lâu, tôi mới hồi phục được...”.

Còn hôm đó, toàn thân ê ẩm, bà cố gắng nhớ lại tất cả, cố gắng không để mình đi vào hôn mê bằng cách miên man suy nghĩ thì bỗng có tiếng xe hãm máy ngừng lại. Chúng xông vào phòng, lôi bà ra xe, đưa đến trại giam Thủ Đức, trong lúc hai tay bà vẫn còn trong còng. Chúng lôi bà xuống, đưa thẳng

vào phòng “Cải huấn”. Nơi đây, bà bỗng thấy một cô gái quen quen. Cô ta lại là nhân viên có địa vị trong phòng Cải huấn này. “Ai vậy cà?!”. Bà tự hỏi, suy ngẫm và chợt nhớ ra:

“Cô gái ấy là một người quen gần nhà chúng tôi ở thị xã Gò Công. Đó là vợ cậu bạn trai của anh họ tôi. Tôi tự đặt ra nhiều câu hỏi. Tôi nhớ trước kia hai vợ chồng cô ta đều thoát ly, cùng hoạt động cách mạng mà sao hôm nay cô ta lại ở đây, lại là nhân viên của phòng Cải huấn nguy?! Một vấn đề gì chăng? Hay cô ấy đang hoạt động điệp báo, hay là lòng người đã thay đổi. Lẽ nào cô ta cũng bị bắt vào tù, không chịu nổi những thử thách sau mấy lần qua ải nên đầu hàng, phản bội lại đồng chí mình. Nếu như vậy thì thật nguy hiểm cho chị tôi. Chắc hẳn cô ta biết rõ quá trình tôi hoạt động cách mạng từ lúc còn ở Gò Công, tỉnh Mỹ Tho. Tôi đâm lo nhưng cũng tự trấn an ngay: “Ta cứ tự nhiên - Ai có phần nấy - Ta cứ giữ thái độ bình tĩnh - Trước sau ta đã xác định thái độ cho mình rồi, đã quyết rồi! Cứ mặc nhiên thôi”.

Theo quy định của chúng, ở tại phòng Cải huấn này, tay tôi vẫn ở trong còng. Khi ăn cơm, tôi được mở còng nhưng ngay sau đó vẫn bị còng hai tay lại. Chúng không đưa tôi về phòng có nhiều nữ tù mà cách ly tôi, vẫn để tôi ngủ lại phòng Cải huấn này. Khi đêm xuống, tôi dồn hết nghị lực, cố bình tĩnh chờ đợi chúng giờ trò mới. Im lặng. Sự im lặng thật đáng sợ. Tôi trần trọc mãi không ngủ được. Quá nửa đêm, tôi mệt lả, chập chờn chớp mắt, bỗng nghe tiếng sột soạt, có tiếng chân của nhiều người nện xuống hành lang, đi về phía tôi.

Tôi định thần, tự nhủ: “Vậy là bọn chúng đang đến. Giấy phút mà mình dự đoán, chờ trước đã đến rồi. Hẳn là bọn chúng vẫn đi khùng bồng, dùng cực hình để buộc ta chào cờ “ba que” đây!”. Quả thật, chúng kéo đến phòng Cải huấn đến sáu, bảy đứa, có nam, có nữ, trên tay chúng lăm lăm đủ loại hung khí nào gậy, hèo, roi gân bò, roi cá đuối... Một trong số tên đồ tể ấy ra lệnh bịt mắt tôi, mở còng tay phía trước mà quặt hai tay ra sau lưng để còng lại rồi dẫn tôi đi. Tôi có cảm giác là mình đang đi ngang qua một sân rộng lát gạch, kế đến vượt qua nền đất có cỏ mọc um tùm (do chân tôi bước mò mẫm, vướng vào cỏ), có thể đó còn là một rừng cây rậm, bởi tai tôi nghe được cả tiếng dế kêu ri ri lẫn với tiếng nhóc nhen ra rả nơi xa, gọi lên trong lòng nỗi buồn nhớ đồng quê, nhớ chiến khu như một miền ký ức xa thẳm. Chúng kẻ tôi đi lòng vòng một đỗi, hẳn là để xa các phòng giam có chị em tù. Chúng vốn sợ tiếng la hét của chị em bị đánh đập sẽ gây phản ứng liên hoàn từ các phòng giam chị em gần đó nghe được, gây náo loạn, khiến các phòng khác tiếp sức hô la phản đối, làm ồn ào bất lợi cho chúng. Lúc ấy là nửa đêm khuya khoắt, không khí nghe hoang vắng, không biết đâu là đâu. Tôi nghe cô đơn, hoang mang vô cùng tận. Chợt tôi bị đẩy vào một căn nhà nhỏ dường như có lát gạch. Thế rồi chúng mở băng bịt mắt tôi ra...

Hai tay vẫn còn bị còng phía sau lưng, tôi nhận thấy trong căn phòng âm u không có đèn điện, chỉ được thắp sáng lù mù bằng vài ngọn nến. Ánh sáng của đèn cây vàng vọt, chập chờn lóe ra trong đêm tối âm u tĩnh mịch khiến tôi tưởng

mình như đang bị đẩy vào cảnh âm phủ mờ mờ ảo ảo có Diêm vương đang quay quần quanh một bọn quỷ sứ đầu trâu mặt ngựa dữ dằn chực ăn thịt người. Rõ ràng chúng cố tình gây ra một khung cảnh rùng rợn để áp đảo tinh thần tôi. Bỗng tên đầu sỏ giống như Diêm vương hét lớn:

- Sao, bà có muốn sống trở về gặp mặt chồng con, trùng phùng với gia đình không? Hà, trả lời đi!

Tôi cố trấn tĩnh, ôn tồn nhưng cứng cỏi đáp:

- Việc gặp mặt chồng, gặp mặt con, lẽ cố nhiên ai lại không muốn. Đó là thứ tình cảm thiêng liêng ai cũng có. Nhưng không phải vì vậy mà tôi chịu làm bất cứ điều gì theo lời xúi bẩy của các ông đâu!

Tôi chưa kịp dứt câu đã bị bọn quỷ sứ xô té sấp thật mạnh, chúi mũi, chúi mặt xuống mặt đất. Tôi nghe đau điếng, mắt hoa lên, mọi vật trước mắt tối sầm như bị trời giáng. Vì bà Bửu Liên có chiếc mũi cao thẳng, nên khi ngã xuống, chiếc mũi đẹp ấy là nạn nhân đầu tiên. Chiếc mũi thanh mảnh không chống đỡ nổi cho toàn bộ sức nặng của thân người. Bà hét lên đau đớn, tiếng hét như xé toạc màn đêm. Liên sau đó, chúng ra lệnh mờ còng tay của bà ra. Và cũng ngay lập tức, năm tên đồ tể đã được bố trí phân công trước, mỗi tên cầm sẵn hung khí, nhanh như cắt, cùng một lượt ập vào năm chỗ nhất định là hai bàn tay, hai bàn chân và móng quắt thẳng cánh tới tấp, lưng bàn tay rồi lòng bàn tay. Cũng tương tự như vậy, hai tên đồ tể còn lại đánh vào bên trái, bên phải. Đôi bàn chân thon nhỏ, trắng hồng xinh xắn của bà từng được cô em gái khen tằm tặc khi xỏ vào đôi hài thêu cũng

không thoát khỏi nhục hình tàn khốc. Chúng quát roi vào bàn chân xong rồi quát liền xuống gan bàn chân. Chân phải, chân trái của bà cùng bị quát liền một lúc do hai tên đồ tể đứng hai bên vốn tinh xảo nghề tra tấn, phối hợp rất nhịp nhàng. Mông của chị cũng bị quát cho rã rời, bầm đen. Các nơi bị đánh sưng đau cùng một lúc, làm toàn thân bà ê ẩm. Bỗng chúng cho ngừng đánh đồng loạt. Bà còn chưa định thần thì tên “Diêm vương” hỏi tiếp:

- Sao, giờ có chịu chào cờ chưa?!

Bà không còn đủ sức để trả lời, chỉ lắc nhẹ đầu:

- Không!

Bà đáp trong tiếng nói bị yếu dần. Vừa đáp tiếng “không”, ngay lập tức bà bị chúng dẫn cho chập đánh đòn lần thứ hai. Lần này hai chân, hai tay bà như từ, mông tóe máu bầm đen, sưng húp. Hơi thở yếu dần, rã rời khắp châu thân. Bọn “quỳ sù” hết đũa này rồi đũa khác xòe bàn tay sờ ngang mũi, ngang miệng bà, xem bà có còn thở không. Khi chúng dừng đánh, tên “Diêm vương” cười đắc ý hỏi tiếp:

- Sao, cuối cùng có chịu chào cờ chưa?!

Bà lắc đầu, bới không còn đủ sức để trả lời. “Diêm vương” bèn quát lớn:

- Khiêng nó bỏ xuống hồ cho chết luôn!

Bà lặng thinh, mặc cho chúng làm gì thì làm. Và chẳng, trong tận cùng bị đọa đày, chết với bà cũng là một sự giải thoát. Nhưng từ trong đáy sâu ký ức, hình ảnh năm đũa con thơ của bà lại hiện về. Mỹ Quý, Mỹ Long, Kiệt, Mỹ An, Thành, mỗi đũa mỗi vẻ xinh xắn, ngây thơ hiện ra làm bà

trào nước mắt. “Vĩnh biệt các con”, bà thầm gọi. “Các con ơi, trong cuộc chiến đấu, có khi phải chấp nhận hy sinh. Các con ở lại, thay mẹ tiếp tục chiến đấu. Đất nước bị đế quốc xâm lược, tuổi thơ các con cũng sớm bị bứt lìa khỏi mái ấm gia đình, phải chịu cảnh phân ly. Mẹ xin lỗi vì sinh ra các con nhưng không mang lại cho các con một tuổi thơ ấm áp nhưng các con có quyền tự hào về mẹ. Rằng mẹ đã hy sinh như một người lính dù trong lặng lẽ, dù mẹ sẽ vĩnh viễn ra đi trong đêm khuya tĩnh mịch này, không một đồng chí nào nhìn thấy, đưa tiền mẹ, chỉ có những ngọn cỏ ướt sương đêm dịu dàng vuốt mặt vĩnh biệt mẹ”. Bà thì thầm rồi nhắm mắt lại. Những tên “quý sứ” theo lệnh của “Diêm vương” bỏ bà lên chiếc băng ca khiêng đi. Sau này, bà nhớ như in khoảnh khắc giữa lần ranh sống chết mong manh: “Đi được một đôi, tôi khê mở mắt, nhận ra chúng đã khiêng mình đến hồ nước. Nghĩ mình sẽ bị chúng quăng xuống hồ, tôi nhắm mắt lại, thì thắm: “Thế là hết”. Nhưng chúng không dừng lại để làm công việc thủ tiêu người như lời “Diêm vương” hăm dọa mà khiêng tôi qua hồ nước, đem về cửa ngục, bỏ vào một căn phòng nhỏ hẹp, có để sẵn một khạp nhỏ tròn lùn để dùng vào việc tiểu tiện. Nhưng cơ thể tôi rã rời, nằm chết lịm trên băng ca. Nhìn tôi bị rũ liệt chi, mấy tên “quý sứ” hình như hội ý gì với nhau rồi khiêng tôi thăng đến trước căn phòng kỷ luật biệt giam sau trại A - nơi chúng đã giam sẵn một số chị em tù chính trị đã chống chèo cờ...”.

Thấy chúng khiêng đến một băng ca có một phụ nữ nằm sóng soài, rách bươm, tôi tà và dùng chìa khóa mở cửa để

đưa tù nhân mới vào là chị em hiểu ngay. Chị em chạy đến đón tiếp, dìu đỡ bà vào phòng. Gặp lại chị em, đồng chí, bà như được tiếp thêm muôn vạn sức lực, lòng nhẹ nhõm như vừa trút được một sức trĩ nặng đang diu mình vào côi chết. “Chị em ơi, các đồng chí ơi, các chị em đã cứu sống tôi rồi”. Bà muốn thốt lên lời tri ân chân thành nhưng cổ họng nghẹn lại, nước mắt trào ra. Vào lúc đó, bà cảm thấy thật an tâm, thật ấm áp, thấm thía tình đồng chí cùng cảnh ngộ tù đầy, chia sẻ gian lao, sống chết có nhau, mặc dù có thể họ chưa từng quen nhau, biết nhau nhưng bà tin chắc rằng đã có sợi dây thiêng liêng siết chặt bà và số chị em ấy - những người đã trải qua đoạn đường thử lửa. Tình đồng chí trong tù ngày ấy thiêng liêng, cao quý như vậy đó.

Ông Dân Thanh - chồng của bà Bửu Liên khi bị bắt vào tù đã làm thơ ca ngợi người phụ nữ kiên cường vượt qua “cửa ải 2” tại Tổng nha Cảnh sát Mỹ - ngụy. Lúc ấy, ông đâu biết rằng năm trước vợ mình là một trong những “Đóa hoa trong tù”, thà chịu mọi cực hình tra tấn, quyết không chào cờ địch:

*Nhìn qua Cửa gió biệt giam
Thấy ai lẩn vách đi ngang qua phòng,
Trong nhìn, ngoài cũng nhìn trong
Hỏi ra mới biết chị không chào cờ!*

*Đẹp sao như một bài thơ
Vui như mở hội, tung cờ trong tim!
Lòe lên ánh lửa trong đêm
“Năm tay tranh đấu” cất lên chào “người”*

*Lao tù thêm đóa hoa tươi
Giống hoa vụn vèn bốn mươi năm rồi!...*

Bà Bửu Liên nói: “Như vậy đó, nếu không chịu nổi cửa ài thứ hai, tôi sẽ rơi vào bi kịch cô đơn, mặc cảm vì mình đã mắc mưu địch, có khi bị giày vò đến suốt cuộc đời, chớ đâu còn được là đóa hoa tươi mãi trong lòng anh và đồng chí. Sau khi chiến tranh kết thúc, có những người đặt ngược lại vấn đề: “Ngày ấy có cần thiết phải giữ gìn khí tiết như vậy không? Cái giá chống chào cờ đôi có đắt không?! Tại sao vào tù không chấp hành mệnh lệnh để sớm ra tù, bảo toàn lực lượng cách mạng để sớm tiếp tục hoạt động v.v...”. Chị tôi và cả anh ấy đều sững sờ trước những câu hỏi đại loại như vậy, bởi việc bảo toàn khí tiết đối với những người tù rất đổi thiêng liêng. Đó là danh dự, là sinh mệnh chính trị, là ý chí...”. Bà khẳng định rằng nhờ không sợ chúng hăm dọa, không sợ chết mà bà được sống, sống đàng hoàng trong niềm tin yêu của đồng chí. Trước bà vài ngày, số chị em ở phòng này cũng trải qua những màn bị đánh đập tàn nhẫn khi cương quyết chống chào cờ địch. Bà vừa là nạn nhân vừa là nhân chứng những ngày tù ngục tàn khốc: “Chị Bảy Mất Kiếng ngồi sần sọc vết thương cho chị cũng bị tạt vôi bột vào mắt, trúng vào một bên tròng con ngươi của mắt và vậy là chị mang tật suốt cuộc đời. Số chị em trong khắp các phòng ký luật biệt giam cầm cố này cũng như hầu hết khối tù chính trị chống chào cờ (cả nam lẫn nữ) đều là đối tượng đề chúng cố

tình giết lẫn, giết mòn sinh mạng bằng cách bóp xiết cuộc sống. Chị em phòng kỹ luật biệt giam luôn trong tình trạng bị thiếu thức ăn, thiếu nước uống và thiếu nước làm vệ sinh, thiếu ánh sáng và không khí để thở, thiếu thuốc men khi ốm đau... Nhưng các chị luôn sát cánh bên nhau mỗi khi bị địch đàn áp, thương yêu, lo lắng, chăm sóc cho nhau, cùng chia sẻ đắng cay ngọt bùi, sống chết có nhau. Chính lòng tin yêu đã truyền thêm sức mạnh, nên dù cuộc sống trong tù có khắc nghiệt, gian khổ đến đâu vẫn vui sống lạc quan, kiên gan bền chí chờ đợi, tin tưởng mãnh liệt vững chắc vào chiến thắng vinh quang sau cùng của đất nước, của dân tộc”.

Cho đến ngày ký Hiệp định Paris, được trao trả tù binh, niềm tin của bà Bửu Liên đã trở thành sự thật. Và cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975, niềm vui của hai vợ chồng bà hòa vào niềm vui lớn của toàn dân. Tuy nhiên từ phòng biệt giam Thủ Đức đến sân bay Lộc Ninh còn là con đường đấu tranh trong tù đầy vinh quang, máu và nước mắt...

Những người lạc quan ở Côn Đảo

Thời chưa lâm bệnh nặng, cứ vào ngày mừng 6 Tết, bà Bửu Liên đều tham gia biểu diễn nhân ngày họp mặt nữ tù chính trị và tù binh hàng năm, được tổ chức tại Bảo tàng Phụ nữ Nam Bộ. Bà Thanh Tuyên nói: “Nhìn các chị cựu nữ tù biểu diễn văn nghệ tôi rất xúc động. Tôi muốn thay Chị Ba giải bày cho chính thể hệ con cháu trong gia đình mình, rằng nếu không có những bài hát một thời được viết nên bằng máu tim, cùng hát lên để truyền nhau niềm lạc quan, sức sống thì

chị tôi không thể sống đến hôm nay. Phải nói Chị Ba có một phẩm chất đáng quý là lòng nhiệt tình, say mê hoạt động trong bất kỳ hoàn cảnh nào”. Sau Mậu Thân, bà Bửu Liên bị kêu án bảy năm cầm cố. Ròng rã suốt thời gian sáu năm tù, bà luôn cùng chị em tích cực đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, vừa cải thiện đời sống, vừa nâng cao uy thế cách mạng. Ngay ở Nha Cảnh sát Đô Thành, khi chưa hoàn thành hồ sơ thẩm vấn, trong sự kiểm soát vô cùng gắt gao của địch, bà vẫn tìm cách dạy văn hóa, hướng dẫn, cùng chị em tham gia văn nghệ. Bà còn tìm cách tạo ra những bộ “tủ lơ khơ” để chị em tiêu khiển thì giờ, không bi quan, buồn chán, nghĩ vẩn vơ. Bốn bức tường nhà giam không đê bẹp được ý chí người cách mạng. Những người tù chính trị tranh thủ thời gian học tập, rèn luyện. Nhà tù là trường đại học lớn nhất cho người cách mạng, những ai đã trải qua càng thấm thía. Bà vẫn hay kể chuyện trong tù cho con cháu nghe. Sáu năm dài sống trong tù ngục Mỹ - nguy, bà có biết bao điều để kể. Liên tục qua các nhà lao, như ở phòng biệt giam sau trại A Thủ Đức, phòng 10 Tân Hiệp, ở phòng 14 Trại 4 và phòng 7 Trại 2 Côn Đảo. Nhờ có năng khiếu văn chương bẩm sinh, tính lạc quan, tinh cảm chan hòa, bà luôn được chị em bầu làm trưởng tiêu ban văn hóa, làm trưởng ban bích báo văn nghệ.

Năm 1995, trong cuộc họp mặt nữ tù ngày mừng 6 Tết, bà còn cất giọng sang sảng ngâm thơ và múa hát. Bà gọi lên sân khấu những gương mặt thân quen đã từng chia sẻ với bà những ngày tù ngục:

- Các bạn có nhớ chăng, ngày ấy chúng mình đã đón xuân

tại Trại 4 Côn Đảo bằng màn kịch “Sớ Táo quân” độc đáo. Để nhớ lại coi... đâu có xa xôi gì, năm 73 chớ mấy. Lúc đó Bành Dương nhận làm đạo diễn. Chị Thùy Sóc Trăng đóng vai Ngọc Hoàng. Bày Móm đóng vai Thiên Lôi. Hai Nguyễn vai Thần Gió. Em Châu nhỏ đóng Thần Nữ hát múa khúc *Nghé Thường*. Chị Bày Bàng sắm vai Nam Tào, Bắc Đẩu nay cũng đã 82 tuổi rồi. Còn tôi thì viết kịch bản. Tụi mình đã diễn vở này trước mặt bọn cai ngục. Chà, đạo diễn, diễn viên, tác giả bây giờ ai có mặt lên đây...

Những nữ tù tham gia vở kịch ngày ấy người trẻ nhất giờ đây cũng đã bước sang tuổi năm mươi. Cũng có những người không có mặt. Vậy là bà hồn nhiên sắm vai “Táo quân”, phía sau bà là những Táo khác rù nhau đi châu Ngọc Hoàng:

*Đi chớ, hè cùng đi
Nhanh kíp mau lên đường
Hãy nương gió, dềng vên cho kịp giờ tối nay tới nơi
thiên đình*

*Đi nhưc chân rém mình
Ta quyết lên Thiên đình
Tổ lũ Mỹ gian tà dã man giết em ngoan Việt Nam
Vi thương dân, dầu khổ đau ta cam lòng
Chẳng nghe chúng phân lại dầu cũng việc làm sử xanh
mãi sau lưu truyền*

*Ta tán lên Ngọc Hoàng
Nên xử phân công bằng
Phạt kẻ dữ luật hình nghiêm mình
Há dễ đâu làm thình...*

Các chị đã diễn văn nghệ trước mũi những tên cai ngục. Lúc đầu chúng cũng say sưa thưởng thức tài nghệ diễn kịch của các chị. Nhưng mỗi lúc chúng càng thắm, đành ngậm đắng nuốt cay lờ đi, bởi chúng hiểu không thể nào dập tắt nổi ý chí và niềm lạc quan nơi những người nữ tù mà mọi ngón đòn tra tấn tàn bạo, cả Hầm Đá, Chuồng Cọp cũng không gì khuất phục nổi. Bà Bửu Liên đã chia sẻ với em gái Thanh Tuyền những ngày lạc quan trong tù: “Chị sáng tác nhiều bài lắm, không sao nhớ hết, mà em Sáu biết không, chị Ba đâu có được ghi lại sáng tác của mình bằng giấy bút mà chỉ được ghi bằng trí nhớ!”. Một trong những bài chị nhớ là Trung Vương, Nixon đầu đầu, ba vờ tảo quân hàng năm đều diễn với nội dung mới, hai màn kịch cải lương trong vở kịch *Võ Thị Sáu* toàn bộ sáu màn. Còn có vở kịch *Diêm vương hỏi tội Nixon* đã hoàn thành kịch bản, đã phân vai nhưng chưa diễn được vì gặp phải lúc dịch xông vào phòng đàn áp nên phải đốt đi. Mấy mươi năm tù đã trôi qua, nhắc lại chị vẫn còn tiếc rẻ: “Chị còn sáng tác được mười bài tân và cổ nhạc, lắt nhắt không kể!”. Và ở tuổi “thất thập cổ lai hy”, chị vẫn cất giọng lanh lảnh khiến tôi bị lây cái hồn nhiên của chị cũng muốn cất lời theo... Nhiều sáng tác, múa hát nhiều bài, tân nhạc lẫn cổ nhạc, cả ngâm thơ nhưng chị tâm đắc và ấn tượng nhất là chương trình văn nghệ mừng xuân Hiệp định Paris tại Trại 4 nhà tù Côn Đảo.

Bà Bửu Liên kể năm ấy đoàn nữ tù chính trị của bà đang ở một số phòng giam cấm cố tại Trại 4 Côn Đảo. Đêm hôm ấy, sắp vào Tết Nguyên đán năm Quý Sửu 1973, đột nhiên bà

nhận được tin trong đường dây bí mật rằng Hiệp định Paris vừa được ký kết ngày 27 tháng 1 năm 1973, với nội dung: hai bên ngừng bắn. Mỹ rút quân, công nhận quyền dân tộc, tự quyết của nhân dân ta, hai bên sẽ trao trả tù binh quân sự và nhân viên dân sự (tức tù chính trị). Đối với tù chính trị, đó quả là một tin vui to lớn. Bà nói: “Lúc đó, tôi chỉ muốn thét gào cho thò, cho những cánh cửa phòng giam vỡ tung để những người bạn tù như những cánh chim được xô lông tung cánh. Đó là niềm mơ ước nung nấu ngày đêm của tù chính trị. Có gì vui hơn khi mơ ước bấy lâu sắp thành hiện thực. Vậy là Mậu Thân năm 1968 tuy không tránh được tổn thất nhưng đã giáng cho địch những đòn bất ngờ, buộc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán Hiệp định Paris. Đó cũng là thành quả vinh quang rực rỡ và tất yếu của cuộc chiến đấu vô cùng gian khổ và anh hùng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo anh minh của Đảng. Tin vui ấy như một thứ thuốc thần diệu, tiêm một sức sống mãnh liệt vào số anh chị em tù chính trị. Quả đó là một sức sống mãnh liệt, phi thường!”. Rồi bà kể lại những ngày đáng nhớ ấy...

Tin tức “Hiệp định Paris đã được ký kết” loan truyền rất nhanh trên thế giới và trong nước. Thế mà trong nhà giam Côn Đảo, ngay Trại 4 gồm hơn mười phòng có nam, có nữ cho đến giờ phút ấy vẫn im lìm, không chút động tĩnh. Toàn bộ nhà giam nào cũng then gài chốt khóa kín mít như chúng đã từng như thế. Tuy nhiên, qua đường dây bí mật, anh chị em đều được biết đích xác tin vui trọng đại này. Chị em tù cùng phòng giam với bà Bừu Liên vốn đấu tranh rất mạnh,

lập tức bàn nhau và đi đến thống nhất, cần phải làm một cái gì đó để thúc đẩy tình hình mau tiến tới... Có nghĩa là bên trong các nhà lao, anh chị em sẽ có những cuộc đấu tranh gay rầm rộ, khuấy động lên, đòi thi hành Hiệp định Paris, đòi dân sinh, dân chủ, gây tiếng vang mạnh mẽ để kết hợp với phong trào đấu tranh rộng lớn bên ngoài. Các phòng giam sẽ cùng đồng loạt lên tiếng, buộc địch phải có giải pháp cụ thể công bố cách thực thi Hiệp định Paris. Và lại, chính quyền ta đã đưa cho chúng một số danh sách cụ thể số anh chị em tù chính trị đang bị chúng giam giữ, sau Hiệp định Paris sẽ được trao trả. Qua đường dây bí mật, các phòng giam liên lạc và bàn nhau đi đến thống nhất mục đích yêu cầu, chương trình kế hoạch hành động trong nội bộ các phòng để nổ ra cuộc đấu tranh kịp thời.

Giữa đêm khuya ấy, tại Trại 4 Côn Đảo, từ phòng nọ đến phòng kia (tức các phòng 11, 13, 14, 15, 16, mỗi phòng trên dưới hàng trăm chị em), đồng loạt vang lên tiếng thét lạnh lạnh của phụ nữ, nhất là số chị em có giọng nữ cao: “Hoan hô Hiệp định Paris!”. “Nhà cầm quyền Sài Gòn, hãy thực thi Hiệp định Paris!”. “Trước mắt hãy cải thiện chế độ lao tù!”... Tiếng thét của những nữ tù nhân vượt qua những bức tường thâm u của nhà giam, cộng hưởng với lòng khao khát được phá tung xiềng xích làm xé tan bầu không khí tĩnh mịch, âm u vốn có nơi địa ngục trần gian này. Tiếp nối các phòng khác của bên nam giới cũng nổ vang liên tục những khẩu hiệu như vậy. Hiệu ứng của những tiếng thét, tiếng hô la khiến những tên cai ngục khét tiếng dã man khát máu, đã từng bóp siết

bao đời sống tù nhân chính trị không biết góm tay, hôm ấy cũng phải run rợ khi nghĩ đến sự thay đổi cục diện chính trị sau Hiệp định Paris: “Rồi số phận của chúng ta sẽ ra sao?!”.

Đường dây nội tuyến trong tù cho các chị biết thêm: “Chúng bộc lộ sự hốt hoảng, buộc miệng nói với nhau: “Quái, Hiệp định Paris mới ký chỉ có một ngày, đang nằm giữa bốn bức tường kiên cố, chắc nịch, kín đáo của biệt giam kỷ luật, bị cấm cố không ra ngoài được, bị kiểm soát chặt chẽ như thế này, làm sao mà mấy bà, mấy ông lại biết tin mau lẹ, la lên rùm beng đòi nọ, đòi kia đủ điều vậy! Thật chán mảy “bà trời” này quá đi!”.

Kẻ thù không thể hiểu nổi, đường dây bí mật của anh chị em tù chính trị, xuất phát từ tấm lòng yêu nước nồng nàn, sâu lắng. Những đường dây được thiết lập khi cần làm nên sợi dây thừng bền chặt, vĩnh cửu. Đó là đường dây đi đồ cầu, đi phân phối cơm của anh em phải đi làm lao động, đường dây của anh em bên ngoài đi nhắc nhở lệnh của chúng... Tóm lại, đường dây do chúng thiết lập nên để lao dịch, quản lý anh chị em trong tù trở thành đường dây vô hình, đi ngược lại sự mong muốn của chúng. Những tên cai ngục cũng không ngờ ý chí mạnh mẽ được giấu trong lòng bàn tay của các nữ tù. Chị em thành lập cả đường dây soi đá xuyên tường, từ phòng này sang phòng khác bằng những chiếc kim đan áo, vớ, nón bé xíu, kiên nhẫn, bền bỉ từng ngày, soi từng chút, cho đến khi thủng sang phòng kế bên, kiến tạo một đường thông thương nhỏ rít bằng cây kim đan để thông tin với nhau. Nghe chị kể về đường dây thông tin bí mật ấy tôi

rất lấy làm lạ lắm, nghe như huyền thoại. Bằng con đường “nhỏ rít” ấy, các chị còn gửi được thư cho phòng giam bên kia. Tôi thực sự kinh ngạc về đường dây thông tin này. Bà giải thích:

“Trải qua cái khó thì ló cái khôn. Bình thường, chị em cũng không nghĩ ra, nhưng do mình bức xúc thông tin quá mà có được sáng kiến. Cháu biết không, nếu cần biên thơ, tụi này dùng giấy pơ-luya mỏng vẫn sát vào kim đan, cột chỉ sát sao thọc chui qua rồi vỗ mạnh vào tường. Bên kia nghe âm thanh quy ước là biết ngay, bèn đến nhận kim có thơ. Chỗ tường có lỗ soi của kim ấy được đục trang bằng máu rệp, bọn chúng có tài Thánh cũng không tìm ra. Sáng kiến tuy nhỏ nhưng có ý nghĩa rất lớn! Tết Nguyên đán Quý Sửu năm ấy là một cái Tết đặc biệt đối với anh chị em tù chính trị, bởi đó là Xuân hòa bình đầu tiên theo Hiệp định Paris. Là người phụ trách văn nghệ trong phòng giam, tôi suy nghĩ rất dūr, mong muốn buổi biểu diễn văn nghệ vào đầu năm này cũng phải có nét mới, mang nội dung đặc biệt có ý nghĩa. Thế là tôi chuẩn bị tinh thần cho toàn thể các phòng, chuẩn bị kế hoạch tỉ mỉ từng phần về chương trình, tiết mục, về luyện tập thao tác, lời lẽ, nội dung, hóa trang y phục, hình thức, về nơi tổ chức, kế hoạch đề phòng bắt trặc...

Nhìn thấy tôi tỏ vẻ khó hiểu, bà nói:

“Chỉ những ai trải qua những ngày bị giam cầm trong nhà tù mới thấy được sự thiêng liêng trong buổi biểu diễn văn nghệ năm ấy. Bởi chị em không chỉ đơn thuần là ca hát, làm trò mà thực sự những bài hát, tiết mục năm ấy là vũ khí đấu

tranh. Đó là thứ vũ khí duy nhất tại này có được, một thứ vũ khí vừa là liều thuốc bổ cho anh chị em tù vừa là những đòn phản công dữ dội vào chế độ tù ngục hà khắc của địch”.

Chế độ tù ngục hà khắc mà bà nếm trải thì tôi hoàn toàn hiểu, qua những lá thư từ miền Nam gửi ra, qua những lời tố cáo tội ác Mỹ - ngụy của tù chính trị với báo chí, công luận nước ngoài. Những nữ sinh trẻ măng, tràn đầy nhựa sống chỉ mới mấy tháng sa vào tay kẻ thù đã trở thành một cái xác không hồn. Bị đày ra Côn Đảo, “những cánh hoa ngược dòng” thêm một lần đối mặt với cuồng phong. Không chỉ chịu đựng đòn roi, họ còn phải ăn khô mục, mắm dòi. Mấy tháng gần ngày ký Hiệp định Paris, lượng cơm cho mỗi bữa ăn bị cắt giảm đáng kể khiến các anh chị em tù có sức vóc rất khô sở, thường xuyên đấu tranh, chống chọi với cơn đói giày vò. Các phòng ở thì thiếu ánh sáng, thiếu không khí để thở, thiếu nước làm vệ sinh. Sau một quá trình đấu tranh đòi bằng xương máu tù nhân, mỗi ngày địch mới mở cửa luân phiên mỗi phòng cho tù nhân ra ngoài “tắm nắng”. Anh chị em nhân dịp ấy tranh thủ hít lấy khí trời. Sống trong hoàn cảnh khắc nghiệt như vậy, sức khỏe tù chính trị bị sút giảm thấy rõ. Ngày nay, thế hệ con cháu ra Côn Đảo, đến thăm nghĩa địa Hàng Dương là hình dung ra phần nào sự tàn khốc, khủng khiếp của nhà tù Côn Đảo. Biết bao chiến sĩ cách mạng do bị hành hạ đến kiệt sức, bệnh tật hoành hành, trút hơi thở cuối cùng trong tù ngục đã bị vùi chôn ngoài bãi cát. Vào thời điểm đặc biệt ấy, cho dù sức khỏe, thể lực người tù có sút giảm thấy rõ nhưng ý chí họ không bao giờ vơi cạn,

tinh thần cách mạng vẫn sáng ngời, thể hiện qua nét mặt tuy có gầy yếu, xanh xao hơn nhưng vẫn rực lửa, sinh động một cách kỳ lạ. Rõ ràng, những người tù chính trị đã sống bằng niềm tin vô cùng mãnh liệt... Niềm tin đó được thể hiện qua chương trình biểu diễn văn nghệ xuân Quý Sửu. Qua bàn bạc, chị em nữ tù năm ấy thống nhất không chỉ biểu diễn văn nghệ Xuân riêng trong từng phòng của mình, mà phải bung ra ngoài sân lớn của Trại 4. Chị em lợi dụng nửa giờ mở cửa ra ngoài sẽ biểu diễn ngay trước sân của anh em trại “thi hành”. Số anh em này hàng ngày phải đi đồ cầu, nấu cơm gánh đến phân phối từng phòng cho anh chị em tù nhân chống chào cờ ở trại kỷ luật, biệt giam cấm cố. Anh em ở bộ phận “thi hành” này do không qua nổi cửa ải số 2 phải chấp nhận chào cờ “ba que” nhưng lòng vẫn đau đáu hướng về cách mạng. Dịch nhiều lần tìm cách gây chia rẽ giữa trại “thi hành” và “không thi hành” nhưng đều thất bại. Anh em ở bộ phận “thi hành” này đã tìm cách bày tỏ, bộc lộ tình cảm, tấm lòng đồng bào ruột thịt của mình qua những bức thư gói ghém kín đáo, được bọc ni-lon rất chặt, để lẫn lộn trong thức ăn, đôi khi lại là những tin tức bên ngoài rất cần thiết, khăn bách, hoặc vài tin tức nội bộ dịch bên trong trại. Để bù lại phần nào tấm lòng của trại “thi hành”, chị em tận dụng thời cơ thuận lợi, có lý do hợp pháp công khai biểu diễn một chương trình văn nghệ cho anh em trại “thi hành” thường thức. Và qua chương trình văn nghệ ấy, chị em còn muốn gửi đến các bạn tù thông điệp:

- Giải trí vui tươi, đẹp đẽ bổ ích cho anh em.

- Đưa khí thế cách mạng lên trong Trại 4, ngay trước mắt kẻ địch và bọn tay sai đắc lực của chúng.

Với tinh thần ấy, ngay từ ngày đầu xuân, chị em đã nô nức chuẩn bị, tư thế sẵn sàng, chực chờ trước giờ mở cửa. Bà Bửu Liên nhớ rất rõ:

“Đó là buổi biểu diễn có thể nói là có một không hai trên thế giới. “Diễn viên” canh giờ, chờ “khán giả” có mặt là bắt đầu. Các vai kịch hóa trang đúng y vai của mình, có phấn son hóa trang, có trang phục đẹp đẽ và rất phù hợp vai diễn cho từng vai ông Địa, Tề Thiên, vai các vũ nữ theo từng sắc tộc, các cô gái đơn ca, tốp ca... Và các đạo cụ cũng được chuẩn bị thật chu đáo, sẵn sàng, nào đầu lân được trang hoàng rực rỡ, cây thiết bàng của Tề Thiên, trống và dùi trống được làm bằng thau mù lớn và cặp đũa bếp (xin anh em ở nhà bếp) quán vải làm dùi, hai muống nhôm lớn làm chập chày...”.

Mãi đến mấy mươi năm sau, bà vẫn còn nhớ như in trong đầu bảng phân vai đêm văn nghệ cực kỳ đặc biệt Xuân Quý Sửu trong nhà giam:

“Em Nết cao lớn, to con tốt tướng nên vào vai lân chính. Em Hạnh sau này là Anh hùng lực lượng vũ trang làm lân phụ. Chị Bảy Cương, chị Độ mập mạp, tuổi ngoài năm mươi có dáng nặng nề, bệ vệ phân làm địa. Bành Dương tức Tường Chân có sống mũi cao làm tề. Em Hoa tự Hoa Đèo tức Hồng Tâm sau này công tác tại quận Phú Nhuận làm Tề hồ. Còn đơn ca có Hồng Nhật, Loan tức Nguyễn Thị Lập Quốc và Bửu Liên kiêm đánh trống lân. Các vai vũ, múa, hợp ca gồm các em gái trẻ từ 20 đến 30 tuổi. Chương trình hôm ấy kết

cầu đu loại tiết mục nào múa lân tề địa; ca vũ kịch gồm tiết mục đỉnh *Múa mừng Độc lập*, *Trước ngày hội bắn*; đơn vũ *Chim én* do Văn Miếu tức Đỗ Quyên đảm nhận; hợp ca *Nam Bộ kháng chiến*, *Cương quyết ra đi*, *Lá xanh*; đơn ca Tân nhạc *Bài ca hy vọng*, *Con kênh xanh xanh* và cổ nhạc do Bừ Liên tự biên tự diễn theo điệu *Kim tiền Huế* bài *Mừng Xuân hòa bình*, *mừng Hiệp định Paris*...

Mọi vai đã được phân, y trang, đạo cụ đã sẵn sàng. Đến giờ “G”, tức là 10 giờ sáng - giờ thông lệ chúng đến mở cửa trại kỷ luật cho anh chị em ra ngoài tắm nắng thì chị em đã tư thế sẵn sàng, vừa mở cửa xong là thoát nhanh ra ngoài, đến ngay nơi đã hoạch định trước. Ngay tại sân khấu, chị em chọn làm nơi biểu diễn (là sân của anh em nam đi làm lao động còm nước, đồ cầu phục vụ các phòng biệt giam kỷ luật). Không khí đang tĩnh lặng bỗng chốc được khuấy động rầm rộ lên với tiếng trống lân, tiếng muống khê nhịp nhàng. Không để phí chút thời gian nào, cứ xong tiết mục này, tiết mục kia đã chiếm lĩnh sân khấu. Bà Bừ Liên đã tranh thủ cùng chị em hoàn thành xuất sắc buổi biểu diễn hôm ấy trong những tràng pháo tay hoan hô nhiệt liệt của tù nam.

Nhớ lại buổi biểu diễn mừng Xuân năm Quý Sửu 1973, bà ngâm ngùi nói:

- Trong buổi diễn lịch sử ấy, bất ngờ một bi hài kịch đã diễn ra. Đúng là bi hài kịch, càng nhớ lại càng thấy thương, càng thấy đau và càng tăng lên trong lòng căm thù bọn đế quốc!

Tôi ngạc nhiên hỏi lại:

- Bi hài kịch?!

Bà thờ dài nói:

- Cháu không ngờ cũng phải. Ở hậu phương miền Bắc thời chiến tranh có đôi một chút nhưng cũng không đến nỗi phải chịu đựng cái đói triền miên trong nhà tù Côn Đảo mà các dì các chị đã trải qua. Sự cố xảy ra là ở tiết mục múa lân vui nhộn. Lân do em Nết thủ vai đang múa ngon tròn, tiến thoái nhịp nhàng theo làn điệu trống chiêng dồn dập, nô nức, phấn khởi, bỗng loạng choạng, không gượng được té ngã lăn cù! Mọi người đang chăm chăm nhìn bỗng cười ồ lên. Quả thật tức cười quá cỡ khi thấy vóc dáng đẹp đẽ cao lớn của Lân lại bỗng nhiên ngã lăn ra! Nhưng sau đó mọi người lặng đi và hiểu ngay sự việc. Chị em vừa xúc động, ngậm ngùi và cảm nhận thế nào là cái cười ra nước mắt khi biết Nết - người đồng đội trẻ tuổi, lớn khỏe nhất phòng do ăn thiếu đói mãi, mỗi bữa chỉ được một phần ba lượng cơm cần thiết để nuôi cơ thể theo bình thường nên lâu ngày, sức khỏe bị giảm sút quá đôi không gượng được. Vì lẽ đó mà Nết dù vấp thật nhẹ vẫn không đủ sức gượng lại, phải té lăn cù. Hiểu điều sâu thẳm đó mà sau nụ cười của chị em là nước mắt, càng thương Nết, càng thấy căm thù bọn người đã kết án mình.

Tôi dần dần bị lôi cuốn vào chuyện kể những người lạc quan trong tù. Cuối buổi trò chuyện, bà cũng dành dung lượng thích đáng kể mình diễn văn nghệ ra sao. Bà là ca sĩ kiêm đạo diễn chương trình kết thúc buổi biểu diễn văn nghệ hôm ấy với bài ca điệu cổ Việt Nam tựa *Xuân Hòa bình*, mừng *Hiệp định Paris* theo điệu *Kim tiền Huế* trầm hùng, thích nghi với tình hình, thực tế hoàn cảnh lúc bấy giờ đã

được sáng tác tại Trại 4 và cũng được biểu diễn tại Trại 4, trước mắt kẻ địch, đánh vào tâm lý kẻ thù. Rồi như sống lại ngày mùa xuân trong tù năm ấy, bà cất cao giọng hát cao vút, lanh lảnh dù đã bước vào tuổi “thất thập cổ lai hy”:

Đoạn 1:

*Tết năm nay khác nhiều hơn mọi năm
Vẫn cái xuân lao khổ trong lao tù
Nơi Côn Đảo chịu nhiều gian truân thiếu thốn hơn mọi nơi
Nhưng Xuân trong lòng! Xuân bất diệt! Xuân hòa bình!
Xuân ngưng chiến, mọi người hân hoan đón tiếp tin vui.
Lòng Xuân bỗng dâng nở rộ, cho dù cửa cây vẫn luôn
đóng bịt trong phòng ngục hơi ngẩn cản gió xuân.
Tết mà cơm chẳng đủ no, thức ăn cũng chỉ mắm kho
Ý Xuân vẫn đơm, ra ngoài vẫn nghệ nửa giờ mùa lân,
đón Xuân dân tộc, hòa bình độc lập.*

Đoạn 2:

*Mắt sáng lên nghe kỳ kết hòa bình Ba-lê
Hai mươi tám năm khói lửa nặng nề
Bao súng pháo mịt mù đạn bom tang tóc đau thương
Nay hòa bình, hoan hô Hiệp định! Vui tung bùng!
Xuân Quý Sửu nhờ ngày hôm nay, chấm dứt súng xâm lăng
Toàn dân đấu tranh quyết liệt, kiên cường dẻo dai
mới có hôm nay
Ánh hồng rực sáng núi sông, chói ngời gấm vóc giang san!
Quyết tâm xây dựng nước giàu, dân mạnh
Rồi ngày mai đây, nước ta khôi phục gấp mười hiện tại!*

Niềm tin chiến thắng đã cứu sống những người tù. Đất nước ngày nay đẹp hơn lên biết bao, thành phố chúng tôi sống tươi đẹp hơn biết bao, dù còn nhiều ngổn ngang, còn nhiều điều chưa hoàn hảo. Bác Hồ còn sống, chắc hẳn trong ngày khai mạc SEAgames, ngồi trên hàng ghế của những vị khách quý, nhìn rừng cờ tươi thắm rợp sân Mỹ Đình, Người sẽ mỉm cười...

“Tình trong lửa đỏ”

Bà Bửu Liên trải qua nhiều bi kịch, nỗi đau. Bù lại, bà được đền đáp khi có được mối tình bền chặt, được thử thách trong lửa đỏ. Trong một đêm trăng ở Mỹ Quý, sau một trận càn đẫm máu của giặc pháp, bà đã trao trái tim mình cho nhà báo Trần Minh Triết (Dân Thanh). Ông Triết là một trí thức tài hoa, in tập thơ đầu tay ở Đông Tháp Mười vào năm 1948. Trai tài gái sắc, cùng có chung lý tưởng dân thân, họ gặp nhau rồi yêu nhau là điều rất tự nhiên. Họ còn gặp nhau trong nỗi đam mê văn chương nghệ thuật. Bà mê thơ, thỉnh thoảng có làm thơ, nên đọc những bài thơ ông tặng, bà rất dễ đồng cảm. Từ tình bạn, tình đồng chí dẫn đến tình yêu, mối tình của họ quả thật đẹp, thật lý tưởng. Ông Triết là người giàu tình cảm, dễ gần, cởi mở. Ông đã làm cả một bài tình ca bằng thơ tặng bà. Và đây là khúc ca thứ nhất:

*Một đêm Mỹ Quý sáng trăng
Nước về cuộn cuộn dưới hàng ô môi
Trời khuya thôn vắng bóng người
Chi còn bóng chị Hằng soi xuống trần...
Phút giây tha thiết nghiêm trang!*

*Bàn tay mình đặt trong bàn tay tôi
Bấy nhiêu đã nói hết rồi,
Cần chi thêm nữa: tiếng "Tôi yêu mình!"
Chữ tình cao cả, thiêng liêng!
Bấy nhiêu bằng một lời-nguyên-trăm-năm
Thế rồi tình khắc vào tim
Thế rồi trọn kiếp không quên bóng hình
Làm sao quên được hồi mình:
Tình ta quỵện chặt với tình Non Sông
Khối tình đã được nấu nung
Trong lò Cách mạng, trong lòng Đảng ta
Cuộc đời gian khổ trải qua
Là vàng thử lửa, là ta thử tình!*

Tôi nói đó là khúc ca thứ nhất. Bởi tình yêu anh chị tôi còn phải trải qua thử thách một phần tư thế kỷ. Hơn hai mươi lăm năm dài dằng dặc, họ đã nắm tay nhau vượt qua những thăng trầm lịch sử, đời người. Sự chia ly và cái chết không ngăn cách được tình yêu của họ. Và cả nỗi đau mà hai vợ chồng phải nuốt vào trong. Nếu như không có sự cảm thông, độ lượng của tình bạn to lớn, họ cũng không dễ gặp lại nhau. Sau Hiệp định Genève, họ ở lại miền Nam công tác. Đất nước bị chia cắt, do yêu cầu công tác bí mật, đôi vợ chồng trẻ ít được gần nhau. Rồi ông Triết bị bắt vào tù. Những năm tháng ấy, bà Bửu Liên vừa âm thầm công tác, vừa nuôi đàn con thơ dại, vừa nuôi chồng trong tù, vừa khôn khéo tránh sự săn lùng, theo dõi của mật thám. Khi chồng ra tù, vợ lại vào khám. Sau này khi gặp lại nhau, bà tâm sự: "Chính lời thề

phải xứng đáng với đồng bào, đồng chí và “xứng đáng với nhau” đã giúp tôi có thêm sức mạnh diệu kỳ để vượt qua những thử thách nghiệt ngã trong nhà tù”. Năm 1968, bà bị bắt vào tù lần thứ tư, bị đày đi Côn Đảo. Năm 1969, chồng bà bị bắt vào tù lần thứ hai, cũng bị đày đi Côn Đảo...

Năm 1971, trong những ngày cuối cùng ở khám lớn Chí Hòa, trước khi bị đày ra Côn Đảo, lòng ông Triết ngổn ngang. Ông hay tin vợ mình cũng bị bắt vào tù nhưng không biết bị giam ở nhà lao nào. Vốn giàu trí tưởng tượng, ông hình dung ra hình ảnh người vợ thân yêu trong chốn lao tù với nhiều dáng vẻ khác nhau. Hình ảnh nào cũng làm lòng ông trào lên nỗi thương nhớ. Ông viết tiếp khúc ca thứ hai sau đêm trăng năm 1948 ở Mỹ Quý:

*Hỡi người bạn gái đồng hành!
Giờ đây có lẽ đầu xanh phai màu?!*
*Trần đà gạch nét gian lao
Mắt sâu trong sáng một màu quê hương
Đó là những nét tình chung
Càng sâu càng mặn, càng nồng mình ơi!
Bao nhiêu năm đã qua rồi?!*
*Tuổi xuân ta góp với đời làm xuân
Bạc đầu cho Nước Non xanh
Cho ta giữ trọn mối tình thủy chung.*

Tôi rất ấn tượng câu chuyện bà kể về buổi hội ngộ có một không hai của cặp vợ chồng đi làm cách mạng. Đó là buổi chiều ám đạm vào tháng 6 năm 1972. Những cụm mây đen

báo hiệu bão dông từ biển Đông cuộn cuộn tràn vào đảo, đè xuống những đỉnh núi. Bà Bửu Liên trong số hàng trăm tù chính trị từ đất liền, bị đày ra Côn Đảo. Linh cảm như có ai đó dăm dăm nhìn mình phía sau, bà Bửu Liên quay lại, chợt nhận ra sau những song sắt nhà tù dành cho trại nam là gương mặt xiết đôi thân yêu. “Minh ơi, chồng của tôi đây mà!”. Bà thốt lên, sau phút lặng người như tượng đá. Nhưng những chấn song sắt nhà tù đã ngăn cách đôi uyên ương. Bà nhận ra đôi mắt người chồng sáng rực niềm vui, đau khổ, hạnh phúc trộn lẫn. Ông không bao giờ nghĩ sẽ gặp lại người vợ thân yêu trong cảnh ngục tù khắc nghiệt. Ông vẫn tìm cách gửi cho bà những bài thơ nồng cháy yêu thương, vừa là thông điệp của lòng kiên định sắt đá:

*Nhìn qua song sắt gặp mình
Chỉ xa gang tấc mà thành mệnh mỏng
Ra đây nào phải thăm chồng
Su cơ mình bị gông cùm trước tôi
Tình yêu lẽ sống trên đời
Ngục tù Côn Đảo nhắc lời thề riêng
Còn chưa bẻ gãy xích xiềng
Gặp nhau ta nói bằng tim, nghe mình...*

Thương chồng lạnh lẽo trong manh áo tù đã sờn cũ, người vợ tháo chiếc áo len đang mặc trên người, nhờ chị em giúp sức. Suốt ba ngày đêm miệt mài, bà đan xong cho chồng tấm áo. Cũng rất công phu, chiếc áo len mới vượt qua các trại giam đến tay ông Triết. Khoác chiếc áo len lên người, ông thấy mình hạnh phúc nhất trần gian. Những vần thơ từ lòng ông tuôn trào:

*Trong tù được chiếc áo len
Của người “bạn gái” làm tin cũng tù
Mảnh len hun đúc hồn thơ
Sợi len rắn chắc như tơ lòng mình
Áo len rắn chắc niềm tin
Trận tiền Côn Đảo nay thành “cổ đôi”.*

Tình yêu đã giúp cho đôi vợ chồng có niềm tin, sức mạnh vượt qua những tháng ngày đen tối, dài thăm thẳm trong tù ngục, cùng tập thể liên tục đương đầu với những âm mưu thâm độc của kẻ thù, dấn thân vào những cuộc đấu tranh đẫm máu. Cho đến ngày Hiệp định Paris được ký kết năm 1973, họ lần lượt được trao trả ở Lộc Ninh. Đôi vợ chồng cùng ôm vào lòng hai đứa con gái thân yêu sau mười năm xa cách, miệng cười tươi mà nước mắt tuôn trào...

Trước mối tình của anh chị mình, bà Thanh Tuyên trầm ngâm nói: “Mối tình của anh chị tôi là “Tình trong lửa đỏ”. Tuy nhiên, mối tình ấy không chỉ có yêu đương tha thiết, nồng nàn mà không trải qua sóng gió. Thời trẻ, anh rể tôi đẹp trai. Không chỉ đẹp trai, anh còn là một con người tài hoa. Một chàng trai văn võ song toàn như anh Dân Thanh yêu cô nữ sinh trường Áo tím xếp bút nghiên vào chiến khu cũng là chuyện dễ lý giải. Cuộc đời chị tôi trải qua nhiều sóng gió, đôi khi cũng ném mùi thất bại và gánh chịu thiệt thòi nhưng anh rể tôi là phần thưởng cuộc đời này bù đắp cho chị”.

Từ năm 2000, tuổi tác cao cộng với sóng gió gia đình, chứng bệnh tim mạch đã làm ông bà Dân Thanh (Trần Minh Triết) - Bửu Liên nằm liệt giường. Cũng từ ấy, Viện điều

dưỡng thành phố là nhà của ông bà. Bà Thanh Tuyền nói: “Mỗi lần vào thăm, nhìn anh rề và chị mình trở lại sự thơ ngây như trẻ con, tôi không khỏi mỉm lòng. Quy luật sinh lão bệnh tử quả là khắc nghiệt. Năm nào gặp nhau ở chiến khu Đồng Tháp Mười, anh là một thanh niên trí thức, trông rất cường tráng, khỏe đẹp. Trải qua hai lần vào tù (lần thứ nhất từ năm 1960-1964 và lần hai từ năm 1969-1974), sức khỏe của anh giảm sút rõ rệt. Cho dù trong những ngày họp mặt tù chính trị và tù binh, hay trong các buổi họp mặt trường Áo tím, anh vẫn rất tươi tắn, quần áo thẳng nếp, caravate nghiêm chỉnh đi bên cạnh chị Ba. Mắt anh kém nhưng chân anh còn khỏe. Chị Ba chân yếu, mắt còn nhìn thấy rõ hơn. Đôi vợ chồng già ấy mấy năm trước vẫn còn chờ nhau trên chiếc xe hon đa cà tàng, làm chân đi. Anh đạp xe cho nổ máy rồi trao tay lái cho chị. Chị giành phần lái xe chở anh vì mắt còn tốt hơn. Đôi vợ chồng già nương tựa nhau, không còn lạnh lặn nhưng có mặt hầu như khắp mọi nơi, ở đâu cần là anh chị có mặt. Mới hôm nào hay tin anh chị đi tham quan các di tích lịch sử ở Bến Tre, quê hương Đồng khởi thì tháng sau đã được tin chị đi cùng đoàn nữ tù ra thăm lại Côn Đảo. Tôi thầm phục sức bền, dẻo dai và thắm ghen với hạnh phúc của anh chị. Khi nghe tôi bày tỏ điều đó, anh cười rất vui, rất hiền...

Nhưng ẩn giấu trong vẻ cười mỉm, để gần đó của anh là một tâm hồn rất đỗi đa cảm. Anh sinh ra có lẽ thích hợp làm nhà thơ hơn là làm chính trị. Anh làm thơ lâu lắm rồi, từ thời còn đang học trung học. Khi yêu chị Ba, anh làm thơ tặng chị và những bài thơ ấy đã đi vào lịch sử như những bài tình ca đẹp

nhất trong lịch sử nhà tù. Thơ đầy ắp trong tâm hồn anh hay nói cách khác, vì anh rất đỗi đa cảm nên thơ ần nấp thường trực trong tâm hồn, sẵn sàng bật ra khi có ngoại cảnh tác động. Tiếc là chàng trai xã Long Bình, huyện Long Mỹ, Cần Thơ năm ấy cũng như bao người công dân đang bị sống trong một đất nước mất quyền độc lập. Vậy là từ năm 1944, anh tham gia cách mạng. Rồi với năng lực xâm nhập quần chúng giỏi, anh liên tục được phân công về thành hoạt động, ban Trí vận của Mặt trận I-4. Suốt cuộc đời, sự nghiệp văn học của anh chỉ có tập thơ *Tình trong lửa đỏ* và tập truyện ký *Bình Đức một đêm khói lửa*. Nếu biết gạt bỏ tất cả, chọn văn chương làm nghề nghiệp, tôi đoán chắc anh sẽ có nhiều tác phẩm hơn những gì anh đã có, bởi tố chất để tạo nên một nhà thơ, một nghệ sĩ tràn ngập trong anh”.

Trong một đêm trăng ở chiến khu, vào năm 1948, trên bờ kênh Mỹ Phước, thuộc xã Mỹ Quý - Đồng Tháp Mười, chợt tràn dâng trong Dân Thanh niềm thương nhớ người mẹ hiền vô kể. Cũng thật sâu thẳm, cũng phải rất tài hoa, anh mới khái quát nói sợi dây thiêng liêng, mật thiết nối liền những người lính vệ quốc với Mẹ và Tổ quốc:

*Chúng ta là giọt máu
Của bầu máu Mẹ hiền
Tổ quốc cần... máu chảy!
Máu chảy ắt ruột mềm.*

Người mẹ cụ thể của ông Dân Thanh là bà Nguyễn Thị Kiều - một bà mẹ chiến sĩ xã Long Bình - Cần Thơ. Bài thơ

viết về mẹ của ông đã được nhạc sĩ Trần Kiết Tường phổ nhạc và nghệ sĩ Quốc Hương thể hiện, được giới thiệu trên Đài tiếng nói Nam Bộ một thời. Bà mẹ, người chiến sĩ vô danh ấy, với tấm lòng quảng đại, bao dung như rừng xanh làm nền tảng cho các con mình “tung mây lướt gió”. Khi chim bay mỏi cánh, rừng xanh là nơi chim tìm về, để được chờ che. Đi kháng chiến, hoạt động nội thành, hai lần bị bắt vào tù, cánh chim lãng tử ngày hòa bình được trở về bên mẹ. Nhưng người mẹ sau bao ngày chờ đợi, ngóng trông mỏi mòn, héo hắt con tim đã không còn nhận ra con mình. Đêm đêm thức giấc, bà đi múc nước tưới trăng. Quả là một hình ảnh đau lòng, cười ra nước mắt. Những mảnh trăng qua kẽ lá rơi lóm đóm trên nền nhà mà mẹ ông cứ ngỡ là lửa đỏ nên múc nước dập tắt lửa. Với ông, những vần thơ hay nhất, phát tiết tinh hoa nhất chính là những câu thơ viết về mẹ:

*Mẹ già múc nước tưới trăng
Ngỡ rằng lửa đỏ giăng giăng xuống thêm
Ánh trăng ghẹo mẹ trong đêm,
Lên qua mái lá, kẽ phen vào nhà...
Còn đâu mái tóc sương pha
Vừa làm mẹ, vừa làm cha suốt đời!
Vì con không ráo mỏ hôi
Trông sao, sao vắng; bạn đời biệt tăm
Mẹ như vách núi âm thầm
Cho con chỗ dựa thành rừng xanh tươi
Trọn đời nhớ mẹ, mẹ ơi!
Nhớ từng dòng sữa, từng lời mẹ ru*

*Ôi! Tình mẫu tử khắc sâu,
Nắng sương quê mẹ thấm vào lòng con
Vẽ thành hình vóc Nước non
Cho con bài học: vẹn tròn tình quê!*

Với sự rung cảm rất tinh tế, nồng nàn, những bài thơ viết cho vợ cũng là những bài thơ hay nhất đối với ông. Ông Dân Thanh đã có những bài thơ tình thật chan chứa, cảm động dành cho vợ. Đó là cảm xúc một đêm sáng trăng ở chiến khu lúc hai người mới nói lời yêu nhau, là nỗi đau xót vì chiến tranh, vì phải chiến đấu trong lòng địch mà cha con, vợ chồng phải chịu cảnh “cắt ngăn”, là lòng chung thủy, là niềm tin, hy vọng... Dù “cắt ngăn”, anh vẫn tin là một ngày sẽ sum họp, sẽ gặp lại nhau bởi anh chị cùng đi “Theo nẻo đường dân tộc”:

*Em ơi, anh vẫn biết
Lòng em đang tha thiết
Theo dõi bước anh đi...
Em đừng sợ biệt ly
Chôn vùi bao số kiếp
Ra đi là không chết
Không thể chết, em ơi!
Theo nẻo đường dân tộc
Chỉ có sống mà thôi*

*Em ơi! Anh vẫn biết
Lòng em đang tha thiết
Chờ đợi bóng anh về...
Hãy tin anh sẽ về*

*Vì tình ta bắt tận,
Vì tình ta xứng đáng*

*Dù biển cạn non mòn,
Dù ngàn núi cách sông
Anh sẽ về em nhé!
Với tinh thần ngạo nghễ
Trong nhịp bước hiên ngang
Khi quân thù đầu hàng
Khi vừng hồng sáng rực
Khắp nẻo đường đất nước
Anh sẽ về với em.*

Bài thơ ấy lúc đầu mang tên *Anh sẽ về* nhưng sau đó nhanh chóng được đăng trên một nguyệt san năm 1968 mang tên “Theo nẻo đường dân tộc”.

Vì cùng đi “Theo nẻo đường dân tộc” mà năm 1968, bà Bửu Liên bị bắt vào tù. Năm sau, ông cũng sa vào tay giặc. Đó là lần ở tù thứ hai thời chống Mỹ mà ông ném trái. Tất cả, ông đã kiên gan chịu đựng gần mười năm, qua nhiều nhà lao Lê Văn Duyệt, Cần Thơ, Sài Gòn, Tổng nha, Tân Hiệp, Chí Hòa, Côn Đảo, Hồ Nai... “Sống là đấu tranh”, đó là quan điểm sống của người cộng sản khi bị bắt vào tù. Cũng như bà Bửu Liên, ông đã dũng cảm vượt qua nhiều cửa ải. Trong những câu chuyện tâm tình, nhớ về những ngày trong tù ngục, ông rất tâm đắc hai chữ “đấu tranh”. Bên chung trả ngày hòa bình, ông thâm trầm nói: “Không đấu tranh là “chết” liền ngay lúc đấy (lúc bị điều tra thẩm vấn, chết với

hiều ý nghĩa), hoặc chết dần chết mòn, mà chết thật (quá trình bị đày đọa bóp siết đời sống qua các nhà lao); hoặc sống mà như chết (khi thù tiêu đấu tranh bất cứ trong trường hợp nào)". Ông kể chuyện trong tù và tâm đắc nói: "Đấu tranh trong tù có lẽ không nơi nào quyết liệt và phong phú bằng. Thật là muôn hình vạn trạng, vì đặc tính của nó là một "mặt trận tư tưởng" nhưng không phải chỉ có đấu lý mà luôn luôn có hy sinh, đổ máu. Chỉ riêng ở Côn Đảo, hai vạn người đã nằm lại vĩnh viễn. Một mặt trận không cân xứng đến nỗi lạ lùng. Kẻ thù thì được võ trang tận răng, còn tù nhân không được trang bị gì khác ngoài thứ vũ khí duy nhất là tinh thần, tư tưởng và sự đoàn kết. Có người hay nhấn mạnh sự bất đồng ý kiến trong tù, theo tôi hiểu, đó là phụ; cái chính của họ vẫn là đoàn kết chiến đấu cùng bảo vệ khí tiết cách mạng, thanh danh của Đảng, ngọn cờ Tổ quốc thiêng liêng, trước kẻ thù hàng phút, hàng giây mà họ phải đối mặt. Thực tế chứng minh họ là người chiến thắng, chứ không phải kẻ đày đọa trong lao tù. Cuộc đấu tranh muôn màu muôn vẻ ấy còn gì nữa mà không phải là nguồn thơ vô tận!"

Với trái tim đa cảm, với tâm hồn nghệ sĩ, cuộc sống tù ngục diễn ra hàng ngày, cùng chia nhau tấm chăn, chia sẻ ý nghĩ, tâm tư đầy lạc quan cách mạng ở mỗi tù nhân về quê hương, đất nước, gia đình, xã hội, con người, bao tình cảm yêu thương, lắng đọng đối với cha mẹ, vợ chồng, con cái, người yêu, bạn bè đồng chí... với ông Dân Thanh là thơ, đều đẹp như thơ. Và ông làm thơ để đấu tranh. Thơ với ông vừa để giải tỏa, vừa là vũ khí. Hình ảnh người mẹ mới sinh ôm

đứa con thơ còn đỏ hỏn vào nhà lao Lê Văn Duyệt trong khoảng thời gian 1960-1964 gây nên trong lòng ông nỗi xót xa, căm phẫn tận cùng, trong khi kẻ thù mừng vui hí hửng vì “Bất đặng hai người”:

*... Không tội tình chi cũng khảo tra
Về phòng máu sản hậu trào ra
Chị nằm thêm thiếp trên nền gạch
Khát sữa đêm đêm cháu khóc òa*

*Nát lòng cô chú cảnh âm u
Tiếng khóc hay kêu gọi trả thù
Kháng chiến trải dài bao thế hệ
Siết tay “chiến sĩ nhỏ” lao tù...*

Bất cứ điều gì đập vào tâm hồn đa cảm của ông cũng thành thơ. Tiếng khóc của đứa trẻ “bị tù” với mẹ vang lên trong đêm làm tim ông nhức nhối, gọi nhớ đến con mình. Ông làm thơ, không nghĩ mình là nhà thơ, mà và đó là những “Bài thơ muôn đời” gửi đến các con. Năm ấy, cũng trong giai đoạn 1960-1964, ông là một trong số 30 tù nhân không chịu “chuyên hướng” đầu hàng giặc nên bị đày từ trại Lê Văn Duyệt qua Tổng Nha để chúng chuẩn bị hồ sơ đày ra Côn Đảo. Tất cả đều bị nhốt trong một phòng nhỏ, chân trong còng, hàm cầu có hai lỗ tiêu với một ống nước chảy xò hai bên. Bị bỏ khát, tù nhân chỉ còn cách bịt kín một lỗ để chứa nước uống. Vì uống phải nước dơ bẩn khủng khiếp, tù nhân bị tiêu chảy thường xuyên. Trong hoàn cảnh ấy mà ông vẫn làm thơ được về chiếc hàm cầu, dùng thơ lên án

chế độ nhà tù Mỹ - nguy. Chỉ một bài thơ, ông đã diễn tả cô đọng được thế nào là xà lim khắc nghiệt mà người tù phải chịu đựng:

*Lạnh như nhà xác
Tối “ác” như hang
Người ta hóa nhộng
Lột sạch áo quần
Nhộng, trên nia ẩm
Người, nền xi măng
Chúng còn “cần thận”
Còn hết tay chân?!*

*Người thua trâu cật
Mỗi ngày hai lần
Vắt cơm, thùng nước
“Mười phút” uống ăn
Vừa lua vừa nuốt
Chưa phút “vệ sinh”?!*

*Một lời khuất phục
Sẽ hóa lại “người”
Nhưng người ô nhục
Sống như chết thôi*

*Xà lim Tân Hiệp
Tàn ác “mút mùa”*

*Khi lòng luyện thép
Ta thắng giặc thua!*

Ông viết nhật ký bằng thơ, ghi lại Chí Hòa một đêm rực lửa. Đó là đêm 17 rạng 18 tháng 8 năm 1970, sau khi nghe tin Bác mất. Ông nói: “Đó là cuộc đấu tranh đồng loạt, nhịp nhàng, quyết tử” mà sau này đã đi vào lịch sử 200 tù nhân khu OG, FG đấu tranh “chống chào cờ” thắng lợi về vang, đánh dấu bước ngoặt phong trào đấu tranh ở mọi nhà lao miền Nam, từng bước chuyển thành cao trào cho đến ngày giải phóng. Những người tù ấy đã vượt qua những ngày ở “Hầm nổi Chí Hòa” để ngăn chặn mọi tiếng động, tiếng hô la đấu tranh của tù nhân sau 20 ngày đêm bị lột hết quần áo, còng chân, ngày đêm phải nằm trên nền xi măng giá lạnh. Rồi khi bà Bửu Liên bị đày ra Côn Đảo, qua song sắt trại giam cấm cố, ông nhìn thấy người vợ thân yêu của mình, làm sao ông không làm thơ cho được... Đối với bà Bửu Liên, đó là bài thơ nằm trọn trong tim, bà ghi nhớ suốt đời, đến nơi nào cần đọc thơ, thích nghe thơ là giọng bà sang sảng cất lên.

Sau chiến tranh, thoát khỏi “địa ngục trần gian” trở về cuộc đời thường, ông Dân Thanh chân thành kể vì sao mình làm được nhiều bài thơ trong tù như vậy. Rõ ràng, ông mang niềm khắc khoải của một thi nhân mang nặng nghiệp: “Nguồn thơ trong tù thì không đời nào thiếu, thời gian của tù nhân lại thừa, men tình cách mạng ai lại không có sẵn trong tim. Có lẽ vì vậy mà ai cũng thích làm thơ, thường thức thơ,

nhạy cảm về thơ. Xin thú thật, tôi cũng thuộc loại người “bị lây” đó. Hễ cái gì “gây xúc động thì “bệnh làm thơ” tái phát, không làm không được vì cảm thấy như mang nợ ai chưa trả, hay thiếu cái gì như thiếu không khí, thiếu ánh sáng, thiếu chất bổ dưỡng mà trong tù đã là rất thiếu những món này. “Làm thơ” tưởng chừng như thêm sức sống vì có dịp mình gửi gắm vào cái gọi là “thơ” đó tấm chân tình về con người và sự việc đã gây cho mình nỗi xúc động khó quên. Người thật việc thật đó là thơ rồi!”

Trong những ngày hội thơ, tôi được nghe các nhà thơ lớn có thâm niên làm thơ, những nhà thơ trẻ mới vào nghề định nghĩa về thơ với những từ ngữ cao xa, thật lung linh, huyền ảo. Rốt cuộc, đọc hàng trang sách, tôi chẳng hiểu thơ là gì. Nhưng với ông Dân Thanh, nhờ vào sự giản dị, chân thành mà đối với tôi, định nghĩa về thơ của ông trở nên rất dễ hiểu. Ông rất khiêm nhường trước khả năng làm thơ của mình:

Dòng thơ là cả cuộc đời

Vì đời, xin nguyện làm người “chép thơ”



*Vợ chồng ông bà Biều Liên - Dân Thanh
(Lộc Ninh, tháng 3-1974)*

Người chép thơ cứ đau đầu: “Chỉ mong chép thể nào cho trung thực để khỏi phụ lòng người đọc”. Nhưng “Người chép thơ” với chứng “bệnh làm thơ” kinh niên, trầm trọng đã không ít lần đẩy ông vào tai họa. Đó là lúc ông bị giam ở nhà lao Lê Văn Duyệt, chờ ngày chuyển sang Hòa Hưng. Qua một tên phản bội cung cấp, những tên cai ngục biết ông làm thơ và dùng thơ để tranh đấu nên nằng nặc “đòi” ông viết cho chúng một bài thơ. Dĩ nhiên bài thơ ấy phải có nội dung ca tụng chúng. Bị thúc ép, ông “tặng” chúng không chỉ một mà hai bài, không cần che giấu chính kiến của mình:

Chăn gối đã đầy năm tháng

Đẽ gò vùi dập lìa hương

Trăng gió mặc tình ve vãn

Lòng ta chỉ một lần thương!

Và làm sao chúng chịu nổi khi đọc *Bài thơ bất khuất*:

... Thơ đấu thơ ép, thơ mời

Trời người rồi buộc con người làm thơ

Kẻ thù, mi chớ ước mơ

Thơ ta không thể thành lời cho mi!

Chết thà đành chết nơi đây

Hồn thơ bàng bạc cũng về quê hương!

Phải chăng thơ đã cạn nguồn?!

Nguồn thơ cách mạng không cùn mi ơi!

Bài thơ, cách mạng cho lời

Vần thơ cách mạng đời đời còn ngân!

*Như đàn đờn khách tri âm
Dòng thơ không cháy cho quân giết người
Bấy nhiêu tường cũng đủ rồi
Với ta đừng nói chuyện thơ làm gì
Tay đây, mi cứ trôi đi!*

Hai bài thơ viết liền một mạch năm ấy tung ra, như củ đâm vào mặt bọn cai ngục khiến chúng đập bàn tức tối, nghiêng rãnh căm giận. Kết quả là chúng “tặng” lại cho ông hai năm nhốt xà lim Tổng Nha rồi Tân Hiệp... Ngày nay, có thể bạn đọc cho rằng ông là một người nông, không cần thiết phải gửi đến chúng “món quà hai bài thơ” để đổi lấy hai năm ngồi xà lim, không cần phải đưa tay thách thức cho chúng trôi... Nhưng nếu hiểu được con người trong sáng, nhiệt tình, đa cảm của ông một cách nhất quán, không ai nỡ trách ông, mà đó chính là dũng khí thật đáng khâm phục. Ông bà Dân Thanh - Bửu Liên - đôi uyên ương trong tù ngục, giờ đây đang nằm trên giường bệnh, cuộc sống chỉ được tính từng ngày. Nhưng mỗi tình vượt qua xiềng xích, sự lạc quan kỳ diệu, những vần thơ trong tù của họ đã trở thành di sản quý báu cho thế hệ con cháu.

Sài Gòn 26-6-2010
TRẦM HƯƠNG

Trịnh Thu Nga

(Sinh năm 1938)



THIÊN NGA TRONG DÔNG BÃO

Người phụ nữ trước mặt tôi giờ tay lau nước mắt. Bà nghẹn ngào nói: “Lòng tôi đã chết tự lâu rồi. Tôi đã hy sinh cả tuổi xuân của mình. Những ngày hòa bình, ngỡ đời bình yên, nào ngờ sóng gió ngay trong chính lòng mình, chính ngôi nhà của mình. Tôi chỉ có một chọn lựa duy nhất, tiếp tục hy sinh...”. “Hy sinh”. Tôi cúi đầu ngấm ngội, lòng quặn đau với nỗi đồng cảm thân phận phụ nữ. Cả chiến tranh và hòa bình, người phụ nữ sâu thẳm yêu thương, bao dung và độ lượng luôn nhận nỗi đau, thiệt thòi về phía mình. Bà đã sống như thế, cho đến cuối cuộc đời, lắng đọng trong lòng người hai chữ “hy sinh” trĩu nặng.

Trịnh Thu Nga có những dòng tự bạch ngắn gọn: “Tôi là

con gái Sài Gòn, là con gái út thứ mười hai trong gia đình cha là tiểu thương Chợ Lớn và mẹ là con một điền chủ của vùng đồng bằng Nam Bộ rộng lớn, tỉnh Mỹ Tho. Tôi mở mắt chào đời trên quê hương Đồng khởi ở xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre; là con dâu quê hương “Đất thép thành đồng”, xã Phú Mỹ Hưng, Cù Chi. Cha tôi là thành viên Thiên địa Hội thời Pháp thuộc. Cha mẹ đều bị dòng họ hai gia đình từ bỏ vì tội làm “phiến loạn”. Có thể do dòng máu ban đầu “cách mạng” mà anh chị em nhà tôi lớn dần theo tiếng gọi thiêng liêng đó. Anh thứ Sáu, rồi đến thứ Mười và Mười Một cũng nối gót hoạt động bí mật tại Sài Gòn - Chợ Lớn. Gia đình tôi được gán một cái tên do các anh chị đặt rất đẹp “Gia đình Tình báo”... Nhưng người nữ tình báo Thu Nga với bí danh Út Huyền, Cúc với bí số 4B, J12 có một cuộc đời dẫm nước mắt, trĩu nặng nỗi niềm, và cả máu đã đổ trên những nẻo đường kháng chiến, trong những nhà tù khốc liệt, không loại trừ nơi “địa ngục trần gian Côn Đảo”. Ở tuổi bảy mươi hai, bà một mình ngồi trước ngọn đèn, giờ từng trang nhật ký. Có lúc nước mắt bà rơi, làm nhòe ướt những trang chữ. “Tôi viết để một mình mình đọc thôi. Có những điều chất đống đến mức tôi sợ những người thân của mình không chịu nổi. Cuộc đời riêng của tôi buồn lắm, cứ nối tiếp những mối tình dang dở, nối tiếp chia ly, có cả cuộc chia ly trong chính lòng mình. Tôi đợi một dịp nào đó. Còn bây giờ, cô có thể kể với cháu vài ký ức về những ngày hoạt động tình báo, về những ngày bị đọa đày trong tù ngục”. Theo dòng ký ức của người nữ tình

báo, câu chuyện bà giấu kín trong lòng cứ tuôn trào cùng nước mắt...

Thư ký Quốc hội

Tự bao giờ, tiệm thuốc Đông y ở địa chỉ 142 Ngô Quyền do cha cô là Trịnh Văn Mai đứng tên đã trở thành một cơ sở liên lạc của tình báo cách mạng. Đó cũng là nơi nhiều sĩ quan, công chức nhà cầm quyền Pháp lui đến, được ông bà chủ đón tiếp niềm nở, thân mật. Năm 1954, làn sóng người Công giáo từ miền Bắc di cư vào Nam ồ ạt. Trong số đó có Ba Bá, Ba Đen tìm đến nhà cô, thông báo tình hình, móc hai anh thứ mười, mười một của cô hoạt động cách mạng. Một buổi đi học về, Thu Nga được mẹ thông báo: “Tao đã nhận hai thằng Bắc Kỳ làm con nuôi”. Lúc ấy, Thu Nga thấy mẹ thật khó hiểu. Bà hầu như không chơi thân người Bắc, sao lại... Vốn thông minh, Thu Nga cũng lờ mờ hiểu ra, hai người “con nuôi Bắc Kỳ” của mẹ không giống những người Bắc di cư khác. Họ có sứ mạng đặc biệt, cao cả hơn khi vào Sài Gòn, không chỉ để xin làm con nuôi của mẹ. Cũng từ đó, hai anh Bắc Kỳ có nhiều lời khuyên bổ ích cho anh chị em cô. Cuối năm 1955, Thu Nga mới mười sáu tuổi, đã thi tú tài 1, xinh đẹp, tràn đầy mơ ước. Cô xin vào làm kế toán trong một hãng tư nhân Pháp. Nhưng Jacquo - chủ hãng thuốc diệt côn trùng Determitages say mê sắc đẹp của Thu Nga, ngỏ lời cưới cô. Thu Nga đoán người Pháp rồi sẽ rời Đông Dương, Jacquo cũng sẽ phải về Pháp, và hơn hết, nếu chấp nhận lời cầu hôn, cô sẽ phải theo chồng rời khỏi đất nước.



Trịnh Thu Nga (thứ hai từ phải, hàng ghế thứ hai) đang tác nghiệp trong vai trò thư ký Quốc hội

Với Jacquo, cô chỉ cảm mến nên đã khéo léo từ chối lời cầu hôn này. Cô được các anh gợi ý đi học tốc ký. Không bao lâu, Thu Nga cùng một số bạn gái đã hoàn thành khóa học, viết tốc ký rất nhanh. Đó cũng là lúc chính quyền Ngô Đình Diệm thành lập Quốc hội. “Làm thế nào để Thu Nga được vào Quốc hội làm việc?”. Cô nghe anh Ba Đen thì thầm bàn tán với các anh, vẻ rất đăm chiêu. Người anh rể thứ năm của cô reo lên: “Tôi có quen Cao Hớn Cơ - Tham tán văn phòng Quốc hội, cả Lê Công Thành - Tổng quản trị Văn phòng Quốc hội. Gương mặt anh Ba Đen dần ra nụ cười. Anh nói: “Em nộp đơn thi tuyển vào Quốc hội ngay”. Nộp đơn chỉ là thủ tục, Thu Nga biết các anh đã tranh thủ những nhân vật quan trọng, để cô được nhận vào. Lúc thử việc, nhìn

bàn tay thắp bút của cô như múa trên giấy, Trưởng phòng tốc ký Nguyễn Trọng Phú được Tổng Nha cảnh sát đưa qua, tò vè hải lòng. Ngay ngày hôm sau, Thu Nga đã chính thức nhận việc, dù ngài Tham tán văn phòng Quốc hội nghiêm mặt tuyên bố: “Nhận người làm công việc quan trọng này, chúng tôi phải coi lý lịch rất kỹ”.

Từ đó, trong bộ quần áo dài đủ màu sắc, giày cao gót, tóc xõa dài tha thướt, Thu Nga trong tổ “Tốc ký nghị trường”, đã ghi lại nguyên văn các cuộc họp, thảo luận ở quốc hội, về kế hoạch, ngân sách dành cho chiến tranh, các đối sách, kế hoạch hành quân, đàn áp cách mạng... Được trả lương cao, Thu Nga dành tiền mua sắm xe cộ, quần áo cho cho các anh hoạt động. Cô học thêm trường Quốc gia Hành chánh, được vào ngạch “Chánh sự vụ” ở văn phòng - củng cố địa vị chắc chắn trong tổ “Tốc ký nghị trường” ở Quốc hội. Cô Thu Nga kể: “Tôi rất mê học, cố gắng học giỏi vì sự học và địa vị của mình gắn liền với tổ chức tinh báo cách mạng. Tổ “Tốc ký nghị trường” năm đó có nhiều bộ phận. Tôi, Tuyết, Chinh, Tâm cùng mấy người nữa nằm trong tiểu ban quốc phòng, an ninh và ngân sách. Ngoài ra, còn có các tổ phụ trách về các vấn đề Thiên Chúa giáo, Phật giáo, các vấn đề xã hội, tổ Cộng... Với quan hệ rộng, khéo léo, tôi cũng khai thác được tin tức từ các tổ tốc ký khác. Nhờ vậy, các anh có biên bản từ rất sớm, sớm hơn cả Quốc hội chính quyền Sài Gòn, bởi chúng tôi sau khi ghi tốc ký được quyền đem về nhà, chép lại thành văn bản chính thức. Các kế hoạch ngân sách, quốc phòng, hành quân... đều được thể hiện trên các bản tốc ký.

Tốc ký có chung quy ước nhưng khi thực hiện, mỗi người có cách mã hóa riêng, không ai giống ai, miễn sao ghi được nhanh nhất. Và khi chép lại thành văn bản, không ai làm được, ngoài chính chủ nhân của nó”. Mười năm sau nhớ lại, Thu Nga mỉm cười nói: “Cứ như thế, tôi trở thành một mắt xích trong đường dây tình báo. Tôi thực hiện một công việc nguy hiểm nhưng rất đơn giản, nhẹ nhàng, chẳng thấy chút gì là nguy hiểm”.

Với vai trò thư ký Quốc hội, Thu Nga còn được đi thị sát các điểm nóng ở tỉnh, thăm khu trừ mạt Kontum, Buôn Mê Thuật..., đến cả Quảng Trị. Khi trong đoàn dân biểu thăm Bến Hải, bước lên cầu Hiền Lương, Thu Nga nhìn về phương Bắc. Bên kia bờ, lá cờ đỏ sao vàng bay phất phới. Bao tình cảm trời dậy, cô thầm nói: “Thưa Bác, con là Thu Nga. Ở phương Bắc, Bác có biết con không? Chắc Bác không thể hình dung một cô gái tha thướt, lộng lẫy trong đoàn Quốc hội chính quyền Sài Gòn đang đứng trên chiếc cầu này lại hướng về phía Bác. Bác ơi, con đang ngày đêm chiến đấu, để sớm được gặp Bác, để cây cầu Hiền Lương mãi mãi nối hai bờ Nam Bắc”. Xúc cảm trào dâng khiến Thu Nga ngất xỉu. Khi được cấp cứu, cô giải thích: “Trời nắng quá, tôi bị bệnh tim nên ngất”...

Nhưng không phải lúc nào cuộc chiến đấu của Thu Nga trong lòng địch cũng thuận buồm xuôi gió. Khi hai người anh trai Ngọc, Châu tham gia hoạt động tình báo bị bắt, Thu Nga bị đình chỉ công việc. Cô phải ngồi không suốt một tháng để chờ kết luận từ phía văn phòng Quốc hội. Những

người bạn trong tổ “Tốc ký nghị trường” đã hết lòng bênh vực, bảo vệ cô. Một chị nói: “Thu Nga làm sao là cộng sản được. Nó xinh đẹp, yếu ớt, lại thích ăn sang mặc đẹp. Các ông thấy đó, nó lúc nào cũng mặc áo dài hở cổ, mặt hoa da phấn, giày cao gót. Làm Cộng sản, làm sao nó chịu được. Anh của nó bị bắt vì tội gì chưa rõ, chưa kể nhà nó khá giả, có ông còn muốn làm tiền cho bắt con người ta...”. Nhờ hai anh Ngọc và Châu không khai điều gì, thân phận Thu Nga chưa bị lộ. Cô rất vui mừng khi nghe người bạn là dân biểu Quốc hội thông báo: “Văn phòng Quốc hội bàn rất kỹ, nên sa thải hay giữ cậu lại. Nhưng cuối cùng, qua biểu quyết, cậu được giữ lại”. Thu Nga càng vui mừng hơn khi sau sự cố bị nghi ngờ, cô được chuyển sang tổ “Tổ cộng”. Đây cũng là nơi cô đang rất cần tiếp cận, chuyên sâu để khai thác những tin tức nóng hổi...

Thu Nga nói về những ngày làm công tác tình báo trong Quốc hội rất nhẹ nhàng: “Điều đơn giản nhất là che giấu mình không là “Việt cộng”. Mình không khác mọi người từ sinh hoạt, cách nói năng. Nhưng đó cũng là cái khó nhất, bởi che giấu được mình là một nghệ thuật”. Vậy mà có lần cô đã hớ, khi đi với một sĩ quan Bộ Quốc phòng đã buột miệng thốt lên: “Này đồng chí...”. Anh ta mờ to mắt nhìn tôi. Tôi chột cười phá lên khòa lấp sự sơ hở chết người của mình: “Hôm nay không hiểu sao gương mặt anh có vẻ nghiêm trang, khô khan giống cộng sản quá, nên tôi bắt chước Việt cộng gọi anh là “đồng chí”. Anh ta cũng cười ha hả: “Làm Việt cộng đâu dễ, mà thực ra tôi chỉ muốn là “đồng chí” của

cô thôi!”. Thu Nga làm ra vẻ mắc cỡ, gạt đi: “Thôi, anh đừng nói tầm bậy nữa. Bà xã anh nghe được, rắc rối cho tôi lắm!”.

Mối tình đầu

“Mối tình ấy tan vỡ, tôi vô cùng đau đớn, bởi tôi đã yêu anh bằng tất cả trái tim mình. Yêu nhau mà không đến được với nhau là một nỗi khổ ghê gớm. Nhưng tôi đã cố gắng nuốt lại nỗi đau đó...”. Thu Nga nói trong nước mắt. Ký ức mối tình đầu mấy mươi năm vẫn nguyên vẹn trong lòng cô. Người con trai Trần Văn Lộc, quê Vĩnh Long lên nhà cô trọ học đã đem lòng yêu thương cô con gái út chù nhà. Trước khi thi vào trường Lục quân Đà Lạt, anh ngỏ lời được cưới Thu Nga. Mẹ cô nói: “Nó còn nhỏ quá. Cháu có thương nó thì chờ vài năm nữa”. Thật sự, gia đình Thu Nga và tổ chức cách mạng suy nghĩ rất nhiều về chuyện hôn nhân của cô. Nếu cưới Thu Nga làm vợ, Trần Văn Lộc cũng có thể được thuyết phục là một cơ sở tốt trong lòng địch. Nhưng Thu Nga lúc ấy đã dành cho người mình yêu một tình cảm chân thành, nồng nhiệt. Trong sâu thẳm, cô chỉ mong được làm vợ người đàn ông mình yêu thương. Lòng cô tràn ngập hy vọng... Khi Trần Văn Lộc ra trường, sau lên cấp bậc đại úy, gia đình anh từ Vĩnh Long lên Sài Gòn náo nức được xem mặt cô dâu tương lai. Nhưng cũng từ hôm ấy, Trần Văn Lộc không quay trở lại, biệt vô âm tín. Thu Nga hoang mang, đau khổ cùng cực. Bao câu hỏi ập đến, giằng xé cô. Trong tận cùng đau khổ, cô quyết đi tìm anh, để hỏi rõ mọi việc. Cô ra tận Bà Rịa, Vũng Tàu, nơi Trần Văn Lộc đóng quân nhưng cũng

không gặp được anh. “Đại úy đã đi vắng”. Lòng cô càng tuyệt vọng, hoang mang. Thu Nga cắn chặt môi để không phải bật lên tiếng khóc. Cô nuốt lại nước mắt, lao vào công tác...

Nỗi đau tan vỡ môi tình đầu chưa lành, Thu Nga được các anh phụ trách đường dây tình báo giới thiệu Lê Văn Thi - một thanh niên Bắc di cư. Anh là Bí thư liên chi bộ công nhân xe đò - Tây Ninh, muốn cưới vợ một gia đình danh giá ở Sài Gòn để hợp pháp hoạt động. Nghe “các con nuôi” ngỏ lời, mẹ Thu Nga băn khoăn: “Đây là chuyện hệ trọng, các con hãy hỏi ý nó”. Hiểu đó là nhiệm vụ, Thu Nga nói: “Con bằng lòng” trong cái nhìn sừng sốt của mọi người. Gia đình trai gồm người chú ruột - làm Chánh văn phòng Sở Thú y, em gái ở Bộ Nông nghiệp và những người thân khác đến nhà Thu Nga làm lễ dạm ngõ. Trước mắt hàng xóm, kể từ hôm đó, Thu Nga là gái đã có chồng. Cô cũng sống theo cách một người phụ nữ đã có chồng. Thi thoàng, cô về nhà chồng (anh Lê Văn Thi ở với bà Thiêm ở chợ Tân Định), cùng anh đi xem phim, đi chơi, thăm họ hàng. Về bề ngoài, Thu Nga có một gia đình đê huê, hạnh phúc. Mỗi lần đi cùng chồng, cô đều kéo theo mẹ và các chị... Đã là “chồng vợ” bên nhau suốt một năm nhưng anh Thi chưa một lần hôn được cô. Trái tim Thu Nga từ lâu đã giá lạnh. Rồi “chồng cô” bị bắt. Anh bị đưa ra Huế giam giữ. Đầu năm 1960, Lê Văn Thi được ra tù. Nghe tin anh đã về Sài Gòn, Thu Nga gặp Ba Đen - người phụ trách đường dây tình báo, hỏi: “Em muốn đi thăm anh ấy”. Ba Đen suy nghĩ đăm chiêu một lúc.

nói: “Được, em cứ đi thăm nó, tiện thể xem tư tưởng nó thế nào”. Hôm ấy, trong bộ thanh nữ Việt Nam Cộng hòa, Thu Nga tìm đến nơi Thi ở. Anh tiếp cô trong căn buồng kín. Thi nhìn cô, ánh mắt buồn rầu, mệt mỏi: “Em còn làm ở Quốc hội không?”. “Em vẫn làm ở đó”. Im lặng. Thi thở dài, buông lời khuyên: “Thôi em à. Anh muốn gặp em để nói rằng chúng ta đã dần thân, đã hy sinh vô ích. Hãy sống cuộc đời chồng vợ bình thường. Anh sẽ làm ăn, nuôi nấng gia đình, sẽ mang lại hạnh phúc cho em. Công việc của em rất nguy hiểm. Là đàn ông, anh còn không chịu nổi những ngón đòn, huống chi em bé nhỏ, mảnh mai. Những người cách mạng chỉ lợi dụng mình thôi...”.

Thu Nga mờ to mắt nhìn người đàn ông từng là “chồng” mình. Vẻ trong sáng, niềm tin sắt đá, sức mạnh tinh thần của một Đảng viên gang thép trong lòng địch đã bay đâu mất. Còn lại trước mắt cô là một người đàn ông đã mất hết niềm tin, chán chường, tuyệt vọng. “Thôi em về”. Thu Nga lặng lẽ bỏ đi. Cô báo tin cho Ba Đen. Ông nói: “Vậy là nó đã chiêu hồi. Em đừng gặp nó nữa!”. Ông nhìn cô, vẻ nghiêm trọng: “Em phải trốn thôi”. “Trốn đi?!”. Thu Nga sùng sốt. “Nhà em ở đây. Mẹ em đang bệnh, em biết trốn đi đâu?!”. Câu hỏi ấy làm Ba Đen lúng túng. Ông trấn an: “Anh sẽ tìm cách tốt nhất cho em. Từ hôm nay, em đừng về nhà nữa!”. Sự cảnh báo của Ba Đen khiến Thu Nga hiểu, cuộc đời cô sắp bước vào một khúc quanh...

Vào chiến khu

Tháng 11-1960, Thu Nga trong bộ quần áo dài, giày cao gót, mặt hoa da phấn như thường ngày nhưng cô không đến văn phòng Quốc hội mà theo người nữ giao liên ra chiến khu, dự Hội nghị ra mắt Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam Khu Sài Gòn - Gia Định. Cả gia đình đều không ai biết Thu Nga thoát ly, bởi trước khi ra đi, cô còn nói với mẹ: “Mẹ ơi, Hùng (người bạn thân đi du học Mỹ) hôm nay về nước, con đi đón Hùng”. Trong lúc đó, từ Sài Gòn, họ đi xe đò lên Phú An, rồi vượt sông qua Cù Chi. Thu Nga dự định dự hội nghị xong sẽ trở về Sài Gòn. Ra chiến khu, Thu Nga mới biết Chinh - cô thư ký nghị trường cùng làm việc ở văn phòng Quốc hội cũng đã ra chiến khu, tham dự thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam Khu Sài Gòn - Gia Định do đồng chí Huỳnh Tấn Phát làm chủ tịch. Khi ở nhà một cơ sở, địch càn tới. Chinh chạy theo các anh, bị địch bắn chết. Thu Nga vô cùng đau đớn, thương người đồng chí thâm lặng của mình đã nằm xuống ở tuổi còn rất trẻ. Vì Chinh hy sinh, Khu ủy cần một thư ký thay thế, Thu Nga được thuyết phục ở lại chiến khu. Kể từ đó, Thu Nga xếp lại bộ quần áo dài, đôi giày cao gót, chôn dưới hầm. Cô khoác lên người bộ bà ba đen, khăn rằn, hòa mình vào cuộc sống gian khổ ở căn cứ. Cô công tác ở Mặt trận Trí vận, được đồng chí Huỳnh Tấn Phát đặt tên “Út Huyền”, tương phản với màu da trắng muốt của cô. Nhiều trí thức, văn nghệ sĩ vô cùng kinh ngạc khi gặp Thu

Nga - một “Thư ký nghị trường” ăn diện ngất trời, được nhiều sĩ quan đeo đuổi giờ lại là người của Mặt trận. Và rồi một bước ngoặt mới mở ra cho cuộc đời Thu Nga. Cô kể: “Anh Chín Dũng (bí danh của cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt khi ấy là Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định) thấy tôi viết tốc ký nhanh nên xin tôi về Ban Tuyên huấn Khu ủy, ở bộ phận cơ yếu. Cuộc sống ở căn cứ tuy gian khổ nhưng tràn ngập niềm vui. Tôi nhớ có lần thấy chúng tôi lạnh, anh Huỳnh Tấn Phát lấy nilông bọc vông chúng tôi lại. Sự chân tình, gần gũi của các anh khiến chúng tôi được động viên, an ủi rất nhiều”. Năm 1961, đồng chí Đào Huỳnh Long (Ba Trục) làm lễ kết nạp Đảng cho cô. Nhắc đến tên ông, Thu Nga lặng buồn: “Đó là chồng của tôi sau này”.

Thu Nga tâm sự: “Bạn bè rất ngạc nhiên khi tôi chấp nhận lấy Ba Trục làm chồng, bởi chúng tôi quá khác nhau. Tôi là tiểu tư sản, còn anh là nông dân. Anh Chín Dũng biết Ba Trục thương tôi, cũng biết tôi không đáp lại nên anh động viên tôi nhận lời lấy Ba Trục. Anh nói anh cũng là nông dân, chị Chín là con địa chủ, vậy mà lấy nhau cũng rất hạnh phúc”. Rất nể anh Chín Dũng nhưng thật lòng tôi vẫn chưa yêu con người đó. Tôi với anh ta là hai thái cực, rất khác nhau. Nhưng rồi tôi đã lấy anh ấy, không phải vì yêu mà là vì nghĩa...”. Phải, nếu như không có một ngày chuẩn bị dời cứ gấp do có chỉ điểm, địch càn quét tôi bị sụp hầm chông, anh bất chấp nguy hiểm quay lại cứu tôi. Vì cái nghĩa đó, tôi đã chấp nhận lấy anh”.

Về thành

Từ căn cứ Hồ Bò, Thu Nga ghi được tin chính quyền Diệm bị đảo chánh. Sau một cuộc họp khẩn, Khu ủy quyết định đưa Thu Nga về thành hoạt động. Cô moi hầm, tìm lại bộ quần áo dài, trở về Sài Gòn. Gặp lại cô, bạn bè ở Quốc hội mừng rỡ, tíu tít: “Trời, Thu Nga, mấy năm bỏ đi đâu?”. Thu Nga làm ra vẻ ngậm ngùi: “Minh yêu anh Long, hai đứa lỡ với nhau...”. Lúc ấy, Thu Nga đã mang thai sáu tháng và mọi người tin cha của đứa bé là một sĩ quan Hải quân tên Long. Biết rõ góc gác Sài Gòn, Thu Nga lao vào hoạt động công tác binh vận. Với khả năng hợp pháp, công khai, Thu Nga đảm nhận vai trò Chánh văn phòng Hội Bảo vệ nhân phẩm và quyền lợi phụ nữ. Cô được đồng chí Võ Văn Kiệt nhấn vào chiến khu. Ông hỏi: “Trong số sĩ quan Thủ Đức, em có quen người bạn nào không?”. “Có, anh Trần Văn Lộc, giờ anh là Trung tá dạy trường Liên quân Thủ Đức”. Lòng Thu Nga quặn đau, nhớ mối tình đầu đã tan vỡ của mình. “Anh ấy còn yêu em không”. “Em nghĩ chắc là còn”. Cô biết qua những người bạn, Lộc thi thoảng vẫn hỏi tin tức cô. Ông Kiệt nói: “Anh giao em việc này. Em hãy học thuộc lòng tên tuổi, ngày sinh tháng đẻ ba sĩ quan Thủ Đức mới ra trường này rồi xóa đi. Em nhờ Lộc bố trí ba người mà em đã học thuộc vào các cơ quan này”. “Họ thi đỗ cao không anh?”. “Không”. “Vây thì rất khó”. Ông Kiệt nói: “Khó mới nhờ tới em. Làm sao bố trí một người vào Bộ Tham mưu Bộ binh, hai người kia ở cơ quan nào

cũng được”. Về Sài Gòn, Thu Nga tìm đến nhà Lộc. Ông sững sờ khi nhận ra người xưa: “Út về hồi nào?”. “Hồi sáng”. Thu Nga hiểu Lộc đã biết tất cả - biết cô là một chiến sĩ cộng sản. Ông thấp giọng: “Đề anh cho mấy đứa nhỏ ra khỏi nhà đâ”. Thu Nga nhờ ông giúp việc cài người. Ông nhìn cô nói: “Đó là việc khó nhưng anh làm được”. Ông chợt thờ dài: “Út biết vì sao anh bỏ đi biệt động không? Anh thật có lỗi với Út. Hồi đó, gia đình anh là con trai lớn. Thầy bói coi tuổi sao đó nói em tuổi dần, anh tuổi thân, sống với nhau ắt phải phân ly. Anh không tin nhưng mẹ anh kiên quyết buộc anh xa em. Nếu anh cãi lời, mẹ anh sẽ... Hôm Út ra Vũng Tàu, anh thấy Út, muốn gọi em lắm mà phải nén chặt lòng mình. Hoàn cảnh buộc phải xa em nhưng anh không bao giờ quên Út”. Thu Nga để những giọt nước mắt lăn dài trên má. Cô hiểu sự hy sinh mỗi tình đầu của mình không vô ích. Nếu Lộc không ở lại chính quyền Sài Gòn, cô đã không thể nhờ anh một công tác đặc biệt quan trọng đến vậy. Và khi báo tin với tổ chức mình đã hoàn thành nhiệm vụ, Thu Nga xóa ngay tên những người cần cài vào hàng ngũ chính quyền Sài Gòn trong đầu. Cô hiểu đó là nguyên tắc hoạt động bí mật.

Trong vòng vây kẻ thù

Sinh con nhưng không thể sống gần con là một nỗi giằng xé trong lòng Thu Nga. Lao vào công tác binh vận, cô đành gọi con cho người chị ruột nuôi dưỡng. Chuẩn bị Mậu Thân 1968, cô cùng bà Ba Tấn - Trường ban phụ vận

chờ vũ khí vào nội thành. Cũng trong bộ quần áo dài tha thướt, lái chiếc Yamaha, Thu Nga qua mắt địch dễ dàng bằng phong cách tự tin, thoải mái. Người đi cùng cô khi thấy cảnh sát bất chợt kéo nón sụp xuống. Cô bực mình nói: “Thấy nó mình càng phải tinh bơ. Chị làm vậy nó càng nghi ngờ. Chuẩn bị Mậu Thân đợt 3, Ba Tấn nhờ Thu Nga đến điểm hẹn đưa tài liệu phụ vận cho Khu ủy. Cô suy nghĩ dữ dội, khi biết cơ sở Thành đoàn này đã bị bẻ cách đây ba năm. Bà Ba Tấn phụ trách cô cũng biết điều đó nhưng tình thế đã quá cấp bách. “Đây là một nhiệm vụ nguy hiểm”. Thu Nga thăm nghĩ nhưng đó cũng là mệnh lệnh, cô lặng lẽ ra đi...

Vừa nhắc trông thấy Thu Nga, chủ nhà sợ hãi thì thầm: “Cô đi đi, ai đến nhà tôi cũng bị bắt”. Cô quay xe, cảnh giác chạy lòng vòng các con đường, chạy vào Chợ Lớn, qua Ngã Bảy... nhưng vẫn không cắt được đuôi theo dõi của những tên mật vụ. Một tên đón đường cô hỏi thẻ căn cước. Cô bình thản chờ hắn xem giấy. Hắn nhìn cô cười nhạt: “Đây là căn cước giả”. “Không, ông xem hình đi, chính là tôi mà”. Tên mật vụ cười nham hiểm: “Già hay thật thì cứ về bót rồi biết ngay”. Hai tên mật vụ đưa cô về bót Nguyễn Tri Phương tạm giữ rồi bỏ đi. Biết mình bị bắt, nhìn thấy ông lái taxi lên bót đóng tiền phạt, cô nói địa chỉ, nhờ ông báo tin cho chị dâu. Khi chị dâu đến, cô nói nhanh: “Chị mang cái giỏ này về thủ tiêu tất cả giấy tờ cho em”. Sổ tài liệu còn lại ở ngực, cô trà trộn vào số gái mãi dâm bị bắt, vào cầu tiêu xé nhỏ rồi dội nước. Mãi đến 6 giờ chiều, người của Cục An ninh đến

bớt, giải cô về An ninh Quân đội. Chúng vô cùng tức giận khi không tìm được những vật trong giỏ xách của cô. Thu Nga đau đớn khi nhìn thấy rất nhiều đồng đội của mình bị sa vào lưới của kẻ thù. Biết cô sắp chịu đựng những đòn tra tấn dã man, những người đã bị bắt có kinh nghiệm chịu đòn, dặn cô trung thành với lời khai ban đầu, về tờ căn cước thật bị làm giả. Nhìn Út Huyền là dân trí thức, da trắng, mảnh mai, họ lo sợ cô không chịu nổi những ngón đòn tra tấn. Đúng như sự lo sợ của mọi người, Thu Nga liên tục hứng những trận đòn dã man, với những lời hỏi cung dồn dập: “Mày làm gì trong Hội Bảo vệ nhân phẩm phụ nữ?”. “Chánh văn phòng”. “Trong Hội ai là VC”. “Toàn là trí thức, bà Văn Thị Dư (chị ruột của Văn Văn Cửa), Tứ Ngọc, Vân Trang, Song Thu... Thất bại trước những ngón đòn tra tấn, địch đưa cô gặp Ba Trà - một Khu ủy viên đã phản bội. Vừa nhìn thấy cô, hắn làm ra vẻ mừng rỡ: “Cô Út Huyền (bí danh Thu Nga trong căn cứ) khỏe hôn?”. Thu Nga cắt ngang: “Không, tôi là Trịnh Thu Nga”. Hắn khẳng định: “Cô đừng làm bộ nữa. Chính tôi làm chủ hôn cho cô với Ba Trực chứ ai!”. Cô ném về phía hắn ánh mắt khinh bỉ: “Làm Cộng sản thì lựa người Cộng sản mà khai. Nếu nhát gan, không chịu đòn nổi thì đừng đi làm Cộng sản. Tôi là người Sài Gòn, ngọn cỏ, gốc cây ở Khu tôi còn không biết đến thì làm sao mà làm Cộng sản!”. Tên Ba Trà cúi mặt xấu hổ. Nhưng những người ở mũi công tác binh vận, phụ vận khi bị bắt đều khai ra Út Huyền, khai cá bí số 12. Cô phản bác ngay: “Không, ở nhà tôi thứ 12”. Liên tục, sáng chúng đem cô đi

tra tấn, tra trả về buồng giam. Chúng chích thuốc mê khiến người cô rơi vào trạng thái lơ mơ. Cô tự nhủ: “Tinh thần phải vững, tinh thần phải vững. Phải kiên định, kiên định không khai gì. Thu Nga ơi, mình là cô gái Sài Gòn, cô gái Sài Gòn. Cô gái Sài Gòn không được yếu hèn, không bao giờ phàn bội”. Rồi cô làm một dàn bài trên não, nên khai gì và không khai gì. Cô cứ lặp lại lời khai: “Tết năm ấy, tôi được một người đưa ra chiến khu. Họ phổ biến chủ trương đánh vào Sài Gòn. Tôi chỉ biết vậy!”. “Không chỉ có vậy” - Tên ác ôn cười gằn. Chúng bỏ cô vào thùng sắt thắp đem phơi nắng. Dưới ánh nắng thiêu đốt giữa trưa, chiếc thùng thiếc nóng khủng khiếp. Người bị phỏng rộp, cô ngất xỉu. Chúng dội nước cho cô tỉnh dậy rồi tiếp tục những đòn tra tấn mới. Nhớ lại trò tra tấn dã man ấy, Thu Nga rưng rưng kể: “Đó là lúc tôi bị khủng hoảng nhất. Tôi thực sự không còn chịu đựng nổi. Tôi nhắn tin cho anh Chín Dũng (Võ Văn Kiệt) cho tôi được tự tử. Ông nhắn vào: “Đồng chí không được quyền chết”. Rồi tiếp theo, cô bị đưa đến những nhà tù khét tiếng của miền Nam. Mười năm sau, Thu Nga vẫn còn giữ chiếc khăn thêu trong tù, ghi lại những địa điểm, ngày tháng đã qua: “Cục An ninh Quân đội: 22/12/1968; Biệt giam Tổng Nha: 24/4/1969; Câu lưu xá: 25/5/1969; Kỷ luật Thủ Đức: 19/8/1969; Trung tâm Chí Hòa; Ra tòa lần 1: 13/11/1969; Côn Sơn: 28/11/1969; Tháng 4-8/1970, đưa lại Chí Hòa; Đi Côn Sơn lần 2; Tân Hiệp: 4/11/1971; Côn Sơn: 4/6/1972; Về đất liền: 2/8/1972...”. Tôi không thể tin người phụ nữ ngồi trước mặt mình, thời

tuổi trẻ da trắng, tóc dài đã trải qua sự tận cùng những cực hình tàn khốc, bị đày đọa trong những nhà tù được xem là “địa ngục trần gian”, không chỉ ở đất liền mà còn ở Côn Đảo...

Ký ức Côn Đảo

“Khắc nghiệt ở Côn Đảo không bút mực nào tả hết. Nhưng với tôi, nỗi ám ảnh lớn nhất là cái ăn. Sau khi ra tù, nói thật, tôi thề không bao giờ ăn mắm ruốc”. Bà Thu Nga rùng mình nhớ lại những ngày ở Côn Đảo. Đó là những ngày ở Chuồng Cọp nóng như thiêu đốt vào ban ngày, buốt lạnh về ban đêm, những lần địch đàn áp, đổ vôi bột xuống những người phụ nữ gầy gò, bé nhỏ. Đó là những ngày ăn cơm trộn cát và mắm ruốc. Không có rau, răng người tù lung lay. Những người tù nam được đưa ra ngoài trồng khoai lang đã cố tình để rớt mấy dây khoai cho nhóm tù nữ khi đi đổ cầu tiêu. Các chị lượm ăn, thấy ngon kỳ lạ. Để tồn tại, các nữ tù cố sáng kiến khi địch cho ăn mồng tơi sống, ngắt lá bỏ vào nước sôi, cộng ngâm muối làm dưa chua ăn dần... Cô Thu Nga nói: “Thật ra, tù nam bị đàn áp dữ dội, khốc liệt hơn. Bên phụ nữ nhờ cái miệng nên bọn chúng cũng ngán ngại. Khi chúng đàn áp các anh, chúng tôi hô la phản đối. Mấy tên ác ôn rất sợ mấy tù nữ đội máu kinh lên đầu. Đó là thứ vũ khí mà chúng tôi có được ở nơi địa ngục trần gian. Điều kỳ lạ là chúng tôi rất yêu thương nhau, dù chỉ được nghe tiếng mà không hề thấy mặt”. Trong lúc Thu Nga bị đày đi hết nhà tù này đến nhà tù khác, gia đình cô đã

thuê luật sư bảo vệ cho cô. Nhưng trong tù, cô gái Sài Gòn đã cùng chị em kiên cường đấu tranh, không chào cờ, không vào trại ly khai, tuyệt thực đòi cải thiện chế độ nhà tù... Cô đã chống không ra tòa vì: “Tôi không có tội. Mấy ông có sức mạnh, quyền lực trong tay, muốn bắt người thì bắt, muốn thả cứ thả”. “Cô gái Sài Gòn” bị liệt vào thành phần nguy hiểm. Từ Côn Đảo, cô lại bị đưa vào đất liền, ném mùi nhà tù Chí Hòa, Tân Hiệp. Cô đã cùng chị em đấu tranh chống bị đày ra Côn Đảo lần 2: “Vì chúng tôi không chịu đi nên chúng đánh đập, lôi và ném chúng tôi ra xe rồi đẩy xuống tàu. Máu và nước mắt chúng tôi đã đổ dài trên những chặng đường đi đày. Cái cảm giác nằm mè man, ỏi lênh lảng dưới khoang tàu vẫn còn ám ảnh tôi cho đến giờ...”. Ngày 2-8-1972, cô lại được đưa về đất liền. Những ngày cuối tháng 4-1975, trong nhà giam Tân Hiệp, Thu Nga cùng những người bạn tù lắng nghe tin chiến sự từ chiếc radio của bà Phan Thị Tốt. Tin tức những cánh quân cách mạng áp sát Sài Gòn làm mọi người phấn khởi, hân hoan. Đó cũng là những ngày vô cùng hoang loạn. Trước khi thua trận, địch dự định gài lựu đạn giết chết các tù nhân. Trưa ngày 29-4-1975, với sự giúp đỡ của các trật tự tốt, các chị tự phá khám, ào ra ngoài. Cô Thu Nga kể: “Cảm giác được tự do khiến chúng tôi choáng ngợp. Chúng tôi đi về phía Gia Kiệm, tới Hồ Nai, nước mắt tuôn trào vì vui sướng khi nhìn xe máy xe tăng của ta trên đường tiến về Sài Gòn. Trong lúc ấy, chồng tôi đã về Sài Gòn, tìm đến nhà chị Tám, vợ sĩ quan tình báo Nguyễn Hữu Trí đón con tôi...”.

Nghị lực thời bình

Sau chiến tranh, di chứng những ngón đòn tra tấn trong tù âm thầm hủy hoại sức khỏe, hạnh phúc gia đình của Thu Nga. Làm sao cô có được một cuộc sống chồng vợ bình thường khi kẻ thù đã từng châm điện vào những chỗ kín, tử cung bị vỡ, làm chảy máu triền miên. Cô nói trong nước mắt: “Chồng tôi lúc ấy - người đàn ông chưa qua tuổi năm mươi đầy sinh lực, phải sống bên một người vợ bệnh tật triền miên như tôi là một nỗi khổ cho cả hai. Để giữ lấy hạnh phúc gia đình, tôi tự nhủ phải mạnh mẽ vượt lên nỗi buồn của chính mình, phải kiên trì tập luyện”. Mấy năm đầu sau ngày hòa bình, cô tạm gác lại nhiều việc, tập trung việc chữa bệnh. Khi cô mang thai, bác sĩ nói: “Đó thực sự là một điều kỳ diệu”. Người mẹ tràn ngập hạnh phúc nhưng cũng đầy lo lắng khi biết mình nhiễm trong người chất độc màu da cam những năm ở căn cứ Củ Chi. Nhưng nỗi khao khát được làm mẹ đã khiến cô vượt lên nhiều nỗi sợ, quyết tâm sinh con. Trời đã không phụ lòng Thu Nga. Cô đã sinh được một đứa con trai lành lặn, nguyên vẹn. Đó là niềm an ủi, hạnh phúc to lớn cho cuộc đời cô. Đứa con trai ấy nay là một kỹ sư công nghệ quản lý mạng, cao lớn, khôi ngô. Và cho dù cuộc sống chồng vợ không hạnh phúc, Thu Nga vẫn là một người vợ bao dung, tận tụy. Cô đã chăm sóc ông rất chu đáo, cho đến những năm cuối đời. Cô nói trong nước mắt: “Anh ấy đã làm nhiều điều khiến tôi đau lòng. Nhiều người đã chua xót, phẫn nộ cho tôi. Nhưng tôi hiểu được cội nguồn nỗi đau mình gánh chịu. Không phải một mình

tôi, nhiều người bạn tù trở về sau chiến tranh với thân hình tiều tụy, mái tóc xác xơ, chống chọi với bệnh tật, đói nghèo và cả sự phản bội, cô đơn. Anh ấy có lúc đi tìm một hạnh phúc khác nhưng cũng không giữ được hạnh phúc và bị trả giá bởi sự lên án của đồng đội. Tôi rất đau lòng trước những gì anh đã gây ra cho tôi. Nhưng trong tôi có sự bao dung của một người phụ nữ đã mang ơn cứu mạng của anh. Nếu trong ngày dời cứ hôm ấy, trong lúc khẩn trương, nguy hiểm, sự sống và cái chết trong gang tấc, anh ấy không quay lại cứu tôi, thì có lẽ tôi đã chết. Vì thế, tôi chịu đựng, hy sinh, tha thứ tất cả cho anh, dù nỗi đau vẫn nguyên vẹn trong lòng tôi. Vào những ngày cuối đời, anh ấy rất sợ tôi rời bỏ anh. Khi anh hiểu được sự hy sinh của tôi thì anh vĩnh viễn ra đi...”.

TRẦM HƯƠNG

Lê Thị Thu Nguyệt

(Sinh năm 1944)



VẮNG TRĂNG NĂM ẤY HÔM NAY

Từ những trang sách truyền thống đã ó vàng, cũ kỹ, tôi đi tìm chị. Đó là Lê Thị Thu Nguyệt, người nữ chiến sĩ biệt động góp phần làm nên những trận đánh gây chấn động nước Mỹ. Nhờ bác Tư Chu, nguyên Chi huy trưởng Biệt động Sài Gòn mà tôi biết chị đang sống tại ngôi biệt thự số 8 đường Đặng Văn Ngữ, quận Phú Nhuận. Cánh cửa mở ra, tôi hoàn toàn bất ngờ khi trước mặt tôi là Thu Nguyệt. Chị bé nhỏ, dịu dàng và ở tuổi gần bảy mươi, vẻ đẹp thời thanh xuân vẫn còn phảng phất trên gương mặt. Gặp chị rồi tôi mới hiểu những gì tôi biết về chị quá ít. Nào đâu chỉ có trận đánh trên máy bay địch năm xưa mà vây quanh cuộc đời chị còn là những

trang sử thật lung linh, huyền ảo. Bằng tình yêu Tổ quốc, ý chí sắt đá, nghị lực phi thường vượt qua khó khăn, kết hợp nữ tính cao đẹp, chính cuộc đời chị đã là những trang sử thuyết phục về những người phụ nữ xả thân trong chiến tranh và tỏa sáng trong hòa bình.

Từ cô gái mồ côi đến với cách mạng

Mồ côi mẹ mới lên sáu, cha tục huyền, tham gia kháng chiến, hoàn cảnh ấy khiến Thu Nguyệt có được tính cách tháo vát, độc lập từ rất sớm. Đó lại là một cô bé giàu tình cảm, sẵn sàng hy sinh, xả thân cho người mình yêu thương. Khi cha đi tập kết, mẹ kể vào Sài Gòn sinh sống, Thu Nguyệt cùng người chị được chú ruột nuôi dưỡng. Chú của nguyệt cũng là cơ sở cách mạng nội thành, thấy cô cháu nhanh nhẹn, thông minh nhiều lần nhờ cô đi thư, giao tài liệu. Mọi việc được Nguyệt làm trót lọt, nhanh gọn. Dần dần, đường dây giao liên ấy đã đưa Nguyệt đến với tổ chức cách mạng. Đang học lớp 6, chị gái lấy chồng, Nguyệt phải nghỉ học vì nhà chú nghèo, không thể kham nổi tiền nuôi cháu. Nguyệt chuyển sang học Nữ công gia chánh, chịu khó nhận làm những công việc lặt vặt để được các bạn đồng học trả công bằng cách gánh một phần học phí. Đang chuẩn bị ra trường, Nguyệt hay tin Liễu, người chị bà con chú bác trở dạ trong một nhà thương thí. Chồng bị bắt vào khám Lê Văn Duyệt vì tội làm cộng sản, Liễu sinh con tứ cố vô thân. Thương chị, Nguyệt bỏ dở cuộc thi tốt nghiệp trường Nữ công, để ở bên cạnh người phụ nữ đang vượt cạn trong tình trạng muôn phần

nguy hiểm. Người ta bỏ mặc bệnh nhân bị sản giật. Nguyệt mới mười sáu tuổi đầu, còn quá trẻ, không chút kinh nghiệm chăm sóc sản phụ. Lòng Nguyệt đau xé nhìn máu tràn ra mũi, qua miệng Liệu. Và ánh mắt người mẹ trước khi chết luôn ám ảnh Nguyệt. Cô hứa với Liệu: “Chị yên tâm, nếu chị có chết, em nuôi con chị”. Nước mắt chảy tràn trên đôi gò má xanh xao của Liệu, chị muốn giơ tay nắm lấy tay Nguyệt mà không sao nắm được vì bị trói chặt vào thành giường do bị sản giật. Nguyệt òa lên khóc nức nở, chạy về nhà báo tin cho chú... Khi cô quay trở lại bệnh viện thì người ta đã đưa xác Liệu đi. Cô lao xuống nhà xác, bị bảo vệ ngăn lại. Nguyệt lắc cánh cửa sắt, gào lên: “Người chết là chị tôi. Xác có chủ, hãy cho tôi vào mang xác chị về chôn cất!”. Bất chấp cánh cửa sắt lạnh lùng, Nguyệt nhảy vào nhà xác. Cô đi qua hai bệ xi măng chất đầy xác người, được phủ lên bằng những tấm vải. Dưới ánh sáng lơ mờ của ngọn đèn, Nguyệt lật từng tấm ra lên nhận mặt người chị xấu số. Chân cô dẫm lên cả xác những hài nhi... Sợ hãi điếng người nhưng thương chị quá, Nguyệt quyết tìm cho ra xác Liệu. Cuối cùng cô cũng đưa được xác người chị về nhà. Đám tang của vợ một tên cộng sản đang bị đặt ngoài vòng pháp luật diễn ra trong âm thầm, lặng lẽ. Theo sau quan tài của Liệu là Thu Nguyệt cùng một người anh bà con và đứa con trai mới lên ba của Liệu. Khi quan tài Liệu đặt xuống nghĩa trang ngập nước, cậu bé gào khóc thảm thiết. Nguyệt đỡ đứa bé, chợt thấy mình đang phải gánh trên đôi vai trách nhiệm trĩu nặng. Đến lúc đó, Nguyệt mới sực nhớ đến đứa bé, con chị Liệu đang còn ở trong nhà

thương thí. Cũng từ đó, Nguyệt rời nhà chú, về ngôi nhà của chị Liệu làm mẹ của hai đứa trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ...

Ngôi nhà xiêu vẹo, trống hoác. Nguyệt chày nước mắt khi nhìn thấy trong bếp còn thóc cùi, một tìn nước mắm, ký gạo. Có lẽ đó là tài sản mà Liệu chắt chiu dành cho cuộc vượt cạn. Nguyệt bàn với Huệ, em gái Liệu vào làm công cho hãng dầu Khuynh Diệp, lấy tiền nuôi hai đứa bé. Lương công nhân eo hẹp, Nguyệt phải tiết kiệm từng xu, sáng đòi chuyển xe buýt đến chỗ làm, chiều đi bộ hàng chục cây số về nhà. Khi hết tiền, Nguyệt đưa bé đi bú thép. Lần hồi, hai đứa bé dần lớn lên. Đó cũng là lúc Nguyệt tham gia vào đường dây biệt động. Thật nguy hiểm cho Nguyệt, khi chính thời điểm này, mối quan hệ giữa Nguyệt và Huệ bất hòa. Huệ báo cho liên gia trưởng những hành vi bí mật của Nguyệt. Lo sợ bị lộ, Nguyệt chuyển mấy trái lựu đạn chuẩn bị cho trận đánh đầu tiên trên nóc nhà hàng xóm. Cô về chiến khu, báo cáo tình hình, chỉ muốn thoát ly làm cách mạng. Nhưng Nguyệt được giải thích chiến trường mà Nguyệt phải bám là nội đô Sài Gòn. Nhiệm vụ ấy trêu nặng trên đôi vai cô gái mới mười tám tuổi...

Những kỳ tích biệt động

Chị dường như không muốn nhắc đến những chiến công mà mình đã tham gia. Để biết nó một cách cụ thể, tôi đành phải tìm hiểu qua người chỉ huy trưởng biệt động Sài Gòn, qua lời kể các đồng chí, những người cùng thời chị đang sống, cùng chị lập nên những chiến công phi thường đến

mức không thể tin được. Thật vậy, một cô gái bé nhỏ như trong bức ảnh năm chỉ mười sáu tuổi, cũng uốn tóc quăn, cũng biết diện cho mình đẹp, hòa nhập giữa dòng người Sài Gòn hoa lệ lại âm thầm hành động cho những trận đánh xuất quỷ nhập thần, kinh thiên động địa.

Là thành viên đội biệt động 159, Thu Nguyệt cùng bao đồng đội ngày đêm trấn trở nhằm thực hiện những trận đánh gây hoang mang, bất ngờ cho địch. Trong bộ quân áo nữ sinh về thăm quê, Thu Nguyệt nhận nhiệm vụ chuyên vũ khí, đặc biệt lọ nhỏ thuốc độc về nội thành. Và kết quả là các chiến sĩ biệt động đội 159 đã dùng thun, ná tầm thuốc độc bắn chết bốn tên Mỹ trên đường Trần Hưng Đạo. Cô gái mới mười chín tuổi năm ấy đã biết gây tiếng nổ giữa lòng địch bằng các loại vũ khí thô sơ như đá trong tìn nút kín. Từ những cách đánh thô sơ, Nguyệt nhận nhiệm vụ tiến lên đánh bằng lựu đạn, mìn...

Đó là trận đánh trước tòa Đô chánh Sài Gòn. Tháng 10-1962, chính quyền ngụy tổ chức trưng bày “chiến lợi phẩm” thu được của ta như súng ngửa trời, lựu đạn, chông tre... nhằm mục đích cho công chúng nhìn thấy sức mạnh ưu việt của chính quyền Mỹ - ngụy so với tiềm lực nghèo nàn của cách mạng. Địa điểm triển lãm kéo dài từ Nhà hát Lớn đến khách sạn Continental, qua đường Nguyễn Huệ, có 100 nhà báo đến dự và hàng ngàn người xem. Trong men say chiến thắng, địch không hay rằng đội biệt động 159 đang chuẩn bị trận đánh vỗ mặt vào sự kiêu hãnh sức mạnh vật chất của Mỹ. Trận đánh này do Trần Cường (Ba Mập) tổ trưởng, với

sự tham gia các chiến đấu viên Lê Thanh Tùng, Trần Tiên Quang, Lê Thị Thu Nguyệt. Điều quan trọng là làm thế nào đưa được chất nổ vào nội thành, nơi dày đặc mật vụ, hàng rào phòng thủ của chính quyền Mỹ - ngụy. Nhiệm vụ đặc biệt này được giao cho Thu Nguyệt. Trong bộ quần áo dài trắng về thăm quê lên Sài Gòn học, Nguyệt mang theo hai chậu kiềng được ngụy trang, dưới lớp đất là những quả lựu đạn. Tim chị cơ hồ nháy ra khỏi lồng ngực khi tên lính xét giấy tờ, đòi đập vỡ hai chậu kiềng xem có “chất nổ giết người” không. Quá bất ngờ, Thu Nguyệt òa lên khóc, nói rằng ông bà ngoại sẽ đánh chết cô nếu đem hai chậu kiềng về nhà không còn nguyên vẹn. Vẻ đẹp tinh khiết và nước mắt cô nữ sinh làm mềm lòng tên lính. Anh ta khoác tay ra hiệu đồng bọn bỏ đi.

8 giờ sáng ngày 26-10-1962, Nguyệt chọn bộ quần áo dài đẹp nhất cùng Tùng, Quang giả làm thường dân “đi xem triển lãm”. Trong chiếc khăn mù soa của Thu Nguyệt là quả lựu đạn. Tới nơi, thấy địch để bên cạnh chiếc trục thăng Mỹ là súng, mìn “chiến lợi phẩm”, Quang định ném trái lựu đạn vào đồng mìn nhưng Thu Nguyệt ngăn lại. Chị giải thích hành động của mình lúc ấy: “Chỗ đó quả đông người, tôi sợ mìn nổ làm chết dân. Nơi chiếc trục thăng đậu vắng người hơn. Tôi bí mật chuyển “chiếc khăn mù soa” qua cho Quang. Anh hiểu ý nhanh tay ném vào mục tiêu này”. Một tiếng nổ vang lên, chiếc máy bay sụm xuống, bốc cháy mù mịt. Dân chúng hỗn loạn tranh nhau thoát ra khỏi khu vực triển lãm. Lợi dụng thời cơ đó, các chiến sĩ biệt động hòa vào đám đông, thoát ra ngoài an toàn. Sáng hôm sau đọc báo, chị biết

được kết quả trận đánh. Vậy là với chiếc khăn mù soa trắng mỏng manh trong bàn tay bé nhỏ của Thu Nguyệt, quả lựu đạn đã phá hỏng một trực thăng HU1A, làm chết ba tên chết, hai tên bị thương và chiến công lớn hơn của trận đánh là đã phá vỡ được cuộc triển lãm của địch dự định trong bảy ngày, làm thất bại âm mưu chính trị của ngụy quyền Sài Gòn trong thời kỳ đầu thực hiện chiến lược “chiến tranh đặc biệt”.

Cũng không ai nghĩ, người phụ nữ bé nhỏ, dịu dàng ngồi trước mặt tôi nói những chuyện đời thường về cơm ăn áo mặc, mối lo toan thường tình như bao phụ nữ khác là Lê Thị Thu Nguyệt - nữ biệt động đội 159 đưa được mìn nổ chậm - một loại vũ khí do Quân giới Quân khu sản xuất từ Củ Chi vào sân bay Tân Sơn Nhất, gài được mìn hẹn giờ trên máy bay Boeing 707. Để thực hiện được trận đánh quan trọng này, đội biệt động 159 trước đó đã tiến hành gài người vào làm nhân viên điều khiển không lưu ở sân bay, mang bí số 8E, tức Mười Luân; đồng thời đưa Thu Nguyệt đóng vai người yêu của Mười Luân ra vào sân bay để điều nghiên mục tiêu. Ngày 25-3-1963, một gói thuốc nổ mạnh C4 cài đồng hồ hẹn giờ được ngụy trang trong một chiếc túi du lịch, giống y hệt chiếc túi du lịch mà bọn cố vấn Mỹ thường dùng. Khi khoác “túi du lịch” đến từ già “người yêu”, Thu Nguyệt đánh tráo túi du lịch của một tên Mỹ trong phòng đợi. Theo kế hoạch, quả mìn sẽ nổ khi máy bay cất cánh 15 phút. Nhưng chiếc Boeing 707 hôm ấy chở 80 cố vấn Mỹ rời Sài Gòn sang San Francisco, quá cảnh sân bay Honolulu được 2 phút mìn mới phát nổ. Toàn bộ máy bay bị phá hỏng. Thoát chết trong

gang tấc, bọn cố vấn Mỹ vô cùng kinh hoàng. Nếu như hôm ấy, chiếc đồng hồ hẹn giờ không bị trục trặc do máy bay lên độ cao 10000 mét, áp suất không khí khiến nó chạy chậm lại, thì 80 cố vấn Mỹ xâm lược đã đền mạng. Đài tiếng nói Việt Nam đưa tin về trận đánh này, trong đó có lời khen ngợi của Hồ Chủ tịch. Quả mìn ấy tuy không nổ đúng giờ nhưng có sức công phá lớn hơn vào dư luận, gây kinh hoàng cho Mỹ ngay phía bên kia bờ Thái Bình Dương: “Không chỉ Việt cộng đánh chúng ta trong thành phố, mà ngay cả bên Mỹ”.

Nghe chị kể xong, tôi thốt lên: “Thật phi thường”. Thoáng về ưu tư trên nét mặt, chị nói: “Một mình tôi không làm nên chiến công, bởi sống trong hang ổ của địch đánh địch, những chiến sĩ biệt động không chỉ mưu trí, dũng cảm, có khả năng ứng phó nhanh nhạy mọi tình huống mà còn phải xây dựng được mạng lưới cơ sở, triệt để tuân thủ bí mật tổ chức, vượt qua những áp lực từ gia đình, dư luận xã hội, thậm chí hy sinh cả hạnh phúc riêng tư, cả bản thân mình để hoàn thành nhiệm vụ. Nếu không được nhân dân đùm bọc, nuôi dưỡng, những con người bình thường như tôi không thể làm nên những điều “phi thường” như cách nói của em. Nếu hai chữ “phi thường” nằm trong nghĩa ấy thì có biết bao chiến sĩ biệt động đã làm nên hai chữ kỳ diệu này”. Chị bật cười khi nhớ lại những tình huống ra trận: “Hồi đó chị cũng không biết vì sao mình làm được những chuyện ngoài sức tưởng tượng. Chị phải đóng kịch giỏi hơn cả các diễn viên trên sân khấu, đóng vai làm người yêu của anh Mười Luân giống như thật, tới chừng về nhà, gặp lại anh chị mắc cỡ muốn chết!”.

Bản án hai mươi năm tù khổ sai

Thu Nguyệt tiếp tục làm tôi kinh ngạc khi được gặp chị ngày mùng 6 Tết trong cuộc họp mặt nữ tù chính trị và tù binh tại Báo tàng Phụ nữ Nam Bộ. Sau này tôi mới biết, chị bị bắt vào ngày 16-9-1963, khi chuẩn bị đi báo cáo thành tích trong Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua. Trong lúc chờ hội nghị, chị được tổ chức trao nhiệm vụ điều nghiên rap hát Kinh Đô, tàu Card. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, chị trở về chiến khu báo cáo. Khi đi, chị khoác bộ quần áo dài trắng, mang theo giỏ đựng sữa, hoa quả, trong vai một nữ sinh về Bình Dương thăm bà con. Chị phát hiện mình bị theo dõi, vội vào chợ Thủ Dầu Một mua chiếc nón lá, nhằm “cắt đuôi” tên mật vụ. Chị mua vé xuống tàu Thuận Phong, thăm mong con tàu mau rời bến. Chiếc tàu nhỏ neo, dần xa bờ, lòng chị mừng vô hạn. Chợt trên bờ, tên cảnh sát thối còi, ra hiệu cho chiếc tàu quay trở lại. Dự cảm điều chẳng lành, chị úp chiếc nón lá vào bụng, lấy tấm căn cước để đối phó, số tài liệu và bản đồ chị cột vào mấy hộp sữa, liệng xuống sông. Thấy tất cả đã chìm xuống nước, chị mừng đến phát khóc. Chị biết mình đang phải đối mặt với một trận chiến vô cùng nghiệt ngã, giữa sự sống và cái chết, giữa giữ vững khí tiết và đầu hàng phản bội. Chị tự nhủ: “Trước mắt mình phải bình tĩnh đối phó, nhất định không đầu hàng, phản bội”.

Tên chị điểm vốn là người của đội biệt động. Sa vào tay kẻ thù, không chịu nổi những ngón đòn tra tấn, anh ta đã đầu hàng, phản bội. Tên chị điểm ngồi phía trong bót, nhận mật Thu Nguyệt. Còn bên ngoài, chị ngồi trên băng đá, đưa

giấy căn cước cho tên lính. Chị khai mình đang học trường Phan Sào Nam, do mẹ sanh khó phải về Dầu Tiếng báo cho ngoại, không kịp báo liên gia trưởng. Tên lính mắt sáng lên: “Tôi cũng học Phan Sào Nam. Thật rùi cho em, để anh bảo lãnh cho”. Nhưng anh lính tốt bụng ấy đã bị nhốt một buổi vì lòng tốt dành cho Thu Nguyệt, vì tội “thiếu cảnh giác” với người đặc biệt nguy hiểm, và cũng một phần do tình hình rất căng thẳng, lộn xộn do chính quyền Diệm bị đảo chánh. Thu Nguyệt bị đưa vào Trung tâm thẩm vấn Bình Dương. Một tên lực lưỡng, đầu hớt trọc, mình trần trùng trực nhận nhiệm vụ “khai thác” chị. Cô gái mới mười chín tuổi, trong bộ quần áo dài trắng bầm dập, tạ tơi trước những ngón đòn của tên đồ tể, từ đánh tứ trụ, quay điện, đồ xà bông pha vôi bột vào miệng chị... Tức tối khi không tìm ra một bằng chứng nào trong người chị, tức tối trước sự gan lì của chị, tên đồ tể cho đảo chiếc hồ. Hắn trừng mắt nhìn chị: “Nếu không khai, tao sẽ bắn rồi đập mày xuống hố!”. Chị cắn chặt môi, trong đáy lòng đã chọn cho mình một con đường, thà chết không bao giờ phản bội. Không rún ép được chị, hắn cúi đầu nói nhỏ: “Tụi nó đã biết rất rõ đường dây biệt động của chúng ta. Chị không khai thì hồ sơ của chị cũng đã rất đầy đủ...”. Thu Nguyệt hét lên: “Tôi không biết ông”. Hắn cười nhạt: “Chị đừng giả bộ nữa. Tôi với chị đã từng gặp nhau ở căn cứ Hồ Bò. Hôm ấy, bạn chị tên là Minh bị sập hầm chông. Vì tình đồng đội, tôi muốn giúp chị một con đường sống...”. Thu Nguyệt ném về phía hắn cái nhìn khinh bỉ. Tên chi điếm cúi đầu lầm lũi, bỏ đi. Ngay sau đó, địch chuyển Thu Nguyệt về An ninh quân

đội. Chị tiếp tục nhận những ngón đòn cân não, không chỉ là cực hình bị đổ nước và vôi bột, bị gót giày tên đồ tể nện xuống ngực, máu tuôn trào xối xả; không chỉ những trò dụ dỗ, hứa hẹn. Chúng còn đánh vào sự cô đơn của một cô gái khi bị cắt đứt đường dây tổ chức, bị cách ly đồng đội. Chị nhận ra nhiều chiến sĩ biệt động bị bắt vào tù. Mắt họ nhìn nhau, đầy thương cảm, ngậm nói bao điều, về trận chiến khốc liệt hơn mà cô gái mới mười chín tuổi phải đối mặt. Thăm vắn chị là tên trung úy Hòa, khét tiếng tàn ác. Hắn mang theo con chó bécgiê cao lớn, lưỡi thè ra, trong tư thế sẵn sàng xông vào cắn xé chị. Hắn nói: “Tôi thực sự kinh ngạc về sự gan lì của cô. Tôi sẵn sàng trả tự do cho cô nhưng cô phải chịu khai một chút gì. Ít ra, để tôi còn có có cơ thả cô”. Tên đại úy Thìn nói thêm: “Mấy tay cộng sản già đời chỉ huy cô còn ra hàng. Cô còn bé xíu, đại gì trung thành để chịu chết! Tôi biết hết rồi, cô là tổ trưởng liên lạc đội biệt động Sài Gòn - Gia Định, cô là “con chim sắt” rất nguy hiểm, trông nhỏ bé ngây thơ như vậy mà dám đánh vô trụ sở Quốc hội, dám gài mìn trên máy bay,... thôi, đừng giả vờ nữa”. Thu Nguyệt một mực nói: “Tôi còn là học sinh, các ông bắt làm người rồi!”. Tên trung úy Hòa cười gằn: “Học sinh hay biệt động, rồi sẽ biết ngay thôi mà!”. Hắn đưa ra tấm ảnh: “Cô biết ai không?”. “Ồi Bác Hồ, con đã được gặp Người, ngay trong chôn hang hùm nọc rắn này”. Tim Thu Nguyệt đập rộn lên, cô quay mặt đi: “Một ông già nào đó rất đẹp lão”. “Vậy hả. Nếu vậy thì mày xé bức ảnh này rồi đập lên đi!”. Chị mở to mắt nhìn chúng: “Đây là bức ảnh của mấy ông đưa ra, tôi chẳng biết người trong ảnh là ai, sao tôi

lại phải xé". Cả tên Hòa và Thọ cùng cười lớn: "Thật chánh hăng là Việt cộng. Cha Già của nó, làm sao nó xé được. Thôi đủ rồi, cho nó ném mùi Chuồng Cọp". Ngay thơ nghĩ mình bị đưa vào chiếc chuồng nhốt chung với cọp, chị gào lên: "Các ông không được nhốt tôi cùng với cọp!". Sau phút sợ hãi, chị trấn tĩnh lại, khi biết có một hàng song sắt ngăn cách chị và con gấu chó. Chị tự nhủ: "Không, mình không được yếu đuối. Cùng lắm là chết, mà đã chết thì không còn gì để sợ nữa". Vì chọn cho mình cái chết, chị đã vượt qua nỗi đau đớn, khi chúng xua những con chó bécgiê xông vào cắn xé chị. Những vết sẹo với dấu răng nhọn sắc đã đi theo suốt đời chị...

Không khai thác thêm được gì ở Thu Nguyệt, chúng đưa chị sang Bộ Tư lệnh Hải quân. Chúng dùng máy đo sự thật, dùng các thủ thuật trắc nghiệm sự tỉnh táo của chị. Sau mỗi cuộc thăm vấn cân não, chúng nhốt chị vào buồng tối. Trong không gian chật hẹp, tối tăm, chị ca hát, nói chuyện với chính mình để chống lại nỗi cô đơn, sợ hãi. Hôm ấy, chúng đưa chị vào căn phòng sang trọng. Tên tình báo Mỹ mỉm cười, dịu dàng hỏi: "Sữa tươi, bia, cô thích thứ gì?". Thu Nguyệt lắc đầu, đầy cảnh giác. Chị nhớ lời các chị trong tù căn dặn: "Đừng ăn uống thứ gì do địch đưa cho. Nhiều chị vì thiếu cảnh giác đã uống phải thuốc kích dục, trở thành nạn nhân của chúng, đau khổ đến điên loạn". Thu Nguyệt nói với tên sĩ quan người Việt Nam: "Tôi chỉ nói chuyện với người Việt Nam. Tôi không muốn nói chuyện với người Mỹ. Họ qua Việt Nam gây chiến tranh, gieo rắc bao nỗi khổ cho đồng bào tôi. Tôi không có gì để nói với họ". Tên lính Mỹ

nhún vai, vẫn đứng nguyên trong phòng. Khi được mời ngồi trên chiếc bàn trải khăn trắng muốt, bày đầy thức ăn ngon, nào bánh ngọt, sữa, táo, nho... Thu Nguyệt hiểu nơi đây tuy không bị kẻ thù xua chó xông vào cắn xé chị, không có những ngón đòn đấm máu nhưng chị đang bước vào một cuộc chiến sinh tử, không kém phần khốc liệt. Tên tinh báo Mỹ vẫn không rời căn phòng thăm vấn, mờ to mắt nhìn chị, như muốn tìm một ẩn số trong cô gái nhỏ nhắn, xinh đẹp mà vô cùng gan góc. Hắn từ từ tiến về phía chị... Thu Nguyệt nghĩ lần này mình sẽ chết. “Nếu chết, mình sẽ chết xứng đáng, trong tư thế của người chiến sĩ.” Một ý nghĩ vụt đến. Chị cầm lấy chai sữa, ném vào mặt tên tinh báo Mỹ. Sự việc xảy ra quá bất ngờ, những tên lính Mỹ chạy tán loạn. Ngay sau đó, chị bị còng tay, bị tổng giam vào hầm tòi. Sợ mình bị câm, chị lại hát những bài ca cách mạng, tưởng tượng những người thân bên cạnh để trò chuyện, mong một ngày được gặp Cha trên miền Bắc, mơ ước ngày hòa bình...

Rồi chị bị đưa đến nhà tù Thủ Đức, Chí Hòa, Tân Hiệp, Côn Đảo, với bản án tù khổ sai hai mươi năm. Mỗi nhà tù đi qua, với Thu Nguyệt là một cuộc đấu tranh sinh tử, không chỉ với sự tàn khốc của kẻ thù mà còn trong sự yếu đuối của chính mình. Những ngày ở nhà lao Thủ Đức, chị đã tuyệt thực để chống chèo cờ, chống việc dẫm lên ảnh Bác. “Làm thế nào để đấu tranh thắng lợi, vừa giữ được sinh mạng của mình?!” Thu Nguyệt nát óc suy nghĩ. Thức ăn buổi sáng dành cho người tù gồm có tô cháo và miếng đường thè. Mắt chị sáng lên. Thương chị còn quá trẻ phải vào tù, bà Tổng Thị Lý - thường án gần ngày về được giao việc coi sóc tù

nhân nói lòng còng tay cho Thu Nguyệt. Chị khẽ rút tay ra, gói miếng đường, giấu trong người. Nghe tiếng giày của những tên gác ngục, chị đưa tay vào còng như cũ. Miếng đường đã giúp chị cầm cự với 7 ngày tuyệt thực. Ngày cuối, dịch mở cửa khám, phát hiện chị xiu trên nền cát-sô giá lạnh. Chúng xóc chị lên chiếc xe bịt bùng, đưa vào nhà thương Chợ Quán. Chúng nhốt chung chị với những người cùi, người điên. Thu Nguyệt kể: “Ồ chung với những người cùi lở loét, những người điên, thú thật, lúc đầu tôi vô cùng sợ hãi. Nhưng tôi chợt nhận ra những bệnh nhân ấy có tấm lòng rất cao cả. Sợ tôi lây bệnh, họ đã nhường cho tôi tắm trước, nhường cho tôi lấy nước trước để uống. Tôi chợt nhận ra những người điên cũng có lúc rất tinh táo, rất tinh cảm. Nhà thương Chợ Quán với một cô gái trẻ như tôi năm ấy cũng là một nhà tù vô cùng khốc liệt”. Chính những tấm gương kiên cường của chị em trong tù đã tiếp thêm sức mạnh cho Thu Nguyệt. Chị đã gặp Trần Quang Mẫn kiên cường tuyệt thực, đã gặp nỗi thống khổ của Hai Bầu (Tur Liêm) - người mẹ giữa viên thuốc trị sốt cho con với lòng kiên định trước kẻ thù - chào cờ chấp nhận trại thi hành hay ở lại với chị em. Nhưng những người tù đã kết nhau thành sức mạnh. Họ cùng đấu tranh đòi thuốc cho cháu bé mà vẫn không phải chào cờ...

Năm 1966, Thu Nguyệt bị đày ra Côn Đảo. Chị kể: “Chúng tôi ra Côn Đảo “bằng lưng”, vì không ai chịu đi, đã chống lại dữ dội. Cảnh sát dã chiến đã đàn áp, liệng chúng tôi lên xe, rồi đưa lên máy bay. Côn Đảo đã để lại trong lòng chúng tôi những ký ức không phai mờ...”. Những ngày đầu

ra Côn Đảo với những người phụ nữ chân yếu tay mềm thật khủng khiếp. Nằm trong khám, nghe ngoài trời gió rít lên từng hồi, mưa rì rả, buồn não nuột. Nhưng những người phụ nữ ấy đã vượt lên sự yếu đuối của mình, đã vô cùng mạnh mẽ tiếp tục cuộc chiến đấu không cân sức. Các chị tiếp tục tuyệt thực, đòi địch thực hiện các chế độ cho tù nhân. Các chị đã trải qua 12 ngày đêm khốc liệt, bởi không chỉ phải đối phó với đói, khát mà còn bởi những âm mưu quỷ quyệt của địch. Đợi lúc tù nhân đói lả, chúng mang cá thịt đến nấu những món ngon, phi tòi hành thơm phức, quạt vô trại. Về đêm, chúng gõ mõ lóc cóc, hết báo tin chị này chết đến chị khác chết. Tiếng mõ trong hoàn cảnh ấy là nỗi kinh hoàng của chị em. Đến khi có một nữ tù mổ bụng phản đối, địch buộc phải chấp nhận yêu sách, cho tù nhân nhận bưu phẩm, sách vở, tắm nắng, được ăn hai bữa rau xanh trong tuần, bữa cơm phải có thịt cá...

Khi tôi hỏi chị Thu Nguyệt một kỷ niệm sâu sắc ngoài Côn Đảo, chị rưng rưng nói: “Đó là cái chết bi thảm của con chim se se”. “Chim se se?!” Tôi ngạc nhiên hỏi lại. Và cũng thật kỳ lạ, khi đã hơn bốn mươi năm, chị vẫn còn nặng lòng với con chim se se bé nhỏ năm nào mà chị đã nhặt được trên nền nhà giam năm nào: “Lúc ấy, tôi với chị Hoa Sự đang đi đồ thùng cầu. Chúng tôi đi như chạy, tranh thủ thời gian được hít thở khí trời. Chợt có tiếng kêu chim chirp. Tôi quay lại, bắt gặp con chim se se bé nhỏ, trụi lụi, còn chưa bẻ bọng. Thương con chim yếu ớt, tôi quay lại, nhặt nó lên, giấu vào áo. Về phòng giam, tôi ủ ấm, nhai cơm mớm cho nó. Để tránh tai mắt trật tự, tôi giấu nó vào tóc. Con chim đã lớn

lên trong hơi ẩm, tình thương của chúng tôi. Các chị trong phòng cũng xúm lại, chăm sóc nó. Con chim se se dần lớn lên, mọc lông cánh. Sợ nó bay mất, tôi dùng miếng chai, cắt lông cho nó. Vì lông cánh bị cắt bớt, nó bay không cao, là đà trong trại giam. Con chim se se trở thành niềm vui của cả phòng giam. Bọn trật tự cũng thích nó, lâu lâu qua phòng tôi mượn nó chơi, chọc nó hót. Nhờ con chim se se, chúng tôi tranh thủ được bọn trật tự liên hệ thư từ, thuốc men giữa các phòng. Tụi nó cũng tỏ ra dễ dãi hơn, cho chúng tôi kéo dài thời gian tắm, đi cầu tiêu, phơi nắng hơn. Vì con chim quá khôn nên nhiều tên trật tự muốn bắt nó làm của riêng. Tôi năn nỉ: “Trong tù, chúng tôi chỉ có nó làm niềm vui”. Thấy chúng tôi quẫn quýt, yêu mến con chim, chúng cũng không nỡ bắt. Một hôm, địch đàn áp các anh tù nam ở Trại 4. Chúng tôi bên phòng 14 cũng hô la, hưởng ứng cuộc đấu tranh của các anh. Hôm ấy, chị Hoa Sự bị bệnh. Tôi giấu chén mắm có hai lát thịt mỏng như lá lúa dành phần cho chị. Địch đe dọa rai vôi bột xuống nếu Chuông Cọp bên trại nữ còn tiếp tục hô la. Chị Hoa Sự thúc giục: “Em phải ăn mấy lát thịt này”. Tôi nói: “Không, em để dành cho chị”. Chị Hoa Sự nghiêm mặt: “Đó là nghị quyết”. Tôi đành chấp hành, chưa kịp nhai miếng thịt thì chúng đã đổ vôi bột xuống. Con chim se se trúng vôi bột, cất tiếng kêu thương. Tôi cũng ngất đi, không kịp bảo vệ con chim mà chúng tôi đã yêu mến, xem như người bạn thân thiết. Con chim chết, tôi khóc dữ dội. Sau trận đấu tranh hôm ấy, bọn trật tự giám sát chúng tôi chặt chẽ hơn. Tôi năn nỉ tên trật tự cho tôi ra ngoài chôn con chim. Hắn nhìn trước nhìn sau, không giấu được sự xúc

động, hối thúc: “Chạy lên”. Tôi chạy ra sân, moi đất, vừa khóc vừa chôn con chim, đắp thành nấm mộ cho người bạn bạn thân thiết của mình”.

Tôi nhìn sững người phụ nữ bé nhỏ, không thể tin, chị đã trải qua mười một năm trong các nhà tù khét tiếng của Mỹ - ngụy, từ An ninh quân đội, Thủ Đức, Tân Hiệp và có đến tám năm ở “địa ngục trần gian Côn Đảo”... Chị được trao trả sau Hiệp định Paris. Chế độ ngụy quyền đã sụp đổ trước bản án đã tuyên hai mươi năm khổ sai cho người nữ biệt động dũng cảm. Và trên đôi chân chị ngày hôm nay, vết chó bécgiê cắn lúc bị địch thẳm vẫn vẫn còn hằn dấu. Trên bàn, bình hoa hồng tươi thắm còn đọng sương thể như tất cả đều mãn khai, nguyên vẹn. Chị đãi tôi những trái cây đầu mùa chín mọng, ngọt như cuộc sống thật tươi đẹp, hoàn hảo nhưng tôi biết, di chứng những vết thương chiến tranh đang âm thầm hủy hoại và chị một lần nữa, bằng nghị lực phi thường đang chống đỡ với căn bệnh hiểm nghèo để sống và yêu thương...

Người mẹ của hai đứa con du học

Mãi đến ngày hòa bình, chị mới lấy chồng - một sĩ quan công tác trong Quân khu 7. Người phụ nữ bước ra từ máu lửa chiến tranh một lần nữa phải vượt qua bệnh tật, năm lần sảy thai mới sinh được hai bé trai kháu khỉnh, thông minh. Mới đó mà đã hơn ba mươi năm trôi qua, chuyện kể của những bà mẹ thời bao cấp khó khăn cũng giống như huyền thoại. “Sáu hộp sữa tiêu chuẩn cho bé mỗi tháng



Thu Nguyệt (người thứ tư từ trái sang) trên đường Trường Sơn (1975)

không đủ, chị lược sửa Liên Xô “quá đắt” cho cháu. Lược cả ngày, kỹ vậy mà cũng không tránh được tiêu chây cho bé. Rồi những ngày công tác Campuchia, bỏ con nhỏ ở nhà. Nó cứ hỏi mẹ đâu. Dĩ nó nói: “Mẹ đi trực”. Hai hôm, ba hôm, thấy mẹ vẫn “đi trực”, nó mếu máo đòi đi nói rõ sự thật. Biết mẹ đi công tác xa, bé nằm xuống làm ra vẻ ngủ ngon cho dì yên tâm nhưng kỳ thực bé trằn trọc suốt đêm”. Làm tốt vai trò Hội phó Hội Liên hiệp phụ nữ quận Tân Bình, Bí thư chi bộ, Trường cửa hàng lương thực trung tâm vừa nuôi hai con nhỏ, chồng là bộ đội thường xuyên vắng nhà; một lần nữa chị lại đối mặt với trận chiến không tiếng súng nhưng không kém phần khốc liệt. Chị đã vượt qua và chiến thắng, cho đến ngày về hưu. Nhưng chiến công lớn

nhất mà chị làm được là nuôi dạy hai con vừa khỏe đẹp vừa học hành đỗ đạt, ngoan ngoãn. Khi tôi gặp chị, cháu Đỗ Khánh Vinh đã tốt nghiệp đại học khoa Hàng không Không gian hạng giỏi ở Boston nước Mỹ, hiện công tác tại Tổng công ty hàng không Việt Nam. Đỗ Khánh Hiếu đang học năm cuối ở một trường Đại học ở Anh, ngành hóa. Chị nói: “Ngày đầu tiên tiễn con đi, tôi đứng ngồi không yên. Tôi làm một cuộn băng dặn cháu đủ điều. Rất may là các cháu rất ngoan, rất chăm học và tiết kiệm. Tuy ở xa nhưng chị luôn theo dõi từng bước đi của các cháu. Vừa bắt các cháu báo điểm mỗi kỳ thi, vừa theo dõi điểm của nhà trường báo về”. Tôi bật thốt lên: “Cho phép em hỏi thiệt, anh chị cùng là cán bộ, lương đủ sống đã là may. Làm cách nào mà anh chị vừa có nhà đẹp lại nuôi nổi hai cháu du học...”. Chị cười: “Em thắc mắc cũng phải. Nói thiệt anh chị cũng chưa từng được Nhà nước cấp nhà. May nhờ gia đình chồng là dân tại chỗ, có sẵn nhà, hòa bình cứ thế mà về ở. Năm 1990, giá nhà đất tăng, chị bán miếng vườn ngoại thành, mua căn nhà này, tiền còn lại gửi tiết kiệm. Tiền lời nhập vô vốn, có được đồng nào gửi thêm, nhờ vậy mà gần mười năm chị có được số tiền khá dẽ. Chị đã từng ao ước được học hành tới nơi tới chốn nhưng đất nước chiến tranh, không thực hiện được. Giờ chị quyết đầu tư cho các con vào việc học. Chị khuyên các con: “Cần tiếp thu khoa học kỹ thuật ở các nước tiên tiến nhưng phải luôn nhớ mình là người Việt Nam”. Chị đang chờ mong từng ngày thẳng út trở về...”.

Và chuyên đi Anh

Bốn mươi ba năm sau, vào tháng 7-2006, vợ chồng bà Lê Thị Thu Nguyệt sang trường Đại học Nottingham (nước Anh), dự lễ tốt nghiệp đại học của đứa con trai út Đỗ Khánh Hiếu. Khi chiến tranh lùi xa vào quá khứ, chị Thu Nguyệt tâm sự: “Phụ nữ Việt Nam phải cầm súng là điều bất đắc dĩ. Khi đất nước bị xâm lược, chia cắt, chúng tôi phải chiến đấu dưới mọi hình thức đê bảo vệ Tổ quốc. Sống trong chiến tranh, bị giam cầm trong các nhà tù đế quốc, chúng tôi luôn mơ đến ngày hòa bình, được sống với những điều bình thường, giản dị nhất”. Tháng 9 năm 2006, đến thăm chị Thu Nguyệt, tôi nhận ra vẻ rạng ngời hạnh phúc của người mẹ khi đang dang tám năm trời luôn dõi theo bước chân các con trên xứ người. Chị kể hành trình gian nan ngày đầu đưa con du học. Những năm cuối thập kỷ 90, việc hai vợ chồng cán bộ cách mạng cho con du học sang Mỹ cũng không hẳn được sự ủng hộ của người thân, đồng đội. Ngày ấy, việc gửi tiền cho con cũng rất khó, việc chứng minh khả năng tài chính của gia đình cũng qua nhiều bước lòng vòng, phức tạp. Nhưng nghĩ đến tương lai các con cần nắm bắt những ngành khoa học kỹ thuật mũi nhọn ở những “túi khôn nhân loại” là Mỹ và Anh, hai vợ chồng chị đã nỗ lực, dồn sức, vượt qua muôn vàn khó khăn, chắt chiu tiền cho các con du học.

Trong căn phòng khách của người nữ biệt động năm xưa, nơi góc trang trọng nhất là hai tấm bằng tốt nghiệp đại học

của hai đứa con trai. Chị Nguyệt nói: “Tôi rất vui vì các con tôi luôn tự hào là người Việt Nam. Vì niềm tự hào đó mà các cháu đã nỗ lực, tốt nghiệp hạng giời trên xứ người. Các con tôi nhận thức rằng cần phải tiếp thu khoa học kỹ thuật tiên tiến nơi “Túi khôn nhân loại” để trở về phục vụ quê hương. Với tấm bằng đại học ở những ngành kỹ thuật mũi nhọn, các cháu có thể kiếm được vài ngàn đô la mỗi tháng ở Mỹ hay Anh quốc nhưng các cháu đã trở về Việt Nam công tác”. Mùa xuân năm 2009, tôi gặp Đỗ Khánh Hiếu đưa mẹ đến Bảo tàng Phụ nữ Nam Bộ dự buổi họp mặt nữ tù, với nụ cười tươi nở trên gương mặt thanh xuân, tôi nghĩ là em đang vô cùng hạnh phúc khi được sống, làm việc và phụng sự cho chính Tổ quốc mình.

TRẦM HƯƠNG

Bùi Thị Sơn

(Sinh năm 1944)



Ba Sơn và mẹ (1965)

MỘT TẤM LÒNG SON

Khi được NXB Phụ nữ giao nhiệm vụ “tiền trạm” để thực hiện cuốn sách viết về các nữ tù Côn Đảo, dựng lại truyền thống bất khuất của chị em, tôi đã được nghe nhiều câu chuyện xúc động về cuộc đời, số phận; về quãng đời tù ngục đau thương mà rất đỗi tự hào của các nữ tù Côn Đảo; tôi cũng cảm nhận trọn vẹn những tình cảm mà các nhà văn, nhà báo khi viết chân dung các chị em nữ tù dành tặng họ: khâm phục và ngợi ca sự hy sinh, sự kiên cường; cả những đấu tranh của người viết (ở một số trường hợp) nhằm mang lại lẽ công bằng, để hiểu đúng hơn về những hy sinh, mất mát, đau thương của cuộc đời người nữ tù; tôi cũng cảm nhận được sự khiêm tốn

và bình dị ở họ. Cuộc đời của những người nữ tù quả là cuộc đời phong phú và hữu ích, đồng thời mang vẻ đẹp của sự giản dị. Một trong những hình ảnh ấy là cuộc đời của người nữ tù, người cán bộ Hội: *Bùi Thị Sơn* - nguyên Bí thư Đảng ủy, Ủy viên Đảng Đoàn, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

Souvenir... Sơn-về

Có lẽ vào năm 1944, năm Quý Mùi, khi sinh cô con gái bụ bẫm, dễ thương, người cha tá điền chỉ nghĩ giản dị thôi, “mình *son* quá ta, cầu được ước thấy nè...”. Ông đã mong mỏi biết bao một mụn con gái, sau khi sinh liền tiếp hai cậu con trai. “Mình đặt tên con là Sơn nghe”, ông Nghị nhìn vợ âm áp, “sau này, con gái mình sẽ gặp nhiều may mắn, biết đầu đầy, số *son* là số dò mà...”.

Vậy là cái tên Bùi Thị Sơn do cha chọn đặt đã thành “đầu ần” cuộc đời một con người, gắn với bao ý nghĩa và kỷ niệm. Cô bé Sơn lớn lên trong sự cưng chiều của ba mẹ và hai anh. Dù ba mẹ cô phải mướn ruộng để làm, cuộc sống của cô vẫn khá đầy đủ. Cô vui chơi, hồn nhiên lớn lên trong lúc chiến tranh mỗi lúc mỗi ác liệt. Gia đình cô trở thành cơ sở cách mạng, hai người anh tham gia các hoạt động cứu nước ở địa phương (xã Tăng Nhơn Phú, huyện Thủ Đức, tỉnh Gia Định, nay là thành phố Hồ Chí Minh), sau đó thoát ly năm 1960. Riêng cô con gái được ba cho đi học, ở quê hết lớp, ông gửi Sơn về tận Sài Gòn học. Vào năm 1956, cả làng chỉ có một mình cô học ở Sài Gòn, đậu đến Tú tài. Sau đó, Sơn về làng

tham gia công tác vận động phụ nữ. Có lần cô vận động được những... chín thanh niên trong làng tòng quân. 2 giờ sáng, khi đang chia tay ở vườn bưởi thì ba thức dậy đi tiểu phát hiện, tưởng con gái rượt hẹn hò trai gái nên sáng sau ba rầy la mẹ riết: “Đề con gái hư mà không hay...”. Còn Sơn thì “bầm bụng” giữ bí mật cả với ba, “có bông bưởi và hương bưởi làm chứng cho mình...”. Buổi đầu hoạt động cách mạng với cô gái mới lớn, mọi thứ có vẻ hơi sách vở, nhưng kỳ thực, đó chính là những kinh nghiệm đầu tiên của công tác phụ vận mà sau này cô sẽ gắn bó, như một thứ duyên tiền định.

Năm 1960 cũng là năm phong trào đấu tranh vũ trang ở miền Nam có những bước chuyển biến lớn. Ở Bến Tre, phong trào Đồng khởi phát triển mạnh ở cả ba mũi giáp công: quân sự, chính trị, binh vận, sau đó lan rộng nhiều vùng ở miền Nam. Chính quyền Ngô Đình Diệm lúng túng trong việc lập lại trật tự ở các vùng nông thôn, vì vậy chúng tiến hành khủng bố gắt gao những vùng ngoại vi xưa nay vẫn coi thường. Hai người anh trai của Sơn là Bùi Văn Rai và Bùi Văn Tiếp bị lộ nên anh Hai bị giặc bắt vào nhà lao Gia Định, còn anh Ba thoát ly vào chiến khu, khi ra tù anh Hai ra chiến khu luôn. Anh Ba là trinh sát quân báo I₄, hy sinh tháng 12 năm 1963. Sự ác liệt của chiến tranh đã len lỏi vào gia đình Sơn, cướp mất người anh mà cô thương quý, gần gũi. Cô quyết tâm thoát ly. Cuối năm 1963, Sơn liền lạc được với cơ quan Quân báo Quân khu Sài Gòn - Gia Định. Cô vừa đi học vừa làm trinh sát đơn tuyến nội đô: vẽ bản đồ các cây cầu lớn vào Thành phố, các cơ quan đầu não của Mỹ - ngụy; khai thác nắm tình hình, lực lượng của

địch... phục vụ cho đội biệt động đánh vào sào huyệt của địch ở Sài Gòn - Gia Định. Quãng thời gian từ 1966 đến 1968, Son là Tiểu đội trưởng trinh sát đơn tuyến. Trong Chiến dịch Mậu Thân năm 1968, Son được lệnh phải nắm tình hình rồi nhận chỉ đạo của Thủ trưởng để phổ biến cho đơn vị chiến đấu. Thủ trưởng của Son bị lộ vì sát vách nhà cơ sở có mật thám của địch, do đó cô bị theo dõi mà không biết. Tháng 12 năm 1968, cô bị bắt về Tổng Nha cảnh sát và lần lượt bị đày qua các nhà lao: Thủ Đức, Chí Hòa, Tân Hiệp, Côn Đảo... Năm 1969, đang ở trong nhà lao Chí Hòa, được tin Bác Hồ mất, chị em tổ chức lễ tang Bác nên sau đó giặc đã đày chị em ra Côn Đảo. Chị em có nghị quyết là chống không đi, chúng đàn áp đánh đập rồi khiêng quăng chị em lên xe như quăng củi... Đến Côn Đảo, chúng nhốt chị em vào 120 Chuồng Cọp (mỗi trại 60 chuồng được Pháp xây năm 1940), mỗi chuồng nhốt từ ba đến năm người rồi cho ăn cơm gạo mốc với khô mực mắm đắng (mỗi chu kỳ 15 ngày ăn một thứ mà có khi ăn liên tục đến năm, bảy chu kỳ) và có thời gian địch không cho chị em tắm giặt gần hai tháng khiến chị em vô cùng cực khổ, nhất là những ngày “đặc biệt” của phụ nữ... Vây mả chị em đã đấu tranh rất kiên cường. Kinh nghiệm ở tù dạy cho các chị em tinh thần đoàn kết, tiến công, bởi chị em xác định chỉ có đấu tranh mới khiến giặc nhượng bộ, dù rằng, phần đau đớn, thương vong với chị em là rất lớn. (Hình thức đấu tranh cao nhất là tuyệt thực, ranh giới sự sống cái chết mảnh như sợi tóc; chưa kể những đòn thù tra tấn dã man...). Son nhớ lại: “Tôi bị đày ra Côn Đảo ba lần (1969, 1972, 1975) mà không

lần nào giặc để cho mình yên; ngược lại, mình cũng không lần nào không đấu tranh khiến giặc mất ăn mất ngủ... Lần cuối cùng, còn hai tháng nữa là giải phóng, tôi lại bị đẩy ra Côn Đảo ở trại 6B. Vừa ra đến nơi là tổ chức đấu tranh ngay, lần này mình phát loa yêu cầu giải quyết yêu sách, bọn cai ngục không giải quyết mà còn bắc loa trực diện phòng giam hát nhạc mạnh khiến một số chị em lên cơn động kinh do chịu không nổi tiếng ồn...". Quả thực, quãng đời những ngày tù ngục chính là quãng đời "địa ngục trần gian"! Để trở thành "huyền thoại Côn Đảo" như bây giờ, thực phải kể không biết bao nhiêu đau đớn, mồ hôi, nước mắt, thậm chí cả máu của Sơn và sự hy sinh của bao đồng đội. Mặt trận chính trị không phải lúc nào cũng có tiếng súng, nhưng đây những dùi cui, phi tiễn, ma trắc, vôi bột, lựu đạn cay,... mà hàng ngày, hàng giờ người tù nào cũng phải đối mặt và trải qua; và nào ai biết, cuộc đấu tranh tinh thần ấy cũng khiến nhiều nữ tù sức tàn, lực kiệt. Cộng với chế độ sinh hoạt nghiệt ngã, người tù luôn phải tự đấu tranh, tự chiến thắng chính mình để khỏi "ngã lòng". Mỗi người tù là một khối quyết tâm, chị em phụ nữ càng cản trở thành những khối quyết tâm sắt đá. Chị em đã đoàn kết, thống nhất, lập thành những tổ chức bí mật, chia nhỏ để dễ hoạt động trong tù. Các chị lập ra các tổ ăn cùng mâm, thực chất là các tổ bố trí và bầu người có uy tín để chỉ đạo phong trào trong tù như các hoạt động chống chào cờ ngụy và những nội quy nhà tù Mỹ - ngụy đề ra; hoặc tổ chức các đợt đấu tranh cao trào hay phối hợp với trại tù các anh nam giới và phong trào đấu tranh bên ngoài để tổ chức tuyệt thực kéo dài, hoặc hô la hay cửi đại

diện đấu tranh trực diện với cai ngục. Người tù không những cần tư trang bị lý luận sắc bén để đối đáp với kẻ thù mà còn phải đối phó với mọi mưu ma chước quỷ mà bọn cai tù nghĩ ra nhằm hành hạ người phụ nữ vốn chân yếu tay mềm, sức khỏe suy sụp do điều kiện sinh hoạt thiếu thốn, ăn uống kham khổ. Với quyết tâm sắt đá, những người tù đã coi nhà tù là lò lửa trui rèn phẩm chất cách mạng, đồng thời biến nhà tù để quốc thành trường học cách mạng. Trong bảy năm ở tù, Sơn là một trong số ít chị em có trình độ văn hóa vì cô đã có bằng Tú tài toàn phần ban Toán (Tú tài II năm 1965) nên đã giúp chị em học Toán ở nhiều trình độ từ lớp 1 đến hết lớp 10. Cô cùng tham gia diễn kịch, hát hò, tiếng hát át đòn roi tra tấn... Sơn nhớ lại: “Tôi là người nói năng to tiếng nên mỗi lần đấu tranh có phần phát loa thì tôi chịu trách nhiệm. Năm 1972, địch bắn lựu đạn cay vô phòng, chị em xiu hết nhưng tôi lúc đó còn khỏe bèn phát loa “Đá đào đàn áp!”... Một mình tôi đứng giữa phòng la to nên nó bắn phi tiền vào ngay mặt, may mà có cái thau ở đó, tôi lấy cái thau che mặt nên bị thương nhẹ. Bọn giặc phá cửa vào tường tôi bị bẻ mặt...”.

Hỏi chị, đòn tra tấn nào khiến chị “sợ” nhất? Chị nói: “Người tù ai cũng chịu cảnh tra tấn cả. Đều là những đòn khùng khiếp. Mỗi lúc bị tra tấn, người tù đều nghĩ đến một cứu cánh. Như tôi, mỗi lúc bị hành hạ, tôi đều nghĩ, mình phải sống sao cho xứng đáng với hai anh đã hy sinh, với Bác Hồ, với cách mạng. Khi ra tù, hai anh không còn, Bác Hồ đã mất, tôi nhiều lúc bật khóc, ước chi đào một cái lỗ mà hét to vào đó: nước nhà độc lập, con đã ra tù mà chẳng còn hai anh

và Bác để chia sẻ...”. “Quãng đời tù ngục, tôi thường không muốn kể lại những cảnh tra tấn thương đau, bởi nó tác động ghê gớm đến tâm lý, kể cả bây giờ, khi xem những cảnh tra tấn trên ti vi, tôi thường tắt đi hoặc bỏ qua. Tôi không sợ mà thấy bất nhẫn... Thấy như lại hiện về những đau thương, mắt mắt của biết bao người tù, họ đã hy sinh ...”. “Tôi thường nhớ về những kỷ niệm ám áp những ngày tù ngục”. Ở tù, có nhiều kỷ niệm đáng nhớ về tình đồng chí, đồng đội: những người tù chia nhau từng giọt nước, hạt muối đến những trận đòn roi. Còn tình thương, tình thân của người mẹ thì mênh mông như biển cả. Cô luôn cảm thấy nao lòng khi nghĩ về má với kỷ niệm chiếc gỏi thêu: “Khi mới vào tù, ở nhà lao Thủ Đức, lần đầu tiên tôi được thăm nuôi, vì vậy tôi đã gửi cặp gỏi thêu chữ *souvenir* làm kỷ niệm. Má tôi đã đọc thành chữ “Son-vè”, đem nói với bà con hàng xóm là con Son nó nói ám hiệu là nó sắp về, như vậy là sắp hòa bình rồi...”.

Tội nghiệp, trái tim người mẹ ở một đất nước chiến tranh, các con chiến đấu, đứa hy sinh, đứa bị bắt vô tù, trái tim ấy thương trực niềm mong mỗi ngày hòa bình, sum họp... Má đã vất vả thăm nuôi, hết con trai ở chiến trường rồi đến con gái ở trong tù. Má tuy thăm nuôi con gái nhưng thực tế góp phần thăm nuôi cả chị em cùng phòng giam. Má còn cùng chồng tham gia hoạt động giao liên, chăm sóc một số anh em tù chính trị bị thương và nuôi cả anh em đội 5 Biệt động thành điều tra về trường thiết giáp của giặc. Sống trong cảnh mất nước, má sớm giác ngộ về bốn phận của người dân yêu nước, cuộc đời má cũng là cuộc đời của nhiều bà má Nam Bộ khác, và ngắm

rộng ra, ở má là lòng mẹ rộng lớn, cuu mang và chờ che, hết lòng mẹ Tô quốc với những đứa con của mình. Mỗi lần nhớ lại câu chuyện mẹ đi thăm anh Ba, cô em gái không cầm được nước mắt... Năm 1963, được anh Ba cho người về đón mẹ lên Củ Chi thăm anh, mẹ mừng lắm, nhưng hôm sau đám giỗ bà ngoại nên không đi được mà ngày sau đó mới đi thăm con. Đến nơi, mấy anh du kích đón mẹ, về xúc động... Linh tính của người mẹ khiến mẹ bám riết mấy anh du kích nói “Các con đừng giấu má, tội nghiệp...”. Mấy anh kể: Anh Ba đã chiến đấu anh dũng và hy sinh trong trận càn buổi chiều hôm trước và mới chôn vào lúc giữa đêm... “Vậy là thằng Tiếp nó chết rồi, lúc sáng sớm má đang lòng mừng khắp khời sắp được gặp con, con ơi...”. Má đứng trước ngôi mộ đứa con trai còn ướt đất, “vậy là lá vàng khóc lá xanh sao con”...

Nén lòng, má trở về sau khi đã chia quà bánh và hai chỉ vàng cho đồng đội của con. Đời má, không biết bao nhiêu lần lặn lội thăm con, chia quà chia bánh trong tù, làm lụng ki cốp dành vàng tặng các anh hoạt động cách mạng, với hy vọng chúng nó đều *sắp về* cả rồi, nước nhà *chẳng mấy lúc* hòa bình, thống nhất... Má giữ trọn vẹn niềm tin ấy, gia đình má luôn là cơ sở tin cậy của cách mạng cho đến ngày hòa bình, thống nhất.

Hai con trai đầu của ông bà Bùi Văn Nghị - Nguyễn Thị Sâm đã hy sinh (anh Hai hy sinh năm 1964), cô con gái thứ ba Bùi Thị Sơn chiến đấu, ra tù, trở về lành lặn là niềm an ủi lớn cuộc đời những người làm cha, làm mẹ. Con gái của họ đã may mắn, bởi khát vọng yêu thương của cha mẹ gửi gắm nơi điềm may của số phận, và còn bởi cô đã thực hiện son sắt và trọn

ven lời thề với Đảng, với đất nước trên chặng đường dài gian khổ thực hiện lý tưởng: hết lòng đấu tranh vì độc lập dân tộc.

Ba Son: “sáng một xoong, trưa một xoong, chiều một xoong”

Năm 1975, sau khi đất nước được giải phóng, Bùi Thị Sơn được Cục Tình báo Bộ Tổng tham mưu (Cục 2) đón về bố trí công tác và cho đi học chính trị ở trường Tuyên huấn Trung ương đến cuối năm 1978. Trước đó, năm 1977, cô lập gia đình cùng anh Huỳnh Ngọc No (Hà Thành Thái). Đầu năm 1979, đơn vị cho cô chuyển ngành về công tác Phụ nữ ở huyện Thủ Đức. Nghĩ rằng bao nhiêu năm chiến đấu đi xa, nay ba má đã già yếu nên cô xin về công tác huyện nhà để được gần gũi, phụng dưỡng. Tuy nhiên, năm 1982, Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố xin Sơn về, giao làm công tác phụ nữ nông thôn. Ấu cũng là cái duyên của người con gái sinh ra ở nông thôn, hoạt động cách mạng trong lòng thành phố, trở về phục vụ quê hương rồi trở lại thành phố để làm công tác... nông thôn.

Quả là các chị lãnh đạo Hội Liên hiệp phụ nữ đã nhìn ra tố chất của người phụ nữ làm công tác phụ vận như Ba Sơn bởi ở cô luôn toát ra sự chân thành, gần gũi, giản dị và nhiệt tình. Cái tên *Ba Sơn* chính là kỷ niệm khi công tác địa bàn nông thôn. Tên “Sơn” xuống cơ sở, chị em phát âm là “xoong” (nồi) chứ không ai nghĩ là “son sắt”. Vậy nên cái tên “xoong” (nồi) ghép với tên chồng là “No” (Huỳnh Ngọc No), bà con trên “Nơi nào chị Sơn đến, bà con nghe theo lời chị Sơn thì gia đình mình no”. Vậy là Sơn lấy biệt danh là *Ba Sơn* (đù trong gia đình là thứ tư), nghĩa là: “sáng một xoong, trưa một

xoong và chiều một xoong”, đủ ba xoong một ngày, gia đình no ấm. Giai thoại một cái tên gắn với công tác phụ vận nhưng cũng cho thấy thời hậu chiến, đất nước còn khó khăn, dân còn đói khổ, những người chiến sĩ năm xưa nay trở thành cán bộ, với vai trò “chiến sĩ xung kích” trên mặt trận diệt giặc đói, giặc dốt, tiếp tục vì đất nước, vì nhân dân... phục vụ.

Tôi hỏi Ba Sơn, “Điều gì khi hoạt động cách mạng khiến chị xúc động nhất?”, chị nói rằng, ấy là sự thương yêu đùm bọc, là tình đoàn kết và sự lạc quan vượt gian khó,... Bởi cái đau, cái khổ rồi cũng qua đi, chỉ tình thương yêu dù không có hình hài nhưng luôn còn đọng lại. Nó trở thành kỷ niệm, giống như những kỷ niệm vui vui không thể nào quên sau hai mươi năm làm công tác phụ vận của người cán bộ Hội.

Thật vậy, với tài lý lẽ, vận động của cô cán bộ phụ vận trẻ năm xưa, qua rèn giũa “cải lý”, đấu tranh chính trị trong tù, rồi qua hoạt động thực tế công tác phong trào, tuyên truyền, chính Ba Sơn đã nhiều lần tự “gỡ” thế bí cho mình, tự rút ra những bài học từ thực tế. Một lần, Ba Sơn nhận lời nói chuyện với giáo dân ở nhà thờ Xóm Thuốc với chủ đề “Tình yêu” nhưng buổi chiều lại mắc đám giỗ, lúc trở về cơ quan, chị em đã khóa cửa phòng, cô không thể lấy được tài liệu; thời gian quá gấp vì giờ nói chuyện đã bắt đầu. Ba Sơn quyết định sẽ nói “vo”, không cần tài liệu. Hội trường gần 500 người và ông cha đích thân đến dự. Ba Sơn nói khoảng 30 phút rồi chủ động “Xin mời bà con đặt câu hỏi”. Ông cha là người hỏi trước: “Là một cha xứ, nếu có một người phụ nữ nói yêu tôi thì sao?”, Ba Sơn nhanh trí đáp: “Thưa cha, cha có đọc quyển *Tiếng chim hót*

trong bụi mận gai chưa?”, cha đáp: “Tôi đã đọc nhiều lần và còn xem phim nữa...”. Ba Son nói: “Thế thì cha đã có lời đáp rồi”. Cả hội trường vỗ tay vang dội...

Ba Son kể tiếp: “Lần khác, nói chuyện ở một chùa ni, tôi nói: “Quý ni tu ăn chay nên không bị dư mỡ trong máu...”, thế là sau khi kết thúc bài nói chuyện, ni Trưởng nói với tôi: “Các ni ăn chay nhưng cũng bị dư mỡ trong máu đó cô Ba Son...”. “Tôi giật mình, kiến thức tuyên truyền của mình cần phải liên tục được cập nhật và phải gắn với thực tế hơn nữa...”.

“Có lần, tôi đi họp ở Hà Nội, khi lên sân bay thì gặp cô Hòa làm công tác phụ nữ ở đơn vị Phòng không không quân. Cô Hòa hỏi tôi ra Hà Nội bao giờ về? Tôi nói chưa biết. Khi tôi họp ở Trung ương Hội ra thì cô Hòa chờ sẵn và tôi cho biết sẽ bay về chuyến sáng mai lúc 10 giờ. Thế là cô Hòa lên lịch nhờ tôi nói chuyện với đơn vị sáng hôm sau lúc 8 giờ... Tôi đến hội trường hơn 700 người đã chờ nghe đông đủ. Hôm ấy tôi nói về truyền thống phụ nữ Việt Nam, đặc biệt là tinh thần bất khuất của chị em phụ nữ hoạt động cách mạng khi sa vào tay giặc, bị đày ải qua nhiều nhà lao, nhất là ở Chuồng Cọp Côn Đảo, điều kiện sinh hoạt khủng khiếp: hầm đá chập chội, cơm trộn khô mục, mắm đắng; không rau ăn, không tắm giặt cả gần hai tháng trời...; cực hình tra tấn lên đến cực điểm... Cả hội trường đã chăm chú lắng nghe, lặng đi vì xúc động, vì cảm phục. Cuối buổi, đơn vị hết lời khen ngợi. Tôi nói rằng đó là vì mình là người trong cuộc, là nhân chứng sống ở Côn Đảo - nơi mà kẻ thù quyết bóp chết sự sống, nhưng không nơi nào sức sống trở dậy mãnh liệt hơn”.

Còn một chuyện mỗi lần nhớ đến, Ba Son không khỏi xúc động và day dứt, bởi hơn ai hết, bà là người rõ nhất giá trị của tình thương và sự đoàn kết, ở trong tù cũng như ngoài đời, giữa những chị em theo đạo và không theo đạo. Đó là câu chuyện về soeur Hạnh, Trưởng dòng Nữ tử Bác Ái Vinh Sơn, trước khi mất vì bệnh ung thư, đã nắm chặt tay Ba Son trăng trối: “Không biết bao giờ Hội Phụ nữ các tỉnh gắn bó với nữ tu như ở thành phố mình...”. Ba Son đã hứa sẽ tác động với phụ nữ các tỉnh... nhưng đến giờ vẫn chưa thực hiện được trọn vẹn tâm nguyện của soeur Hạnh và lời hứa của mình hôm nào. Một câu chuyện đau đầu trách nhiệm ở một cán bộ nhiều năm lẫn lộn với phong trào, nguyên Bí thư Đảng ủy, Ủy viên Đảng Đoàn, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ



Tại Đại hội đại biểu Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam Tp. Hồ Chí Minh nhiệm kỳ IV (1996-2000) (Ba Son đứng thứ ba từ trái sang).

Thành phố Hồ Chí Minh, khiến thế hệ sau như chúng tôi không khỏi không suy nghĩ về trách nhiệm của mình khi đã nguyện đứng trong hàng ngũ của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam. Tôi chợt nhớ đến lời dặn dò của một chị lãnh đạo, lời dặn ấy chị cũng nghe lại từ một chị lãnh đạo đi trước: “Chúng ta có may mắn được các bà, các mẹ, các chị để lại cho một truyền thống phụ nữ vẻ vang và một tổ chức Hội...”. Những gì thế hệ trước chưa kịp làm và còn trần trờ, chắc chắn đó sẽ là những công việc ưu tiên hàng đầu của thế hệ sau. Có lẽ không chỉ mình tôi nghĩ như vậy...

Son sát một cuộc đời

Năm 2000, Ba Son nghỉ hưu. Người phụ nữ luôn khiêm tốn ấy nói rằng cuộc đời mình thế cũng nhiều may mắn, bởi bà được sống sót trở về sau những ngày tù ngục, có một gia đình hạnh phúc cùng chồng và hai con, một trai một gái, nay cũng đã trưởng thành, tốt nghiệp đại học và ra trường đi làm. Cô con gái học xong Đại học Văn Lang, khoa Tài chính - Kế toán lại tiếp bước mẹ hoạt động phong trào. Dường như dòng máu “phụ vận” đã được “di truyền” sang cô con gái. Ba Son rất mừng vì con gái rượng cũng “ham mê” công tác xã hội chẳng kém thế hệ các bà, các mẹ. Cô làm Phó Bí thư quận Đoàn Bình Thạnh, đi sớm về khuya, hết lòng với phong trào. Chưa đầy ba mươi tuổi, cô con gái Ba Son cũng đã tự trang bị cho mình ngoài tấm bằng đại học chuyên ngành, là ba bằng “đỏ” phục vụ cho công tác Đoàn: Trung cấp Chính trị, Cao cấp Chính trị và Cử nhân xây dựng Đảng. Người mẹ đã

gần bảy mươi tuổi, nghĩ về sự lựa chọn của con gái, cảm thấy vui và ấm lòng. Bà bồi hồi nghĩ: “Lý tưởng tuổi trẻ của mình xưa, khi đất nước đang còn nô lệ, là hy sinh vì độc lập dân tộc. Lý tưởng ấy rất rõ ràng, có hình hài cụ thể, mình lao vào thực hiện bất kể xương máu, tuổi xuân. Mình đã không hề hối tiếc. Tuổi trẻ mình cho rằng cuộc đời càng gian nan, càng thú vị. Đồ mỡ hôi lên dốc, xuống dốc mới thấy ngon lành. Ngẫm lại, tư tưởng ấy mình đã tượng hình và chọn lựa nó từ hồi còn tuổi thiếu niên, khi học cùng lớp bán quân sự với Ngô Đình Lệ Thủy, con gái Ngô Đình Nhu và Trần Lệ Xuân. Bạn bè ngưỡng mộ cảnh cô con gái lá ngọc cành vàng, mỗi bước đến lớp đều có bảo vệ và người phục vụ, mình đã bĩu môi: “Xi, được vậy cũng chẳng sướng. Tao không thích. Tự lập sướng hơn nhiều. Cuộc đời phải có lên dốc xuống dốc chứ”. Càng đi gần hết cuộc đời, mình càng nghiệm ra rằng cuộc đời có gian nan, có thăng, có trầm mới thấy thú vị và hạnh phúc. Ngẫm lại thấy quãng đời tù đày gian khổ đấy, làm cách mạng hy sinh, mất mát đấy nhưng thực sự ý nghĩa, không uổng phí cuộc đời. Nay đất nước thời bình, đây đó có ý kiến thanh niên bây giờ phai nhạt lý tưởng. Mình cho rằng, lý tưởng ấy biểu hiện dưới nhiều hình thái mà thôi. Như cô con gái mình là một dạng. Như bạn bè nó, đưa lao vào kinh doanh, đưa lao vào du học mở mang tầm mắt, kiến thức,... cũng là lý tưởng phát triển và dựng xây đất nước đấy chứ... Có điều, cần thể hiện rõ một sức mạnh tập hợp dưới ngọn cờ Tổ quốc, Đất nước; cần sự Đồng tâm, Đồng lực”...

Cuộc đời Ba Son vẫn tiếp tục quay theo guồng quay mà bà

đã lựa chọn. Giờ đây, khi đã qua cả một quãng đời dài, gần bảy mươi năm, Ba Son vẫn tiếp tục cống hiến phần đời phía trước cho công tác từ thiện. Bà làm Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ từ thiện Thành phố Hồ Chí Minh, cùng Ban Liên lạc Nữ tù Côn Đảo và tù binh làm nhiều công việc thiết thực và hiệu quả giúp đỡ những gia đình là cơ sở cách mạng xưa, những gia đình chính sách, các bà mẹ neo đơn,... Dù không còn làm công tác Hội, Ba Son vẫn nhiệt tình giúp đỡ cán bộ Hội ở cơ sở. Những ngày lễ lớn như 8-3, 20-10, ngày Gia đình Việt Nam, Ba Son được các ban, ngành, cơ sở tín nhiệm mời nói chuyện, tuyên truyền về truyền thống lịch sử, truyền thống phụ nữ, truyền thống gia đình,... Hằng năm, bà cùng Ban Liên lạc Nữ tù Côn Đảo và tù binh tổ chức ngày “truyền thống” họp mặt của các nữ tù, ngày mừng 6 Tết âm lịch ở Bảo tàng Phụ nữ Nam Bộ, chị em hát và diễn lại nhiều tích trò “đặc sản” nơi tù Côn Đảo khi xưa. Thỉnh thoảng, bà cũng bắt một chuyến xe buýt chạy hơn chục cây số xuống thăm bạn tù Côn Đảo Quế Nga, cùng nhau vui vẻ ngắm nhìn các cháu ở nhà trẻ mang tên người nữ tù Côn Đảo thế hệ đàn chị: Nhà trẻ Nguyễn Thị Tú.

Cuộc đời Bùi Thị Sơn đâu chỉ “son” như tên gọi của bà. Đó còn là cuộc đời của một người nữ tù, một người cán bộ luôn nỗ lực phấn đấu, hết mình ở mọi vị trí công tác: từ người lính vào sinh ra tử đến người cán bộ Hội Liên hiệp phụ nữ lăn lộn với phong trào, ở tuổi nghỉ hưu vẫn hoạt động hăng hái với tinh thần “xung kích”, với tâm sức và tấm lòng son sắt trước sau như một: vì cách mạng, vì sự nghiệp của phụ nữ Việt Nam.

HÀ HOA

Võ Thị Tâm

(Sinh năm 1944)



NGƯỜI CON GÁI XUYÊN TƯỜNG

Tôi biết chị Võ Thị Tâm qua lời giới thiệu của ông Võ Trần Chí, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Long An, Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2000, khi tham gia thực hiện công trình nghiên cứu lịch sử phụ nữ Long An. Ông Võ Trần Chí nói: “Ở Long An, trong số những phụ nữ mà tôi khâm phục về lòng gan dạ, dũng cảm, một là anh hùng Nguyễn Thị Hạnh, hai là Năm Tâm. Suốt ba đợt tấn công vào nội đô Sài Gòn, Tâm chiến đấu rất dũng cảm. Nó xứng đáng được phong anh hùng. Nói đến Mậu Thân hướng Phân khu II mà không có Năm Tâm là thiếu nhiều lắm. Lẽ ra nó phải được phong anh hùng từ lâu, lớp trẻ mới lên không am hiểu lịch sử thời đó, có chỗ còn lẩn tránh. Tánh con nhỏ cũng

ngang ngang, vậy là nó bỏ lửng...”. Có lẽ đó là tính cách của Năm Tâm, một cô gái mồ côi mẹ chưa tròn hai tháng tuổi; mười sáu tuổi thoát ly gia đình, làm giao liên tình đội Bến Tre; mười tám tuổi được tuyển vào văn công của R, thi đạt loại giỏi, được giữ làm hướng dẫn viên các tỉnh phía Nam nhưng kiên quyết đi chiến đấu; hai mươi tuổi, được điều động về T.4, hoạt động vũ trang trong nội thành. Thấy ở đợ “kiếm sống” mất nhiều thời gian, chị quyết định ra ngoài để xâm nhập Sài Gòn. Cô gái ở tuổi hai mươi từng phải sống lang thang từ chợ Chuông Bò, Vườn Chuối, đến chợ Hòa Hưng, hơn một năm ngủ sạp, ăn cơm vỉa hè, bữa đói bữa no như kẻ bụi đời, sáng bán bánh mì, chiều bán cà rem, vừa là để kiếm tiền sinh sống hàng ngày vừa là để gần gũi với dân và để am hiểu địa bàn của mình hoạt động. Nhờ những năm tháng cơ cực, lang thang này mà chỉ trong một thời gian ngắn, chị thuộc các con đường giao thông và xóm lao động thuộc địa bàn quận 3 và quận 10 như trong lòng bàn tay. Chị kiên trì xây dựng được 30 cơ sở có cảm tình với cách mạng trong nội thành. Nhờ bà con đùm bọc, chị vẫn bình yên giữa lòng Sài Gòn, dù chính chị là “thù phạm” của những chuyện động trời: treo cờ Mặt trận trên cột điện, in và rải hơn 10 000 lá truyền đơn, gửi hơn 20 lá thư cảnh cáo bọn ác ôn... Những năm tháng gian khổ và nguy hiểm giữa Sài Gòn hoa lệ đối với chị không uổng phí, khi vào đầu năm 1968, chị được tổ chức giao nhiệm vụ làm trinh sát cho tư lệnh tiền phương Phân khu II và được triển khai phương án kế hoạch, tác chiến. Năm ấy, theo phương án của Bộ chỉ huy Miền,

thành phố Sài Gòn và vùng phụ cận chia làm năm đơn vị chiến trường gọi là năm phân khu theo năm hướng tấn công vào nội đô Sài Gòn. Đó là nhiệm vụ vinh quang, như lời tâm sự của chị: *“Đạo ấy, tôi vừa tròn hai mươi ba tuổi đời, tám tuổi quân, năm tuổi Đảng, được Phân khu II giao trọng trách quá lớn so với sức của mình, nhưng với tinh thần đảng viên và sự tin tưởng của Tư lệnh Phân khu, tôi sẵn sàng chấp hành mệnh lệnh”*.

Nữ trinh sát dẫn đường

Đến 1 giờ đêm 30 rạng 31-1-1968, Tư lệnh tiền phương Phân khu II hạ lệnh cho bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất 37 quả cối 82 ly làm hiệu lệnh tấn công. Chị Tâm bám sát trận địa, cùng tập thể trinh sát điều động lực lượng chiếm lĩnh các nhà cao tầng, dùng cối B40 bắn xuống các khu vực phòng ngự của địch, tiêu diệt từng ổ đề kháng, hạn chế hỏa lực địch, mở đường cho bộ đội tiến công. Là người trong cuộc, ngay lúc bắt đầu nổ súng, chị đã nhận ra ngay những khó khăn và thuận lợi của thể trận: *“Cái khó của lực lượng ta là chưa am hiểu đường đi, nên tôi và tổ trinh sát phải điều động họ theo mình, rất khó khăn. Trên đường hành quân, ta vừa chiến đấu, vừa lo cho thương binh tử sĩ. Vậy mà bộ đội ta hành quân thần tốc năm cây số một ngày đêm...”*. Chị ngậm ngùi kể tiếp: *“Nói thì đơn giản nhưng ngày đó, vượt qua một con lộ là vượt qua lưới lửa đạn dày đặc. Theo hợp đồng, bộ phận Tư lệnh tiền phương và Tiểu đoàn 6 Bình Tân kết hợp đại đội 90 của Biệt động Sài Gòn sẽ đánh giải phóng*

tù chính trị bị địch bắt và giam giữ tại khám Chí Hòa và đánh chiếm biệt khu thủ đô nguy. Nhưng kế hoạch đó không thực hiện được do đại đội 90 đứng chân quá xa, không tiếp cận mục tiêu đúng theo giờ hẹn. Chúng tôi tiếp tục đánh các xã của Tân Bình ngày nay như Tân Sơn Nhì, Phú Bình, Phú Hòa, Phú Thọ Hòa và tiếp tục đánh chiếm đường Âu Cơ, Lê Đại Hành, Bình Thới, Nhị Tỳ Quảng Đông, Chợ Thiếc, Trần Quốc Toản, Phó Cơ Điều, Hòa Hảo, Tân Phước, Trần Quý... Khi chúng tôi chốt quanh khu vực trường đua Phú Thọ với quân số rất đông thì được trinh sát báo địch đang tập trung lực lượng và hỏa lực mạnh để phản công ta... ”.

“Điều gì xảy ra?”. Tôi không khỏi hồi hộp trước câu chuyện nhập vào chị như máu thịt. Chị ngậm ngùi nói: “Đúng 8 giờ sáng ngày 3 tháng 2 năm 1968, địch đổ quân bằng trực thăng xuống trường đua Phú Thọ, bao vây ta từ phía. Nhưng nhiều đợt AK của ta nổ giòn chặn đánh trận càn phản công của địch quyết liệt. Hàng trăm tên địch bị diệt, lớp chết, lớp bị thương, số còn lại chạy tán loạn. Trận đánh kéo dài đến 4 giờ chiều... Thấy không thể đánh bộ với ta nổi, địch tăng cường xe tăng, pháo binh, không quân... Chúng bắn rốc-két, dội bom xuống các mục tiêu chúng nghi là có Việt cộng, pháo 105 ly bắn vô tội vạ vào các khu vực đóng quân của ta thuộc phường 6, phường 13 thuộc quận 11 bây giờ. Ta với địch quần nhau suốt ba ngày đêm này. Ta tiêu diệt rất nhiều địch, biệt động quân, thủy quân lục chiến, cảnh sát dã chiến, Mỹ và quân chư hầu... Giữa lúc giao tranh quyết liệt, đâu ai đếm được bao nhiêu xác địch. Còn về

phía ta, hy sinh và thương vong... cũng không ít. Ta vừa chiến đấu vừa di chuyển, mở rộng đội hình tấn công trong tầm lửa đạn dày đặc của địch. Tôi không sao quên được tinh thần chiến đấu dũng cảm của các chiến sĩ Tiểu đoàn 6 Bình Tân - tiểu đoàn được phân công là đơn vị mũi dùi cánh Phân khu II, đánh thọc sâu vào trung tâm đầu não của địch, dưới sự chỉ huy của Tiểu đoàn trưởng Lê Minh Xuân. Chỉ với 4 đại đội và hơn 400 quân, vậy mà khi vào thành phố, họ đánh địch “long trời lở đất”. Tiểu đoàn 6 đã đứng chân suốt 12 ngày đêm trên mặt trận tuyến lửa của Sài Gòn. Khi đơn vị hoàn thành đợt I Mậu Thân trở về hậu cứ ngoại thành, thì điểm lại quân số vừa lính vừa chỉ huy còn lại 27 người, trong đó có tôi...”.

“Tôn thất khùng khiếp như vậy, lấy quân ở đâu mà đánh tiếp đợt 2?”. Chi cười buồn: “Ngay lúc đó tôi cũng không nghĩ rằng ba mươi lăm năm sau mình còn sống, để được người thế hệ hôm nay hỏi tôi điều kỳ diệu đó. Quả là tinh thần “tổng công kích - tổng khởi nghĩa” lên cao như nước triều dâng. “Đời đẹp nhất là đời đi chiến đấu”. Được đi chiến đấu, được lao ra mặt trận là niềm hạnh phúc lớn lao của chúng tôi lúc đó. Sức mạnh tinh thần là câu trả lời chính xác nhất. Sau khi về hậu cứ, đơn vị tôi tiếp tục chiến đấu đánh địch phản công như trận đánh tàu trên sông Chợ Đệm, đánh địch đổ quân ở ấp 2 Tân Nhật, đánh địch đổ quân ở Rạch Rít, Thanh Hà, An Thạnh. Chỉ có 100 ngày đêm mà đơn vị vừa đánh địch vừa củng cố quân, vậy mà quân số cũng lên đến 1 tiểu đoàn, chuẩn bị ra trận đợt 2...”.

Vào đợt 2 Mậu Thân, chị Tâm tiếp tục được giao nhiệm vụ trinh sát và dẫn đường cho cánh quân Phân khu II tiến vào nội đô. Lần này, Mỹ - ngụy phòng thủ rất chặt chẽ. Chúng chủ động truy kích ta từ vùng ven đô với lực lượng khá đông. Các sư đoàn, tiểu đoàn thiện chiến của địch ở các nơi gần như được kéo về bảo vệ “trung tâm đầu não Sài Gòn”. Ba mươi lăm năm đã trôi qua, chị nói rất thật tâm trạng của mình lúc đó: *“Đã trải qua những ngày chiến đấu ác liệt của đợt 1 Mậu Thân, nhìn những gương mặt chiến sĩ trẻ măng, lòng tôi tràn ngập nỗi lo. Thật tình, tôi rất lo, vì đường hành quân của ta kỳ này quân số rất đông mà phần nhiều là anh em miền Bắc mới bổ sung và số lớn anh em đã chiến đấu ở miền Nam nhưng vẫn không am hiểu về đường đi nước bước, chưa nắm được địa hình địa vật của chiến trường Sài Gòn. Lúc ấy, nhiệm vụ của tôi, của tập thể trinh sát và liên lạc dẫn đường càng hệ trọng hơn, cố làm sao đưa được đoàn quân của ta vượt qua sông, qua rạch, qua các đường giao thông, qua chốt chặn, tháp canh bảo an, dân vệ được an toàn”*.

Đơn vị được lệnh xuất quân lúc 18 giờ chiều ngày 4-5-1968. Từ vùng ven Tân Kiên, Tân Nhật vào nội thành, đơn vị phải vượt qua sông Chợ Đệm - một con sông giao thông chiến lược rộng lớn, khá nguy hiểm. Tàu chiến, hô-bo địch thường xuyên tuần tra, bắn phá bờ bãi dọc hai bên sông, rồi đơn vị phải vượt qua một cánh đồng trống mênh mông. Đây là khu vực của vùng trắng của các xã Tân Kiên, Tân Túc, Tân Tạo, Bình Trị Đông của huyện Bình Chánh. Nơi này,

địch thường xuyên oanh kích bằng không quân, pháo binh để chặn đường tiến công của ta. Vậy mà đến 2 giờ sáng, cánh quân Phân khu II đã vượt qua được xa lộ Đại Hàn - con đường giao thông huyết mạch của địch nằm phía Tây và Nam Sài Gòn - hàng rào chắn của địch, do liên đoàn 5 Biệt động quân bảo vệ và tiểu đoàn Thủy quân lục chiến (biệt danh là “Trâu điên”) chốt giữ. Mỗi lần vượt lộ là một trận chiến sống còn in đậm trong ký ức của chị: “Đến 4 giờ sáng ngày 5-5-1968, đơn vị chúng tôi đã đánh chiếm Bình Trị Đông và thị trấn An Lạc (hiện nay). Bộ đội ta hành quân với tốc độ khẩn trương, vừa chiến đấu, vừa di chuyển vì sợ trời sáng, dễ bị “lộ lưng”. Nhiều anh em ta chiến đấu hy sinh, không kịp chôn cất, đành phải để nằm lại chiến trường, trong số đó có đồng chí Hai Thà - trung đoàn phó của chúng tôi...”.

Vào ngày 6-5-1968, ta chiến đấu đẩy lùi nhiều cuộc tấn công của địch: bắt sống tên trưởng đồn Nguyễn Ngọc Châu và nhiều tên địch còn lẩn trốn làm tù binh. Chị Tâm kể: “Lúc ấy tôi 34 ký, người ốm nhom, nhanh nhẹn như trực thăng nên được tặng biệt danh “Tâm trực thăng cá lẹp”. Cô gái mảnh mai ấy vô cùng mưu trí, dũng cảm khi đối đầu với những tên giặc vô cùng nguy hiểm: “Khi tôi vào căn nhà dân ở gần ngã tư đường 46 và Phú Thọ, phát hiện một tên biệt động quân lục lợng tay cầm hai quả lựu đạn (1 miếng, 1 cay) đang lẩn trốn trong góc nhà. Vì có ý định bắt sống, tôi chìa súng báo hắn đầu hàng. Nhưng tên giặc ngoan cố ấy ném vào tôi quả lựu đạn miếng rồi chạy thoát thân với quả

lựu đạn cay đang cầm trên tay. Với tư thế cảnh giác, khi quả lựu đạn nổ, tôi né kịp, liền đuổi theo, không dùng súng để bắn mà xáp lá cà ôm eo ếch hấn vật lộn, định giàng co chờ đồng đội đến tiếp cứu. Liền lúc ấy, hấn nhìn thấy anh Ba Y của Tiểu đoàn 6 tay cầm 1 khẩu AK chạy đến. Tên biệt động sợ quá, dùng sức mạnh quăng tôi vào tường rồi bỏ chạy ra đường Phú Thọ. Anh Ba Y kịp đuổi theo, bắn hấn gãy chân rồi té quỵ xuống đất. Tên biệt động bèn tung thêm một quả lựu đạn cay làm tôi và anh Ba Y lao đao không còn thấy được nữa. Cũng liền lúc đó, có một viên đạn từ đâu xuyên qua ngực anh Ba Y làm anh bị thương lưng phổi. Vết thương khá nặng, được đồng đội đưa đi cấp cứu. Còn tôi tiếp tục hấn vào tên biệt động kia hai phát K54, hấn chết ngay tại chỗ. Tôi tiếp tục truy tìm tội phạm, xem kẻ nào đã bắn anh Ba Y. Tôi liền leo lên sân thượng lầu 2 của căn nhà gần ngã tư đường 46 và Phú Thọ, phát hiện ra một ổ đề kháng của địch. Tại đây, chúng đang nằm rình rập bắn tia bộ đội ta. Tôi không ngần ngại quay xuống đất điều 1 cây B40 nã vào chúng ba quả, tiêu diệt hàng chục tên biệt động để trả thù cho đồng đội”.

Mũi trinh sát dẫn đường của chị Tâm còn làm nhiệm vụ chăm sóc thương binh, điều thương binh theo đơn vị, hoặc liên hệ cơ sở hoặc dân để gọi thương binh. Chị ghen ngào nói: “Nhưng không phải lúc nào tôi cũng bảo vệ được đồng đội an toàn, như lần tôi và đồng chí Tài ở Tiểu đoàn 6 đang dìu một thương binh thì bất ngờ gặp một tên cảnh sát dã chiến nguy, tay hấn cầm một khẩu AR15. Chúng tôi

chưa kịp đổi phó thì anh Tài và anh thương binh đã hứng trọn họng súng của tên địch, trước khi tôi kịp bắn vào hắn. Tôi tịch thu khẩu súng AR15 của tên địch, sau đem về tặng cho du kích Tân Kiên. Khẩu súng ấy nhẹ quá so với sinh mạng hai đồng đội!”.

Chị vẫn thường nói: “Mỗi một con lộ trong nội đô là một cửa tử. “Cửa tử” nào gây ấn tượng mạnh mẽ nhất mà chị đã vượt qua trong Mậu Thân?”. Chị Tâm đắm chiêu một lúc, nói: “Tôi không nhớ là mình đã vượt qua bao con đường, không nhớ mình đã ăn uống như thế nào để chiến đấu. Nhớ lại ngày 9-5-1968, tôi thấy mình thật liều. Hôm ấy, tôi cùng chú Hai Hoàng (tức đồng chí Nguyễn Văn Diều - Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Áp Bắc năm xưa) - Trung đoàn trưởng Trung đoàn Phân khu II và đồng chí Liệt thông tin của trung đoàn chuẩn bị vượt qua đường Minh Phụng quận 6. Địch từ bùng binh Cây Gõ bắn xuống, từ cầu Bình Tiên bắn lên, đạn lùa của súng máy đồ như đước soi đường. Trong tình thế đó, chỉ cần trình sát thiếu kinh nghiệm qua đường là bị sát thương. Sau khi tôi và thủ trưởng Hai Hoàng vượt qua bên kia đường an toàn, nhìn lại thấy đồng chí Liệt thông tin và chiếc máy PRC.10 còn đang nằm giữa lộ, tôi định trở ra để điều đồng chí Liệt và chiếc máy vào nhưng thủ trưởng Hai Hoàng bảo: “Lừa đạn căng lắm, đừng mạo hiểm”. Không còn cách nào khác hơn, tôi từ trong băng qua giữa lộ, khi đến nơi thì đồng chí Liệt đã tắt thở. Tôi quyết tâm gỡ cho bằng được chiếc máy kéo vào lề đường để đập vào cột đèn đường phá hủy, vì chiếc máy này không

còn ai biết sử dụng, nếu để địch lấy được sẽ lộ mật mã của ta!”.

Tùng chi tiết của chiến dịch Mậu Thân in sâu vào tâm khảm chị: “Đến ngày 10-5-1968, địch tăng cường pháo binh, không quân dội bom, rốc-két và pháo 105 ly bắn bừa bãi vào khu vực ta đóng chốt. Lúc này, đơn vị ta vừa chiến đấu vừa di chuyển đội hình tấn công rộng hơn. Đêm 10-5, lực lượng quân giải phóng vượt qua được đường Trần Quốc Toàn (nay là đường 3-2) và Hùng Vương về hướng quận 6. Ta vượt qua bên kia đường xé lẻ lực lượng để chia lưới lờ, phân tán lực lượng địch. Lúc này quân giải phóng có hai cánh quân, một nửa ở quận 6, một nửa quận 11. Quân ta đánh chiếm đường Trương Tấn Bửu, Lò Gốm, Phạm Đình Hồ, Bình Tiên, Hậu Giang, Phú Định... Lần lượt 2 cánh quân đến ngày 17-5 đã rút về hậu cứ. Đường rút quân cũng vô cùng ác liệt. Bộ đội hành quân dưới đất, máy bay địch rà đảo trên trời. Chúng đánh theo ta bằng bom, bằng pháo, bằng bộ binh nhảy dù. Những ngày quân ta bám lại vùng bàn đạp ngoại thành cũng ác liệt không kém lúc chiến đấu trong nội thành. Chúng tăng cường hòa lực nhằm loại quân giải phóng ra khỏi vòng chiến đấu đó thị...”.

Những trang sử Mậu Thân 1968 là những dòng bi tráng được viết nên bằng máu của hàng vạn đồng bào, chiến sĩ. Nghe chị kể chuyện, những người thế hệ lớn lên sau chiến tranh không khỏi thốt lên câu hỏi: “Cả hai đợt tấn công nội đô, ta không thể thực hiện được mục đích “tổng công kích - tổng khởi nghĩa”. Chiến sĩ hy sinh quá nhiều, sao lại còn có

thể...”. Chị nhìn sâu vào mắt tôi nói: “Đó cũng là lịch sử. Dịch tăng cường lực lượng tấn công vùng ven nội đô phía Bắc. Để chia lửa với các phân khu hướng Bắc, Bộ Chỉ huy Miền chỉ thị cho Phân khu II và Phân khu III tiếp tục tấn công vào Sài Gòn. Đợt tấn công này gọi là đợt 3, mà cũng thường được gọi là “đợt đệm”. Là người lính, được lệnh là chúng tôi lên đường...”.

Vào “đợt đệm”, chị Võ Thị Tâm một lần nữa đảm nhiệm vai trò chiến sĩ trinh sát của Tiểu đoàn 6. Và đây là những ngày “đau thương anh dũng” nhất chị đã trải qua, khi chính chị là một trong những người lính chiến đấu đến giây phút cuối cùng trên đường phố Sài Gòn. Đêm 26-5-1968, bộ đội ta tiếp tục tấn công vào nội đô Sài Gòn. Hồi ức của chị giúp chúng ta hiểu phần nào mức độ ác liệt của trận địa: *“Cuối đợt tấn công này vô cùng căng thẳng, ác liệt. Mỹ nguy tập trung lực lượng ngày càng đông. Chúng dùng máy bay trực thăng hủy diệt ta bằng xăng đặc. Lừa đạn thiêu rụi cả vùng nhà trên đường Nguyễn Trãi, Phùng Hưng và Đồng Khánh (Trần Hưng Đạo B hiện nay. Để tránh hỏa lực địch, bộ đội ta lấy nhà làm công sự, đường hành quân bằng lối đục tường từ nhà này sang nhà khác. Vừa xuyên tường, bộ đội ta vừa bí mật bất ngờ đánh xuyên hông địch. Chiều ngày 4-6, các đồng chí chỉ huy lực lượng Phân khu II và III họp tại căn nhà trên góc đường Hùng Vương và Phùng Hưng. Tôi cũng được triệu tập. Các chỉ huy kiểm điểm lại quân số. Đồng chí Hai Hoàng nhìn từng gương mặt thân yêu của đồng đội, chiến sĩ nói trong xúc động: “Tuy lực lượng ta có bị tổn thất nhưng*

đó là quy luật phát triển của cách mạng. Một người ngã xuống, hàng ngàn người đứng lên tại thành phố này!”. Sau khi kết thúc cuộc họp, mỗi người về một vị trí. Đồng chí Hai Hoàng ra phía trước căn nhà quan sát trận địa, liền bị 1 quả M79 của địch bắn làm đồng chí bị thương ở mắt và chân khá nặng. Chúng tôi đưa đồng chí vào trong băng bó. Thấy mình không còn chỉ huy chiến đấu được nữa, đồng chí giao quyền chỉ huy lại cho đồng chí Lê Minh Xuân và đồng chí Ba Giáo. Cuộc chiến đấu vẫn còn tiếp diễn. Chúng tôi siết chặt tay nhau với quyết tâm: “Thà chiến đấu chứ không lùi”. Thế là chúng tôi chia nhau từng con đường, góc phố, cứ mỗi viên đạn là một quân thù. Cứ hết súng đạn là lấy súng, đạn của địch. Ta đánh địch hết ngày này sang ngày khác, chẳng hề nao núng. Đến chiều ngày 6-6, đồng chí Tư Vũ - Chính trị viên Tiểu đoàn 6 hy sinh trên đường Nguyễn Trãi - Phùng Hưng...”.

Lời thề quyết tử

4 giờ sáng ngày 10-6-1968...

Nữ trinh sát Võ Thị Tâm cùng bốn thương binh của Tiểu đoàn 308 đang ở trong một căn nhà gần ngã tư Phùng Hưng - Nguyễn Trãi thì bỗng nghe tiếng rít xe tăng từ đường Hồng Bàng vừa chạy, vừa bắn, còn trực thăng thì bay phành phạch trên nóc nhà. Chị Tâm chạy ra cửa quan sát, nhận ra xe tăng vừa chạy vừa bắn xối xả vào nhà dân hai bên đường. Pháo 105 ly bắn vào khu vực đóng chốt của ta. Chị Tâm nói với các thương binh: “Chắc là tăng mở đường, còn trực thăng và

pháo binh yểm trợ cho bộ binh địch tấn công ta đó. Tôi sẽ đánh tăng để chặn đường tấn công của địch”. Chị vừa nói vừa dìu các thương binh vào góc nhà sau. Rồi chị nhanh nhẹn chạy vào nhà trong lấy hai quả thủ pháo dù (chống tăng), vừa chạy vừa nói: “Các anh chuẩn bị, em đánh tăng!”. Chị chạy ra phía trước, lưng dựa vào cửa để thủ thế, đầu thò ra ngoài, đợi tăng tới đúng tầm.... Vừa thấy chiếc tăng đi đầu sắp đến, tay cầm thủ pháo, ngực hồi hộp, tay chị hơi run khi nghe các anh gọi từ phía sau: “Cẩn thận, Tâm!”. Chị tự nhủ, phải diệt toán xe tăng này để buộc địch chùn lại cuộc tấn công, tạo thế chủ động cho bộ đội ta tấn công lại chúng. Tức thì, đợi chiếc xe tăng đến đúng tầm, chị ném một quả vào đầu xe. Nhưng thủ pháo không nổ, chiếc xe tăng ấy vẫn vượt lên. Rồi tiếp tục chiếc thứ hai lù lù đến, bắn dữ dội hơn. Trên trời trực thăng cứ đảo lộn, gầm rú. “Không, phải diệt chúng!”. Chị ném một quả nữa vào đầu xe. Người chị run lên với niềm hạnh phúc tột độ khi quả thủ pháo nổ, vang lên tiếng “bốc ầm” rất lớn. Một cột khói bay lên mù mịt, chiếc tăng đứng lại. Và cùng lúc đó, chị nghe tiếng rít của phi tiễn trực thăng cắt “ầm-ầm”. Mắt hoa lên, chị ngã xuống, bất tỉnh. Ba mươi lăm năm đã trôi qua, từng chi tiết vẫn sống dậy mãnh liệt trong ký ức chị: *“Tôi cũng không biết bao lâu mình mới tỉnh lại. Có gì đè trên người tôi rất nặng. Sau đó, tôi nhớ mình đã đánh tăng, bị nhà sập đè lên mình. Tôi đang bị vùi dưới đồng gạch, ngói, cây... Tôi cố cựa mình nhưng đau nhức quá. Tôi ngất đi rồi tỉnh lại rất nhiều lần. Đang trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê, tai tôi nghe lửa cháy ù ù, hơi nóng đã đến gần.*

Tôi nghĩ: “Có lẽ các căn nhà gần đây bị trực thăng bắn cháy và nhỡ lại, không biết các anh thương binh đang ở đâu, còn hay đã hy sinh? Tiếng súng nổ dữ dội giúp tôi suy đoán có lẽ bộ đội ta đang giao tranh quyết liệt với địch. Tiếng hò hét, chửi thề của chúng càng lúc càng gần. Tôi nghĩ có lẽ nào mình nằm đây để chịu chết. Không, tôi không thể nào chết được, vì Trung đoàn đang cần mình để dẫn đường và lo cho thương binh! Ý nghĩ ấy khiến tinh thần tôi trở nên tỉnh táo hơn. Tôi ém mình dưới đồng gạch, chờ địch rút lui rồi sẽ tìm cách thoát ra cánh “thập tử nhất sinh”. Sau đó, tôi không còn nghe tiếng chửi thề, la hét của địch nữa, chỉ còn tiếng súng xa xa vắng lại. Tôi nhẹ nhàng, từ từ rút được cánh tay lên và dần dần đẩy gạch ra khỏi mặt, hé hé mắt nhìn xung quanh, thấy lửa cháy bên kia đường càng lúc càng mạnh. Nhiệm vụ của người trinh sát dẫn đường truyền thêm cho tôi ý chí mãnh liệt chiến thắng với cái chết. Tôi gắng nhoi lên từ từ, nghe mắt trái đau quá. Tôi lấy tay sờ lên mặt thì thấy mắt trái bị lòi ra ngoài, còn mắt phải thì sưng to, không nhìn thấy rõ. Mặt và đầu tôi bị nhiều vết thương do sây sát. Gạch ngói đè lên người quá nặng. Tôi nhích dần để tìm chỗ trống chui ra một cách vất vả và thì ngọn lửa cháy mỗi lúc mỗi gần, nóng toát mồ hôi, khò khét lết, rất khó thở. Nhưng tôi nhất quyết không để chết lúc này, cố hết sức lực, cắn răng chịu đau để ngoi ra. Cuối cùng tôi ngoi ra được khỏi đồng gạch ngói nhưng kiệt sức, mệt lả. Tôi nằm lại tại chỗ một lúc để lấy sức và định hướng đi. Lúc ấy, chân tôi không đứng dậy được vì hai miếng mảnh trong đầu gối, nếu không lấy

chúng ra thì chân không thể di chuyển được. Vì vậy, tôi quyết định phải tự lấy sức dùng răng mình gắp lấy mảnh đạn ra. Tôi nén lại cơn đau đớn tột cùng nhưng nhờ vậy, chân dễ cử động hơn. Tôi khập khiễng bò qua đống gạch ngói nhà sập tìm lỗ tường mà bộ đội đã đục để di chuyển chiến đấu. Tôi tin cứ xuyên qua các lỗ đục tường nhất định sẽ gặp được đồng đội của mình. Cứ thế, tôi xuyên qua lỗ tường nhà này sang tường nhà khác, người đầu tiên tôi gặp là anh Hai Nhỏ (tức Nguyễn Văn Phú) - Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 6. Tôi mừng quá, không còn sợ lẻ loi nữa. Từ đó đến vài ngày sau tôi không còn tự đi được nữa, mà đồng đội phải cõng, phải dìu...”.

Đến chiều hôm đó, mặt trận được chuyển dần từ đường Phùng Hưng - Nguyễn Trãi đến, vượt qua đường Không Tử, vào hãng xà bông Hội Đồng Bến. Một số anh em lần lượt hy sinh và bị thương. Không còn người khỏe để điều động thương binh theo, đồng chí Hai Hoàng ra lệnh: “Từ sĩ chôn cất tại chỗ, còn thương binh đành phải gọi nhà dân...”. Đến 18 giờ ngày 16-6-1968, bằng lỗ đục tường, đồng chí Hai Hoàng, chị Tâm và mười chiến sĩ đến được căn nhà vắng chủ số 128, đường Ngô Nhân Tịnh. Đó là một xường in bao bì. Tất cả đều bị thương, từ nặng đến nhẹ. Đồng chí Hai Hoàng quyết định cho Trung đội ở lại căn nhà này để cố thủ, vì tất cả đều kiệt sức, không còn khả năng đục tường để di chuyển nữa. Một số chiến thương còn khỏe ra ngoài trinh sát phát hiện địch đã bao vây và phong tỏa các con đường xung quanh Trung đội cố thủ. Tình thế vô cùng căng thẳng,

Hai Hoàng suy nghĩ một lúc rồi nhận định: “Tuy địch đã bao vây ta rất chặt với số quân khá đông nhưng chúng chưa dám đánh ta trong đêm. Còn ngày mai, chắc chắn trận địa sẽ rất ác liệt. Vậy mỗi đồng chí hãy tìm cho mình một vị trí thích hợp, một công sự chiến đấu có lỗ châu mai”. Lúc này, xưởng in bao bì trở thành chiến hào kiên cố của Trung đội với những lỗ châu mai bằng cách đục tường. Xung quanh khu vực cầu Palykao trở thành bãi chiến trường. Sau khi chuẩn bị xong, mỗi người đều trở về vị trí của mình, đồng chí Hai Hoàng vẫn ngồi trên chiếc ghế dựa bên cửa nhỏ, nơi quan sát được trong nhà, ngoài ngõ để canh chừng cho anh em ngủ trong đêm. Chị Năm Tâm cũng không ngủ được, ngồi nhìn các chiến sĩ vừa đói, vừa mệt, vừa đau nhức nên khi nằm xuống là ngủ ngon lành. Đối với chị Năm Tâm, ngày 17-06-1968 là một ngày ghi nhớ mãi trong đời: “Đến 4 giờ sáng, chú Hai Hoàng gọi tất cả anh em dậy để chuẩn bị tư thế. Trời hãy còn tối mịt nhưng nhờ ánh sáng của đèn điện, chúng tôi trông thấy rõ trên đường Ngô Nhân Tịnh và cầu Palykao xe tăng, thiết giáp nối đuôi nhau nằm chờ. Chú Hai Hoàng nói: “Trận chiến sắp tới sẽ vô cùng quyết liệt. Dù sức ta so với địch không cân nhưng tôi tin vào các đồng chí hành động dũng cảm, chiến đấu kiên cường, nhất định mỗi viên đạn chiến đấu của ta là giết chết một quân thù. Các đồng chí hãy chuẩn bị kỹ trận địa, hãy kiểm lại súng, đạn và lựu đạn, công sự xung quanh mình”. Chú Hai vừa nói, vừa sờ vào từng đồng chí như áu yếm vậy. Chú nói tiếp: “Anh em chúng ta còn lại mười hai con người đều bị thương, sức khỏe

của chúng ta bị cạn kiệt. Hiện thời địch đã vây chặt không gì lọt qua được, chúng cũng thừa biết ta cố thủ lại đây không có bao nhiêu người. Vậy mà đêm nay chúng không đánh ta, vì nghĩ rằng sáng mai sẽ bắt sống chúng ta một cách dễ dàng”.

Ngoài trời đã sáng dần, trong nhà cũng sáng theo. Người chỉ huy nhìn chăm chăm vào ánh mắt của từng người. Đôi mắt của người chỉ huy lúc đó suốt đời tôi không sao quên được. Đôi mắt ấy sâu thẳm, dịu hiền, trù mền. Chủ Hai nói: “Chúng ta tham gia cách mạng, giải phóng dân tộc, cứu nước, cứu dân, đi chiến đấu bị thương, hy sinh là lẽ thường. Bây giờ chỉ tiếc rằng, chúng ta không còn tiếp tục chiến đấu giết giặc trên đường phố này nữa. Nhưng ở đây ta cũng vẫn chiến đấu, ta còn ngón tay bóp cò súng, còn bàn tay tung lựu đạn, thì ta lẽ nào để cho địch bắt sống chúng ta. Trước khi chúng ta hy sinh địch phải trả giá đắt. Mỗi mạng chúng ta phải đổi mạng 100 thằng”. Chủ hỏi lớn:

- Đùng không các đồng chí?

Tất cả các anh em đều trả lời:

- Đùng!

Chủ Hai nói tiếp:

- Giờ phút này Đảng và cách mạng cần chúng ta quyết tử để Tổ quốc trường tồn, thì các đồng chí có ý kiến gì không?!”

Tất cả anh em đều trả lời:

- Quyết tử!

- Có đồng chí nào lo lắng và có nghĩ gì nữa không?

Chủ Hai Hoàng lại hỏi. Tất cả đều trả lời “Không”.

Đến 4 giờ 30 phút ngày 17-6-1960, đồng chí Hai Hoàng gọi Năm Tâm đến nói:

“Trong anh em chúng ta có Tâm là gái, có thể Tâm ra hợp pháp được. Đêm hôm nay, tôi nghĩ nếu Tâm ra thì có ba khả năng:

1 - Nếu Tâm ra hợp pháp. Dịch phát hiện cháu là chiến sĩ giải phóng đang chiến đấu trên đường phố này thì chúng sẽ bắn cháu chết tại chỗ. Nếu chết là đã hoàn thành nhiệm vụ. Tâm có sợ không?

Năm Tâm trả lời:

- Không!

2 - Có thể địch tình nghi bắt cháu về khai thác rồi bỏ tù, cháu có sợ không?

- Không!

3 - Địch xem thường đưa con gái này do nhà sập bị thương, hoặc có sự giúp đỡ tình cờ nào đó, thì Tâm sẽ thoát được. Chú có hy vọng khả năng thứ ba. Vậy cháu có đồng ý ra hợp pháp không?

Năm Tâm trả lời:

- Việc chú hỏi cháu chưa có ý định. Nhưng bây giờ chú Hai hỏi cháu sẽ trả lời không. Cháu không ra đâu chú. Nếu ra để sống, cháu xin được chết cùng đồng đội!

Năm Tâm vừa khóc, vừa nói: “Cháu muốn ở lại với chú, với các anh để chiến đấu. Cháu không thể rời xa chú và các anh trong lúc này. Cháu van xin chú cho cháu được ở lại đây, cùng sống chiến đấu, nếu chết thì cùng chết với nhau”.

Năm Tâm càng năn nỉ thì đồng chí Hai Hoàng và các

chiến sĩ còn lại đều động viên chị ra hợp pháp. Trong đây lòng những chiến sĩ quyết tử năm ấy, họ quyết hy sinh nhưng chị Năm Tâm cần phải sống và được sống. Trước giờ nguy kịch, đồng chí Hai Hoàng và các chiến sĩ còn lại còn tìm một con đường sống cho chị. Nếu may mắn, chị Năm Tâm thoát được thì xem như các anh đã cứu sống được một mạng người. Nhưng khi chị Tâm cương quyết không “ra hợp pháp”, gương mặt đồng chí chỉ huy đượm nét buồn, mày cau lại, bản khoăn. Chợt đồng chí Hai Hoàng bật đứng thẳng người, một tay cầm cây súng ngắn, một tay là chiếc đồng hồ nghiêm giọng nói:

- Tôi thay mặt chỉ huy Trung đoàn 31 ra lệnh cho các đồng chí thi hành. Trung đoàn 31 giao nhiệm vụ cho đồng chí Tâm mang kỹ vật của Trung đoàn, vượt vòng vây của địch về đến Bộ Chỉ huy của Phân khu II nộp và báo cáo là Trung đoàn 31 của Phân khu II chiến đấu anh dũng, đã hoàn thành nhiệm vụ. Hãy báo cáo với Bộ Tư lệnh rằng hiện còn 11 đồng chí đang trong vòng vây của địch. Chúng tôi xin hứa với Đảng, với Tư lệnh phân khu sẽ chiến đấu đến viên đạn cuối cùng, thà hy sinh chứ không để quân địch bắt sống, đồng chí Tâm có nghe rõ không?

- Rồi!

Chị trả lời mà nước mắt tuôn tràn trên má. Chị đứng thẳng người lên:

- Tôi xin chấp hành!

Chị Tâm tay cầm khẩu súng trao, kiểm tra lại đạn và lắp đạn lên nòng. Hai Hoàng kéo chị Tâm sát vào nói:

- Tâm giỏi lắm!

Những chiến sĩ đứng vây quanh chị Tâm lần lượt nắm tay chị: “Vĩnh biệt nhé!”. Lúc ấy chị Tâm khóc, Hai Hoàng khóc, các anh khóc. Vì quá xúc động, đôi chân chị Tâm không còn đứng dậy được mà quy nằm xuống đất. Rồi chị quỳ xuống, ôm lấy chiếc chân gãy của người chi huy mà khóc nức nở, không tài nào kìm chế được. Chị biết lần này xa các anh là vĩnh viễn không bao giờ còn gặp lại... Suốt đời, chị Năm Tâm không thể quên giây phút vĩnh biệt thiêng liêng năm ấy:

“Chú Hai Hoàng nhắc đi nhắc lại: “Không sợ chết nghe Tâm, hãy giữ vững khí tiết của người cách mạng. hãy xứng đáng như Nguyễn Văn Trỗi, như Võ Thị Sáu nghe Tâm”. Nói xong chú ôm hôn tôi như người cha hôn con. “Vĩnh biệt, vĩnh biệt nghe Tâm!”. Chú vừa nói vừa khóc. Tôi khóc, tất cả anh em khóc. Chú Hai Hoàng lấy tay vuốt tóc tôi và nhắc lại “Không sợ chết, đừng lo gì cả. Ta sẽ thắng tất cả, khí tiết của người cách mạng không gì lay chuyển nổi như Nguyễn Văn Trỗi, Võ Thị Sáu nghe Tâm!”.

Lúc này, tôi đang ở trong trạng thái bán thần, chân tay rã rời, cứ để mặc cho các anh lo chuẩn bị cho mình. Một anh cầm cây lược chải và bím tóc lại cho tôi, một anh tìm lại cho tôi đôi guốc cũ, còn một anh đeo vào mắt tôi một đôi kiếng mát gọng to. một anh nữa đem lại cho tôi một quần bà ba đen và một chiếc áo bà ba màu hoa cà. Tất cả những thứ ấy các anh tìm được trong ngôi nhà vắng chủ. Các anh bảo: “Tâm thay bộ đồ đầm máu này đi, mặc đại bộ đồ này vào, kéo để

địch phát hiện”. Tôi đứng đây cho các anh sửa nhưng lòng tôi rất xốn xang. Vì nhiệm vụ phải chấp hành, chứ nào phải mình muốn ra. Thà mình ở lại có chết cũng cam lòng. Còn đảng này... Tôi cùng các anh đã từng sống, chiến đấu mà rồi đây phải chia xa, mà biết chắc rằng những con người này không thể sống. thì lòng dạ nào an tâm được!

Trời đã sáng rõ. Địch đã tập trung đứng từng cụm trên cầu, nào là biệt động quân, nào là cảnh sát dã chiến, nào là thủy quân lục chiến. Chúng ngồi đứng ngón ngang, trong tư thế sẵn sàng của kẻ mạnh tiêu diệt đối phương. Còn tôi đang đứng bên chủ Hai và các anh - vây quanh tôi là những chiến thương đang sẵn sàng quyết tử. Tôi không kiềm chế được, khóc òa lên. Chủ Hai kéo tay tôi đứng dậy bảo: “Nín đi cháu, đừng khóc nữa, lau khô nước mắt, đừng để địch phát hiện, cứng rắn lên. Thôi, đi đi cháu, trời sáng rồi đó”. Chủ Hai vừa nói vừa đẩy tôi vào nhà sau. Nhưng tôi vừa đi được một bước thì chủ Hai kéo tay tôi trở lại, nhìn sâu vào mắt tôi nói: “Hãy xứng đáng như Nguyễn Văn Trỗi, Võ Thị Sáu nghe Tâm!”. Tất cả anh em đều nắm lấy tay tôi và nói: “Vĩnh biệt Tâm nhé, em phải sống, không được chết nghe Tâm!”. Lúc ấy, ngoài đường Ngô Nhân Tịnh, xe tăng, thiết giáp nối đuôi nhau, còn bọn lính mỗi lúc mỗi đông thêm. Con đường tôi đi ra không còn con đường nào khác hơn là đường Ngô Nhân Tịnh.

Sau khi chia tay với chủ Hai Hoàng và các anh, tôi xách chiếc giỏ mà các anh đã chuẩn bị cho tôi. Trong giỏ có chiếc đồng hồ của chủ Hai Hoàng, kim còn chỉ giờ Hà Nội, một

xấp vài màu, một bộ đồ cũ, một ít tiền không sắp lại để bên trên, rồi có chiếc khăn mỏng đây trên cùng. Tay cầm chiếc giò, tôi bước đi khó nhọc vào nhà sau, ra phía lỗ tường đục trống hôm qua. Người tôi bàng hoàng như nửa mơ nửa tỉnh, mắt tôi cứ nhìn về phía trước, không dám ngoảnh lại chú Hai và các anh. Tôi cứ lù lũi đi theo con hẻm về phía cầu Palykao. Khi đến góc me bên cầu, trước mắt tôi là mấy chục khẩu súng đang chĩa về phía căn nhà nơi chú Hai và các anh đang cố thủ. Tôi cố làm ra vẻ dửng dưng như không có gì phải chú ý, rất tinh táo, đường hoàng bước lên cầu Palykao, chen giữa đám lính đang đứng ngồi, tay đã ghì sẵn súng. Chân bị thương, sức kiệt, di chuyển rất khó khăn, tôi cố bước, vịn vào xe tăng, chiếc này chuyển qua chiếc khác để qua được bên kia cầu. Tôi xuống dốc, theo đường ra cầu, thàng ra Chợ Lớn mới. Tôi ngay mặt đồng hồ của chánh, cảnh sát áo trắng ngồi đờng ngón ngang, xung quanh vắng vẻ, không thấy bóng một người dân, kềm gai địch giăng chằng chịt tứ tung. Một tên kêu tôi lại, hỏi: "Đi đâu?". Tôi trả lời: "Tôi đi nhà thương, nhà tôi bị sập, tôi bị thương". Tên cảnh sát đòi xét giò, bước tới:

- Đưa giò coi!

Tim tôi đập mạnh. Nếu xét thấy chiếc đồng hồ chỉ giờ Hà Nội của chú Hai, tôi chắc không thoát được. Tôi để chiếc giò xuống đất và ngồi xuống theo, tay trái của tôi cầm một quai giò, chìa giò cho nó xem. Nếu hấn lục giò tôi sẽ bắt ngờ lấy súng bắn chết tên cảnh sát trước khi nó bắn mình ngã xuống. Tôi sắp đặt những động tác thích hợp nhất để hành

động và thăm nghĩ, đã đến giờ hành động... Tư đứng tôi thấy tỉnh táo lạ thường. Mặt làm ra vẻ bình thản nhưng tôi chăm chú theo dõi từng cử chỉ của tên địch, bụng đình ninh: "Mày sẽ lãnh viên đạn quyết tử này". Khi giờ chiếc khăn đậy giờ lên, thấy nhiều tiền, tên lính hỏi: "Làm gì để nhiều tiền vậy? Cái đi kéo mát". Nó lấy tay vệt tiền ra, thấy bộ quần áo cũ nó đậy lại bảo: "Đi đi". "Cám ơn". Tôi thờ phào nhẹ nhõm, chân tay bủn rủn vì hồi hộp, tôi cố trấn tĩnh, xách giỏ lưng thững đi ra. Được vài chục mét, một tên canh sát khác kêu lại hỏi: "Đi đâu?". "Đi nhà thương". "Tại sao phải đi nhà thương?". "Nhà tôi sập, tôi bị thương". Tôi ngồi xuống ôm chiếc chân bị thương của mình. "Chớ không phải Việt cộng bị thương hả?". Tên canh sát chỉ hỏi vậy rồi cho tôi đi. Tôi tiếp tục đi về phía đường Hùng Vương (hiện nay). Đoạn đường này không một bóng người, bởi dân chúng đã tản cư tất cả. Tôi đi thêm một đoạn nữa đến đầu chợ gạo Trần Chánh Chiêu (hiện nay), bỗng thấy một bà bán cháo ngồi bên lề đường. Tôi ngồi xuống bên bà nói: "Đi bán cho con tô cháo". Tôi cầm tô cháo, tay run lên, tô cháo rơi xuống bệ, cháo văng tứ tung. Bà bán cháo nhìn tôi bằng ánh mắt thương cảm: "Cô mệt lắm hả? Để tôi kêu xe dùm cho cô nghe!". Tôi chưa kịp trả lời thì bà đã đứng dậy chạy ra đường Hùng Vương kêu vào một chiếc xích-lô máy. Bà dìu tôi lên xe bảo: "Đi đi có. Bà hỏi tôi đi nhưng chẳng đòi tiền cháo. Còn tôi cũng quên mất việc trả tiền cháo và quên chào bà. Khi ấy, anh xích-lô đi qua đường Hùng Vương rồi qua đường Trần Quốc Toản, vào hẻm 48 đến số nhà 119/35. Đó

là nhà của chị Ngô Thị Nhân - cơ sở cách mạng do tôi tổ chức. Khi chị Nhân đưa tôi vào nhà, tôi chưa kịp trả tiền và chào thì anh xích-lô đã đi mất. Mãi sau này, tôi càng thấm thía lòng dân nội thành đã sẵn sàng cứu mạng, che chở cho cách mạng mùa xuân năm 1968...

Khi tôi đến nhà chị Nhân, sức lực của tôi đã cạn kiệt nhưng nỗi lo về chú Hai và các anh khiến tôi không sao ngồi yên được. Vì quá lo lắng và hồi hộp, tôi đành phải gắng gương dậy rồi đi bộ trở lại bến xe Chợ Lớn, định vào khu vực cầu Palykao. Nhưng khi đến đó, cảnh sát không cho vào. Khu vực ấy địch đang đánh bom rất dữ dội. Nhà cháy khói lên đen kịt. Chắc có lẽ chú Hai và các anh đã bị thiêu rụi dưới đống tro tàn. Lòng tôi đau đớn vô hạn. Tôi thất thểu quay trở về nhà chị Nhân ở tạm. Khi ấy nhiều anh em cơ sở cách mạng do tôi tổ chức khuyên tôi nên ở lại Sài Gòn để điều trị vết thương, và để tình hình chiến sự lắng dịu, địch bớt truy lùng rồi sẽ về căn cứ. Tôi suy nghĩ nếu tôi ở lại thì có lẽ thuận lợi hơn. Nhưng trên vai tôi còn trĩu nặng nhiệm vụ báo cáo tình hình của Trung đoàn. Tôi phải về gấp để báo cáo, công việc này không được chậm trễ”.

Trong ngục tù khắc nghiệt

Sáng hôm sau, ngày 19-6-1968, chị Năm Tâm nguy trang cây súng và chiếc đồng hồ của đồng chí Hai Hoàng - kỹ vật của Trung đoàn trưởng Trung đoàn 31, rồi cố sức lên xe đò về Chợ Đệm, vào vùng giải phóng, tìm Bộ Tư lệnh Phân khu II. Khi về đến xã Tân Nhật, huyện Bình Chánh, chị kiệt

sức, không còn đi bộ nổi nữa. Chị em dân công khiêng chị bằng võng, chở chị bằng xuồng, đi dưới mưa bom, đạn pháo, dưới tầm máy bay trực thăng soi... Cuối cùng, chị cũng về đến Ba Thu an toàn và kịp báo cáo tình hình chiến đấu của Trung đoàn 31 và giao lại kỷ vật của Trung đoàn cho Tư lệnh Phân Khu II, hoàn thành nhiệm vụ của Trung đoàn giao phó.

Hàng chục vết thương còn hằn dấu trên người, mất đi một con mắt, chị Võ Thị Tâm là nhân chứng sống động và máu thịt của chiến dịch Mậu Thân lịch sử 1968. Trong suốt ba đợt tấn công vào nội đô Sài Gòn, chị Võ Thị Tâm đã liên lạc kịp thời - trinh sát nắm tình hình địch báo cáo chính xác; tham gia chiến đấu cùng đơn vị, đẩy lùi nhiều đợt tấn công của địch trên mặt trận đường phố Sài Gòn; đánh pháo dù cháy một xe tăng địch; bắn lè, giết chết 11 tên địch, thu 1 súng AR15. Chị đã nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh chiến đấu, đã đánh địch là không bỏ cuộc.

Sau mấy tháng nằm viện, chị Tâm được đưa trở lại hoạt động trong nội đô. Hơn bốn mươi năm sau, chị kể lại tâm trạng của mình khi nhận nhiệm vụ “trở lại chiến trường Sài Gòn” lúc đó:

“Mặc dù sức khỏe còn kém nhưng tôi vẫn sẵn sàng chấp hành mệnh lệnh cấp trên giao phó. Tuy trong lòng nhiều nỗi băn khoăn, náo buồn, lo, sợ...

Buồn! Vì kỳ này trở vô Sài Gòn nhan sắc của mình không còn nguyên vẹn như xưa: mặt thì nhiều vết thương mới, con mắt bị đui, còn người thì quá gầy yếu.

Lo! Thì tôi lo ở điểm này đối phương dễ để ý, theo dõi, phát hiện.

Sợ! Là tôi sợ mình bị bắt khi chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Những ngày chuẩn bị trở lại Sài Gòn, tôi linh cảm những điều chẳng lành sắp đến. Tôi băn khoăn, lo lắng, suy nghĩ lung tung. Trục nhớ những lời dặn dò của thủ trưởng Hai Hoàng và anh em đồng đội lúc chia tay, kẻ đi người ở lại: “Hãy xứng đáng là Nguyễn Văn Trỗi, là Võ Thị Sáu nghe Tâm”, “Em phải sống, không sợ chết ghen Tâm...”, tôi thấy mình như được tiếp thêm sức mạnh, sẵn sàng chấp hành mệnh lệnh lên đường”. Chị xuất phát từ vùng đất Ba Thu (Campuchia) bằng đường bộ ra Trà Cao, đến Tây Ninh (Gò Dầu). Rồi ung dung một cách rất tự tin, chị lên chiếc xe đồ đang chờ đầy khách chạy từ Gò Dầu lên ngã ba Hồng Châu (Hóc Môn). “Bất ngờ chiếc xe bị chặn lại. Một tên cảnh sát lên xe tra công số 8 vào tay tôi, một cảnh sát khác bịt vào mắt tôi miếng vải đen. Họ lôi tôi từ trên chiếc xe đồ bỏ qua chiếc xe jeep, chở tôi về cảnh sát Gia Định. Chuyển tôi vào phòng thẩm vấn, chúng mở vải bịt mắt, mở công số 8 khóa tay, cho tôi ngồi đối diện với tên chiêu hồi. Hắn trước là lính hậu cần Phân khu II, trước đó đã ra chiêu hồi. Tên phản động này đã đầu hàng, khai báo, chỉ điểm cho giặc bắt ta, bắn giết nhiều cơ sở cách mạng, trong đó có Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 6 Bình Tân”. Hắn nhìn mặt tôi và xác định đúng đối tượng.

Biết chị là trình sát cho Tư lệnh tiền phương Phân khu II, kẻ thù dùng nhiều cực hình, ngón đòn hiểm độc tra tấn để

khai thác nhưng chị kiên quyết không nhận mình là Võ Thị Tâm, mà là “Lê Thị Liêm, vì mất hết giấy tờ tùy thân trong Mậu Thân, phải dùng căn cước giả”. Từ bót Hàng Keo, chị bị đưa nhà tù Thủ Đức, hai lần bị đưa ra Côn Đảo, từng bị tổng giam vào Chuồng Cọp... Những ngón đòn khốc liệt đã đọng lại trong những câu thơ chị viết sau này:

*... Lúc này sức khỏe của tôi
Chúng đánh đau đòn thấy thối thâm sâu
Giam cầm đánh đập quá lâu
Đánh đi đánh lại cái đầu quá đau
Vết thương đánh giặc năm nào
Bây giờ tái phát cũng đau quá trời.*

Thật may mắn, khi chính chị đã viết những dòng hồi ức:

“... Những lúc tôi ngồi trong xà lim một mình, xung quanh toàn là giặc, chúng đánh đập, hăm dọa đủ điều, thấy mạng sống của mình như “ngàn cân treo sợi tóc”, giữa sự sống và cái chết rất mong manh. Ngày 11-7-1969, chúng đưa tôi đến Thủ Đức. Khi vào cửa trại giam, chúng cũng bắt tôi phải chấp hành nội quy, trong đó có việc đeo số tù, chào cờ ba que. Tôi không chịu, chúng tiếp tục đánh, không khác gì hồi còn thâm vấn. Lẽ ra, khi tù bị chuyển về nhà giam Thủ Đức thì không còn bị đánh đập nữa, mà phải đưa vào trại. Lúc ấy, có bốn chị từ chỗ khác cũng bị đưa vào, tình trạng giống như tôi, trong đó có chị Đoàn Lê Hương. Chúng không nhập vào tập thể mà để chúng tôi ở tạm. Chúng tôi bị địch hành hạ, bị đánh thê thảm vì không chịu chào cờ. Khi ba chị Đào, Tần, Rành bị địch giết, tù chính trị trại giam này nổi dậy

đấu tranh chống áp bức và đòi quyền sống của tù nhân. Tù thường phạm cũng hưởng ứng cuộc hô la quyết liệt bằng khẩu hiệu: “Đả đảo nhà tù Thủ Đức sát hại tù nhân”. Cuộc đấu tranh làm náo loạn nhà tù Thủ Đức mấy ngày liền.

Nhà cầm quyền Sài Gòn lúc bấy giờ, trong tay có công an, cảnh sát đến can thiệp - nhưng không sao dàn xếp được nỗi bức xúc của tù nhân. Họ cảm thấy không thể để vậy được, vì nó sẽ ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, chính trị xã hội. Chính vì lẽ đó, họ buộc phải chấp nhận yêu sách của ta, gồm ba vấn đề:

1. Phải chuyển hết tù nhân chính trị tại nhà tù Thủ Đức đi nơi khác.
2. Không được đàn áp, đánh đập tù nhân (buộc phải tôn trọng quyền con người).
3. Phải cải thiện đời sống tù nhân, cơm ăn đủ no, nước phải đủ uống.

Ba yêu cầu trên được họ chấp thuận và thực hiện ngay việc chuyển chị em tù chính trị chúng tôi từ nhà tù Thủ Đức sang Chí Hòa.

Khám Chí Hòa là một khám lớn nhất ở giữa đô thành Sài Gòn. Sở dĩ họ chấp nhận ba yêu sách trên là để xoa dịu nỗi bức xúc đấu tranh oanh liệt của tù nhân, đồng thời tránh được sự trả thù, đổ máu có thể xảy ra.

Ở trại giam Chí Hòa, chế độ ăn uống, sinh hoạt không khác gì hơn ở nhà tù Thủ Đức. Chị em tiếp tục đấu tranh đòi cải thiện đời sống cũng bị đàn áp bằng dùi cui và ma trặc. Đời sống tù nhân chính trị vô cùng khắc nghiệt.

Được tin Bác mất, anh chị em tù chính trị chúng tôi quá xúc động, òa lên khóc nức nở, như mất người cha đẻ của mình.

*Thương Bác nức nở ngậm ngùi
Mất đi lãnh tụ của người Việt Nam
Chúng tôi đang ở nhà giam
Chí Hòa là khám cũng làm lễ tang
Lễ tang của Bác đang hoàng
Người tù chính trị để tang ba ngày
Mặc dù thẳng địch ra oai
Chúng tìm nhiều cách ngăn ngay việc này.*

Anh chị em tù chính trị chúng tôi công khai bày bàn thờ Bác tại phòng giam và mỗi người đầu đội chiếc khăn tang, vãn chào cờ, mặc niệm, hát quốc ca và bài ca chiêu hồn chiến sĩ một cách hiên ngang, giữa thanh thiên bạch nhật. Bọn giám thị cho bọn tù thường phạm trần truồng, kéo đến phòng chúng tôi hù dọa, đàn áp, buộc chúng tôi phải dẹp bàn thờ Bác và không cho chúng tôi đội tang Bác Hồ. Việc làm này bị chị em chúng tôi phản đối kịch liệt, đồng thời trực tiếp gặp tên Luyến - giám đốc trại giam phản đối hành động “bỉ ôi” của họ. Việc này giữa ta và địch rất căng thẳng trong những ngày làm lễ tang Bác tại khám Chí Hòa.

Lúc này, năm chị em chúng tôi nhập vào sống chung tập thể thì không còn cánh đòn roi, đánh đập mỗi ngày của địch, bắt chúng tôi phải chào cờ. Nhưng những khó khăn mới bắt đầu. Bị gọi ra tòa, tôi quyết liệt từ chối, trả lời thẳng với họ: “Người tù chính trị không bao giờ có tội, nên tôi không phải

ra tòa”. Chúng tiếp tục hù dọa, thúc ép nhưng không dám làm liều vì có tập thể, khó lòng đụng đến được.

Tôi hỏi: “Điều gì khiến chị có được sức mạnh để chiến thắng trong tù?”. Chị nói: “Nhưng lúc quá khổ, tôi tự nhủ lòng mình: Nếu mình có chết ở đây thì cũng như bao anh em, đồng đội của mình chiến đấu hy sinh nằm lại chiến trường nội đô Sài Gòn hồi năm Mậu Thân 1968”. Rồi cũng nghĩ: “Nhiều lần chiến đấu gay go, quyết liệt những tưởng mình sẽ chết, nhưng có chết đâu! Như lần đánh xong đợt 2 trở về đơn vị, chuẩn bị vượt qua sông An Lạc - Bình Chánh, bất ngờ bốn chiếc trực thăng đến quần lượn trên đầu như hô tìm mồi. Chúng bắn xối xả xuống đội hình của ta trên bờ sông An Lạc. Còn dưới sông, nước ròng đang chảy xiết, dòng nước xoáy rất mạnh. Một số anh em lội sông bị nước cuốn trôi đi không còn trở lại, mình thì bị chìm sâu xuống đáy sông, uống nước đầy bụng vì ngộp, không còn đủ hơi sức để bơi, thả lỏng người cho tự do trôi dạt vướng vào bụi lá (bụi lá này từ bờ tuột xuống đáy sông), mình và súng cố bám vịn vào bụi lá cây từ từ ngoi lên. Thế là tôi thoát chết. Còn nhiều lần, những tưởng mình sẽ chết trong chiến đấu nhưng vẫn không chết. Ở tù tuy có khó khăn nhưng cũng còn có tập thể bên mình. Nhờ vậy mà tôi đã vượt qua”.

Và Côn Đảo

Đêm khuya 30-11-1969 bọn “đồ tể” trại giam Chí Hòa đến từng phòng chị em chúng tôi thông báo: “Tất cả nữ tù nhân chính trị chuẩn bị đi Côn Đảo”. Chị em chúng tôi phản

đổi: “Chúng tôi không chấp nhận việc lưu đày tù nhân ra đảo”. Nhưng ngay sau đó, hàng chục xe nhà binh đến đậu trước sân khám Chí Hòa. Binh lính rất đông, mặt mày lầm lì. Chúng nhả tâm tổng thẳng lựu đạn cay vào phòng giam. Chị em nữ chúng tôi ngất xỉu tại chỗ, rồi cứ hai người lính khiêng một tù nhân thảy lên xe (người này chông lên người kia như xác chết), cho đến lúc đầy, xe lăn bánh chạy về sân bay Tân Sơn Nhất. Khi đến nơi, xe này de vào hông chiếc máy bay thuộc loại chở hàng. Bọn chúng khiêng, thảy tù nhân chất đống như những thây ma. Thời gian máy bay cất cánh chính là lúc chị em chúng tôi tỉnh. Khi máy bay hạ cánh xuống sân bay Cỏ Ống thì bọn lính đảo mang xe đến, áp tải chúng tôi bằng dùi cui, ma trặc đẩy lên xe. Lúc về đến Chuồng Cọp, họ cũng dùng dùi cui và ma trặc đẩy chúng tôi vào chuồng.

Cuộc sống tù ở đây quá khắc nghiệt. Nơi ăn, chốn ở, chỗ vệ sinh cũng chỉ có một chỗ với diện tích sử dụng ngang 1m5, dài 2m, cơm ăn không đủ no, thức ăn thường là dòi kho mắm. Nước uống càng hiếm. Chị em chúng tôi mỗi ngày chỉ được một lon “gui-go”. Những ngày có kinh nguyệt thật khổ sở, đáng thương. Chúng cấm không cho Chuồng Cọp này nói chuyện với Chuồng Cọp kia, bắt mình sống như con vật không biết nói vậy. Tôi tự hỏi: “Lẽ nào người chiến sĩ cộng sản chấp hành lệnh nó như thế sao?”. Tuy bị cấm đoán nhưng chị em chúng tôi vẫn sinh hoạt bình thường, chuồng này cứ kêu và ra tín hiệu với chuồng kia. Khi chúng nghe chị em tôi gọi nhau nói chuyện, chúng dùng vòi bột rải xuống

mịt mù, làm mình ngột ngạt đến độ phải ngất xỉu. Thế là chúng không kiềm chế được ta. Địch đàn áp càng lúc càng mạnh thì phong trào nói chuyện và ca những bài hát cách mạng càng sôi nổi hơn.

Những ngày ở Chuồng Cọp, tôi miên man nhớ về đồng đội cùng chiến đấu chung, không may các anh đã hy sinh nằm lại chiến trường. Còn tôi và đồng đội của tôi hiện còn sống mà không làm gì được kẻ thù, vì khi sa vào tay giặc, mình không có một tác sắt trong tay. Bị kẻ thù tra tấn mỗi ngày mà đành phải ngồi bó tay, tức ơi là tức!

Vì sống trong chốn “địa ngục trần gian” vô cùng khủng khiếp, cơm không đủ ăn, nước không đủ uống, bệnh đau không thuốc men, lại còn bị tra tấn, đàn áp dã man nên sức khỏe chúng tôi ngày càng cạn kiệt. Ở Chuồng Cọp Côn Đảo không lâu mà ba đồng đội tôi đã hy sinh. Đó là chị Thanh, chị Hương, chị Cúc. Lúc hy sinh, các chị còn quá trẻ. Thân xác các chị bị kẻ thù vùi dập dưới bãi cát nghĩa địa Hàng Dương Côn Đảo. Các chị mất đi để lại cho chúng tôi niềm thương nỗi nhớ. Càng thương càng nhớ thì nỗi bức xúc càng cao. Do vậy mà anh chị em chúng tôi phải lao vào đấu tranh quyết liệt hơn, đòi quyền sống cho tù nhân, với yêu sách: *“Phải cải thiện chế độ ăn, uống, sinh hoạt, chống đàn áp tù nhân”*, *“Trong xử sự tù nhân phải có tình người với con người”*. Người tù đấu tranh đổ máu và nước mắt. Vậy mà kẻ thù chẳng hề lay chuyển. Đàn áp chúng tiếp tục đàn áp, còn ta đấu tranh cứ tiếp tục đấu tranh, với yêu sách mạnh hơn, hô la rầm rộ hơn. Những ngày đấu tranh quyết liệt ấy đã làm

náo loạn nhà tù Côn Đảo. Nhiều phòng giam khác cũng hưởng ứng theo ta hô la đòi “*Phải trả tù nhân chính trị về đất liền*”. Những ngày đầu tranh liên tục ấy buộc Chúa Đảo phải nhượng bộ, chấp nhận yêu sách của ta. Chúng buộc phải trả về đất liền 600 tù nam, 108 tù nữ.

Những dòng hồi ức của chị trong những ngày tù ngục ở Côn Đảo vô cùng quý báu. Nhờ vậy, người hôm nay mới hiểu sâu hơn về lộ trình đi đày của những người phụ nữ chân yếu tay mềm:

“Chuyến về đất liền ấy vào tháng 8 trên một chiếc tàu hải quân vô cùng nguy hiểm. Vì Giám đốc nhà tù Côn Đảo tên “Vệ” quá ác ôn, chúng dùng bọn đồ tể (loại trật tự ác ôn) “hộ tống” anh chị em tôi xuống tàu, bằng những cứ chi côn đồ. Chúng bắt tàu xa bờ (có đàn áp không ai biết). Bọn ác ôn tay cầm hung khí lăm le hù dọa chúng tôi.

Lúc ấy, chúng đưa 600 tù nam xuống nước, rồi dùng áp lực, buộc các anh phải đưa hai chân vào còng. Chúng quỳn chặt nhiều người vào trong một cây sắt (các anh chỉ có ngòì chứ không thể đứng dậy được, nếu có tai nạn xảy ra thì phải chịu chết, chứ không cách nào thoát được).

Đến khi chị em chúng tôi xuống tàu, chúng cũng tưởng dễ điều khiển, nên dùng áp lực bắt chúng tôi phải đưa hai tay vào chiếc còng số 8. Nhưng chúng tôi kiên quyết không chấp hành. Thế là xảy ra trận chiến ẩu đả giữa ta với bọn côn đồ, về việc ta chống còng tay trên chiếc tàu hải quân (Mỹ) khá quyết liệt vào lúc 17 giờ chiều đến 19 giờ tối cùng ngày.

Cuộc chiến đã diễn ra như vậy, phía chúng tôi không có

vũ khí trong tay, nhưng khi vào trận thì lấy “Gậy ông đập lưng ông”. Lúc đó, vũ khí của chúng tôi là chiếc còng số 8 của địch. Ta dùng chiếc còng ấy đánh vào đầu, vào mặt chúng làm máu chảy, tím, bầm. Rồi còn thêm những cú đá ngoạn mục của những chiến sĩ giải phóng quân làm bọn chúng chao đảo, ngoạn mục hơn nữa. Cuộc chiến đấu kéo dài hơn hai tiếng đồng hồ, vậy mà chúng không còng tay được người nào trong số chị em. Ngược lại, chúng còn bị đánh tơi tả. Biết không thể làm gì được nữa, chúng đành phải ra lệnh rút quân. Khi nhận được lệnh, bọn chúng vội vã bỏ chạy. Chúng tôi giữ hơn một trăm chiếc còng (số 8) mà chúng bỏ lại, rồi chẳng biết làm gì, đành liệng chúng xuống biển sâu.

Khoảng 19 giờ 30 phút, tàu nhỏ neo rời bến cảng Côn Đảo. Chị em chúng tôi tiếp tục làm nhiệm vụ giải phóng đôi chân các anh ra khỏi chiếc còng. Thế là chúng tôi được hoàn toàn giải phóng, tự do đi lại trên tàu và cũng tự do tâm sự việc nhà, việc nước. Tên thuyền trưởng thấy vậy hoảng sợ, lo âu, chỉ biết “van xin” chúng tôi “đừng tẩu thoát”. Rồi sau đó, anh ta đem bánh mì thịt, cá biển tươi hấp mời chúng tôi ăn. Thật tình mà nói, thấy những thứ này chị em chúng tôi rất thèm, vì nhiều ngày ở tù không có gì ăn. Thèm thì thèm thật nhưng chúng tôi chẳng dám ăn vì sợ kẻ thù sát hại, bỏ thuốc độc vào thức ăn.

Vậy là hơn một đêm tàu lênh đênh ngoài biển. Mạng sống của chúng tôi ví như “ngọn đèn treo trước gió” nhưng khi tàu về đến sông Lòng Tàu thì trời đã sáng. Tàu chạy

dưới nước, máy chiếc trực thăng quần đảo trên trời, hộ tống tàu vào bến. Khi tàu vào bờ cập cảng kho 5 (Nhà Bè), chúng tôi nhìn thấy rất nhiều xe nhà binh nằm đợi và lực lượng binh lính khá đông cầm nhiều còng số 8 để sẵn. Chúng dùng máy phóng thanh “yêu cầu tất cả nam, nữ xếp thành hàng hai, đưa tay vào còng số 8 thì mới lên bờ”. Chúng cho đây là “luật áp giải tù nhân”, dùng hình thức hăm dọa nhưng anh em chúng tôi kẻ đứng, người ngồi đều chuẩn bị tinh thần đối phó, chứ không một ai chấp hành lời kêu gọi của chúng cả. Lúc này tất cả anh, chị em chúng tôi đấu tranh bằng cách thụ động không lên bờ. Chúng không ngờ bị bất lực, không điều khiển được ta. Chúng đành phải làm hòa, cho lực lượng của họ tránh xa, không bắt ta làm theo sự điều khiển của họ nữa.

Thế là anh chị em chúng ta lần lượt lên bờ trong trật tự. Nam thì lên xe nam, nữ thì lên xe nữ, không lẫn lộn, rất trật tự. Vậy mà khi xe lăn bánh, trên có máy bay yểm trợ, dưới đất có lực lượng hộ tống khá đông. Trên đường đi, họ tách toàn bộ số nam và một phần ba nữ đưa về nhà giam Chí Hòa, số nữ còn lại chúng đưa về trại giam Tân Hiệp (Biên Hòa). Khi xe chúng tôi vào cổng trại giam, họ đứng chờ sẵn dọc hai bên lề đường, tay họ cầm roi mây, lăm le hù dọa chúng tôi.

Khi chiếc xe dừng lại, chúng bảo: “Xuống xe xếp hàng vào trại, không nghe sẽ chết”. Thái độ của giám thị và trật tự trại giam này quá hung hăng khó ưa. Thế là chị em chúng tôi trả lời thẳng với họ rằng: “Chúng tôi không quen xếp hàng”. Lúc này chúng nó vỗ ngực xưng tên: “Đây là trại

giám Tân Hiệp, Biên Hòa, chứ không phải nhà tù Côn Đảo đâu nhé”. Tên giám thị trưởng tên “Cách” hồng hách ra lệnh cho bọn trật tự nhảy lên xe, dùng roi mây đánh phủ đầu chúng tôi, buộc chúng tôi xuống xe xếp hàng theo sự điều khiển của chúng. Lúc này, chị em chúng tôi phản ứng rất nhanh, có gì ném nấy (xô, thau, quần áo, lon gô) ném thẳng vào đầu giám thị trưởng, làm nó bị thương nhẹ. Trận ẩu đả làm địch bó tay, đành để chị em chúng tôi tự do đi lại vào trại, vào phòng theo hướng dẫn của đại diện ta.

Vào phòng giam ổn định rồi, chúng tôi đối mặt với cuộc sống vật chất đầy eo hẹp, không đảm bảo cho sức khỏe. Vì vậy, chị em chúng tôi tổ chức đấu tranh: “Đòi cải thiện đời sống tù nhân”. Bọn Chúa ngục thẳng tay đàn áp chúng tôi bằng lựu đạn “lừa” rất dã man. Lúc này đã bị nhốt trong phòng giam, chúng tôi không có đường chạy thoát, đành phải nằm chịu ngát xiêu tại chỗ, quần áo bị cháy tả tơi, sau đó chúng cho bọn trật tự kéo lê, kéo lết các chị ra sân, rồi dùng vòi rồng xịt nước rửa phòng, chúng dùng quạt máy tống hơi nóng ra ngoài.

Khi chúng tôi tỉnh lại, bọn chúng tiếp tục đẩy chúng tôi vào phòng. Hơi nóng của lựu đạn vẫn còn, làm chị em chúng tôi bị lột da toàn thân, mấy ngày liền không thể mặc quần áo được. Rồi bọn y tế nhà tù dùng thuốc sơn đỏ toàn thân chúng tôi từ đầu đến chân một màu đỏ. Tất cả chị em chúng tôi đều bị thương tích và một đồng chí của chúng tôi hy sinh tại chỗ (vì vết thương phỏng quá nặng). Đó là chị Võ Thị Chín quê ở An Giang.

Thế nhưng chúng tôi không hề bị khuất phục, vẫn liên tục đấu tranh bằng nhiều hình thức như tuyệt thực (nhịn ăn nhiều ngày, hô la, phản đối chế độ Mỹ - nguy đối xử tàn nhẫn với tù nhân chính trị ở các nhà giam).

Những cuộc đấu tranh liên tục, quyết liệt của ta cũng làm cho bọn Chúa ngục trại giam Tân Hiệp bối rối. Chúng không còn chịu nổi với sức đấu tranh mạnh mẽ của ta. Thế là đến cuối năm 1972, chúng đẩy chị em trở lại trại giam Côn Đảo lần thứ hai. Chúng đưa chúng tôi ngay vào Trại tư. Ở đây, cuộc sống của chúng tôi cũng chẳng được cải thiện gì. Cuộc đấu tranh vẫn tiếp diễn. Bọn chúng lấy cớ đấu tranh của ta để đàn áp. Còn phía ta dù ở đâu, hoàn cảnh nào cũng phải đấu tranh. Ai có đến Côn Đảo thì mới thấu hiểu hết cái đấu tranh oanh liệt của tù nhân chính trị mà bị nguy bắt giam ở các nhà lao, tôi không sao tả hết được.

Riêng tôi, trước đó có nhiều lần bọn họ gọi tôi ra tòa án để lãnh án tù, nhưng bị tôi từ chối. Đến khi bị đày ra Côn Đảo lần thứ hai ở Trại tư này, bất ngờ có hai người lính đảo đến, bảo tôi: “Mời chị ra gốc cây bàng trước sân để nghe tuyên án”. Tôi vô cùng ngạc nhiên hỏi: “Án gì? - Án của ai?”. Hai người lính trả lời: “Án của bà, tòa đã xét xử”. Lúc này, tôi suy nghĩ: “Mình có nghe tuyên án cũng chết mà không nghe không nhận án thì cũng chết”. Thế là tôi trả lời ngay với họ rằng: “Người tù chính trị là người yêu nước, đánh kẻ bán nước và quân xâm lược, khi bị đối phương bắt bỏ tù, thì ở tù, chứ không làm chỉ có tội, mà phải tuyên án, tôi không chấp nhận bản án đó”. Nghe tôi nói vậy, hai người

lính lẳng lẳng đi về. Lúc này, tôi có nhận định: “Đây là bản án tòa xử phiến diện, loại án này họ áp đặt cho đối tượng chống đối, mà không đủ yếu tố để buộc tội trước tòa một cách công khai. Một bản án không có hội đồng xử án, không có bị cáo trước tòa trong vành móng ngựa thì bản án ấy thử hỏi liệu có hiệu lực trước pháp luật hay không?”.

Đúng như lời tiên đoán của chị, ngày 27-1-1973, Hiệp định Paris được ký kết. Theo tinh thần Hiệp định, địch phải thả hết tù chính trị, tù binh bằng cách “trao trả”, “trao đổi”. Số chị em có án được địch trao trả hết. Số còn lại, không có án, trong đó có chị tiếp tục bị giam ở Côn Đảo. Chúng bắt chị em chụp hình, lăn tay. Chị em kiên cường chống lại, bị địch đàn áp dã man bằng lựu đạn cay, dùi cui, ma trặc. Máu các chị tiếp tục đổ, như dòng hồi ức của chị: “Buồn cho những ngày ấy, chúng bắt chị em chúng tôi chụp hình, lăn tay suốt. Chị em chúng tôi không nghe, chúng dùng lực lượng đông người có sẵn đàn áp chị em chúng tôi quá dã man, nào lựu đạn cay, dùi cui, ma trặc, đánh chị em chúng tôi đổ máu đầy người, mình mấy chúng tôi bầm như trái mồng tơi, thân người lúc nào cũng đầy thương tích...”

Cho đến gần ngày giải phóng Sài Gòn, chị được phóng thích khỏi nhà tù. Chị không về nhà mà về vùng giải phóng, tháp tùng cùng bộ đội, mong “góp tay súng” đánh giải phóng Sài Gòn. Chị đã sống những ngày sôi động xây dựng chính quyền mới, như những dòng thơ chị viết:

...Mấy ngày tiếp quản ở đây

Quân, Dân với Đảng dựng lên chính quyền

*Chính quyền cách mạng đầu tiên
Kinh phí hoạt động là tiền nhân dân
Lúc này thật rối hậu cần
Lương thực không đủ, độn phân bo bo
Vây mà dân chẳng có lo
Đất nước độc lập giàu to hơn nhiều.*

Khát vọng thời bình

Hòa bình, chị vừa tròn ba mươi tuổi. Những vết thương Mậu Thân năm 1968 cướp đi một phần thân thể, sáu năm một tháng trong tù ngục cướp đi tuổi thanh xuân của chị, để lại di chứng suốt đời người. Và đây là tâm sự rất thật của chị lúc đó: “Sau ngày đất nước hòa bình, mơ ước mái ấm gia đình sống lại trong tôi. Những lúc rảnh rỗi, tình cờ nghe ngoài hiên có tiếng trẻ thơ nô đùa gọi mẹ, lòng mình thấy sao mà thiêng liêng, hạnh phúc quá. Sức khỏe của tôi lúc này rất kém, vì là thương binh nặng $\frac{1}{4}$ đã mất sức lao động 81%, không còn khả năng sinh con và kinh tế gia đình quá nghèo. Nhưng trong tôi cứ bị thôi thúc mơ ước: “Phải chi mình có được một mái ấm gia đình, bên chồng, bên những đứa con ngoan, để được hưởng hương vị gia đình hạnh phúc lúc tuổi già. Thật sự ở độ tuổi này, mơ ước ấy quá muộn màng. Nhưng các mẹ, các chị ở địa phương rất đồng tình, ủng hộ, luôn động viên tôi: “Muộn mà có còn hơn không”. Chính điều này làm tôi xao xuyến trong lòng, không khỏi tiếc nuối tuổi xuân con gái đã đi qua. Nay hòa bình, ngoảnh lại tuổi xanh không còn nữa”. Nghĩ mình thương tật, yếu đuối, bệnh

hoạn, không sinh nở được, khó mang lại hạnh phúc cho người khác nên chị không lập gia đình, nhận một bé gái mồ côi làm con, rồi một bé trai, lại thêm một bé gái... Chị tâm sự: “Đây là ba đứa con của tôi không chung dòng máu, không chung máu cha, mà cũng không huyết mẹ. Thương cảnh đời bất hạnh của những đứa trẻ, lúc còn nằm ẵm ngửa trong nôi đã thôi không còn bú mẹ, sống với mẹ nghèo ngày tháng qua nhanh, nay các con tôi đã trưởng thành, không những ba đứa con mà là sáu đứa”.

Hành trình nuôi con của một bà mẹ thương binh không ít gian khổ, gập ghềnh. Chị kể: “Những năm tháng ấy sữa phải mua bằng tem phiếu, chị dành phần gạo ít ỏi nấu cháo cho em bé, phần mình ăn cơm độn với mì, hạt bo bo. Cháu bé ốm đau luôn, nuôi rất cực, chuyện đi bệnh viện như cơm bữa. Cho đến hai tuổi nó mới đi được vài bước...”. Khó khăn không khuất phục được người lính năm xưa, chị gửi con đi học Luật, trở thành thẩm phán Tòa án Nhân dân Quận 11. Tôi hỏi: “Vi sao chị chọn quận 11 để công tác”. Chị nói: “Vi nơi đó gắn bó với tôi một quãng đời Mậu Thân máu lửa. Không nhờ đồng bào che chở, tôi không thể sống sót”. Mấy năm sau, có một thương binh hiếu hoàn cảnh “mẹ góa con cô” đã tìm đến, gắn bó cuộc đời chị: “Chồng tôi tên Nguyễn Phú Hằng (anh là sĩ quan cao cấp đã về hưu). Nay tổ chức giao nhiệm vụ bí thư khu phố, khi về tổ dân phố anh là công dân tốt, lúc ở nhà làm người chồng, người cha mẫu mực”. Hai vợ chồng thèm khát một đứa con do chính mình sinh ra nhưng may mắn đã không đến với họ: “Đời tôi cũng một lần

sinh nhưng bất hạnh không thành. Cháu mất lúc mới sinh do bị nhiễm độc thai - một bé trai hình hài không lành lặn. Từ đó đến nay mình không dám sinh nở nữa. Đó cũng là một thiệt thòi cho vợ chồng tôi. Có trách là trách bọn đã rải chất độc hóa học trên đất nước chúng ta, để lại hậu quả biết bao cảnh đau thương, tang tóc”.



*Bức tranh “Phá xiềng”
được chị Võ Thị Tâm thêu trong tù*

Ký ức những ngày Mậu Thân máu lửa được chị trân trọng cất giữ trong ngôi nhà khang trang ở Gò Vấp. Chị bức tranh thêu người phụ nữ phá xiềng xích, chị nói: “Tôi đã thêu nó trong những ngày bị giam cầm chốn tù ngục. Với tôi, đó là vật kỷ niệm vô giá...”. Cứ mỗi độ xuân về, nhìn cội mai nở rực sắc vàng, chị lại nhớ bài thơ chúc Tết Mậu Thân năm 1968 của Bác Hồ, nhớ những ngày chiến đấu trong nội đô, nhớ đoàn quân quyết tử, nhớ những mùa xuân con gái đã bị hủy hoại trong những nhà tù tàn khốc của miền Nam.

TRẦN HƯƠNG

Võ Thị Thắng

(Sinh năm 1945)



VẪN NỤ CƯỜI CHIẾN THẮNG CHO CÔN ĐẢO

Sinh vào năm 1945 - lúc đất nước Dân chủ Cộng hòa ra đời sau bao nhiêu cuộc vận động cách mạng và hy sinh máu xương, và trước mặt người con gái ấy sắp bước tới cả hai cuộc kháng chiến lâu dài và quyết liệt của dân tộc. Có phải vì vậy mà những người như Võ Thị Thắng có một bản lý lịch thật đặc biệt. Không ai giống ai - mỗi người có một cuộc đời, nhưng nó lại rất giống nhau ở sự tận hiến hy sinh và trải qua nhiều đoạn đời phong phú thăng trầm, anh dũng và khổ đau như chính lý lịch của Tổ quốc mình.

Võ Thị Thắng chào đời trong một gia đình truyền thống Cách mạng. Thời Pháp, ba Thắng tham gia chống thuế, vận động biểu tình hưởng ứng phong trào yêu nước Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh... và ông bị đuổi học; rồi đi học nghề

trở thành công nhân kỹ thuật. Ông tự xây lắp nhà máy xay xát, thường xuyên cung cấp gạo cho bộ đội Long An và miền Đông Nam Bộ. Hai đảng viên cộng sản đầu tiên của xã Tân Bửu (xã nhà) cũng được ông bảo bọc nuôi giấu tại đây. Năm 1947, nhà máy bị Pháp thiêu trụi, ông hiến toàn bộ sắt thép cho công binh xưởng đúc súng đạn đánh Tây.

Thắng lớn lên từ quê hương Tân Bửu - Bến Đức - Long An, xứ sở của phi nhiêu vụ lúa, cá tôm. Chín tuổi cô bé thấy ở vườn hoang đầy cây cối, củ chồn, rắn rết, kỳ đà nhà mình đã có căn hầm bí mật. Đó là thời kỳ chống Mỹ cứu nước. Cô phụ giúp ba má trong việc nuôi giấu cán bộ. Rất đông các lứa cán bộ, bộ đội, du kích từ cấp tỉnh cho đến xã quê cô đã từng được nuôi giấu trong căn hầm ấy. Rồi cán bộ của Sài Gòn, tuyên truyền vũ trang, biệt động thành đều có ở, có lúc lên tới cả tiểu đội. Đó còn là “căn cứ địa” của huyện ủy Bến Thủ (Bến Lức - Thủ Thừa). Do vậy, Thắng còn nhỏ xíu đã mỗi ngày đội thúng cơm to lội qua bến sông tiếp tế và làm ám hiệu thông báo tình hình địch, bảo vệ an toàn cho các chú. Như bao nhiêu người tham gia cách mạng, lúc nhỏ tuổi Thắng đi bộ từ nhà ra chợ học, thư từ giấu ở lưng quần, đi làm liên lạc. Mười sáu tuổi cô đã làm đại diện học sinh, sinh viên tham gia tổ chức Mặt trận Dân tộc giải phóng huyện Bến Thủ. Mười bảy tuổi về hoạt động nội thành Sài Gòn, là đoàn viên Đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng hoạt động trong phong trào Sinh viên học sinh giải phóng đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định. Năm 1966, Thắng chuyển về công tác xây dựng lực lượng cách mạng trong công nhân và

nhân dân lao động, xây dựng “căn cứ chính trị” nội thành và tham gia đội biệt động “diệt ác phá kìm” khu vực phường Phú Lâm - quận 6. Đầu năm 1968 vào Đảng. Năm 1968 tham gia Tổng công kích Mậu Thân diệt ác phá kìm, loại kẻ địch. Chính từ công việc hiểm nguy này cô đã bị bắt khi ám sát một tên ác ôn không thành, ra tòa nhận án khổ sai hai mươi năm và nổi tiếng thế giới với nụ cười trước tòa do nhà báo Nhật chụp được.

“Trong đợt 1 Mậu Thân, xóm nhà tôi ở Phú Lâm bị cháy, phải dựng lều tạm trú gần đó. Đây là nơi tập trung nhân dân lao động từ các vùng chiến sự ác liệt chạy về sinh sống. Địch cấy vào đây nhiều công an chìm, công an nổi, mật thám, điệp chi ác ôn. Tôi nhận nhiệm vụ bắn tên ác ôn Trần Văn Đỗ. Theo thông lệ, cứ mỗi chiều thứ bảy, hắn nhậu say về ngôi chửi cộng sản tới khuya. Tôi dự tính đứng mép ngoài cửa bắn vào vừa tầm súng và chính xác. Nhưng 10 giờ đêm hôm đó hắn đã đi nằm, nhà tắt đèn dầu vì đường điện bị ta cắt đứt dây. Cái bóng hắn dài đội khăn rằn khuất mặt. Tôi không biết có đúng là hắn không, sợ lỡ bắn nhầm nên bước vào nhà, một tay vén mùng nhận điện, một tay chìa súng vào đầu hắn bóp cò, nhưng súng không nổ. Khẩu súng giấu dưới nhà sàn đã nhờ người thông nòng lên đạn sẵn rồi mà sao không nổ. Nó đưa tay giật tay tôi cầm súng rồi nhảy ra đường chạy xen lẫn vào dòng người chạy loạn; tôi lên cò trở lại phóng theo hắn, cố lách qua dân, bắn hết băng đạn nhưng chi trượt qua trán hắn. Tôi trở báng súng đập lại, bọng mật vụ biết súng đã hết đạn, nhào vô bắt. Chì

hỗ trợ tôi trong cuộc ám sát này chưa kịp bắn được phát nào thì bị bắt luôn. Hai đứa chung một công”. Ra sức đánh đập, tra tấn dã man, chúng không khai thác được gì bèn đưa Thắng ra xét xử tại tòa án Quân sự đặc biệt ở Bến Bạch Đằng, nhằm kịp “dẫn mặt” phong trào ám sát lúc bấy giờ. Hồng hạ uy thế cánh mạng, chúng cho phóng loa phiên tòa ra tận bờ sông Sài Gòn, đến khi Thắng tố cáo đồng bọn, lập tức tắt luôn loa. Khi ký giả trong và ngoài nước đang nghe cô nói “Yêu nước không là tội” thì bị lôi đi. Tám hình ký giả Nhật chụp nụ cười chiến thắng đã nổi tiếng thế giới rồi, nhưng Thắng ở tù mãi sáu năm sau, khi được trao trả tại Lộc Ninh cô mới lần đầu tiên nhìn thấy tám hình.

Về đời tù ngục, Thắng chi “tổng kết”: đã qua năm nhà tù: Thủ Đức, Chí Hòa, Hồ Nai, Tân Hiệp và ba năm với hai lần bị đày Côn Đảo, trong đó gần một năm ở Chuồng Cọp. Côn Đảo thật khủng khiếp. Cơm ăn với mắm thối xanh lè, khô mục, muối hột, không rau. Một lon nước cho mỗi ngày, cá uông cả vệ sinh. Giặt băng kính hàng tháng bằng nước tiêu. Triền miên thiếu đạm rau còn lấy lất được; nhưng có thời kỳ bị cho ăn cơm nhạt, thiếu hẳn chất mặn, người tù đi lững thững, quần áo xé dần túi, tay, vạt áo, ống quần cho việc vệ sinh hàng tháng, trông không còn ra người nữa. Bị tạt vôi bột, toàn thân nóng bỏng lở loét. Nằm mơ thấy mình được đi tắm. Đau ốm, rình bắt con thạch sùng ngắt bỏ chân, đầu, ruột, có chút cháo mé chua dầm con thạch sùng làm thức ăn đạm cho người kiệt sức. Được con dế cơm hay con chim yền bắt hạnh rơi vào là “mừng gần chết”. Tất cả đều ăn sống. Đi đồ

thùng phân mỗi sáng, lên vợ ít cò đại giấu trong gấu quần, nhai nuốt nước nhà xác cho có chất rau tươi.

Câu chuyện năm sinh viên từ nhà lao Côn Đảo về hộp báo tố cáo tội ác chế độ lao tù, rồi đoàn thượng nghị sĩ Mỹ đi Côn Đảo, khám phá ra Chuồng Cọp bị giấu kín nhốt đầy nữ tù giờ bộ xương “cách trí”, ăn mặc tả tơi không ra quần áo... âm ỉ dư luận thế giới. Địch phải đưa số nữ tù về đất liền. Nhiều người lết ra trại, tong teo như con còng gió, không đi nổi. Nam giới bị nhốt Chuồng Cọp chết nhiều.

Chị Thắng nói Mỹ rất thâm độc, sự tàn bạo thì giống nhau giữa đế quốc thực dân cũ và mới, nhưng Mỹ dùng chính sách cai trị tù “cây gậy và củ cà rốt”, nhiều người chết về cái đó. Có khi chiến thắng nổi “cây gậy” khốc liệt, nhưng lại ngã vì “củ cà rốt” thâm độc, xảo quyệt. Theo chị, báo chí, văn chương khi viết về người tù, mới chỉ tập trung phân tích được “cây gậy”, còn “củ cà rốt” thì chưa.

“Củ cà rốt” ấy cụ thể thế nào? Chị Thắng nói: Cứ tưởng tượng xem: Trong biệt giam Chuồng Cọp bị cầm cò, đói khát, ngột ngạt, kiệt sức... tập thể đấu tranh đòi mở cửa Chuồng Cọp cho có ánh sáng, không khí. Họ không mở, mà rao gọi hằng ngày ai thích sẽ đưa ra mười phòng trống đầu dãy. Ở đó được tắm gội, ăn rau, thịt cá, được thư từ liên lạc gia đình... đơn giản thế thôi, không kèm điều kiện phải thi hành nội quy chào cờ ba sọc của địch, người tù không hề cảm nhận phản bội hay làm tổn hại đến thanh danh khi tiết cách mạng. Thoạt nghe, tưởng chừng như không phương hại đến sinh mạng chính trị người tù.

Ngày ngày nhìn chị em đầu ấy thong dong tắm gội, hít thở không khí trong lành, mùi thức ăn nấu nướng sực nức tận mũi, trong khi từng người phải chống chọi với nhu cầu đòi sống của cơ thể từng phút giây... buộc chị em trong chuồng phải dẫn vật đầu tranh với chính mình: ra đó thì được hưởng chế độ, hay ở lại chết dần chết mòn dưới chế độ khắc nghiệt trong Chuồng Cọp? Kỳ thật, nếu không tình tảo vũng vàng rất dễ mắc mưu địch. Thực chất ta nhượng bộ địch một bước, địch đẩy lùi một bước ý chí quyết chiến quyết thắng của người tù một khi đã chấp nhận tách khỏi khối đoàn kết đấu tranh của một tập thể lớn kiên cường. Mấy chị chấp nhận ra hưởng chế độ ưu đãi ấy, sau này “không về với tập thể tui tui được nữa”. Chị em ấy bị đẩy tuột dốc trượt dài... Chính sách “cù cà rốt” thâm độc, xảo quyệt của địch đã lôi kéo được 25 người trong tập thể 340 chị. Một cuộc đấu tranh khác bị đàn áp lựu đạn phốt pho phỏng xém mặt mày. Đau đớn, mê sảng, la hét lồng lộn, rồi tiếp tục tuyệt thực hơn mười ngày với một muông nước cầm hơi mỗi ngày. Cả tập thể la liệt, quần quai, chúng âm thầm “mở lối” nhẹ nhàng: ai muốn “ra” không cần lên tiếng, chỉ cần giơ ngón tay thôi. Địch biết rõ giữa chết và sống, “cù cà rốt” dễ làm dao động tư tưởng, lung lạc ý chí. Lần ấy trong tập thể lớn bị rơi rụng dăm mười chị vì “cù cà rốt”.

Vậy đó, đương đầu với chính sách cai trị tù “cây gậy và củ cà rốt”, “bàn tay nhung và bàn tay sắt”, “cương và nhu”, “cứng và mềm” kiểu Mỹ, người tù không chỉ lấy “thịt da đồ sắt thép”, mà còn phải đấu tranh cân não từng tích tắc để

phân “ai thắng ai” trên mặt trận đấu tranh đặc biệt, mặt đối mặt với kẻ thù suốt chuỗi ngày tù. Cứ sau mỗi trận “thử lửa”, tự mình hỏi “liệu trận sau lửa cao hơn, mình còn chịu đựng nổi không?”, rồi tự lý giải, vươn lên... Rõ ràng lửa càng cao, chất thép được tôi luyện càng cứng. Lắm lúc mình tự hỏi liệu còn gặp lại ba má, người thân nữa không; rồi tự khẳng định “vào tù khó sống sót, nhưng niềm tin tất thắng thì luôn rực cháy. Khó nhất của người tù là đấu tranh với bản thân để chiến thắng chính mình và hầu hết chị em trong tập thể đều làm được điều đó để bảo toàn sinh mạng chính trị - phẩm giá cao quý nhất của chiến sĩ cách mạng, cho đến khi trở về vẫn ngẩng cao đầu trên tư thế của người chiến thắng”.

Những người tù hôm nay là nhân chứng của tội ác đế quốc, tận cùng cái Chuồng Cọp Côn Đảo, như những gì họ miêu tả trong sách báo chúng ta đã biết. Nhưng thiết nghĩ cũng nên nhắc lại ở đây lời miêu tả cái Chuồng Cọp không phải lời người tù kể lại, mà thử đọc lá thư viết ngày 13-7-1970 của dân biểu Mỹ Anderson gửi Tổng thống Mỹ Nixon về Chuồng Cọp Côn Sơn¹ cùng chế độ lao tù ở Việt Nam. Lá thư ấy trích lời miêu tả của dân biểu Mỹ Augustus F. Hawkins: “Chuồng Cọp là cái xà lim rộng vào khoảng 1,5m chiều ngang và 3m chiều dài. Từng năm người một chất đống trong cái không gian bao bọc bởi bức tường xi măng và sàn, nơi người tù nằm ngủ. Chân tù nhân bị còng vào chân song sắt cách sàn khoảng vài tấc. Với cái tư thế nằm đó, trong vài năm, chân tù nhân bị liệt hẳn. Tù nhân được cho ăn phần cơm rất ít với

¹ Côn Đảo còn có các tên khác: Côn Sơn, Côn Lôn...

vài con khô, thường là thối và nước không bao giờ đủ uống. khiến tù nhân khát điên cuồng đến độ phải uống nước tiểu của chính mình. Trên nóc mỗi cái chuồng có đặt một thùng vôi, dùng để đổ xuống chuồng buộc tù nhân phải im lặng, không được gây rắc rối hay đòi hỏi gì hết". Tuy nhiên những tù nhân nào chống lại cách đối xử như thế thì bị bọn trật tự đánh đập, bọn này được ưu đãi nhờ vào việc đánh đập đó. Không theo các viên chức nhà tù, chúng tôi dùng lối đi trên nóc mỗi chuồng để phòng vấn tù nhân. Trong số họ có nhiều người là sinh viên, một số là tu sĩ Phật giáo, một bà lão vào khoảng sáu mươi, mắt bị mù vì bị đánh đập, vài người trong số chúng tôi phỏng vấn có hồ sơ tội trạng, còn hầu hết họ là những người bị giam giữ mà không hề được đem ra xử trước tòa án nào cả. Tội của những người này đơn giản là đi biểu tình đòi hòa bình. Đối với những tù nhân bệnh hoạn, không hề có một chút thuốc thang chữa trị".

Thân phận người tù không chỉ đớn đau vì đói khát, tra tấn, đánh đập, mà còn nhiều vấn đề đương đầu phức tạp ngay khi hòa bình. Đây là một thực tế rất đau xót, nhiều người bị hoài nghi, oan khuất và ngay trong nội bộ cũng xảy ra những câu chuyện gay gắt do tình hình đấu tranh căng thẳng, phức tạp với kẻ thù không ai lường hết. Chị Thắng cho rằng đó là do khác nhau về phương pháp, mức độ đấu tranh... Vào tù có lúc sinh hoạt tổ "hạt nhân" chứ không nói rõ sinh hoạt Đảng để bảo vệ bí mật. Liên lạc với Trung ương Cục lúc ở Côn Đảo, nhận chủ trương của Thành ủy khi về đất liền.

Nhìn lại quãng đời tù, không chỉ lưu lại dấu ấn khó phai



*Võ Thị Thắng (bên phải hàng thứ hai)
và đồng đội tại sân bay Lộc Ninh
ngày trao trả tù binh (1974).*

mà nó còn là hành trang vô giá được trang bị từ trường học lớn - nhà tù. Học toàn diện, được hun đúc vốn sống, bản lĩnh giúp mình vượt qua bao thử thách nghiệt ngã trong tù ngục và cả sau này. Điều chị

rất trân trọng và tự hào là nghĩa tình đồng chí, đồng đội trong tù rất cao đẹp và thiêng liêng. Nhường nhau từng ngụm nước, muống cơm, hạt muối, viên thuốc, manh áo, chỗ nằm... chia lửa cho nhau khi bị đòn roi oan nghiệt. Không một chút toan tính riêng tư trong chiến đấu với đồng chí mình.

Chị Võ Thị Thắng nhớ hình ảnh người tù nam mà sau này trở thành chồng chị, anh Thuận: Anh gốc Bình Định, chủ tịch lực lượng học sinh sinh viên bảo vệ dân tộc tỉnh Bình Định năm 1965, vô Sài Gòn học. Là bí thư chi bộ phường Trương Minh Giảng, quận 3, bị người khai ra, anh bị bắt. Anh rất trung kiên, là một trong số người đi đầu trong việc chống chào cờ, không thi hành nội quy địch ở khám Chí Hòa. Anh đã lập kế đi khám bệnh ở nhà thương Biên Hòa rồi vượt ngục về với cách mạng, đã từng vượt qua những cánh rừng vọng tiếng cộp găm. Thời kỳ ở nhà giam, anh là đại diện phòng biệt giam Côn Đảo đương đầu công khai đòi yêu sách của người tù. Chị biết anh ở trong tù bị nhốt ở Trại tư (trại Phú

Bôn), thấy anh ở bên khám nam, vô ra gánh nước. Sau giải phóng họ cùng công tác ở Thành đoàn Thành phố Hồ Chí Minh. Võ Thị Thắng tham gia công tác thanh niên, phụ nữ và trở thành Tổng Cục trưởng Tổng cục Du lịch trong mười năm, còn anh là Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội.

Anh Thuận ngày ấy trắng, gầy, cao lêu nghêu, mặc bộ bà ba đen. Anh thường nói rất nề phục nữ tù. Địch nói: nhiều tù nam giặc không sợ bằng ba người phụ nữ (kẻ thù khoác bộ mặt dân chủ giả hiệu nên rất sợ bị la to tố cáo. Mấy chị la to lắm). Họ thường nói đùa mấy bà bên đó dữ, chớ lấy mấy bà bên đó. Khi thành vợ chồng rồi, anh hay đùa: “Sợ của nào trời trao của đó”.

Về tấm hình nụ cười nổi tiếng trước tòa và câu nói của chị đã nổi tiếng thế giới, chế độ tàn ác của kẻ thù không còn tồn tại dù đến ngày chị hết hạn tù, tấm hình ấy đến khi ra tù Thắng mới thấy, mới được các phóng viên thông tấn xã cho. Ra Hà Nội chị ngạc nhiên thấy hình mình in cả trên cuốn lịch túi, được biết tấm hình đó ta mua lại của một phóng viên Nhật. Thời kỳ đấu tranh Hiệp định Paris, báo chí nước ngoài có đăng chị chi nghe kể. Chị thấy hình có khắp nơi ở Liên Xô, Trung Quốc, Đức và các nước xã hội chủ nghĩa khác, “Cuba thì khỏi nói”. Sau này, khi đã phụ trách Tổng cục Du lịch, chị đi nhiều nơi thấy trên ti vi của những nước rất xa xôi có đưa hình chị, hình bà Ba Định và anh Nguyễn Văn Trỗi. Ảnh chị phóng to treo trước trường mang tên Võ Thị Thắng ở Cuba (năm 1974 - 1975). Một số trường mẫu giáo ở Cuba mang tên “Nụ cười chiến thắng”. Chị may mắn có một

khoảnh khắc đại diện cho niềm tin chiến thắng và tư cách anh hùng của những người tù yêu nước Việt Nam.

Những ngày sau này khi đã làm du lịch, chị Thắng nhiều lần trở lại Côn Đảo, chị đã khảo sát gần hết đảo lớn. Băng rừng, lội suối, có lúc cả đoàn đi lạc trong rừng. Cái mảnh đất người ta nói “nơi kẻ thù quyết bóp chết sự sống của nhiều thế hệ tù trong suốt 113 năm, nhưng không nơi nào trời dậy sức sống mạnh mẽ bằng nơi đây”. Đó là mảnh đất rất đẹp, đẹp từ núi rừng biển cả sạch trong cho tới đẹp từ tâm hồn anh linh Việt Nam. Du lịch đã đầu tư hạ tầng, làm những con đường, nay có cả những resort đẹp được đầu tư. Côn Đảo có thể mạnh phát triển du lịch và hàng hải, là nơi lưu dấu truyền thống cánh mạng, nơi thấm đẫm anh linh của các bậc anh hùng nhiều thế hệ đã hy sinh cho Tổ quốc.

Võ Thị Thắng đến với Côn Đảo còn nặng tình của một nữ tù. Sau ngày giải phóng chị đã cùng đồng chí Menba Hecandê và bà Nguyễn Thị Định nhìn tận mắt những lóng xương rải rác trong cát tại hàng dương, những đốt ngón tay, chân rơi rớt vì kẻ địch bóc vút xuống biển còn rơi lại. Chị cũng đã từng đi cùng con tàu du lịch quốc tế đầy khách, họ ghé qua Việt Nam, dừng lại ở Côn Đảo. Chị với tư cách đi cùng ra Côn Đảo nghiên cứu đầu tư, nhưng rồi lại trở thành một nhân chứng sống dẫn họ đến thăm Chuồng Cọp. Tất cả đều sững sờ, xúc động đến rơi nước mắt. Họ nói Côn Đảo đẹp quá và vượt lên trên cái đẹp đó là giá trị văn hóa truyền thống nhà tù cần phải được giữ gìn, tôn tạo, giáo dục cho thế hệ sau. Côn Đảo không chỉ đẹp về cảnh quan

thiên nhiên hoang sơ, trong lành mà còn có một giá trị thiêng liêng cao đẹp hơn nhiều cần giữ gìn cho nhân loại.

“Đất nước ta có nhiều nơi đẹp lắm”, với tư cách một người phụ trách du lịch chị Thắng nói, “nhưng điềm du lịch lịch sử truyền thống như Côn Đảo thì không đâu có được” - với tư cách một nữ tù chị nói thêm. Phần của chị đóng góp vào, có bức tranh chùa Một Cột chị thêu tại Côn Đảo nay được trưng bày ở Bảo tàng Phụ nữ Nam Bộ, bên cạnh mấy bộ quần áo tù và những chiếc nhẫn làm bằng gạo dừ. Hạ tầng của Côn Đảo ngày một khang trang, sân bay còn phải coi thêm vì đường bay còn ngắn... còn nhiều việc phải làm cho Côn Đảo.

Chị Thắng cũng đi dự lễ cầu siêu ở Côn Đảo. Chị đến nghĩa trang Hàng Dương và ngậm ngùi: đồng chí đồng đội vẫn còn nguyên ở đó, trong đó có bạn nữ tù của chị “ngay tập thể của tôi, đã đến cận ngày hòa bình, Hội nghị Paris đã ký kết, mà chết năm người trong vòng hai tuần lễ, đưa ra chôn ở đây”. Có lúc chị Võ Thị Thắng đã đi thăm lại dấu tích xưa, Cầu Tàu nơi 914 người bỏ mạng, Sờ Tiêu, Muối Ót, Bến Đầm, Cỏ Ống... lòng bùi ngùi, Thắng nghĩ: đồng đội như vẫn còn đâu đây, gần gũi quá!

NGUYỄN THỊ NGỌC HẢI

Huỳnh Ngọc Thanh

(Sinh năm 1931)



CHỊ MƯỜI THANH, MƯỜI LĂM NĂM QUA MIỀN ĐÔNG BẢO

Thanh vừa qua cử sốt rét, tay chân mỏi nhừ, miệng lưỡi khô đắng, cô bé bước xuống nhà bếp, làm ly chanh nóng uống cho khỏe người. Giờ này, má vẫn còn đi bán xà bông ở Chợ Lớn chưa về, biết Thanh bệnh chắc hôm nay thế nào bà cũng mua thức ăn nhiều hơn ngày thường để bồi dưỡng cho cô. Ba cô đang lụi cụi hái mấy đọt ớt hiểm để nấu nước cho cô uống trị sốt rét. Tội nghiệp ông già, chín đứa con mà đứa nào ông cũng chăm chút chu đáo, thương yêu hết lòng, dù hoàn cảnh đang gặp nhiều khó khăn nhưng chưa hề nghe ông than vãn một lời.

Huỳnh Ngọc Thanh rất yêu quý và ái mộ ba - ông Huỳnh Văn Y. Từ một Hiệu trưởng có uy tín của một trường học ở

Tân Định bây giờ trở thành lao động phụ trong gia đình. Hàng ngày công việc của ba là trồng rau trên khoảng đất sau nhà, gỡ len cho các con đan áo bán, in xà phòng vụn (mua ở các hãng xà phòng) thành bánh xà phòng nguyên cho má đi chợ bán. Thanh nhớ, vào năm 1920, khi ba còn là một giáo viên trường cấp I ở Phú Lâm, trước cảnh một giáo viên người Pháp đánh một giáo viên người Việt, không do dự, ba liền đánh lại tên này, sau đó ba bị đuổi việc, gia đình khốn khổ. Ba phải xuống Cần Thơ xin dạy mấy năm mới được bố trí làm Hiệu trưởng ở Đức Hòa. Ở Cần Thơ, cơ sở của ta muốn tổ chức ba vào Đảng nhưng ba từ chối vì có đông con, chỉ ủng hộ cách mạng khi cần. Đến năm 1945, khi chánh quyền cách mạng kêu gọi, ba quyết định bỏ việc, mặc dù ba rất yêu nghề, đã tận tụy với nghề suốt bao nhiêu năm qua. Từ lâu ông không muốn hợp tác với hệ thống giáo dục do Pháp đặt ra, ông rất uất hận vì cảnh đất nước làm than, nhân dân cơ cực dưới ách thống trị của ngoại bang. Hàng ngày ông giáo dục các con phải trau dồi đạo đức của con người, phải biết bõn phận của mình khi nước mất nhà tan. Ba má ngầm khuyến khích các con tham gia công việc của cách mạng, ba thường xuyên tiếp xúc với người kháng chiến, những ngày còn đi dạy, ông bí mật gởi tiền nuôi con em cán bộ trong thời kỳ đen tối, trong đó có anh Sáu Thanh, con đồng chí Võ Văn Tần khi đồng chí bị xử tử hình. Ba rất vui khi tiếp bạn bè của các con như anh Huỳnh Tấn Phát, anh Trần Quang Cơ... Ba má cho phép tất cả các con của mình đi kháng chiến...

Ăn xong tô cháo, uống nước lá cây do ba nấu, Thanh thấy khỏe hẳn ra. Cô bước ra nhà sau, quảy đôi thùng lên vai, cô nhẹ nhẽ đi về phía giếng nước, đôi chân nhỏ nhắn bước thoăn thoắt vì sợ ba thấy sẽ cản lại, gánh nước là việc nặng nề, ba bị đau cột sống không thể làm được, cô phải lo tròn nhiệm vụ hàng ngày, xong việc cô còn học bài, phụ ba làm xà phòng, rồi còn công tác của đoàn thể giao nữa, bao nhiêu việc đang chờ cô. Từ khi anh Hai, anh Ba, chị Tư, chị Năm ra chiến khu, nhà chỉ còn chị Bảy, chị chín Sương, Thanh, Út Thu và Bé Tuyên. Thanh với Út Thu cùng học trường Gia Long, cùng làm việc nhà, cùng công tác chung nên hai chị em rất khăng khít. Bé Tuyên còn nhỏ, chỉ lo học hành thôi.

Gánh xong mấy lu nước, Thanh lấy bài ra học, chương trình của lớp đệ tứ tương đối nặng, năm nay là năm thi lấy bằng Trung học Đệ nhất cấp, cô phải cố gắng hơn những năm rồi, Út Thu và bé Tuyên học rất giỏi nên cô không thể kém hơn mấy người em được. Là những thành viên lãnh đạo phong trào của trường, không thể học dốt, phải học giỏi mới có uy tín lãnh đạo và có kiến thức để hoạt động. Có thời giờ là cô bé tranh thủ đọc những sách báo tiến bộ bấy giờ.

Thanh dọn cơm ra bàn, nồi canh chua đầu cá lóc bốc mùi thơm lừng khiến bụng cồn cào, hôm nay má còn nấu nồi chè thưng để bồi dưỡng cho cô con gái sức khỏe đang yếu mà phải học thi. Cả nhà ngồi quây quần bên mâm cơm, ba nhâm nhi món khô sặc với tí rượu nếp, Út Thu vừa lua cơm vừa hít hà: “Ái chà! Canh chua ngon quá má ơi. Má mua đầu cá lóc vừa rẻ mà lại ngon nữa, công nhận má là người nội trợ số

một đó ghen”, bé Tuyên nguýt chị, trề môi: “Xí... nịnh vừa vừa thôi, chừa chỗ cho người khác nịnh với!”. Má bật cười giòn: “Tụi bây chuyện gì cũng ganh đua hết, ăn cho no rồi còn học hành, con Thanh ăn nhiều vô, mặt mày xanh dòn xanh ẻo đó, tụi bây phải có sức khỏe còn lo nhiều việc nữa con”. Ba chen vô: “Tụi bây muốn làm chuyện lớn thì trước hết phải có sức khỏe và lo cho cái đầu, cái đầu trí tuệ thì mới làm được việc nghe con”. Thanh nhìn nụ cười đôn hậu của má, gương mặt khắc khổ của ba, những câu chuyện vui tình nghịch của các em mà thấy lòng ấm áp một niềm thương yêu vô hạn.

Năm 1949, có tin vua Bảo Đại sắp đến thăm trường Gia Long, Thanh và các chị trong ban lãnh đạo trường phát động phong trào tẩy chay Bảo Đại. Truyền đơn, khâu hiệu được tung ra, học sinh tuyên truyền miệng với nhau là sẽ nghỉ học vào ngày ông ta đến, được tin này, Bảo Đại hủy chuyến thăm. Ngày 23-11-1949, để kỷ niệm ngày Nam Kỳ khởi nghĩa, học sinh Pétrus Ký bãi khóa, trường Gia Long hưởng ứng cũng không đi học, Ban Giám hiệu phải đóng cửa trường. Trong dịp hè này, ta tổ chức cho một số học sinh ra chiến khu học chính trị, khi về có năm học sinh bị địch bắt do một tên phản bội chỉ điểm, chị Đỗ Thị Kim Chi - một cán bộ Thành đoàn (phụ trách trường Gia Long) cũng bị chúng bắt nên Thanh và Út Thu bị đứt liên lạc, tự hoạt động đơn tuyến. Hai chị em đem tài liệu về nhà in (dụng cụ in bột), in ấn truyền đơn và báo “Nữ sinh” phát cho học sinh sinh viên, hai chị em làm việc tích cực có sự hỗ trợ của chị Chín Sương.

Chị Chín lúc đó làm việc ở Charner, một cửa hàng lớn của Pháp, chị Bảy thì làm gia sư cho con một bác sĩ. Sau đó mấy chị em bắt liên lạc được với các anh Đỗ Ngọc Thạnh, Trần Quang Cơ, anh Trần Văn Long (em một cha khác mẹ của tên Trần Văn Hữu, Thủ tướng bù nhìn của Pháp, sau này anh Long đã cùng với anh Nguyễn Thọ Chân giới thiệu Thanh vào Đảng).

Ngày 9-1-1950, một cuộc xuống đường rầm rộ của học sinh sinh viên Sài Gòn nhằm biểu dương lực lượng và tỏ ý phản đối những nội quy không hợp lý trong nhà trường, dự kiến sẽ có khoảng 300 học sinh sinh viên của tất cả các trường trong thành phố tham dự.

Sáng sớm hôm ấy, Thanh cùng Út Thu dẫn xe đạp ra đến cửa thì bị ba chặn lại hỏi: “Tụi con đi đâu vậy?”, Thu nhìn Thanh rồi ngắc ngứ: “Tụi con đi biểu tình”, ông ngăn ngừa giây lát, bảo: “Đi cẩn thận nghe con! Coi chừng bọn nó đàn áp dã man lắm đó”. Hai chị em phóng xe đến điểm tập kết tại Nha Học chánh (góc đường Hai Bà Trưng và Lê Thánh Tôn). Thanh, Út Thu cùng với một số anh chị và anh Đỗ Ngọc Thạnh (Ba Học Sinh) là Ban Chỉ huy, bí mật thành lập một số anh chị sinh viên học sinh gồm các trường Ban Đại diện, công khai Ban này đưa ra năm yêu sách đấu tranh:

- Mở cửa trường vô điều kiện;
- Mở lại nội trú;
- Thả ngay năm học sinh đã bị bắt;
- Dạy chương trình Việt cho người Việt Nam.

Tên Giám đốc Nha Học chánh trả lời là không có thẩm

quyền, phải do Thủ tướng giải quyết. Những câu trả lời lo lắng, vô trách nhiệm khiến cho máu nóng sục sôi, đoàn biểu tình kéo thẳng đến dinh Thủ hiến (Bảo tàng Cách mạng bây giờ). Địch đem xe vòi rồng đến xịt nước vào đám đông. Học sinh, sinh viên lượm bất cứ thứ gì có được chọi vào lực lượng đàn áp làm cho chúng bị thương một số tên. Chúng nhượng bộ và đoàn biểu tình kéo lực lượng về đóng đô ngay tại công viên đối diện với dinh Thủ hiến (góc Lý Tự Trọng và Nam Kỳ Khởi Nghĩa), lực lượng học sinh tăng lên gần 3000 người, học sinh đi mua lá buôn về vẽ khẩu hiệu giăng cùng khắp, đồng bào phần khởi đem bánh mì, nước, trái cây tiếp tế, mấy em bán cà rem cũng mời mọi người ăn không lấy tiền. Chị Chín Sương bỏ việc, tới thăm Thanh và Út Thu rồi ở lại dự luôn.

Cuộc tiếp xúc của Ban đại diện công khai lại tiếp tục với những yêu sách đã nêu hai lần nữa nhưng không có kết quả, địch kêu gọi giải tán trước 13 giờ. Trời nắng chang chang trên đầu nhưng đoàn biểu tình vẫn giữ nguyên đội hình, liên tục hô những khẩu hiệu đã nêu trong yêu sách. Địch đổ quân, những tên cảnh sát trang bị súng ống tối tân, nã súng vào đám biểu tình. Tiếng kêu la thất thanh của đoàn người, tiếng chửi thề đing tai nhức óc của bọn cảnh sát dã chiến khiến cho quang cảnh thật hỗn độn, đầy sát khí. Nhiều học sinh bị thương và hy sinh, trong đó có anh Trần Văn Ôn. Xác anh được đưa vào bệnh viện Chợ Rẫy, bạn bè canh giữ ngày đêm nên địch không thu tiêu được. Đám tang anh Ôn được tổ chức trọng thể với sự tham gia của hơn 500 ngàn người gồm

đủ các tầng lớp quần chúng, người đi dự đám tang thật trật tự và trang nghiêm ghi rõ thuộc giới nào, anh em xích lô cũng tham gia chờ tràng hoa do các nơi phúng điếu, đoàn người đưa anh Ôn đến nghĩa trang Phú Thọ, địch không dám đàn áp trước khí thế hùng hực của nhân dân.

Thanh và Út Thu cùng đồng đội lại lao vào tổ chức cuộc mít tinh ngày 6-2-1950 ở trường Pétrus Ký để kết thúc cuộc bãi khóa. Sau những cuộc đấu tranh căng thẳng, hai cô gái tập trung vào việc học tập, mỗi sáng phải thức dậy sớm, có đêm hai cô ngủ gục trên bàn, má thường nấu nồi chè hay nồi khoai để bồi dưỡng cho các con. Nhìn các con cực khổ, má thấy thương quá nhưng má mừng vì các con biết thương yêu, giúp đỡ nhau, biết làm việc nghĩa, má không thể cấm đoán, má chỉ biết giúp đỡ những gì trong tầm tay má thôi. Có nhiều đêm má trần trọc hoài, không ngủ được vì nhớ những đứa con đi xa, lo cho những đứa đang học hành và hoạt động ở nhà, lòng má không lúc nào nguôi yên.

Năm 1951, Thanh và Út Thu được đưa ra chiến khu D. Trời đã tối hẳn, trên những con đường quanh co lồi lõm, hai cô vừa đi vừa chạy, không quen đường nên thỉnh thoảng té lạch ạch hoài. Mười hai giờ khuya, mọi người mới tới nơi, hai cô được phân công ngủ trên chiếc chõng tre, vừa mệt, vừa buồn ngủ, hai cô lăn ra ngủ như chết.

Buổi sáng, sau khi khai lý lịch, ban giáo vụ trường Đảng Lê Văn Sỹ mới biết hai cô chưa được kết nạp Đảng nên không được nhập học (do Thanh nhiều lần từ chối việc vào Đảng vì cô cho rằng cô chỉ làm cách mạng để giải phóng dân

tộc chớ không thích đảng phái nào cả). Nhà trường phân công chị Bùi Thị Nga (vợ đồng chí Huỳnh Tấn Phát) hướng dẫn hai chị em học tập, thời gian sau thì Thanh được kết nạp, ở học khoảng nửa tháng Út Thu phải trở về thành phố tiếp tục công tác, còn Thanh thì được giữ lại. Thanh học tập giỏi, tính tình dịu dàng nên rất được mọi người trong nhà trường quý mến, trong đó Hiệu trưởng trường là đồng chí Võ Văn Tuấn (Khu ủy viên phụ trách huấn học) đem lòng mến mộ Thanh. Anh Võ Văn Tuấn mới hai mươi sáu tuổi (lớn hơn Thanh sáu tuổi), tính tình nghiêm trang điềm đạm khiến cô gái trẻ e dè. Thời gian gần gũi nhau nhiều hơn, Thanh quý anh dịu dàng và chu đáo, hết lòng thương yêu đồng đội đồng chí. Tổ chức kết nạp cô vào Đảng, cô được nhập học trường Đảng Lê Văn Sĩ. Lớp học được phân ra từng ô để học viên không nhận mặt nhau được, thầy giáo giảng bài rất sinh động hấp dẫn (trong đó có thầy Tuấn), học viên vui vẻ phấn chấn. Lớp học mãn khóa một thời gian thì tổ chức lễ cưới cho Thanh và Tuấn. Thanh phải trở về nhà đưa thư xin phép của đồng chí Huỳnh Tấn Phát và đồng chí Phạm Thiều cho ba má. Ba viết thư trả lời: Xin anh (ông Phạm Thiều) coi con tôi như là con của anh...

20-7-1951, ngày cưới, ba bị sốt rét không ra được, chỉ có hai bà mẹ và mấy người bà con. Hai bà mẹ nhìn bữa tiệc cưới chỉ vón vện có một nồi chè mà thấy xót xa quá, muốn nấu thêm cho con một vài món ăn ngon để đãi bạn nhưng hoàn cảnh trong chiến khu không có chợ búa mà mua được ngay, hai bà đành bậm bụng cho qua. Tuy vật chất đơn sơ nhưng

buổi lễ diễn ra thật long trọng. Từ ngoài đường vào tới hội trường, cờ xí tung bay phất phới, dàn nhạc của Đài phát thanh tấu những bản nhạc vui tươi thật rộn ràng, tiếng cười tiếng nói rộn rã cả một góc trời, đồng chí Phạm Ngọc Thạch (Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính, Đặc khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định) đứng làm chủ hôn, khách đến dự có các đồng chí trong Đặc khu ủy, đồng chí Nguyễn Văn Linh (Bí thư Đặc khu), đặc biệt có đồng chí Boudarel là một nhà trí thức tiến bộ người Pháp, khi sang Việt Nam dạy học ông trốn vào chiến khu và làm phát thanh viên cho chương trình tiếng Pháp. Trong tiệc cưới, ông hát nhiều bài hát tiếng Việt rất hay trong đó có bài “Ông lớn đi càn” thật dí dỏm, vui nhộn. Má Thanh và má Tuấn cùng mấy người bà con dự đám cưới thấy phấn khởi tự hào về các con của mình mà quên đi sự thiếu thốn vật chất.

Ánh trăng vàng vạc trên bầu trời cao, tiếng lá rừng lao xao trong gió, trên chiếc giường bằng nứa trong ngôi nhà nhỏ xinh xinh của đồng đội vừa mới cất cho đôi vợ chồng trẻ, Thanh tựa đầu vào vai Tuấn, giọng âu yếm: “Anh à! Chiến tranh còn gian khổ ác liệt lắm, dầu khó khăn cỡ nào, gian khổ ra sao mình cũng sắt son chung thủy, cũng đặt công tác cách mạng lên hàng đầu nghe anh!”. Tuấn vuốt mái tóc dài của người vợ trẻ, nhìn sâu vào ánh mắt bồ câu đen láy mà thấy lòng chan chứa yêu thương, tràn đầy hạnh phúc, anh thầm thì những lời âu yếm với người phụ nữ mà anh sẽ gắn bó suốt đời.

Bên nhau được mấy ngày thì có công việc đột xuất, Thanh

tình nguyện trở về thành phố. Lần này trở về, Tuấn lo âu hồi hộp vì vợ phải đi vào nơi hiểm nguy, gian khó còn Thanh thì bịn rịn chia tay chồng khi duyên mới bén, tình đang nồng, nhìn nước da xanh éo vì thiếu ăn và vì bệnh sốt rét của anh mà lòng dạ nhói đau. Thanh thầm nhủ, kỳ sau trở vào sẽ mua nhiều thức ăn và thuốc men cho anh bồi dưỡng. Lưu luyến mấy rồi cũng phải chia tay.

Tháng 2-1953, đưa con đầu ra đời, Dững sinh ra thiếu sự chăm chút của cha nhưng đầy ắp tình thương yêu của ông bà ngoại, mẹ và các dì. Sau này, vì công tác ba mẹ lưu lạc mỗi người một nơi, Dững và các em sống trong sự đùm bọc nâng niu của ông bà ngoại và các dì, đối với anh em cậu, từ bà ngoại cho tới các dì, tới chị Tho (người phụ chăm sóc dưỡng nuôi anh em Dững, vừa là cơ sở cho tổ chức), người nào anh em Dững cũng xem như mẹ mình, đặc biệt đối với chị Tho, anh em Dững thương yêu như người chị ruột thịt.

Dững được 8 tháng, Thanh, ông ngoại và Tuyên đưa Dững ra khu 8 để gặp ba. Trời tối, ngồi trên chiếc xuồng ba lá, Dững sợ hãi khóc ngất nhưng khi đến trạm gác của ta, có đèn, cậu bé nín êm rồi ngủ ngon lành trong tay mẹ. Thấy con, ba Dững mừng quỳnh, sẫm soi từ móng tay móng chân con, đợi nó ngủ mới dám hôn bởi thấy người lạ Dững không chịu cho bồng. Những ngày hiếm hoi chồng vợ bên nhau, Thanh thấy lòng ngập tràn niềm vui. Chị ước gì cuộc sống mãi được như thế này, đơn sơ giản dị thế thôi mà sao đối với chị quá khó khăn để được hưởng hạnh phúc bình thường như bao người khác.

Sau Hiệp định Genève, anh Tuấn được tổ chức phân công ở lại miền Nam chiến đấu. Chị Tư đi tập kết nên ba má Thanh lặn lội xuống Cà Mau để từ giã, không ngờ đó là chuyến đi cuối cùng của ba, ông bị bệnh rồi mất đột ngột, được tổ chức và bà con ở đó chôn cất chu đáo. Ba mất đi để lại niềm tiếc thương khôn nguôi và sự mất mát to lớn trong lòng má và các con các cháu.

Anh Tuấn trở về Sài Gòn để tiếp tục công tác. Thanh gởi anh cho anh chị Tư Bết và giầu gia đình, không cho các chị em và má biết. Một bữa, anh đi công tác bằng xe gắn máy, đang chạy trên đường thì gặp Út Thu. Út Thu về nhà cảm râm với Thanh: “Bí mật quá ha! Em gặp anh Mười rồi, nếu không cho thăm ảnh là biết tay em đó”. Anh Tuấn vốn thiếu tình cảm ruột rà nên chấp nhận liên hệ với Thu, từ đó vài ngày Út chớ Dũng tới thăm ba tại nhà anh Tư Bết. Cha con gặp nhau nhưng không cho Dũng gọi anh bằng ba. Anh buồn nhớ con, đôi lúc trong giấc ngủ cứ ú ớ gọi: “Dũng! Dũng! Coi chừng té con!...”. Nhân lúc cả nhà đi vắng, Thanh đưa chồng về ngôi nhà ở ngã Sáu để biết căn nhà của gia đình Thanh đang sinh sống. Nhìn căn nhà, anh Tuấn thờ dãi: “Đó đây trong gang tấc mà gia đình không sum họp được, nghĩ mà tức giận cho bọn lang sói này quá!”, Thanh dịu dàng an ủi chồng, chị nhìn ánh mắt buồn bã của anh mà thấy thương anh quá.

Biết được khó khăn của đôi vợ chồng trẻ, tổ chức mượn một căn nhà nho nhỏ cho hai vợ chồng ở đường Nancy (Lê Hồng Phong), hai vợ chồng không dám mang Dũng theo, có đêm vì nhớ con và luôn phập phồng sợ hãi điều chẳng lành

cho nó nên có khi giữa đêm khuya, Thanh hốt hải đạp xe về nhà thăm con. Nhà bây giờ đã vắng Út Thu vì Út bị bệnh nên tổ chức cho Út ra Hà Nội trị bệnh. Dững rất mến Út Thu, nó thương Út như mẹ nên Út đi là sự trống vắng cho gia đình và Dững.

Để có địa điểm tiện hội họp, đồng chí Huỳnh Tấn Phát mượn villa của một tư sản tốt ở đường Kỳ Đồng. Lần này Thanh cho gia đình hai bên biết, đem Dững và Tho theo để Tho vừa phụ chăm sóc cháu vừa làm liên lạc cho tổ chức. Nơi đây trở thành điểm hội họp của Khu ủy, đồng chí Nguyễn Văn Linh thường lui tới đây để sinh hoạt (lúc đó ông là Bí thư Khu ủy). Thanh có thai, sinh đứa con trai kề, Dững lúc thì ở với ba má, lúc theo má Bảy vì má Út Thu đi Bắc rồi. Hai người lại dời nhà về đường Tôn Thất Hiệp (Quận 11), hai vợ chồng sống ở đó được hai năm, có thai Bé Tư (Hiếu). Lúc này Thanh vừa đi dạy vừa là giao liên của Khu ủy với các ban.

Tháng 12 năm 1957, giặc tấn công các cơ sở của Khu ủy ở nội thành Sài Gòn, bắt bớ nhiều cán bộ hoạt động bí mật. Có người khai báo nên chúng ráo riết lùng bắt vợ chồng Thanh là những cán bộ cao cấp đang ẩn náu giữa thành phố. Giặc bắt chị Năm tra tấn để tìm tung tích của Thanh, chị Năm không khai. Chúng tiến hành bắt má Thanh, định dùng tình mẹ con làm áp lực với chị Năm. Má động viên chị Năm phải vững vàng, bình tĩnh. Để chấm dứt tình trạng bị tra tấn, chị Năm giả điên, giặc phải đưa chị vào bệnh viện Chợ Quán và thả má về nhà. Không hề sợ hãi, má vẫn che chở cho vợ

chồng Thanh, thăm nuôi chị Năm, chăm sóc các cháu ngoại. Tháng 8-1958, nhờ sự can thiệp của ngành y tế miền Bắc và Hội Hồng thập tự Quốc tế nên chị Năm được trả tự do, sau đó đưa ra Bắc. Nhà bảo sanh Hòa Bình là cơ sở do chị Năm và má bỏ vốn thành lập để tạo điều kiện cho vợ con cán bộ đến chữa trị, sanh đẻ đồng thời có thu nhập để lo cho mọi người trong gia đình yên tâm hoạt động, chị Năm đi, nhà bảo sanh giao lại cho chị Bảy (lúc ấy đã là bác sĩ) đảm trách. Mật thám theo dõi chặt chẽ từng hành động của Bảy vì nhà bảo sanh Hòa Bình vẫn là đầu mối liên lạc. Năm 1960, Bảy bị bắt cùng với bác sĩ Dương Quỳnh Hoa vì lý do vận động trí thức yêu nước chống lại chính quyền và cả nhà lần lượt bị địch bắt.

Tháng 4 năm 1960, những ngày tháng định mệnh của vợ chồng Thanh bắt đầu. Bây giờ, mỗi khi nhìn lại những ngày đau thương cũ, chị còn nhớ như in những thước phim dĩ vãng với biết bao kỷ niệm vui buồn, biết bao căm giận đón đau đầy thăng trầm trong quãng đời bị giặc giam cầm...

-:❀:-

Trong ngôi nhà nhỏ, chị thần thờ đi ra đi vào, lòng dạ nóng như lửa đốt, linh tính báo cho chị biết điều lo lắng bấy lâu đã đến, chắc chắn là anh đã gặp nạn rồi. Anh chưa bao giờ lỗi hẹn với mẹ con chị, dù đêm hôm khuya khoắt cỡ nào, dù bão bùng mưa gió ra sao, anh vẫn luôn vượt qua khó khăn để từ điểm bí mật nơi anh ở tìm về với mẹ con chị.

Vẫn biết dân thân vào con đường cách mạng là đi vào nơi hiểm nguy gian khổ, là tù đầy chết chóc cận kề, nhưng giờ đây khi đối diện với bất trắc, chị vẫn không sao tránh khỏi bàng hoàng hụt hẫng. Chị cố định thần lại để lo thu xếp gấp một số việc cần làm. Chị cùng với Tuyên và Tho bỏ nhà, bồng bé Tiên, Việt chạy về nương náu nơi nhà bà mẹ chồng ở khu Xóm Chùa trong con hẻm ở đường Trần Quang Khải rồi tiếp tục đi dạy học, dò la tin tức của anh.

Hai tuần lễ trôi qua, ngày 14-4-1960, trên đường đi kèm trẻ tại tư gia, chị bị bọn an ninh bắt, đưa vào Biệt kích Đội 1 (bốt Bà Hòa). Vào đây, chúng phu đầu chị bằng cách cho gặp anh. Sừng sờ nhìn anh trong giây lát, mắt chị hoa lên khi thấy anh đi không vững giữa hai tên cai ngục, gương mặt sưng húp, bầm tím, răng cửa gãy trống hoác, các đầu ngón tay ngón chân đều bị đóng đinh. Đau xót cùng cực và bấn loạn tâm thần, chị hoang mang chao đảo, chưa biết xử trí ra sao thì chúng đưa má chị đến, nhìn gương mặt già nua, héo hắt của bà chị thấy thương má xót xa. Chúng dọa sẽ tra tấn bà nếu chị không khai báo, nhưng má nhìn chị với ánh mắt cương nghị và nói nhỏ: “Con đừng lo cho má, chồng con anh đừng lo!”.

Lời nói của má khiến chị vững tin, sự sợ hãi biến mất, sự căm thù dâng lên ngùn ngụt trong lòng, chị xác định đã vào đến đây thì chỉ còn một con đường duy nhất là phải đấu tranh một mất một còn với giặc. Chị biết, từ đây cuộc đời chị đã bước sang chặng đường chiến đấu mới, đòi hỏi đầu óc phải luôn mưu trí kiên cường, thể xác phải chịu đựng sự hành hạ khảo tra của những đòn thù với một hệ thống điều tra cực kỳ

tàn ác và tinh vi của bọn say máu người. Chị đâu biết rằng ngày bước chân vào tù 14-4-1960 là ngày đầu tiên của suốt quãng đời mười lăm năm tù tội, xa tất cả người thân trong gia đình, xa má, xa chồng và bốn đứa con còn thơ dại để lê chân qua hơn mười cửa ngục trần gian (ba lần đi đày Côn Đảo), chẳng khác nào đi qua mười hai cửa ngục của Diêm vương.

Đêm đã khuya, tiếng muỗi vo ve bên tai khiến chị sực tỉnh. Mùi hôi thối của chiếc thùng đựng rác và phân người quyen với mùi hơi của hơn năm mươi con người lâu ngày không tắm rửa, không khí đặc sánh một mùi hăng hăng khó thở, căn phòng quá nhỏ không đủ chỗ nằm, các chị phải thay phiên nhau người đứng quạt cho người nằm, cứ như vậy suốt đêm, có chị nghẹt thở quá phải leo lên chấn song sắt cố hít lấy hít để chút khí trời bên ngoài cho qua cơn bức bối. Chị là nữ tù vừa mới vào, thân hình mảnh mai, gương mặt trắng trẻo đôn hậu khiến mấy chị em tù nhìn với vẻ đầy ái ngại, thương cảm.

Chị muốn trở mình nhưng không thể xê dịch vì quá chật và vì trận đòn hồi chiều khiến mình mảy ê ẩm, đau nhức đến tê dại. Trận đòn mờ mản hồi chiều cho chị biết thế nào là sự dã man tàn ác của bọn đồ tể, bọn cầm thú mang hình người. Những đôi mắt trắng dã long lên sòng sọc, những bàn tay lạnh lẽo như những gọng kềm bằng sắt, lời nói thô bỉ, giọng cười sằng sặc hoang dại, chúng thực hiện những đòn khảo tra một cách lạnh lùng và chuyên nghiệp. Đúng là những con thú say máu người. Chúng đổ nước xà phòng vào mũi miệng chị hồi lâu rồi đập lên bụng cho nước trào ra, chất nước cay

xé tanh nồng cùng vị mặn mặn của máu trào qua cổ họng khiến đầu óc váng vất, lồng ngực như muốn vỡ tung. Tiếng thẳng sĩ quan điều tra gầm gừ bên tai: “Tao biết vợ chồng mày là loại cán bộ đầu sỏ, chồng mày là tên Việt cộng nòi, còn mày là Mười Thanh, lãnh đạo đám học sinh sinh viên phản chiến, nếu không thành thật khai báo, tao bắt cả gia đình vô đây coi mày còn gan chống đối không cho biết...”. Chúng tiếp tục tra diện vào hai đầu vú khiến cơ thể chị run bần bật, chị ngất đi không còn biết trời đất gì nữa, chúng dội nước lên mình cho tỉnh lại, ngất rồi tỉnh, tỉnh rồi ngất không biết bao lần.

Tiếng gõ lóc cóc của người bán hủ tiếu gõ lọt vào phòng giam giữa đêm thanh vắng khiến chị chạnh lòng. Ngoài kia, cuộc sống của người dân lao động vẫn nhọc nhằn bon chen giữa đêm khuya, người dân nghèo bao năm vẫn sống trong khó khăn, cơ cực, bất giác chị nhớ mấy đứa con thơ vắng mẹ đang lao nhao ở nhà, chị sờ lên bầu vú tê dại vì đòn roi, trong đón đau cùng cực, đôi vú vẫn căng sữa, nước mắt bỗng ứa tràn, chị khóc cho hả nỗi đau và nỗi nhớ con. Chị nhớ thằng Bé Năm (Việt) mới vừa 10 tháng tuổi, gương mặt ngây thơ với mấy chiếc răng sữa mọc ở hàm trên như những hạt bắp non mỗi khi nhoén miệng cười, đôi mắt to tròn của nó nhìn chị và đôi tay vẫy vẫy mỗi khi thấy mẹ về. Chị thương thằng Dũng (đứa con trai lớn đang ở với má Bảy - chị thứ Bảy, Huỳnh Ngọc Xuân). Lần gặp gỡ với ba nó lần đó, ngồi trên xe taxi anh úp mặt nó vào lòng vì sợ Dũng biết đường về nhà (anh chị vừa mới đến trường rước Dũng), vợ chồng con cái

bên nhau được đôi ngày thì phải đưa nó trở về với má Bảy, trước khi đi nó bịn rịn hỏi hoài: “Rồi chừng nào ba má mới rước con nữa?”. Ba nó trả lời: “Cố gắng đến Tết con à!”. Anh chị có ngờ đâu, đó là lần cuối cùng gặp con trước khi hai người bị tù đầy hai ngă. Tội nghiệp đám con chị, quanh năm ở với bà nội, bà ngoại, các cậu, các dì mà chúng nó xem như người mẹ thứ hai. Ba mẹ lo công tác mà lại là công tác bí mật nên phải di chuyển chỗ ở thường xuyên, chúng ít khi được gần ba mẹ nên thêm khát tình phụ mẫu. Thằng bé Tiến là đứa con duy nhất sống bên cha mẹ khá lâu, anh chị đi tù chắc nó hụt hẫng nhiều lắm, nó là đứa con hiếu thảo và rất nhạy cảm. Chị xót xa nhớ tới anh, không biết giờ này chúng đưa anh đi đâu, sống chết ra sao, anh có chịu nổi những đòn thù của chúng nó hay không? Chị thương anh nhiều lắm, một người chồng tận tình, chu đáo, giỏi việc nước mà cũng hết lòng thương yêu vợ con, thương yêu cha mẹ họ hàng, đồng bào đồng chí. Từ đây chị không còn được cùng anh chia sẻ việc riêng, việc chung, không còn những giây phút cận kề, nồng ấm. Trong phút giây, chị thấy mình yếu mềm, bơ vơ quá! Chị lại lo cho má, tội nghiệp má, già rồi mà còn chịu cảnh tù đầy gian nan, đêm phải ngủ chật chội dưới nền xi măng lạnh lẽo, ngày ăn cơm hẩm với khô đắng, bị chúng nó rún ép tinh thần, hành hạ thể xác, sức già làm sao chịu nổi. Phải chi giờ này ba chị còn sống, ông sẽ gánh gồng san sẻ bớt những khó khăn của gia đình, ông là một người cha kiên nghị, có tri thức và một lòng một dạ với quê hương đất nước, chính ông đã giáo dục các con tấm lòng yêu nước bằng chính

tấm gương của mình và là chỗ dựa vững chắc để các con yên tâm đi theo cách mạng. Gia đình chị giờ đây như bầy chim vỡ tổ, mỗi người một phương, tan tác hết rồi. Đối với người phụ nữ, còn nỗi đau nào lớn hơn nỗi đau khi phải ly cách với những người thân máu mủ ruột rà, bầm gan tím ruột khi thấy kẻ ác hành hạ người thân của mình, bọn chúng đã đánh trúng vào trái tim và khối óc của những người phụ nữ vốn rất đa cảm và dào dạt tình thương yêu gia đình. Càng nghĩ, nước mắt chị càng đầm tuôn, không sao cầm được.

Khai thác mãi không moi ra được thêm điều gì quan trọng, chúng đưa anh về trại Lê Văn Duyệt, trại này là của Ngô Đình Cẩn lập ra để chiêu hồi những cán bộ cao cấp của ta. Chúng đưa anh qua Lê Văn Duyệt để chiêu dụ. Trại có nơi ăn chôn nghi đàng hoàng, phòng ốc rộng rãi, cửa nẻo mở toang vì có linh canh gác vòng ngoài, nó nằm trong khuôn viên của Bộ Tư lệnh thành phố. Ăn ở tiện nghi nhưng đầu óc thì căng thẳng triền miên. Bạn tù không được nói chuyện với nhau, chúng mời lên gặp cán bộ tuyên truyền để “đấu lý” về những vấn đề có liên quan đến Cộng sản và mời hợp tác để cùng nhau xây dựng “dân chủ”. Sau nhiều ngày tìm đủ mọi cách lôi kéo, chiêu hồi (vì chúng biết anh là cán bộ cao cấp của Khu ủy) không thành công chúng lại trả anh về Tổng nha cảnh sát rồi sau đó đẩy ra Côn Đảo.

Mấy tháng sau, qua những ngày khảo tra tàn bạo không có kết quả, chúng cũng đưa chị qua trại Lê Văn Duyệt để mua chuộc nhưng chị vẫn trước sau như một nên chúng lại trả về Tổng nha (bây giờ là Sở Công an thành phố). Nhìn thân hình

mảnh mai tiêu tụy của chị, bọn thẩm tra cứ hỏi đi hỏi lại mãi một câu: “Tại sao gia đình chị là gia đình trí thức, sống sung sướng nhàn hạ mà theo Cộng sản làm gì để chịu cực khổ, tù đầy?”. Chị nói: “Tôi theo cách mạng vì tôi yêu nước, chống ngoại xâm, tôi không muốn còn tồn tại chế độ người bóc lột người, ai cũng được hạnh phúc ấm no nên tôi theo lý tưởng của tôi, mặc dù tôi biết đó là con đường khó khăn và dù tôi rất thương cha mẹ, chị em, chồng con tôi...”. Ở Tổng nha được vài hôm chúng đưa chị ra tòa cùng với chị Huỳnh Ngọc Anh và xử bảy năm tù cho mỗi người. Chúng biệt giam chị cùng với hơn chục chị nữa ở các nhà lao. Khi thì cho gia đình thăm nuôi khi thì không cho: Thời gian rảnh rỗi chị gởi mua kim chỉ, vải để thêu gối thêu khăn gởi về cho người thân, rồi mở lớp dạy văn hóa cho các bạn tù, vừa theo dõi tình hình chiến đấu bên ngoài và tổ chức thêm các lớp học chính trị, lịch sử, địa lý, ngoài ra còn dạy thêu thùa, may vá, lập ban văn nghệ để các chị sinh hoạt, nâng cao tinh thần lạc quan cho chị em. Các chị nâng mức đấu tranh đòi yêu sách ngày càng cao mặc dù mỗi lần đấu tranh là mỗi lần đổ xương đổ máu. Các chị phấn đấu nâng lên mức là không thi hành toàn bộ nội quy của địch trong đó trọng yếu là không chào cờ ba que và tổ Cộng. Bọn chúng lỏng lẻo vì không khuất phục được các nữ tù nên chúng đem chị và một vài người nữa ra tòa án. Trước tòa, chị mạnh dạn nêu lý lẽ đầy chính nghĩa và sắc sảo của mình khiến chúng càng tức tối.

Ở Thủ Đức năm 1968, sau trận đánh Mậu Thân lịch sử, bọn giặc điên cuồng đàn áp tù nhân, chị và một số chị nữa bị

đưa về trại biệt giam Y, tên quản đốc Dương Ngọc Minh biết chị là một trong những người đầu đàn lãnh đạo các cuộc đấu tranh trong tù nên nó dùng nhiều thủ đoạn xảo quyệt để đối phó với chị. Nó dùng lời ngọt ngon dụ dỗ: “Tại sao chị thuộc thành phần như vậy mà chồng đối tụi tôi làm chi. Chị không phải chào cờ, chỉ cần “đồng ý” một tiếng thôi là được trả tự do ngay”. Chị không chấp thuận lời đề nghị đó, chúng tụi tôi nhốt vào xà lim, lúc này chị đã quá án tù nhưng chúng vẫn lơ đi, không tính gì đến chuyện thả. Gia đình đến thăm, tên Minh kêu chị viết một câu vào giấy: “Xin được gặp gia đình” thì hẳn sẽ cho gặp. Nghe má, ngoại và mẹ chồng đến thăm, chị mừng không thể tả, lòng dạ rối bời, từ lâu nhớ nhà, nhớ má quá chừng mà không được gặp, nhưng giờ đây không lẽ chị đầu hàng, nữ nào viết được dù là một câu đơn giản như vậy, vì các chị đã chủ trương không viết đơn, không ký tên để nhận bất cứ thư gì dù là vật thông dụng như chổi, xà bông... Nghe tin chị không chịu viết giấy xin gặp, cả nhà kéo nhau về, má trách: “Má chồng, ngoại chồng nó lặn lội đường xa tới thăm, chị cần viết mấy chữ để được gặp mà nó cũng không chịu, thôi từ nay tụi tôi không đi thăm nó nữa”. Không gặp được má, chị đau lòng lắm nhưng không biết làm sao hơn.

Và đúng như má nói: má về và đã mất, trước khi mất má đã nhiều lần kêu: Mười... Mười... Trong đợt 2 của Mậu Thân, chúng bóp siết mọi thứ, chị em tuyên bố tuyệt thực và phân công Mười Thanh và chị Năm Trâu lên gặp quản đốc Minh đưa yều sách. Gặp chị, tên Minh đánh đòn tâm lý: đưa bức

thư của em chồng báo tin má chị chết. Thư gửi vào đã lâu nhưng tên Minh đợi đúng thời cơ mới đưa ra, gương mặt nó buồn buồn nhìn chị “Má chị mất rồi, có thư đây!”. Chị đọc lá thư, đầu óc quay cuồng, nước mắt chực rơi nhưng cố bình tĩnh, trình bày những yêu sách, gồm:

- Cho chị em được thăm nuôi.
- Cho chị em được nhận thư từ.
- Tặng khẩu phần bữa ăn.
- Cải thiện chế độ lao tù.

Tên Minh bĩu môi, cười, nó nói: “Cộng sản không có tình cảm gia đình, nghe mẹ chết mà chị tỉnh bơ”. Nó sai lính nhốt chị và chị Năm Trầu vào xà lim. Chị em đấu tranh đòi trả hai chị về phòng. Về tới phòng, sau khi trình bày với tập thể kết quả đấu tranh chị mới bật khóc, nước mắt lã chã tuôn rơi “Má ơi!”. Chị thầm gọi má trong cô họng nghẹn ngào. Chị nhớ cái dáng tất bật nhanh nhẹn, nhớ đôi bàn tay hay lam hay làm, suốt đời bà tần tảo chất chịu lo cho chồng con từng miếng ăn, giấc ngủ, một lòng hướng theo cách mạng, má đã bảo bọc chở che cho mấy đứa con chị trong những ngày tù đầy, bà bị chúng bắt giam hai lần cũng vì dám con theo kháng chiến và nhất là chúng muốn rún ép bà để bắt hai vợ chồng chị. Vậy mà lúc nào má cũng vững vàng, không than thở điều gì khiến các con nản chí. Khi nhìn thấy anh bị chúng hành hạ đánh đập quá tàn nhẫn, má đau xót lắm, bà lo tiền cho bọn cai ngục để gọi thức ăn cho anh. Bà luôn tìm cách giúp con giữ vững tinh thần, không chao đảo vì việc gia đình. Năm 1964, nhờ có cuộc đảo chánh Nguyễn Khánh, chúng

thả những người không có án (án mù, không ra tòa) anh và một số người nữa được đưa từ Côn Đảo về trại Phú Lợi rồi thả vô điều kiện.

Ngày 21-8-1969, giữa khuya bọn cai ngục đàn áp dã man số chị em ở trong trại. Chị em đứng trong trại ngó qua lỗ nhỏ của cửa, nghe có tiếng khóc, tiếng kêu cứu của các chị em biệt giam thư viện: “Em Rành đã chết! Chị Tần cũng chết rồi chị em ơi”. Tiếp theo là những tiếng la “Chúng nó đánh chết chị em mình rồi các chị em ơi!”, “Hãy giữ lấy xác chị em ơi!”... Thấy nó lôi xác một người ra ngoài, tất cả đồng thanh kêu cứu: “Chúng nó sát hại chị em mình! Đồng bào ơi! Nhà tù Thủ Đức đã giết hại chị em chúng tôi là chị Tần, em Rành, một số người đang hấp hối. Đồng bào ơi! Hãy cứu chúng tôi! Hãy cứu chúng tôi!..”. Các chị lấy giấy làm loa, gọi kêu cứu. Cuộc đàn áp đã làm thiệt mạng ba chị, trong khi các chị tuyệt thực thì chúng ấn vôi bột vào miệng, sức nóng của vôi tàn phá cơ thể khiến các chị tắt thở. Chị em toàn khám phần nộ phản đối, tiếng gọi căm thù đã vang lên khắp trại giam, bay ra khắp nước và cả thế giới. Ủy ban bảo vệ chế độ lao tù do luật sư Ngô Bá Thành ra công bố cực lực phản đối chế độ lao tù của Nguyễn Văn Thiệu đã đàn áp và giết chết chị em đề trong nước và cả thế giới biết. Công bố trên được gởi cho các chiến sĩ trên chiến trường và cho các tổ chức chống chiến tranh thế giới, lời kêu gọi thật thống thiết: “Nhà lao Thủ Đức là địa ngục trần gian, hiện đang giam cầm 1400 chị em yêu nước. Chế độ nhà tù của địch vô cùng khắc nghiệt. Chúng dồn chị em vào những phòng giam

chặt hẹp, bỏ đói bỏ khát, dơ bẩn, đau không thuốc men, hàng ngày đánh đập tra tấn cực kỳ dã man, buộc phải chào cờ ba que, phải học những lời lẽ xuyên tạc chống lại Tổ quốc, chống lại nhân dân. Chúng dùng những cực hình tàn ác nhất để giết mòn chị em, hòng buộc chị em khuất phục chúng. Nhưng chúng đã lầm... Hiện nay, các chị em tù chính trị ở Thủ Đức đang từng giờ từng phút siết chặt hàng ngũ, kiên cường đấu tranh chống lại cuộc khủng bố tàn ác của bọn phát xít Thiệu, Kỳ, Khiêm, tay sai Mỹ. Chị em quyết giữ tấm lòng tận trung với nước, tận hiếu với dân. Tinh thần bất khuất, anh dũng tuyệt vời của chị em đã làm xúc động hàng triệu trái tim đồng bào, đồng chí chúng ta, của hàng trăm triệu người yêu chuộng hòa bình và công lý trên toàn thế giới. Các đồng chí thân mến! Tổ quốc đang kêu gọi chúng ta trả thù! ...”.

Sau cái chết của chị Tần, em Rảnh, chị Đào, các chị ở nhà lao Thủ Đức dấy lên phong trào chống địch quyết liệt: Hô la suốt 2 ngày. Chúng đối phó bằng cách đàn áp đưa 350 chị em chống lý khai về khám Chí Hòa. Về đây, chúng nhốt các chị vào các phòng OB1, OB2, OB3, OB4. Ở được mấy ngày thì được tin Bác Hồ mất, sự mất mát lớn lao của vị lãnh đạo anh minh, của người Cha Già dân tộc khiến cho tâm trạng người tù càng thêm đau đớn. Các chị trong Ban lãnh đạo trại tù làm lễ truy điệu và để tang Bác trong một tuần lễ. Nữ quán khăn trắng trên đầu, mỗi phòng có bàn thờ Bác, mỗi sáng lúc 5 giờ cùng hát bài *Hồn tử sĩ*, họ quyết sống chết giữ cho bằng được những gì đã đề ra. Các chị thức trắng đêm để cắt chữ, làm hoa giấy, viết bích báo, làm thơ, viết điệu vãn. Bàn thờ

Bác chỉ là những chiếc thùng giấy xếp chồng lên nhau, phủ vải đen, trên có tấm hình Bác cắt ra từ những tờ báo, phía trên có khẩu hiệu: “Đời đời nhớ ơn Hồ Chủ tịch. Việt Nam độc lập thống nhất muôn năm”. Mỗi OB tự điều khiển buổi lễ truy điệu. Những người tù gởi gắm tất cả tình thương yêu Bác vào lời thơ tiếng hát. Trong điệu vãn các chị viết, có đoạn: “... Xin hứa với Bác, các cháu nguyện ra sức học tập và làm theo những lời của Bác, quyết phấn đấu rèn luyện để xứng đáng là những chiến sĩ kiên cường đấu tranh cho hòa bình độc lập thống nhất, xứng đáng là những người phụ nữ Việt Nam anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang...”, các chị cùng cất cao bài *Hồn tử sĩ*, rồi không kiềm giữ được nữa, các chị khóc òa. Chúng lúng túng không biết đối phó như thế nào vì chúng biết đây là vấn đề rất thiêng liêng, không thể đụng chạm đến người lãnh đạo mà cả thế giới đều khâm phục và cũng là người mà tù nhân hết lòng tôn kính. Nhưng chúng không thể để tình trạng kéo dài hơn nữa, chúng mời đại diện các phòng lên trao đổi. Tên quán đốc Vũ Văn Tuấn nói: “Tôi biết, Cụ Hồ mất, mấy bà thương tiếc nhưng yêu cầu mấy bà đừng hát *Quốc ca* và *Hồn tử sĩ*, mấy bà hát nghe ghê rợn quá, tôi yêu cầu mấy bà vậy thôi”. “Để chúng tôi về bàn với chị em, chúng tôi không có quyền quyết định”. Sau đó các chị báo cho Trưởng khu biết là các chị sẽ hát trong năm ngày nhưng để tang Bác đúng bảy ngày. Đến ngày thứ năm, chúng đến khóa cửa phòng, chị em tức tối hò la đòi mở cửa. Chị em làm dữ chúng đành phải mở nhưng lừa vào một đám thiếu niên phạm pháp trần truồng với ý đồ làm xấu mặt mấy chị.

Trước sự bi ối đó, chị em phẫn nộ, chị Hai Tô đang phiên trực nhật, sẵn cái chổi trong tay chị đập tới tấp vào mặt bọn chúng, miệng kêu: “Đừng sợ tụi bây, sấp vô!”. Các chị khác mạnh ai nấy tìm vật dụng nào vô đánh tới tấp khiến bọn chúng chạy tán loạn. Mọi người xúm lại vừa cười vừa thán phục chị Hai Tô, người nữ Bí thư xã Phước Đông, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Việc làm của mấy chị khiến mấy người lính Mỹ phản chiến đang bị giam trên lầu khâm phục. Họ viết giấy gởi cho chị em, ca ngợi phụ nữ Việt Nam rất anh hùng và gửi lời chia buồn với chị em về việc Hồ Chủ tịch qua đời.

Trước tình hình đấu tranh ngày càng cao của các nữ tù chính trị, chúng quyết định đưa đi đày Côn Đảo 342 chị em. Chị em cũng biết sẽ bị chúng đày đi nên chuẩn bị tinh thần chống đi đày, dù có bị chúng nó đàn áp đến thế nào chăng nữa, cũng để chúng đưa đi “bằng lưng” tức là để chúng kéo xềnh hoặc cõng trên lưng chứ không đi bằng chân.

Ngày 26-9-1969, giữa đêm khuya, hơn 100 tên cảnh sát dã chiến từ trên những chiếc xe cảnh sát nhảy ào xuống, tay lăm lăm dùi cui, ma trắc kéo đến các cửa phòng OB1, OB2, OB3... Chị em vội vàng thức dậy, đồ đạc gọn gàng, mỗi người mặc hai bộ quần áo... Chúng không cần thương lượng, xông tới liệng lựu đạn cay và vô bột, lúc đầu các chị còn lấy bao bố nhúng nước đập lựu đạn nhưng rồi tất cả đều ngắt xiêu, thế là chúng nó xông vào kéo lê lét từng chị, có chị yếu quá được chúng (trật tự tốt) cõng ra xe đưa lên máy bay quân sự ra Côn Đảo.

Côn Đảo mùa thu nắng vàng rực rỡ, mây trắng bông bành trên nền trời trong vắt, gió lồng lộng từ bốn phương thổi tới, sóng biển ì ảm tung bờ trắng xóa, hàng dương rủ rào trong gió biển như những lời tâm sự của những người tri âm tri kỷ hay tiếng thì thầm của những oan hồn lẫn khuất đâu đây. Chị mệt mỏi lê chân trên bến cầu tàu, nhìn cảnh đẹp hùng vĩ của quê hương mà nghe lòng buồn rượi. Chị thầm nghĩ, đất nước mình tươi đẹp thế này mà bọn sói lang nhẫn tâm dẫm đạp, biến nơi đây thành địa ngục trần gian, đã ra đến đây rồi không chắc gì có ngày chị còn quay lại được với gia đình yêu quý. Xin tạm biệt tất cả, tạm biệt những người thân yêu nơi đất liền ngút ngàn xa...

Các chị bị giam năm người trong một Chuồng Cọp có diện tích 1,5m x 2,5m trong một dãy 60 chuồng, sau đó bị các chị phản đối nên chúng dọn thêm 60 chuồng nữa thành 120 chuồng, mỗi chuồng nhốt hai, ba người, có song sắt chắn ngang, chúng đi rầm rầm trên đầu người tù mỗi khi có việc cần đến, trong chuồng có bệ bằng xi măng và một cây sắt hàn mấy cái còng chân, ngay cửa vô ở góc chuồng có thùng cây để đi cầu, những thùng cũ bị rỉ nước phân và nước tiểu thật hôi thúi khó chịu. Mỗi ngày chúng cho đi đổ cầu một lần, mỗi lần có người đi cầu là một lần hôi thúi đến nghẹt thở. Không khí Chuồng Cọp bức bối khó thở, chúng không cho trao đổi chuyện trò từ chuồng này sang chuồng kia, không được hát hò hay sinh hoạt những chuyện gì khác. Nếu trái lệnh chúng sẽ phạt “cắm phòng” từ ba đến bảy ngày, nghĩa là không được ra đổ cầu, không được tắm.

Những ngày đầu vào chuồng, chị và các chị nằm la liệt vì mệt mỏi đói khát, lòng đầy hoang mang lo lắng. Tới bữa cơm, nhìn cái chén bằng nhôm đựng những hạt cơm lẫn cát, một chút mắm kho có dòi nổi lênh bênh và vài miếng khô mục nướng khiến các chị lợm giọng. Nhưng các chị phải cố ăn để còn sức lực mà chống chọi với bọn nó, các chị không thể chết dễ dàng như ý chúng nó muốn. Chị nhớ mấy câu thơ viết bằng máu trên vách Chuồng Cọp của bạn tù nào trước đó, rồi nhớ bài thơ *Tâm tư trong tù* của nhà thơ Tố Hữu “Tôi, hôm nay, dầu xa tạm ngọn cờ - Hồn tranh đấu vẫn còn thôi thúc mãi...”. Những lời thơ như động viên, khuyến khích, khiến chị tinh táo hơn, chị xác định đã vào đến đây là chúng dồn các chị vô chân tường, chỉ còn con đường quyết sống chết với bọn chúng mà thôi, không sợ điều gì nữa cả.

Chị ở chung với hai bạn tù, Bành Dương và Sáu Bé. Bành Dương, cô sinh viên người Hoa xinh đẹp, có giọng hát rất hay, trái tim tràn đầy nhiệt huyết. Chị Sáu Bé, người Long An, cùng quê với chồng chị. Ba chị em rất tâm đầu ý hợp, nguyện sống chết bên nhau. Cả ba đều căm phẫn chế độ lao tù quá hà khắc. Một bữa, Bành Dương mở màn cuộc chiến bằng cách cất cao tiếng hát: “Nếu là chim, tôi sẽ là loài bò câu trắng... Nếu là hoa, tôi sẽ là một đóa hương dương... Nếu là mây, tôi sẽ là một vầng mây ấm... Nếu là người tôi sẽ chết cho quê hương...”. Từ đâu đó trong dãy Chuồng Cọp có tiếng hát phụ họa theo, kéo thành bè khiến cho không khí êm dịu đôi chút. Tiếng hát của Bành Dương không còn trong

trèo thánh thót như trước nhưng tiếng hát cất lên giữa không gian tối tăm u uất như có sức mạnh của sự động viên, thổi thục lòng người. Tiếng hát làm cho tên Sung, quản đốc nhà lao tức tối.

Một bữa, trong lúc mở cửa phòng lấy cơm, chị tranh thủ đưa cho người bạn tù hũ muối (muối rất quý cho người tù khi bị đánh đập), tên Sung ra lệnh “cấm phòng 30 ngày”. Máu nóng sục sôi, không thể nhịn nhục được nữa, phải chống trả thôi nhưng tình hình phân tán nhỏ như hiện nay làm sao tổ chức được cuộc đấu tranh thuộc diện lớn rộng. Không phát động toàn thể thì đấu lẻ tẻ chớ biết sao và cách duy nhất ba chị chọn là tuyệt thực. Các chị tuyên bố tuyệt thực khiến địch ngạc nhiên và cả tập thể lo lắng. Tuyệt thực trong tình thể sức khỏe kém, bị chúng nó theo dõi sát trên đầu thật khó mà thực hiện, chuyện chết sống chỉ trong gang tấc nhưng không có con đường nào khác.

Ba chị em bảo nhau nằm yên, không cử động, mặc dù việc nằm một chỗ trong không khí hơi hám, cơ thể bứt rứt không thể chịu nổi, khi nào cần uống thì phải nằm tình hình coi bọn chúng có rình trên đầu không mới nhanh chóng chuyển nhau lon nước, mỗi người tiết kiệm, hớp một hớp nhỏ thôi, nếu không duy trì nước thì cơ thể sẽ kiệt quệ nhanh chóng. Nằm một chỗ, mùi hôi thúi do nước tiểu xông lên (mấy ngày đầu còn ngồi dậy đi tiểu, mấy ngày sau tiểu luôn tại chỗ) cùng với thức ăn rơi vãi khiến bọn ruồi nhặng đậu đen người. Các chị phải đập ngang người chiếc mền rách và đập mặt bằng chiếc khăn cũ. Mới nhìn, ba người giống

như ba cái xác chết đã sinh thú bị ruồi bu. Đến ngày thứ tám thì bọn cai tù thay phiên nhau tác động: “Bành Dương ơi! Uống sữa đi! Bà Mười, bà Sáu ơi! Ăn đi! Không ăn chết bò con lại ai lo!”. Các chị xác định dù gian khổ đến mấy vẫn không nao núng, quyết tâm đấu tranh tới cùng, không sợ hy sinh, quyết noi gương tinh thần chị Võ Thị Sáu, anh Lê Văn Tám...

Mười ngày tuyệt thực của các chị trôi qua là mười ngày buồn bã, lo lắng cho toàn thể nhà tù, không ai cười, không một tiếng hát, các anh chị tới lui lặng lẽ như những chiếc bóng. Sợ dư luận báo chí lên tiếng và sợ làn sóng căm phẫn trong trại giam lên cao nếu để cho các chị chết, trưa ngày thứ mười, bọn cai ngục cho mở cửa phòng chị, đầu tiên chị Biệp (bạn tù) chạy ủa vào nhưng chị đội trở ra vì mùi hôi thúi và ruồi nhặng, chị Biệp cố quay trở lại, chị xông vào ôm cả ba người bạn khóc nức nở, sau đó các chị tràn vào khiêng ba chị ra sân rồi chuyển ba chị vào phòng số 22. Chị Biệp nói trong nước mắt: “Trời ơi! Tội nó tàn nhẫn quá! Cuộc đấu tranh của mình thắng lợi rồi, chúng nó đồng ý xóa cấm phòng, chẳng những cho tụi mình mà cho cả khu Chuồng Cọp nữa, cảm ơn chị Mười, chị Bé, em Bành Dương...”. Nghe những lời của chị Biệp, dù sức khỏe đã quá kiệt quệ nhưng chị và hai người bạn vô cùng phấn khởi, miệng chị nở nụ cười héo hắt. Ba người được các chị trông nom săn sóc như người thân, được sống giữa lòng tập thể, chị thấy lòng mình ấm áp xiết bao! Mới yên ổn được ba ngày thì chúng cho Bành Dương đổi phòng, chị bàn với chị Sáu

Bé tranh thủ kết nạp Bành Dương vào Đảng vì không biết có còn gặp lại không, cứ mỗi lần giấc xáo trộn, đổi người, đi đây... đầu óc bạn tù bị căng thẳng vì lo lắng và thương nhớ người ra đi. Chị thương Bành Dương, cô gái còn quá trẻ mà chịu cảnh tù đầy cơ cực, mỗi lần chúng đánh đập chị em, các em cánh trẻ, trong đó Bành Dương là cô gái rất can cường thường đưa tấm thân nõn nà của mình ra chống đỡ, những lúc tuyệt thực nằm bên nhau, Bành Dương kể hết chuyện gia đình, chuyện cô yêu anh bộ đội giải phóng, đã lâu rồi họ không gặp nhau, không biết giờ đây anh sống chết ra sao, rồi cô kể chuyện học mẹ nấu nướng những món ngon khi còn ở nhà và ước mơ của cô sau này sẽ trở thành bác sĩ để trị bệnh cho đồng bào, có lúc cô lại khe khẽ hát để lấy tinh thần cho ba người, dù sự mệt mỏi đói khát đang hoành hành họ.

Nghe tin có phái đoàn Quốc hội và nhà báo Mỹ đến Côn Đảo, bọn quản đốc tìm cách giấu việc giam giữ phụ nữ trong Chuồng Cọp, nhưng không may cho chúng, có một nhà báo nghe tiếng nữ nói chuyện nên xông vào, thế là cả nhóm người vây đến xem, họ đi trên Chuồng Cọp, chụp hình, hỏi thăm chị em, gặp má Sáu mù và một số em vị thành niên. Sau khi về nước, phái đoàn đã viết báo tố cáo chế độ lao tù dã man của chính quyền miền Nam Việt Nam, trong đó có giam giữ người già tàn tật và trẻ nhỏ. Nhờ vậy, ít lâu sau chúng nó cho các chị ra Trại 4 ở thoải mái hơn. Ra Trại 4, có mấy cây bàng, các chị nghiền trâu thì lấy lá quệt vôi ăn, mấy cô lượm trái chín ăn vỏ, trái khô đập lấy hạt ăn vì cơm tù

không bao giờ có rau xanh hoặc trái cây gì cả. Ở Trại 4 không bao lâu thì chị và một số chị em khác bị đưa trở về Thủ Đức, nhốt biệt giam ở trại D. Tại đây, chị đã thu phục được một nữ giám thị là con của một đồng chí cách mạng, chị này tên Lê Ái Dân có chồng là sĩ quan ngụy nhưng luôn có ý giúp đỡ tù nhân. Chị nhờ chị Dân mua giùm chiếc radio và dây nghe, đêm đêm chị với chị Ba Tốt chui vô mùng, trùm mền lại nghe tin tức của đài Giải phóng rồi sau đó thông báo tin tức lại cho các anh chị em trong các trại. Chiếc radio này như là vật quý đối với các chị nên hết sức giữ bí mật và giữ gìn kỹ lưỡng, không cho rơi vào tay giặc vì sẽ ảnh hưởng lớn đến chị Ái Dân.

Năm 1974, sau hiệp định Paris, ta đánh mạnh các nơi để quyết định thế đứng của ta. Để trả thù tháng 11-1974, chúng dùng tàu đưa 500 chị em trở ra Côn Đảo, trong đó có chị. Chuyến tàu dọc đường bị mưa bão, mưa làm ướt mọi vật dụng của các chị, tàu lắc lư suýt chìm sâu dưới đáy biển. Chị em ói mửa, ngất xỉu la liệt, thời may, chị không bị say sóng, chạy tới lui lo cho người này người kia, trong bụng thâm nghĩ, chắc bọn này muốn giết tù vì chúng chọn thời tiết mưa bão để đi, có gì nguy hiểm bọn chúng sẽ nhảy qua ca nô, còn tù thì... chị không dám nghĩ tiếp mà cũng không dám nói ra vì sợ các chị nhụt chí. Cuối cùng thì tàu cũng ra tới đảo, các chị em la hét lên bờ, áo quần ướt sũng, chị nào đi chặm chúng gõ ma trặc lên đầu lên cổ, các cô gái trẻ ào ra đỡ đón, miệng la lớn: “Đà đảo khủng bố! Đà đảo khủng bố!”. Chúng nhốt chị em vào Trại 4, lần này, nhờ chúng sơ

hờ nên trong bạn tù có chị Bạch đem theo được một chiếc radio, chị tranh thủ chị Bạch không nộp cho chúng mà đưa cho chị để theo dõi tình hình chiến sự đang sôi bỏng hàng ngày. Chị tìm cách nhờ cô y tá mua pin để nghe tin tức hàng ngày. Thời kỳ này do ta đánh thắng dồn dập ở các chiến trường nên bọn cai tù có nới rộng kỷ luật, cho tù sống thoải mái hơn, ban ngày không nhốt, có thể trồng chút ít rau và xuống bếp nấu cơm. Chị và các chị trong Ban lãnh đạo tổ chức, sắp xếp lại cuộc sống: phân công trực nhật, trồng rau xanh, tổ nấu ăn, Ban đại diện... Các chị chuẩn bị ăn thêm một cái Tết xa nhà nữa, ai nấy vững niềm tin vào một ngày chiến thắng không xa. Những khi rảnh rỗi, chị tranh thủ nghe đài, mỗi lần nghe bài hát mở đầu chương trình và giọng nữ ấm áp quen thuộc vang lên: “Đây là tiếng nói của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, phát thanh từ Hà Nội...” là lòng chị rung rung một niềm vui khó tả, chị sắp được về với gia đình rồi, không phải chỉ còn trong những giấc mơ. Mỗi ngày nghe xong, tổng kết tin tức, chị phổ biến lại cho tất cả chị em cùng biết. Chiếc radio cất giấu bên ngoài, không may bị chúng phát hiện tịch thu, chúng rún ép, hăm dọa, tìm người nào là chủ của chiếc radio, chúng hỏi đi hỏi lại, cuối cùng tìm không ra, chúng phải lờ đi. Chiếc radio mất nhưng các anh lại được hai người Pháp phân chiến tặng lại cho các anh chiếc radio khác bởi các người tù nước ngoài có quyền mang radio theo. Nhờ vậy, mọi người đều biết tin Mỹ thua đau ở khắp các chiến trường, chúng phải hạ lệnh ngừng ném bom miền Bắc, tiếp đó là tin Hiệp định Paris đã

được ký kết, ta thắng, Mỹ phải rút hết quân về nước. Trong khi tù chính trị hân hoan mừng thắng lợi Hiệp định Paris thì bọn chánh quyền ngụy bắt tù nhân chụp hình để chúng làm danh sách tráo tù chính trị thành gian nhân hiệp Đảng, tù ăn cướp để không trao trả. Các chị biết trước âm mưu của chúng nên chuẩn bị một danh sách tù chính trị để nhờ hai người bạn tù Pháp, hai Giáo sư trẻ tên André Menras và Jean Pierre Debris. Hai giáo sư này đến Việt Nam để thực tập (môn học mà hai vị này đã tốt nghiệp), nhưng các anh lại đứng về phía “Việt cộng”. Ngày 25-7-1970 trong lúc các cuộc đấu tranh đang sôi sục thì các anh cầm lá cờ Mặt trận dân tộc Giải phóng miền Nam lên bức tượng trước trụ sở Quốc hội ngụy ở quảng trường Lam Sơn, cả hai anh bị bắt giam tại khám Chí Hòa, các anh giao lại chiếc radio cho các bạn tù Việt Nam. Khi về đến Paris, các anh giao bản danh sách ba trăm mấy chục nữ tù Côn Đảo và hơn nghìn tù chính trị đang bị giam ở đây. Bản danh sách này đã được chuyển đến tận tay phái đoàn ta đang họp ở Hội nghị Paris, do vậy bọn địch không thể tráo trở.

Sau Hiệp định Paris, Mỹ - ngụy đã trục xuất hai anh về Pháp. Sau khi trao danh sách tù cho phái đoàn ta các anh đã đi đến nhiều nước và André Menras đã viết cuốn sách: *Thoát khỏi ngục tù Mỹ - ngụy, chúng tôi tố cáo.*

Miền Nam được giải phóng, André lại đến để tìm lại các bạn tù, liên hệ với chúng tôi và thành lập “Hiệp hội Văn hóa Pháp - Việt” để giúp đỡ con cháu bạn tù và các cháu học sinh nghèo khổ ở các vùng sâu vùng xa...

Ngày 30-4-1975, chị và các bạn tù được biết miền Nam đã giải phóng hoàn toàn, đất nước đang rộn rã niềm vui ca khúc khai hoàn nhưng Côn Đảo vẫn như ốc đảo xa xôi, tách biệt với ngày trọng đại của đất nước. Lòng chị nôn nao, đứng ngồi không yên, vẫn ngày ngày nỗi lo bị chúng trút trận đòn thù cuối trước khi xuôi tay vì bản chất của bọn này là bản chất của bọn cầm thú, càng bị đánh đau càng cắn càn. Một giờ khuya ngày 30 tháng 4, được sự trợ giúp của những người tốt, lần lượt các cửa nhà tù được mở, chị lại cùng các chị lao vào tổ chức xây dựng chánh quyền.

Ngày 4-5-1975, tàu Hải quân cập đảo, lính Hải quân của ta mặt mày rạng ngời niềm vui đến bắt tay từng anh em tù, các anh chị tù nắm chặt tay những người lính trẻ trong niềm vui khôn xiết. Bọn chúa đảo và bọn tay sai bị bắt giải đi. Côn Đảo tiễn đưa 500 anh chị em ốm đau, bệnh tật trở về đất liền trong đợt 1, người chưa về được chia tay người về trong niềm vui dâng trào.

Những ngày này lòng chị lâng lâng một nỗi niềm khó tả, chị như người bước đi trong mơ, đi hóp nhưng trong lòng lâng lâng. Lúc trước thì hai tay bị còng còn bây giờ thì được anh em mình bảo vệ... Nhưng còn nhiều việc cấp bách phải làm: Truy lùng những tên ác ôn của đảo để giam giữ, chờ bàn giao lại cho chánh quyền quản lý. Làm công tác quần chúng với dân và gia đình binh sĩ. Suu tập những kỷ vật của anh chị em trong thời gian ở tù để đưa về Bảo tàng, trong đó có lá cờ khổ 1,2m x 0,8m do chính tay chị em may thêu rồi cất giấu khi nghe Hiệp định Paris được ký kết. Lá cờ này

hiện được treo ở Bảo tàng Côn Đảo. Ngày 9-5-1975 chị và những người còn lại được Đặc khu Bà Rịa - Vũng Tàu đem tàu ra rước. Ngồi trên chiếc tàu kang trang, đẹp dễ lòng chị tràn đầy xúc động, chị không ngờ mình còn được trở lại với gia đình và lối xóm, bà con. Tỉnh ủy và Hội Phụ nữ Bà Rịa đón chị em rất trọng thể, họ tổ chức mít tinh để làm lễ chào mừng những người con từ Côn Đảo thắng lợi trở về. Chị được cử làm đại diện anh chị em tù đọc diễn văn. Đứng trên bục nhìn những người bạn tù với thân thể ốm yếu tàn tạ, giọng chị nung nung: “Kính thưa đồng chí, đồng đội yêu quý! Chúng tôi, những đứa con như đã mất đi từ bao năm qua, nay được Bác, Đảng và nhân dân cứu sống, lòng tràn ngập hân hoan, dạt dào vui sướng. Còn gì sung sướng hơn khi thấy đất nước ta hoàn toàn giải phóng sau bao năm bị giam cầm trong ngục tù, được nhìn thấy cờ hồng bay, miền Nam ta rực rỡ tung bừng chào mừng chiến thắng...”. Chị vừa dứt lời, tiếng vỗ tay vang lên như sấm dậy khiến chị cảm động trào nước mắt.

Từ già những người bạn thân yêu sau mười lăm năm chia ngọt sẻ bùi qua các nhà lao, các chị hứa hẹn sau khi về với gia đình sẽ bắt tay vào lo công tác địa phương và sẽ tổ chức Hội những người bạn tù Côn Đảo để gặp gỡ, hỗ trợ nhau trong cuộc sống.

Được về với gia đình sau mười lăm năm lưu đày mà có lúc tưởng đâu đã gởi thân nơi xứ khác, niềm vui dâng trào khi nhìn anh được hồi phục sức khỏe, các con Dũng, Hiếu, Việt đã khôn lớn dù ở trong vùng đạn bom hiểm nguy, gặp

lại các chị Bảy Xuân, Chín Sương, Tho và các anh chị em thân yêu đã hết lòng đùm bọc chở che cho vợ chồng con cái chị. Anh chị Tư, anh chị Năm và bé Tiến đang học tập, công tác ở miền Bắc, chị thương thằng Tiến, mỗi khi gởi thư cho ba nó hay cho chị đều hỏi han cận kẽ, nó lo cho chị không được khỏe mạnh hoặc bị chúng nó thù tiêu. Chị đốt nén hương trên bàn thờ, rưng rưng nhìn đi ảnh của ba má, của em Tuyên, những người thân yêu đã trải qua bao gian nan khổ khó, hết lòng đùm bọc dưỡng nuôi vợ chồng, con cái chị. Giờ đây, ngày đất nước thanh bình họ mãi mãi đi xa, mãi mãi đi về cõi hư vô để anh chị và các con không kịp nói lời yêu thương, lời tạ ơn với tất cả lòng thiết tha triu mến của mình. Chị nhìn quanh căn nhà cũ mà như còn nghe tiếng nói thương yêu của ba má ngày nào, biết bao kỷ niệm buồn vui trong thời gian khó nhất của gia đình và của đất nước vẫn còn in đậm trong lòng chị.

Chị nhìn gương mặt khắc khổ của anh, cầm đôi bàn tay thương tật mà nghe hơi ấm quen thuộc thân thương, thấy mình còn được hạnh phúc hơn biết bao người đã âm thầm gởi máu xương nơi Côn Đảo xa vời và chị nhớ những người bạn tù như những người chị, người em ruột thịt đã cùng chị vượt qua bao thử thách chông gai. Anh chị lại lao vào công tác, biết bao việc cần làm sau chiến tranh, anh bị ảnh hưởng của những năm tù tội, sức khỏe kém nhưng vẫn hoạt động không ngừng, anh phụ trách văn phòng của Đặc khu ủy, chị công tác trong Hội Phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh, vừa nuôi dạy con cái học hành.

Gia đình sum họp được mười năm thì anh lâm bệnh nặng rồi qua đời vì hậu quả của những trận đòn roi. Anh mất đi trong sự thương tiếc của gia đình và bè bạn, trong sự đau đớn của chị và các con. Có với nhau bốn mặt con nhưng vợ chồng chưa một ngày an nhàn thành thơ ngỗ bên nhau mà không lo lắng tư lự một điều gì. Anh chị dự định sẽ dành cho nhau những chuyến du lịch trên mọi miền đất nước đẹp xinh trong những ngày về hưu, nhưng điều đó mãi mãi chỉ là trong ước mơ mà thôi.

Bây giờ tuổi già xế bóng, chị vẫn sát cánh với các chị em tù, các chị thành lập Ban Liên lạc cựu nữ tù chính trị và tù binh thành phố Hồ Chí Minh, chị Ba Tốt - Trưởng ban, chị là phó ban (năm 2008, chị Ba Tốt mất, chị lên Trưởng ban) các ủy viên khác như chị Thu Nga, Tư Liêm, Út Nhựt, Ba



Vợ chồng Huỳnh Ngọc Thanh - Vô Văn Tuấn tại Nha Trang (1976)

Son, Tú Cẩm, Trúc Chi, chị Thắm, chị Phương, chị Bé Tư... và nhiều hội viên khác. Các chị thường xuyên thăm viếng hỏi han, an ủi động viên nhau khi gặp khó khăn trong cuộc sống, giúp đỡ nhau về tiền bạc khi túng thiếu, cùng nhau làm công tác xã hội, từ thiện. Hàng năm, các chị tụ hội tại Bảo tàng Phụ nữ Nam Bộ vào ngày mùng 6 âm lịch để gặp gỡ trao đổi những công tác mà Hội sẽ tiến hành trong năm mới như biểu diễn văn nghệ (Hội có đoàn Văn công biểu diễn thường xuyên cho nhân dân thành phố và bà con ở các nơi vùng sâu vùng xa xem, đoàn do chị Út Nhựt và chị Tư Liêm lãnh đạo), tổ chức triển lãm những sản phẩm các chị làm ra trong tù, hay nấu những món ăn kham khổ của tù để ôn lại những ngày cơ cực gian nan. Các chị cũng đang làm cuốn phim: *Nhà tù là trường học* vì các chị nhận thấy đúng là Nhà tù đã làm cho các chị trưởng thành lên về mọi mặt, nhất là về đạo đức con người. Nhưng chị cũng rất buồn vì còn quá nhiều tiêu cực, khoảng cách giàu nghèo ngày càng tăng... Ngày nay, các con chị cũng đã thành đạt, là những công dân tốt, luôn hỗ trợ cho chị trong những công việc từ thiện ở các nơi.

Trở về Côn Đảo để thăm lại chốn đau thương cũ, chị ngẩn người trước vẻ đẹp của biển. Biển bao la kỳ vĩ một màu xanh đậm đuối, bờ cát sạch sẽ trắng mịn trải dài mút mắt, đường phố kang trang, không khí trong lành mát rượi, rừng cây xanh reo vi vu trong gió, những cánh buồm nhấp nhô phía xa xa. Chị bước đi trên bờ cát mịn như người mộng du. Côn Đảo, nơi tù ngục trần gian ngày xưa, nơi đã vùi chôn biết bao chí

sĩ, hiền tài của đất nước, mỗi tấc đất đều thấm máu xương của đồng bào, đồng chí, thấm đẫm mồ hôi nước mắt của biết bao người. Biết bao anh hùng dân tộc đã từng chịu cực hình của bọn đế quốc ở đây...

Chị đứng trước Chuồng Cọp số 30, nơi mà ngày xưa chị đã cùng Bành Dương và chị Bé tuyệt thực, chị không hiểu nổi cái Chuồng Cọp nhỏ bé hôi thúi đó làm sao chứa đựng được bốn năm con người, mọi sinh hoạt đều nằm trong khuôn khổ chật chội mà những người đó lại là nữ, lại còn dám tuyệt thực đấu tranh liên tục khiến cho bọn chúa đảo phải nể phục.

Côn Đảo bây giờ đã là nơi danh lam thắng cảnh nổi tiếng cho khách nhân du, là bảo tàng lưu giữ những di tích tội ác của bọn xâm lăng đã một thời gây tội ác kinh hoàng cho dân tộc. Không biết khi tham quan thắng cảnh Côn Đảo, khi ngồi ăn những sơn hào hải vị của Côn Đảo, có ai còn nhớ đến những con người đã dâng hiến tuổi trẻ, máu xương mình cho Côn Đảo ngày nay được rạng rỡ, đẹp tươi?

KIM QUYÊN

Phan Thị Tốt

(1921-2008)



MẸ CỦA ANH HÙNG

Tôi nhớ lần đầu tiên gặp bà, năm 1993, khi Bảo tàng Phụ nữ Nam Bộ thực hiện bộ phim tài liệu *Giữa ngàn thác lũ*. Bà bé nhỏ, gương mặt buồn lặng, trầm tĩnh, ngồi trên chiếc võng, bên cạnh là chiếc áo - vật kỷ niệm duy nhất của đứa con gái bà từng yêu thương, tự hào, trong những ngày tù ngục. Nguyễn Việt Hồng là một đốm sáng trong lòng bà, nhen lên thành ngọn lửa ấm áp, khiến bà có thêm sức chịu đựng với rêu lạnh mùa đông, nóng bức ngột ngạt mùa hè, với những trận đòn tàn khốc chốn địa ngục trần gian. Tôi biết bà là Trưởng ban liên lạc Cựu nữ tù chính trị và tù binh, từng là Trưởng ban Kiểm tra Đảng của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, là người phụ nữ tham gia cách mạng Tiền khởi

nghĩa, từng bị bắt trong khủng bố trắng sau Khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940, từng trải qua mười một năm trong nhà tù thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Nhưng điều gây xúc động mạnh mẽ trong tôi hôm ấy về bà không chỉ là những ngón đòn tra tấn trong tù, không chỉ là sự tàn ác, âm mưu thâm độc của địch, sự kiên cường của nữ tù trong các cuộc đấu tranh mà trong sự sâu thẳm của một người vợ, người mẹ khi nhớ về những người thân yêu của mình, vào những ngày bị giam cầm trong ngục tù xám lạnh.

Đàn ông có vợ đàn bà có con

Bà Phan Thị Tốt chân thành nói: “Chiến tranh đã trôi qua mấy mươi năm rồi. Thời gian cho phép tôi giải bày, nói những điều thâm kín, rất riêng của mình với các cháu”. Ngừng một lúc, bà nói: “Vì tôi là phụ nữ, là người mẹ nên tôi muốn nói về nỗi lòng giằng xé, những đờn đau mà chị em nữ tù phải chịu đựng. Bị bắt vào tù, bị tra tấn, đánh đập đâu phải là tôi không có lúc dao động. Mỗi lần sinh con cũng là một lúc dao động. Bà đưa con tôi sinh ra trong chiến tranh nào được gần mẹ. Chúng được mẹ gọi từ Ái Nam Quan cho đến mũi Cà Mau. Có hai đứa tôi phải “đem cho” vì có tiền đâu mà gọi. Những đứa con lớn lên không có mẹ cha bên cạnh là một thiệt thòi lớn trong cuộc đời. Chúng thường có cái nhìn rất cực đoan, sống khép kín. Con trai tôi bị rắn hổ cắn mà nó không thềm báo với cha mẹ nuôi, chùng biết được thì nó đã trào dờm. May mà nó được chữa chạy và... còn sống. Còn thằng con trai nhỏ, tôi gọi nó là thằng “Cầm Điếc”. Bởi

nó dường như không muốn nghe ai nói tới nó, nó cũng chẳng muốn nói tới ai, cho dù nó là một công nhân rất giỏi. Nỗi đau của người mẹ trước những số phận đứa con lớn lắm. Trong hoàn cảnh chiến tranh, phải vào tù ra tội, mỗi lần gặp chồng là mang bầu, đẻ con, cũng không ít đồng chí trách tôi không biết sắp xếp chuyện riêng, con cái lùm đùm. Nhưng biết sao được, vợ chồng lâu lắm mới gặp nhau, làm sao ngăn được. Đàn ông có vợ đàn bà có con cũng là lẽ thường tình...”. Đối với bà, mỗi lần sinh con là đối mặt với nguy hiểm, nước mắt, nỗi đau. Bà kể về sự chào đời của Nguyễn Việt Hồng, đứa con gái được sinh ra trong những ngày đen tối của cuộc kháng chiến chống Pháp. Sau khi dự thính lớp chính trị cao cấp của Trung ương, bà có thai đứa con thứ hai và sinh con. Chồng công tác xa, bà phải tự xoay xở:

“Việt Hồng sinh ngày 14-7-1950. Lần sanh này gặp nhiều khó khăn. Trường đóng cửa không còn nữa... Không có nhà phải che một chòi nhỏ xíu gần nhà một bà má ở kinh 3 Vĩnh Thuận. Bệnh xá cách đó chừng hai cây số. Mẹ con hoàn toàn tự lực trong hoàn cảnh khó khăn, như là tình hình chính trị, tệ nạn xã hội trong nhân dân nhiều điều bất lợi... Sợ như là thời sự nhân dân. Đêm rồi trong xóm mất đồng loạt hai mươi chiếc xuống của dân. Mấy bữa sau một đứa bé mới sáu tuổi, con cán bộ bị giết chết bỏ ngoài đìa. Một ông già, cha của ông Phước tình đội trưởng bị cắt cổ chết. Có cả đêm, nhà nào có cán bộ đều bị liệng đất vào nhà. Mẹ con tôi không dám nhúc nhích. Nhiều tin đồn ma quái đưa vồng trên cây, hát những lời bậy bạ làm hoang mang lòng người, do cuộc

chiến tranh kéo dài gây nên tâm trạng chán chường, mệt mỏi của không ít người; do cả sự sai lầm, ấu trĩ của cán bộ, chủ trương của lãnh đạo lúc đó...”.

Rồi giản chính. Tùng là Ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh ủy Rạch Giá, không một cơ quan nào nhận bà. Người mẹ ấy quyết định học nghề nữ hộ sinh vì: “Xã hội đang cần và không ai muốn làm công tác này. Theo tôi, việc gì có ích cho người thì làm, lại với hoàn cảnh mẹ con tôi đang cần có nhà ở, cần có điều kiện nuôi con. Và tôi cũng không muốn làm nặng nề cho anh Hùng Sơn - chồng tôi lúc ấy là Trưởng ty Công an tỉnh Cần Thơ”.

Nghề nữ hộ sinh đã giúp bà nuôi con, gần gũi với dân, được dân tin yêu, đùm bọc. Nhờ nghề “đỡ đẻ”, bà được bà con đùm bọc, cứu mang trong những năm chính quyền Mỹ - Diệm được dựng nên, khủng bố những người kháng chiến cũ. Cảnh bà vượt cạn sinh đứa con thứ tư - Việt Bình thật náo lòng:

“Trước khi sinh, tình hình ở vùng này căng lắm. Tên ác ôn Lâm Quang Phòng chủ trương khủng bố ác liệt. Người dân ở đây gần như bất hợp pháp hết. Khi có cuộc càn quét là dân phải chạy trốn, chỉ còn bà già, con nít ở lại coi nhà thôi. Phần tôi rất lo vì sắp sinh. Chạy theo họ cũng khó, còn ở lại khi sinh đẻ một mình càng sợ hơn, vì biết mình sinh lần nào cũng bị sót nhau, lỡ bị băng huyết thì chết cả mẹ lẫn con. Tôi muốn xuống Cà Mau, đến trạm y tế công khai của ông Nguyễn Văn Thân, biết nhau thời học trường hộ sinh của Sờ Y tế Nam Bộ. Nhưng đường xá xa xôi quá, chèo

xuông cả ngày mới tới, lờ đờ dọc đường, dưới sông càng khổ hơn...

Một đêm, tôi đang ngủ một mình dưới chỗ chuẩn bị sinh (chuồng gà ở nhà một cơ sở), cơn đau bụng đầu tiên làm tôi giật mình thức giấc. Biết mình chuyển bụng sinh, tôi phát run lên, tự mình trấn tĩnh để sinh con. Tội nghiệp, con tôi không chào đời được dễ dàng. Nó mắc giữa hai chân tôi. Tôi sờ vào cổ nó, biết rõ nó là bị “nhau choàng”, cuống rốn dài nên quấn vào cổ kéo lại. Tình trạng này kéo dài đưa bé có thể chết ngạt. Tôi sợ quá, không biết phải làm sao, bởi nếu ngồi dậy sợ gãy cổ con, đề lâu sợ nguy hiểm. Biết cháu Liễu đã thức, tôi nhờ nó chạy lại kêu bà Sáu, nhà kế bên tiếp cứu. Tôi đưa cho bà chiếc kéo nhờ bà mở vào cổ cháu bé, thấy cái gì như ruột người ta, bà cắt giúp. Bà run rẩy cầm kéo nhưng khi tay đụng vào đồng bầy nhầy, bà hoảng sợ bỏ chạy. Tôi thương con quá, không có cách nào khác, liền cố gắng kéo dây rốn cho tước nhau để bé ra được. Tôi biết đây là một việc làm nguy hiểm, rất dễ sót nhau, có thể gây băng huyết nhưng để cứu con, tôi không có cách nào khác. Đưa bé ra được, cất tiếng khóc. Tôi mừng quá, cố ngồi dậy, cắt dây rốn cho con, chỉ lau sơ cho nó, không tắm rửa gì được, xong rồi lo cho mình. Thuốc để dành cho sanh đẻ chỉ có sáu viên Dagénon, cũng đành chịu vậy... Ngày thứ ba, nửa đêm tôi bị một cơn lạnh run kinh khủng nhưng không làm sao có lửa để sưởi ấm. Tôi phải ôm con nhờ hơi ấm của nó nhưng nó nhỏ quá, hơi ấm chẳng có bao nhiêu, chỉ làm khổ nó!”.

Bà phải chịu cảnh “đi biển mò côi một mình”, suốt hai tháng, bị bệnh tật hành hạ. Nhận nghị quyết bổ sung vào Tỉnh ủy Sóc Trăng, lòng bà đầy giằng xé. Chưa kịp cứng cáp, bà đành gởi Việt Bình về cho ngoại nuôi. Trước khi nhận nhiệm vụ, bà thu xếp gặp chồng, vì “Theo ý anh Kiệt (Võ Văn Kiệt), tôi nên thu xếp đi gặp anh Hùng Sơn, vì sắp tới sẽ khó gặp nhau lắm, kẻo anh thắc mắc! Khi tôi đến Sóc Trăng thì đưa con thứ năm (Việt Quang) đã nằm trong bụng tôi...”. Rồi bà lại có mang Việt Sơn (Cu Tèo). Khi ấy, chính quyền Diệm đang thi hành Luật 10/59, đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật. Lần này, bà không phải “gởi” mà phải “cho” con, bởi người nhận nuôi bé đặt điều kiện: nếu nhận nuôi dùm thì mỗi tháng bà phải gởi mười hộp sữa. Không có mười hộp sữa, bà phải cho đứt đứa bé. Lòng người mẹ đầy giằng xé, cuối cùng đi đến quyết định:

“Chuẩn bị xong, tôi nói với chị: Việt Sơn bữa nay đúng năm mươi ngày tuổi. Tôi băng lòng cho nó. Tôi chỉ xin chị một điều. Sau này nó lớn khôn mà cha mẹ nó chết hết, chị hãy nói cho nó biết sự thật, để nó không hận thù cha mẹ nó. Chị đồng ý và nói như đinh đóng cột: “Khi nào nó hai mươi tuổi tôi sẽ nói cho nó biết sự thật. Mười chín tuổi rưỡi cũng chưa cho biết!”. Nhìn chị Sáu ẵm Việt Sơn đi trong bóng tối mà ruột tôi như có ai thắt lại. Vậy mà hôm sau tôi mò đến nhà chị ở đậu để ngủ với con. Tôi ẵm nó ra ngoài ngủ. Tôi hun hít nó muốn chết, còn cho nó bú nữa, sữa căng chịu không nổi. Hai đêm như thế, chị Sáu phản ứng: “Chế (cách gọi chị của người miền Tây Nam Bộ) thương con ai cũng biết nhưng

đã cho thì phải để cho tui nuôi, còn làm vậy hoài, ché ầm về đi... Chị nói đúng nhưng bỏ con tôi đau quá. Thôi, vậy là đi làm nhiệm vụ. Không chỉ lìa xa Việt Sơn, tôi ra đi còn bỏ Việt Hồng, Việt Anh, Việt Quang cho vợ Tư, với nỗi lo trĩu nặng, nếu tôi bị bắt, các con tôi sẽ bơ vơ. Và Việt Thanh tập kết ra Bắc, biết đến bao giờ gặp lại, khi Mỹ - Diệm phản bội Hiệp định Genève, đất nước bị chia cắt, máu miền Nam tiếp tục chảy...”.

Trên đường đi tìm Huyện ủy Phụng Hiệp, bà phát hiện địch tìm mọi cách bắt ba đưa con bà đang gởi cho gia đình “mợ Tư” ở cơ sở. Tình hình vô cùng khó khăn, mợ Tư không dám nhận nuôi ba đứa trẻ. Vậy là bà đưa ba con xuống xuồng, tiếp tục hành trình công tác. Tình cảnh của bà lúc ấy thật thảm thương: “Ba đứa con, một người mẹ, một rương cây nhỏ đựng quần áo, một chiếc tam bản chờ lồi 20 gạ. Tất cả gia tài sự nghiệp của tôi đó. Tôi chèo ghe ra chợ Phụng Hiệp, chui xuống gầm chợ cá, cắm sào đậu lại cho muỗi cắn một đêm”. Bà nghĩ bằng mọi cách phải tìm ra cơ sở, chợt nhớ đến ông Ba Cầu, bạn tù Côn Đảo với chồng bà thời chống Pháp. Ông nhận nuôi Việt Anh nhưng không làm được việc liên lạc móc nối với Huyện ủy được. Bà tiếp tục cuộc tìm kiếm, đành gởi con cho ông. Lần này, bà đôi mắt với nỗi đau xé khác:

“Khi xong việc, tôi từ già ông Tư xuống ghe đi. Tôi không ngờ Việt Anh phản ứng nhanh và dữ dội đến thế. Nó nắm dây buộc ghe kéo lại, miệng la: “Bớ làng xóm, bớ làng xóm ơi! Coi người ta đi người ta bỏ tôi lại đây nè!”. Đồn Láng Sen

cách đó chỉ chừng 300 mét. Sợ quá, tôi phải chạy lên, kéo Việt Anh lên bờ ra sau, năn nỉ nó: “Trời ơi, con biết không, con la lớn lính sẽ biết được, bắt mẹ con mình thì làm sao. Tại sao con đồng ý ở lại đây với ông Tư rồi lại la như vậy?!”. Việt Anh méo máo: “Tại sao ai cũng nuôi con được. Ba má lại bỏ con. Ba có vợ bé, má đi bán hoài. Đi bán sao bỏ con?!”. Tôi chết đứng. Đến lúc đó tôi biết mình phải nói sự thật: “Con ơi! Ba má con đi làm Cộng sản, đánh đổ Mỹ - Diệm. Còn nó, mẹ con mình không ở chung được. Nó không cho, nó giết mẹ con mình. Con biết không, ba không có vợ bé. Má không đi bán gì hết. Ba má là “Việt cộng”, con biết không?!”. Việt Anh mở to mắt nghe tôi nói. Nó có vẻ rất xúc động nhưng phụng phịu: “Sao hồi đó tới giờ không nói cho người ta biết, cứ nói “có vợ bé”, nói “đi bán”. Bỏ người ta hoài, tức lắm. Thôi đi đâu thì đi, lâu lâu má ghé thăm con!”. Tôi chèo ghe mà nước mắt chảy ròng ròng...”.

Ông Trời tiếp tục thử thách lòng người mẹ. Sông Ngà Bảy nước ròng chảy rất mạnh. Chiếc tam bản mong manh của bà đập vào chiếc ghe chài quá mạnh, làm Việt Hồng rơi xuống sông. Bản năng người mẹ khiến bà hành động:

“Tôi nhảy ào xuống sông, nghĩ con tôi sẽ nổi lên phía sau của chiếc ghe. Tôi vừa lội vừa kiếm con, nhìn qua lại không thấy con tôi đâu. Thôi rồi, con tôi chìm mất rồi! Chiếc tam bản và thặng Việt Quang đã trôi xa. Tôi sợ mất thêm thặng Việt Quang, quảy lại theo chiếc ghe. Leo lên được chiếc ghe, tôi kiệt sức. Chèo ngược vô Láng Sen khoảng 500 thước, tôi không chèo nổi nữa. Tôi cố sức chèo mạnh, dấn lên một bãi

cỏ mé sông trước cửa dinh quận. Tôi ngồi bẹp xuống ghe. Quang vẫn ngủ. Tôi chết lặng, không khóc, không nhúc nhích. Trời ơi, tôi mất Việt Hồng rồi! Tôi nhớ hai chân nhỏ xíu của con lúc rơi xuống sông. Bây giờ con ở đâu?! Tôi ngồi hơn một giờ với tư thế người chết, đầu không còn nghĩ gì được nữa.

“Má ơi”, “Má ơi”. Tôi bỗng giật nẩy mình, quay về phía tiếng kêu má. Đúng là tiếng kêu của Việt Hồng, con gái tôi. Tôi nhìn lên bờ, không tin vào mắt mình. Việt Hồng mừng quỳnh reo lên: “Má ơi, con còn sống đây, má ơi!”. Đúng rồi, con tôi, Việt Hồng. Con tôi bèo nhèo, xơ xác, xanh xao. Trời ơi, làm sao con sống được. Ôm con, tôi nghẹn ngào. Con tôi kể lại: “Con té xuống sông, nước chảy mạnh quá, chiếc ghe lớn công con. Con tấp vô lườn ghe ở đó. Con ngộp lắm, con uống nhiều nước. Con cố ngoi lên dữ lắm mà không được. Rồi con không biết gì nữa. Khi con tỉnh lại, nghe bà chủ ghe nói, bà đang rửa chén thấy ở hông ghe có hai bàn tay nhỏ xíu. Bà la lên. Người trong ghe chạy ra kéo con lên. Người ta làm cho con sống lại. Con mừng quá, cảm ơn người ta rồi chạy theo má đây”.

Không gì mừng hơn khi con gái ngỡ chết đi rồi sống lại. Bà sức nhớ Việt Hồng từng mơ ước có một chiếc gương soi mặt nhưng bà chưa mua được cho con. Lần này, bà biết không thể hà tiện với con gái, bèn chạy đến tiệm tạp hóa mua chiếc gương thường cho Việt Hồng. Rồi mấy mẹ con bà phải chèo ghe đi khỏi nơi nguy hiểm. Chiều hôm đó Việt Hồng sốt nặng, kéo dài cả mười ngày. Bà rơi vào tình thế ngặt nghèo, vẫn chưa liên hệ được với tổ chức, con lại đau,

không có tiền chữa bệnh cho con. Một giải pháp lóe sáng trong lòng bà: “Phải quan hệ với dân”. Nhưng ai là dân tốt khi Luật 10/59 của chính quyền Mỹ - Diệm ban hành?! Bà mãi mê chèo, cho mũi xuống tấp vào những nhà nghèo xin nước uống, nhân đó tìm cách liên lạc với Huyện ủy...

Những ai đã sống qua những ngày đen tối của cách mạng miền Nam mới thấu hiểu nỗi cô đơn của một người mẹ đi làm công sản, giữa bốn bề sông nước: “Mỗi buổi sáng, tôi vẫn chèo ghe trên sông, hướng ra chợ Phụng Hiệp... Tôi bị nhức đầu kinh khủng và bị ối mưa. Tôi không còn đủ sức để chèo chống nữa. Tôi ghé xuống vào một bến sông có bụi tầm vông che mát. Tôi cố gắng lên bờ, nhận ra những dấu hiệu nhà của cán bộ. Từ đó, tôi liên lạc được với Huyện ủy...”.

Bà được đi học Nghị quyết 15. Niềm vui được võ trang đánh địch nhân lên trong lòng bà gấp nhiều lần khi được gặp lại chồng. Và lần này (năm 1961), bà tiếp tục đẻ con gái Việt Hà. Mới sinh con, bà đã nhận nhiệm vụ mới: về Cần Thơ, tham gia Tỉnh ủy. Thách thức mới lại đến với người mẹ: “Về đây cái gì cũng mới: chỗ ở mới, nhiệm vụ mới, công việc nặng nề, to lớn hơn. Các con lớn Việt Hồng, Việt Anh, Việt Quang tôi gởi ở căn cứ; Việt Sơn thì đem cho. Tôi mang theo Việt Hà vì nó còn bé bỏng nhưng làm sao nuôi con?! Tôi được phân công làm Phó Bí thư thường trực của Tỉnh ủy. Nhưng công việc của thường trực không có nghĩa là ở một chỗ mà phải đi, kể cả đi với bộ đội, mà đi thì phải ẵm con theo vì nó phải bú. Tội nghiệp con tôi. Nhỏ quá, ẵm đi trời nắng, Việt Hà bị lột da. Lúc qua lộ phải đi đêm khuya. Trời

lạnh, tôi phải mang con trước ngực trong chiếc khăn choàng tấm. Qua lộ thường là gần đôn bột giặc, dễ bị biệt kích, nếu rủi ro con khóc là chết cả đám. Nhưng tội nghiệp Việt Hà, nó chưa khóc lần nào...”.

Người mẹ đi kháng chiến ấy không chỉ phải đối phó cân não với kẻ thù mà còn phải đối mặt với những quan điểm, định kiến về phụ nữ có con mọn làm lãnh đạo. Rốt cuộc, bà cũng phải tìm cách gởi Việt Hà cho gia đình một cơ sở nuôi nấng. Bà còn đối mặt với nỗi đau riêng, khi hạnh phúc gia đình đứng trước nguy cơ đổ vỡ, như lời tâm sự của bà: “Vì không chịu ăn cơm với cái chén bẻ mà chồng tôi đã lớn tiếng. Tôi vì không hiểu anh xuất thân từ một gia đình địa chủ ngoài Bắc, cuộc sống kiểu cách, phong lưu được chiều chuộng đã quen nên tủi thân cãi lại. Vợ chồng tôi cũng là lần đầu tiên cãi nhau. Tuy giận nhưng có tình gay gắt, quyết liệt và quyết định, đại ý anh thấy cuộc sống vợ con anh quá nghèo khổ, quá bẽ bộn, anh chán nản không muốn về nữa. Tôi cũng nói rõ không muốn anh về cái nhà này nữa, hãy để mẹ con tôi yên phận và mong anh nên nhớ lời, không nên gặp nhau nữa. Thế là anh đi...”. Khi tập kết chuyên quân, ông Hùng Sơn viết thư, rất mong bà đưa các con đến thăm ông ở khu vực tập trung. Bà đã viết cho ông lá thư dài hai mươi trang, nói rõ bà không bao giờ theo ông ra miền Bắc, và “đừng nên tiếp tục làm khổ nhau và sự chịu đựng của con người là có hạn, có dịp để giải phóng cho nhau”. Tỉnh ủy Rạch Giá góp phần tác động hàn gắn tình cảm vợ chồng bà, phải bảo vệ đưa bà về cơ quan Tỉnh ủy gặp chồng. Ông Hùng Sơn nhận lỗi mình đã

quan liêu, có lỗi với gia đình và bà. Ông không muốn ly dị và quyết định ở lại miền Nam, cùng kề vai sát cánh với bà trong những ngày khó khăn sắp tới. Và ông đã chứng thực tình yêu của mình dành cho vợ con bằng chính cái chết anh dũng của mình ở nhà lao Tân Hiệp. Đó là một nhà lao kiểu mẫu của Mỹ - ngay thời chống Mỹ, do Bùi Thanh Tâm làm quản đốc. Chúng chủ trương, ai vào trại giam này chỉ có “đầu hàng” và “chết” mà không có “chống đối”. Sau này, bà nghe những người bạn tù của Hùng Sơn kể lại. Chồng bà cùng 200 tù nhân bước vào cuộc đấu tranh chống chào cờ quy mô. Trước lúc “ra trận”, ông gặp người bạn tù, nói: “Tôi là Khu ủy viên, không thể chào cờ chúng. Không chào cờ, tôi biết mình sẽ không thể sống. Bọn này ác lắm. Xin anh cho tôi gửi lại cho vợ tôi một chiếc khăn tay, một cái nhíp nhổ râu. Khi nào có dịp anh đưa giùm cho vợ tôi và nói: “Tôi có lỗi với vợ tôi nhiều, hãy bỏ qua cho tôi”. Ngày 20-5-1966, địch công cả tay chân ông, bỏ vào xà lim. Năm ngày sau, chúng mở cửa xà lim thì ông đã chết tự lúc nào. Cơ thể ông đã có mùi hôi. Cái chết của ông để lại sự khâm phục, yêu kính trong lòng bạn tù. Cho đến lúc đó, bà biết mình đã yêu ông biết bao. Cũng như bao người phụ nữ trong chiến tranh, bà lặng lẽ chấp nhận sự mất mát: “Thế là từ nay con tôi không có cha. Tôi là người mất chồng, góa bụa suốt đời”.

Nguyễn Việt Hồng - Con gái anh hùng của mẹ

Nén nỗi đau, bà lao vào chiến dịch Mậu Thân 1968. Bà được phân công trực tiếp vào thị xã, tiếp cận cơ sở, cùng với

Thị ủy Sóc Trăng phối hợp tấn công. Trong cuộc chiến đấu này, bà vững lòng khi có Việt Hồng - cô gái suýt chết đuối vì chìm ghe năm nào nay đã thành một nữ chiến sĩ. Sau Mậu Thân, bà được Khu ủy đưa về Sài Gòn công tác. Việt Hồng về Cần Thơ, trong tổ biệt động. Bà không hay rằng khi bà về Sài Gòn đối mặt với một địa bàn mới đầy ngổn ngang thì Việt Hồng bước vào trận chiến đấu quyết liệt. Đầu năm 1969, Nguyễn Việt Hồng nhận nhiệm vụ đánh vào Ty Cảnh sát nguy trong thành phố Cần Thơ, nơi tập trung bọn đầu sỏ có nhiều nợ máu với nhân dân. Chị mưu trí vượt qua nhiều trạm kiểm soát của địch, đặt mìn vào nơi đã nghiên cứu kỹ và rút ra ngoài an toàn. Nhưng mìn không nổ. Biết lọt vào hang ổ địch lần thứ hai là rất nguy hiểm nhưng quyết tâm giữ bí mật cho trận đánh, chị trở lại Ty Cảnh sát, lấy mìn ra, với ý định sẽ sửa chữa rồi sẽ đánh lại. Rất mưu trí, bình tĩnh vượt qua bao khó khăn, Việt Hồng mang được quả mìn đem ra một khu phố bên cạnh. Bất ngờ, mìn nổ, chị bị thương nặng hai chân. Bà con khu phố chạy ra vực Hồng dậy. Bọn cảnh sát nguy lao tới cướp chị mang đi. Địch dùng cực hình tra tấn chị rất dã man, sau đó đưa chị vào bệnh viện điều trị vết thương nhằm dụ dỗ, mua chuộc nhưng chị vẫn giữ vững lòng trung kiên, bất khuất. Ngày 17-3-1969, chị trút hơi thở cuối cùng...

Sự hy sinh anh dũng của Việt Hồng không cho phép bà lùi bước trước khó khăn. Bà nhớ lại: “Gặp anh Kiệt (ông Võ Văn Kiệt). Anh phổ biến một số tình hình của thành phố và yêu cầu công tác trước mắt. Đại ý sau Tết Mậu Thân, tổ chức Đảng và cơ sở bị tổn thất lớn. Hiện nay có nhiều nơi các cơ

sở hầu như tan rã. Vừa qua, phong trào cách mạng ở thành phố có nổi nhưng ở Thanh niên, Phật giáo thì khá, còn ở cơ sở công nhân thì còn quá ít. Qua tổn thất Mậu Thân hiện nay, có nơi tổ chức nòng cốt coi như mất hết. Cho nên, hiện nay trên yêu cầu phải củng cố lại các tổ chức quận ủy, huyện ủy và xây dựng cơ sở cho đủ sức chiến đấu với tình hình tới". Bà được giao nhiệm vụ làm Bí thư Liên quận 1-3. Sau này bà tâm sự: "Đó là một công việc vượt sức của tôi. Một bà già năm mươi tuổi, nông dân, ăn trâu, học ít, không có kinh nghiệm công tác đô thị thì làm sao lãnh đạo được nội bộ và công tác vận động quần chúng?! Tôi bày tỏ nỗi lo với anh Kiệt. Anh phân tích tình hình và nói: "Chúng tôi điều chị lên Sài Gòn là cần thiết cho công tác trước mắt và lâu dài cho cách mạng, cho Đảng ở đây. Chúng tôi đã nghiên cứu kỹ rồi, chị hiểu không?! Nếu chị không thích thì cứ tự ý bỏ về Khu 9 đi! Thế là tôi đi nhận chỗ ở và chuẩn bị họp quận ủy lần đầu. Lãnh đạo đã quyết, tôi đâu dám cãi". Đúng như dự cảm của bà, ngày 7-5-1969, bà bị bắt tại đường Phan Đình Phùng (nay là đường Nguyễn Đình Chiểu), trong nhà con hẻm gần chợ Vườn Chuối...

"Không có thuốc gì làm tôi phàn bội được"

Cũng từ đó, bà bước vào cuộc chiến đấu quyết liệt trong nhà tù. Bà chỉ khai mình là người chở trái cây từ quê lên Sài Gòn bán kiếm lời, nhờ "cậu Hai" (một sinh viên trong đường dây hoạt động của bà) mua nhà để cho con ăn học. Cậu Hai đồng ý giúp tôi mua nhà với điều kiện tôi sẽ cho cậu một chỗ

ờ. Và đổi lại, cậu sẽ kèm con tôi học”. Bà bị đánh đập dã man. Sợ bà chết mất đầu mỗi khai thác, chúng đưa bà vào bệnh viện Cộng Hòa điều trị. Sau mười bảy ngày, bà được đưa trở về nhà giam để tiếp tục điều tra. Bà sưng sờ khi nhận được thư của người “đồng chí” của mình. Trong thư, “cậu Hai” cho biết: ngày mai cậu sẽ khai cho tôi là cấp trên của cậu. Bà bán trái cây đó chính là cán bộ cao cấp của Đảng. Cậu thú nhận vì bị đánh quá nhiều, cậu không chịu nổi. Cậu cũng khuyên tôi chịu vậy vì nếu không khai thật, chúng sẽ chích thuốc, rồi cũng khai hết. Tôi nhấn trả lời với “Cậu Hai”: “Tôi không khai gì hết. Và cũng không có thuốc gì làm tôi phân bội được”. Thế là cuộc chiến kéo dài thêm ba tháng nữa. Tôi nói “không”. “Cậu Hai” nói “có”, thế là người tri thức không nói gian cho ai. Thế là tôi bị tra tấn vô cùng ác liệt, dã man. Chúng cho bí thư Quận 3 cũ đến nhận mặt tôi. Anh không biết mặt tôi nhưng “chắc bà này thay tôi”. Anh động viên “Cậu Hai” cứ khai như thế. Cuộc chiến kéo dài, không nhượng bộ ai. Tôi bị tra tấn rất dã man. Dường như không còn cực hình nào mà tôi không ném trái”. Đó là những năm tháng đau đớn nhất đời bà. Một tên chiêu hồi hiển kế: “Với đối tượng này cần “làm nhục”. Vì cán bộ cao cấp chỉ sợ nhục chứ không sợ đòn roi”. Kiên tâm chịu đựng sự “làm nhục” hèn hạ của kẻ thù, bà không hé một lời khai nào khác. Bà ngày càng đuối sức. Những trận đòn thừa dằn. Kính ngạc trước sức chịu đựng của bà, bọn điều tra không còn hăng hái nữa.

Còn sống là còn chiến đấu. Bà tự nhủ: “Không nhất thiết

phải chết khi có thể sống được mà không thiệt hại gì”. Trong tận cùng tuyệt vọng, chợt lóe sáng trong đầu bà ý nghĩ có thể xoay chuyển được tình thế. Vận dụng toàn bộ sức lực, bà viết cho “Cậu Hai” lá thư, phân tích thiệt hơn: “Cậu biết tôi là ai rồi. Tôi chịu chết không khai đâu!!! Tôi chết. Chúng tiếp tục đánh cậu đến chết để tìm đầu mối. Cậu sẽ chết vì không biết khai cho ai. Không còn ai để khai, cậu sẽ chết. Tốt nhất, cậu nên phản cung, khai lại. Tôi cũng khai lại. Hai người phải thống nhất về lời khai, dù có thêm một trận đòn nữa cũng ráng để kết thúc vụ án. Tình hình rất thuận lợi”. Bà khai trở lại, bà chỉ nhận lời làm liên lạc cho “Chị Tư Xê”. “Cậu Hai” khai lại: “Do đứt liên lạc đã lâu, tình hình khó khăn không hoạt động được. Gặp bà bán trái cây từ vùng giải phóng ra, tôi rất mừng, hỏi bà có phải là cấp trên của tôi không. Thấy bà cười, tôi tin như thế. Nào ngờ, bà ta chỉ nhận lời móc nối tôi cho bà Tư Xê thôi”. “Cậu Hai” nói thêm: “Mấy ông coi lại, bộ tướng của bà làm sao lãnh đạo được tôi!”.

Vụ án thế là kết thúc, bà được giải về Tổng nha Cảnh sát. Địch cho đây là vụ án nhỏ, hồ sơ không có gì rắc rối nên làm thủ tục, đưa bà qua nhà tù Thủ Đức, nơi giam giữ hơn 2000 nữ tù. Và ở đây, bà đối mặt với trận đấu tranh tàn khốc khác. Sau chiến tranh, bà giải thích cho lớp trẻ hiểu vì sao những người tù kiên quyết chống chào cờ bằng chính máu cuộc đời mình:

“Chống chào cờ là một cuộc đấu tranh rất lớn và cũng rất ác liệt về cực hình cũng như tâm lý, tư tưởng của người tù chính trị. Đây cũng là cửa ải sau cùng của thời kỳ tra tấn lấy

cung khai của địch. Và đây cũng là trận chiến khẳng định thái độ, phẩm chất của người tù, khí tiết của người cộng sản.

Mấy tháng gần đây, Thủ Đức có phong trào đấu tranh mạnh. Địch có nhượng bộ chút ít. “Đấu tranh chống chào cờ” có dễ hơn trước, nếu một tập thể thì đơn giản hơn là từng người đơn độc. Có người tự chống một mình, chúng đánh rớt năm lần bảy lượt trần thân, gian khổ. Tôi còn khổ hơn, bởi là một người dân nhà quê từ “hồ sơ” đến hình dáng, bộ tịch, nói năng. Là “nhà quê” thì biết gì, sao lại tuyên bố chống chào cờ. Trước mặt tôi, chúng hỏi một số chị em tù: “Tại sao không chịu chào cờ?”. Các chị trả lời: “Chúng tôi là cán bộ “Mặt trận giải phóng”, nên chúng tôi không chào cờ mấy ông được”. Chúng găm giữ một lúc rồi đem nhốt chị em vào xà lim. Vậy là “yên thân”. Một thời gian bị biệt giam, kể như “yên thân”, trở thành người tù “biệt giam”. Còn tôi khổ thân trong lý lẽ: “Tôi không chào cờ của các ông được vì cờ của các ông là cờ Mỹ. Mỹ đã giết hại chồng con tôi, đốt nhà tôi. Tôi thù Mỹ. Cờ Mỹ - nguy tôi nhất định không chào!”. Chúng cũng chẳng chịu thua tôi, một bà già, một dân nghèo, ngu dốt. Chúng nhất định thắng. Tôi cũng nhất định thắng. Để thắng, chúng dùng đủ cực hình kéo dài, có lúc tưởng chừng tôi phải chịu thua. Ở đây, có phần nào ác liệt hơn ở An ninh Quân đội. Cuối cùng tôi thắng, chúng thua, thua một người dân mà chúng đánh giá là một bà già quê dốt nát. Tôi thắng trận cuối cùng trong chiến đấu cá nhân đơn độc. Tôi mừng lắm. Và cũng thấy tội nghiệp mình lắm, có ai biết không?!”.

Cuối năm 1969, bà bị đày ra Côn Đảo, trong số mấy trăm nữ tù nhân. Với sự bình tĩnh, chịu đựng, lòng yêu thương chị

em, bà trở thành người chị được tin cậy, là trung tâm đoàn kết chị em trong những cuộc đấu tranh. Bà cùng chị Mười Thanh thay phiên canh gác bọn trật tự để chị em thêu lá cờ Mặt trận giải phóng. Bà nhận phần đứng mũi chịu sào trong các cuộc đấu tranh đòi yêu sách với địch. Sau chiến tranh, bà cùng chị Mười Thanh ngồi ôn lại chuyện cũ. Bà chân thành nói:

“Nào phải ở tù mà tôi không dao động. Tôi nhớ chồng, nhớ con đã hy sinh. Nhưng chính chồng, con tôi là nguồn động viên để tôi kiên cường chiến đấu. Lúc đầu, bị tra tấn liên tục đau đớn quá. Tôi nghĩ đến con. Việt Hồng nhỏ mà gan dạ, dũng cảm, chịu đựng mọi đau đớn, giữ được khí tiết, được mọi người thương mến. Việt Hồng - con gái tôi đã sống, chết như anh hùng. Trong tù, thôi thì mình không bằng ai thì cũng ráng bằng con mình, không lẽ mẹ chẳng bằng con. Sau nhiều ngày, tôi lại nghĩ đến Bác Hồ. Hình ảnh Bác động viên tôi phải sống, chiến thắng trở về. Nếu Bác còn sống, được gặp Bác, chắc chắn bác sẽ khen chúng tôi giỏi. Ôi, nếu được vậy thì thích biết bao! Bác không còn thì tôi còn có các anh. Thắng trận trở về, các anh Mai Chí Thọ, anh Võ Văn Kiệt, anh Hai mình sẽ thay mặt Đảng ôm hôn mình, sung sướng lắm lắm!”.

Từ Côn Đảo, chúng đưa bà trở về nhà tù Tân Hiệp. Bà Huỳnh Ngọc Thanh (Mười Thanh) - người bạn tù của bà Phan Thị Tốt ngậm ngùi kể: “Chị Ba Tốt khi vô tù có ý tìm tôi. Gặp nhau rồi, chị em thân nhau liền, vì có hoàn cảnh giống nhau, có cùng cách nghĩ, nhìn nhận về con người. Tôi không bao giờ quên những ngày hai chị em tranh thủ được bà trật tự tốt

bụng, mua cái radio nhỏ xíu. Tôi hai chị em cứ tìm cách ngu chung nhau. Chị Ba làm nhiệm vụ canh gác. Tôi nghe đài. Nhờ vậy mà chúng tôi có thông tin, đề kịp lúc đối phó với địch. Đức tính chị Ba tôi thấy gần nhất, thương nhất là sự hy sinh quên mình cho người khác. Vì lẽ đó, khi thành lập Ban Liên lạc Cựu nữ tù chính trị và tù binh, chúng tôi bầu chị Ba làm Trưởng ban - xem chị như người chị gần gũi để chia sẻ, yêu thương. Nhiều năm dài chị đã tận tâm làm công việc không dễ dàng này, bằng tình yêu thương, chia sẻ với chị em nữ tù trở về đời thường sau chiến tranh, mỗi người mỗi cảnh”.

Có lẽ vì cuộc đời có nhiều nỗi khổ đau, bà dễ cảm thông, chia sẻ những bất hạnh của những người bạn tù trước và sau cuộc chiến tranh. Bà đã từng kể với tôi về chị Nguyệt với tất cả lòng thương cảm, xót xa. Chị Nguyệt đã sinh con trong nhà tù, đã dũng cảm đối phó với sự rún ép của kẻ thù. Chúng thâm độc dùng đứa con để rún ép người mẹ. Chúng dứt đứa bé ra khỏi mẹ để uy hiếp tinh thần chị. Chị đã đơn độc đấu tranh để giành lại đứa con. Chị lấy kim băng gài đứa bé được bọc trong tã lót vào người, phòng khi chị ngủ quên, chúng bắt đứa bé mang đi. Có bút mực nào tả xiết cảnh người mẹ phải sinh con một mình trong tù... Giữa địa ngục trần gian đầy quỷ dữ rình rập, chực chờ, chị vẫn bảo vệ được giọt máu của mình. Vì lẽ đó, Nguyệt đặt tên con là Dũng Sĩ. Hồi đó, nghe bà kể, tôi đi tìm chị Nguyệt, để viết nên một câu chuyện cảm động về cuộc đấu tranh của người mẹ để giành lại đứa con trong chiến tranh và hòa bình. Trong nhiều năm làm Trưởng ban liên lạc, lắng nghe, chia sẻ và nhiệt tình, bà



Vợ chồng Ba Tốt - Hùng Sơn

đến với nhiều số phận nữ tù, khi bà lấy tiền túi, từ những đồng lương hưu trí nhỏ nhoi, khi bà gõ những cánh cửa quyền lực, kết nối những tấm lòng để kịp thời đến với

những mắt mát, khổ đau. Tôi thầm nghĩ nếu bà không trải qua nỗi khổ đau khi phải vượt cạn một mình, phải đem cho những đứa con trong chiến tranh, phải mất chồng, mất con trong cuộc chiến, phải đấu tranh chiến thắng với sự dao động, với sự “làm nhục” của kẻ thù; có lẽ bà sẽ không có những trải nghiệm máu thịt để yêu thương và bao dung. Khi tôi hỏi bà Huỳnh Ngọc Thanh về những kỷ niệm đối với bà Phan Thị Tốt, di nói trong nước mắt: “Tôi vẫn còn nhớ câu nói đùa của chị Ba: “Tụi mình đã lỡ ngu rồi, thì thôi ráng ngu cho tới chết”. Tôi nghĩ đó là cách nói đùa của bà, bởi đâu có gì cho đi lại mất. Nên dù hai năm đã đi xa, bà vẫn sống, vẫn tràn ngập tình yêu thương trong lòng những người bạn tù.

TRẦN HƯƠNG

Nguyễn Thị Tú

(1923-1966)



LÀM MỘT CON NGƯỜI CHÂN CHÍNH

1

Mưa lâm thâm nhỏ giọt trên từng con phố, từng hàng cây, từng mái nhà, gió bắc phụ họa theo từng cơn hun hút thổi. Trần Tố Nga như quên hẳn cái buốt lạnh miền Bắc. Lòng em đang sôi lên vì cái tin dữ dẩn: Mẹ của Tố Nga, chị Nguyễn Thị Tú¹ ở lại Sài Gòn hoạt động bị địch bắt ngày 25-6-1955, đã trải qua những trận tra tấn bằng đòn roi khốc liệt tại các nhà giam Tam Hiệp, Thủ Đức, Phú Lợi, Chí Hòa, giờ lại bị

¹ Chị Nguyễn Thị Tú: Nguyên Chủ tịch Hội Phụ nữ giải phóng Sài Gòn - Gia Định, Nguyên Chủ tịch Ban Chấp hành lâm thời Trung ương Hội Phụ nữ giải phóng miền Nam. Gia đình chị khá đặc biệt: Chị và con gái Trần Quế Nga đều bị tù đày ở Côn Đảo.

chúng đày ra Côn Đảo ngày 24-3-1957 cùng mấy trăm anh chị em tù chính trị khác.

Ôi, mẹ của con, mẹ đáng yêu, đáng kính, mẹ xinh đẹp, mẹ tuyệt vời và mảnh mai biết bao, ai ngờ được Nguyễn Thị Tú con gái cưng duy nhất của ông Nguyễn Văn Thâu và bà Lê Thị Meo lại phải trải qua bao cay đắng nhọc nhằn đến vậy.

Thừa hưởng được nhan sắc trời cho từ mẹ, bà Lê Thị Meo, chị Tú càng lớn càng xinh đẹp mặn mà khiến bao chàng trai phải thâm yêu trộm nhớ, phải thốt lên bằng lời “mỗi bước em đi là một bài thơ”.

Trong số các chàng trai si mê Tú, Trần Thượng Tân là số một. Nhưng mẹ của Tân là một bà giáo, bà không ưng, không chịu cho con lấy Tú, mẹ của chị Tú đành đưa con gái qua Campuchia học một trường tại PnomPenh, nào ngờ được ít lâu sau, Trần Thượng Tân vẫn theo đuổi Tú sang cả tận PnomPenh tìm việc làm để được gần người con gái mình yêu mình nhớ. Bà Lê Thị Meo lại đành đưa con gái về lại Sài Gòn học năm thứ ba trường nữ sinh Áo tím Gia Long.

Mọi người gọi trường “Áo tím” vì đồng phục của nữ sinh là áo tím quần trắng. Nguyễn Thị Tú xin ở nội trú, ở nội trú phải sắm quần áo theo nội quy: mười hai bộ đồ bà ba, một áo dài tím, một quần lụa trắng, rồi mũ, mền, gối, ba khăn trải giường, ba khăn bông, mười hai khăn tay và các đồ dùng hàng ngày khác cần thiết cho một nữ sinh.

Giáo sư hầu hết là người Pháp, chỉ có bốn giáo sư Việt Nam chuyên dạy Toán, Việt Văn, Thể dục và Sử Địa.

Cô Tư Mỹ - Phạm Thị Mỹ dạy Toán, cô rất nghiêm, nhất

là đối với các nữ sinh ăn mặc diện mà học hành trễ nãi. Cô thường quan tâm đến tác phong, thái độ của nữ sinh. Cô thường dạy: “Con gái phải sạch sẽ, giản dị, phải chú ý tới cái ăn cái mặc, từ lời nói đến việc làm”, các nữ sinh thương cô mà cũng có phần nể sợ cô.

Cô Năm Cua, bà Phan Thị Cua dạy Việt Văn, là em ông Phan Văn Chương, Đò trường Sài Gòn sau này bỏ việc vào bung biên tham gia kháng chiến.

Các nữ sinh thường tự hỏi bao nhiêu năm dạy tại trường sao cô Năm Cua chỉ hay mặc áo dài đen, quần trắng, đi xe đạp, hầu hết các nữ sinh đều mến cô. Khuôn mặt hồn hậu của cô, đôi mắt cô và giọng giảng bài sâu lắng của cô khiến mỗi nữ sinh đều phải suy nghĩ. Cô đã gieo vào lòng các em tình yêu nước nồng nàn qua mỗi bài giảng. Sau này chính cô đã cùng các em bước vào cuộc đấu tranh thần thánh.

Nguyễn Thị Tú dịu hiền, nhỏ nhẹ đã được các thầy cô, các giám thị bạn bè thương mến. Chị Tú thân với Huỳnh Ngọc Anh cũng quê Sóc Trăng, hai chị đều xinh đẹp, buổi chiều thường khoác tay nhau thả bộ trong sân trường. Ngoài bạn Huỳnh Ngọc Anh chị Tú còn có các bạn thân: Bùi Thị Mè còn gọi là Năm Mè sau này được phong là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Võ Ngọc Nghi những năm sau tham gia kháng chiến được chỉ định là Tổng biên tập báo *Phụ nữ Việt Nam*, Lê Thị Mỹ hay còn gọi là Mười Mỹ, ít năm sau cùng Nguyễn Thị Tú sát cánh bên nhau chiến đấu ở địa đạo Củ Chi.

Nhưng Mười Mỹ hay Pauline Mỹ khác hẳn tính Nguyễn Thị Tú, hay quậy phá mấy bạn của mình. Thấy Huỳnh Ngọc

Anh, Nguyễn Thị Tú khoác tay nhau thả bộ. Mười Mỹ cùng một bạn nữa đi qua vượt lên trên: “Nào coi người mập, người ốm đi với nhau nè” khiến tất cả đều phải cười vui.

Hầu hết các nữ sinh học trường Gia Long đều xinh, nhưng Nguyễn Thị Tú vẫn nổi bật lên về vẻ đẹp đậm thắm của mình. Dù đôi mắt có phải mang đôi kính cận nhưng chị Tú vẫn duyên dáng, mặn mà. Nhìn chị thướt tha trong tà áo dài, các bạn tôn chị là “Hoa khôi trường Áo tím”, thêm nhiều chàng trai yêu thương chị, các bạn cùng lớp chị đều nghĩ Nguyễn Thị Tú rồi sẽ có hạnh phúc đủ đầy, chị lại học giỏi, tình tình hiền hậu và đã tốt nghiệp bằng thành chung. Ai biết cuộc đời chị về sau lại lắm gian nguy khôn lường.

Trong các bạn học sinh nam, Tạ Bá Tông cũng thầm yêu Tú nhưng có lẽ vì anh “nhát như thỏ đế” chưa dám ngỏ lời yêu, Trần Thượng Tân mạnh dạn hơn đã xin cầu hôn Tú. Lần này bà mẹ anh đành phải chấp nhận.

Trần Thượng Tân quê ở Sóc Trăng là một thanh niên cao lớn, thông minh. Sau ngày cưới, Tú theo chồng về Sóc Trăng. Chị Tú và cả anh Tân đều được giặc ngộ cách mạng, cả hai đã tham gia cướp chính quyền tỉnh Sóc Trăng. Năm đó chị Tú mới hai mươi tuổi và đã được bầu là Tổng thư ký Hội Phụ nữ tiền phong tỉnh Sóc Trăng.

Từ ngày lấy chồng, chị mau mắn cứ sinh con năm một, con trai đầu lòng là Trần Thượng Tuấn, kế đó là Trần Thượng Trân, Trần Tố Nga, Trần Tuyết Nga và Trần Quế Nga.

Cách mạng thành công chưa được bao lâu, bọn Pháp núp sau quân Anh - Ấn trở lại đánh miền Nam.

Trần Thượng Tân được chọn là cơ sở của Ban quân báo khu 9, được giao nhiệm vụ chui vào hoạt động trong hàng ngũ địch dưới vỏ bọc là sĩ quan quân đội Pháp. Không may anh đã hy sinh lúc còn rất trẻ, mới hai mươi bốn tuổi, để lại cho Tú năm đứa con, đứa bé nhất còn phải bé ẵm.

Chị Tú cố nén nỗi đau xé lòng, cuộc kháng chiến của ta đang trong dầu sôi lửa bỏng, khó khăn chồng chất. Quân Pháp đã chiếm Sài Gòn - Gia Định phải làm sao đây. Mình vừa thay chồng nuôi dạy các con, vừa lo tiếp tục công tác.

Ít lâu sau, người ta thấy một tiệm bánh ngọt và cà rem cây ra đời mang tên Trần Thượng.

Chủ tiệm bánh là một thiếu phụ trẻ đẹp, dịu dàng; các con của bà hầu hết là con gái cũng rất dễ thương y chang mẹ, xinh xắn và đặc biệt là rất ngoan và hiền.

Trần Tố Nga, con gái đầu của chị Tú ghi trong hồi ký:

“Tiệm bánh ra đời làm cơ sở liên lạc, nuôi giấu cán bộ kháng chiến, chúng tôi bắt đầu có nhiều “cậu” nhiều “dì” đến nhà mặc dù ông bà ngoại chỉ có một mình mẹ tôi là con. mẹ đưa chúng tôi đến Hội Dục anh cùng chơi với các trẻ nhỏ cô, dạy chúng tôi biết quan tâm đến số phận của những người bất hạnh hơn mình, mẹ đưa chúng tôi đến các cuộc họp của Hội Phụ nữ, Hội Truyền bá quốc ngữ và thỉnh thoảng giao cho chúng tôi chuyển thư từ, biến chúng tôi thành những liên lạc viên nhỏ của cách mạng trong thành phố bị chiếm đóng. Mẹ ít đánh đòn khi chúng tôi hư, nhưng những lời mẹ nói và nét buồn hiện rõ trong ánh mắt đã bao lần làm cho đứa bé này, tám tuổi lúc ấy ân hận đến không ngủ được. Và những

lời dạy ấy, nét buồn trong đôi mắt ấy đã đi cùng với tôi suốt đời, giúp tôi giữ được những điều căn bản trong đạo nghĩa làm người ngay cả trong lúc đen tối nhất, đau khổ nhất”.

Dần dần, cùng với thời gian, năm tháng, Tổ Nga hiểu được sự hy sinh lớn lao của ông bà ngoại. Ông bà Nguyễn Văn Thâu, Lê Thị Mẹo là một trong những người đầu tiên đã hiến cả mấy trăm mẫu ruộng cho cách mạng. Trong một lần đi thăm con cháu từ Sa Đéc về, chuyên xe đò chở ông ngoại và em Trân bị tai nạn. Đứa cháu mà ông Thâu yêu quý ngày thường vẫn ngồi gọn trong lòng ông hôm nay vì thói quen ấy đã hứng chịu các viên đạn đang bắn xối xả vào chiếc xe chở dân thường. Người lái xe chết tại chỗ, Trân chết oan khi chưa đầy bốn tuổi. Ông mở cửa xe định nhảy ra thì cái chân phải chỉ còn dính vào người bằng một miếng da.

Tại Cần Thơ, bà đang ngồi bắt chỉ cho Tổ Nga trước cửa nhà chờ ông về, chỉ còn kịp nhốt đứa cháu nhỏ trong nhà để chạy ra nhà thương. Bà đau đớn chôn cất đứa cháu trai, và chứng kiến cảnh người ta cắt mấy miếng da còn dính lại trên chân ông. Chân phải của ông ngoại đã đứt lìa. Từ đó, ông mang một chân giả, lặng lẽ điều hành tiệm bánh, lặng lẽ để cho con gái tham gia cách mạng.

Và sau này, cô bé mới tám, chín tuổi là Tổ Nga còn thấy nhiều điều lạ trong gia đình mình. Không hiểu sao ba Tạ Bá Tông lúc đó còn rất trẻ, dáng cao cao, trai tân lại giỏi giang vậy mà đi cưới mẹ của mình là người đàn bà đã có tới năm đứa con (bốn đứa sống, một đứa chết) chắc ba Tông phải thấy ở người phụ nữ trẻ sớm bắt hạnh này những nét tiềm ẩn

làm nên một Nguyễn Thị Tú kiên trung nhân hậu mai sau. Điều Tố Nga cảm nhận được là ba Tòng rất cưng mấy chị em Tố Nga và Tố Nga cũng thấy trong nhà cần phải có một người đàn ông. Năm 1949, mẹ đã tái lập gia đình với ba Tòng, và dù còn trẻ, dù rất hiền chị Tú đã làm những việc cần phải làm: chị xin ba mẹ bán ngôi nhà ở Cần Thơ lên Sài Gòn mở tiệm cà rem cây và bánh ngọt, lại còn lập được một cơ quan là nhà in báo *Cứu quốc*. Mẹ đã sớm dẫn thân vào con đường cách mạng và đã đi là đi tới cùng.

Kẻ thù không để cho gia đình bé nhỏ của Tố Nga được yên. Năm 1950, cơ sở bị lộ, ba Tòng các bác, các cậu bị bắt, Tố Nga theo mẹ đi thăm nuôi ba Tòng, các bác, các cậu hết ở khám Chí Hòa, Sài Gòn lại đi thăm nuôi ở nhà tù Tu Ran (Đà Nẵng). Có dịp mẹ đã đưa Tố Nga và Tuyết Nga cùng với mẹ ra căn cứ. Đó là lần đầu tiên Tố Nga vào chiến khu, được đi trên chiếc xuồng ba lá, được nhìn thấy cả sao trời ban đêm, được ở nhà lá giữa rừng tràm, chuyển đi có cả bác Huỳnh Tấn Phát. Tố Nga đã được bác Huỳnh Tấn Phát dạy cho nhiều điều và chuyển đi đây ấn tượng này đã làm nên những bước ngoặt sau này của cuộc đời Tố Nga.

Tố Nga chưa hiểu được ý mẹ đã rõ ràng: các con rồi sẽ phải đi theo con đường của ba mẹ, không có con đường nào khác đó là con đường kháng chiến cứu nước. Năm đó 1951, chị Tú đã vinh dự được đứng trong hàng ngũ của Đảng.

Cũng năm ấy, chị sinh cho Tạ Bá Tòng một bé gái xinh xắn Tạ Ngọc Ly. Năm 1954, đình chiến, chị Tú là Tổng Thư ký Ban Chấp hành Hội Phụ nữ Việt Nam hoạt động công khai

tại Sài Gòn. Hội hướng dẫn chị em đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Genève thống nhất đất nước, bảo vệ hòa bình.

Tiền hai con Thượng Tuấn. Tổ Nga đi tập kết ra Bắc trong chuyến bay sau cùng, người mẹ ấy đã dịu dàng nói với các con “Con đường của mẹ còn cực lắm, có thể bị bắt, có thể bị nguy hiểm hơn. Xa nhà, xa mẹ, các con ráng học, ráng sống cho tốt để ở trong này mẹ yên lòng mà làm việc, có dịp cho mẹ kính thăm Bác Hồ”.

Ở lại Sài Gòn trong bối cảnh đặc biệt Mỹ thay chân Pháp xâm lược miền Nam Việt Nam, chị Tú cùng một số trí thức tài năng có tên tuổi sáng lập trường Đức Trí, nòng cốt vận động là gia đình kỹ sư Nguyễn Văn Đức, Phạm Thị Bình và ái nữ Nguyễn Bình Minh. Ông Đức đề nghị lập Hội Tư thực Đức Trí dưới dạng công ty cổ phần gồm những nhân sĩ trí thức yêu nước ở Sài Gòn cùng nhau góp công, hùn vốn lập nên một ngôi trường độc lập tự chủ, đào tạo một thế hệ nữ thanh niên mới, tiên bộ, trí đức vẹn toàn, mong ước đó thể hiện ở đôi câu đối dán trước cổng trường:

Đức hạnh trau dồi trang liệt nữ.

Trí tài bồi bổ bậc anh thư.

Trường khai giảng năm học đầu tiên vào tháng 9-1954 lập tức đã gây được ảnh hưởng tốt trong dân chúng Sài Gòn.

Lê Thị Giỏi vợ Thủ tướng ngụy Nguyễn Văn Tâm đòi mua hết cổ phần để mẹ ta đừng tên chủ trường. Hội Tư thực Đức Trí không đồng ý và chính quyền ngụy chỉ cho phép trường “xây dựng tạm 25 năm”, Hội còn không được rút tiền vốn đã gửi ngân hàng.

Kỹ sư Lưu Văn Lang nhân danh sáng lập viên Việt Nam ngân hàng đồng thời cũng là sáng lập viên trường Đức Trí đã đứng ra bảo lãnh Hội mới rút tiền về được để củng cố nhà trường.

Nhiều người dân ngầm hiểu trường Đức Trí là ngôi “trường đỏ”. Đặc vụ Mỹ - Diệm càng nhận định đích thị đây là “ngôi trường đỏ”.

Chúng thường dòm ngó từng động thái của ngôi trường nữ có vẻ hiền lành này, với lớp lớp nữ sinh áo trắng như những cánh bướm xinh tươi hàng ngày ra vào học tập và hoạt động đấu tranh.

Một lần đang đi công tác, chị Tú giết mình nghe tin cô giáo Nguyễn Thị Diệu dạy Văn, bạn chị cũng ở Sóc Trăng đã bị bọn chúng bắt đem đi tra khảo tàn nhẫn. Cô Diệu đang mang thai bốn tháng. Không lấy được một lời khai nào của cô, bọn địch hèn nhát đã giết hại cô. Chị Tú xót xa thương bạn vốn sinh ra trong một gia đình quý tộc, cha đã làm Thượng thư tại triều đình Huế. Trong những ngày Tổng khởi nghĩa tháng tám, cô đã sớm giác ngộ cách mạng ra bưng biền tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Cô mau chóng trưởng thành. Là đại biểu của phụ nữ trí thức Sài Gòn tham gia Ban Chấp hành Hội Phụ nữ Việt Nam. Là một cán bộ năng nổ, nhiệt tình, cô hòa mình vào các tầng lớp nhân dân lao động và được bà con hết sức thương yêu, quý trọng.

Nhiều thành viên Hội Tư thực Đức Trí tham gia hoạt động đã bị chính quyền ngụy trả thù. Dục sĩ Trần Kim Quan bị bắt về quân thúc tại quê, bà Phạm Thị Bình bị chuyển về Hậu

Giang, kỹ sư Nguyễn Văn Đức người đề nghị sáng lập Hội bị đổi lên Kon Tum...

Bọn công an mật vụ cũng đã nghi ngờ chị Tú nhưng chị không dạy ở trường này, chúng vẫn ghi tên chị trong sổ đen, chúng biết khá rõ về chị Tổng Thư ký Phụ nữ Tiền phong tỉnh Sóc Trăng, Trưởng ban Ban trị sự Hội Phụ nữ Việt Nam, sáng lập viên trường Đức Trí, một ngôi trường đồ, chồng là Tạ Bá Tòng một cán bộ kháng chiến có tầm cỡ.

Với cương vị là chủ tiệm bánh Trần Thượng nổi tiếng, chị hoạt động tích cực trong Hội Phụ nữ Việt Nam, một tổ chức công khai của giới phụ nữ do bà Bút Trà chủ báo *Sài Gòn mới* làm hội trường và chị được bầu vào Ban trị sự. Hội Phụ nữ Việt Nam và nghiệp đoàn là nòng cốt công khai cho nhiều cuộc đấu tranh của giới và các cuộc đấu tranh chung.

Hiệp định Genève được ký kết, do khí thế chiến thắng của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp nhất là chiến thắng Điện Biên Phủ, phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân Sài Gòn - Gia Định phát triển mạnh mẽ liên tục, nối tiếp nhau không dứt.

Cũng vào những năm này 1954 - 1955, anh em Diệm - Nhu chưa có thực lực ở miền Nam, các cuộc xung đột luôn xảy ra. Thoạt đầu là cuộc chiến với Tham mưu trưởng quân đội Nguyễn Văn Hinh thân Pháp, tiếp đó là cuộc xung đột dữ dội với Bình Xuyên, họ đã đánh nhau ngay trên đường Catinat Pétrus ký (nay là đường Đồng Khởi).

Cuộc điều tra cho biết hai mươi ngàn ngôi nhà dân bị thiêu

hủy, mười bốn ngàn người bị thương, hai mươi ngàn người không nhà cửa. Máu chảy ruột mềm, được sự chỉ đạo của khu ủy Sài Gòn - Gia Định, đại diện các đoàn thể, nghiệp đoàn và anh em ký giả đã đứng ra thành lập “Ủy ban cứu tế, bảo vệ sinh mạng và tài sản dân chúng với ba mục tiêu trước mắt: cứu trợ đồng bào, đòi được bảo vệ an ninh, quyền lợi để được yên ổn làm ăn, đòi được bồi thường thỏa đáng về sinh mạng và tài sản bị thiệt hại”.

Không chờ địch cho phép, Ủy ban cứu tế đã tích cực hoạt động. Văn phòng thường trực của Ủy ban đặt tại trụ sở Hội Phụ nữ Việt Nam. Ba Ủy viên chấp hành của Hội được cử tham gia lãnh đạo trong Ủy ban cứu tế: bà Phạm Văn Lang - Phó Hội trưởng, nữ sĩ Ái Lan - Tổng thư ký, chị Nguyễn Thị Tú - Phó Tổng thư ký.

Biểu ngữ Ủy ban cứu tế được căng trước trụ sở Hội, chị em làm việc ngày đêm để tiếp nhận hàng và tiền cứu trợ của đồng bào các nơi nườm nượp mang đến.

Hội Phụ nữ Việt Nam đã tận dụng 30 phút phát thanh chuyên mục của mình trên Đài phát thanh Pháp - Á, viết bài và tự đến nói trước máy, kêu gọi mọi người hãy vì tình dân tộc, nghĩa đồng bào cứu giúp nạn nhân chiến cuộc.

Số bà con tình nguyện đến giúp các nạn nhân ngày càng đông, khiến chính quyền Diệm lo sợ.

Chúng rải công an khắp nơi, gọi cá từng người trong ủy ban cứu tế lên đe dọa cảnh cáo, song phong trào vẫn cứ phát triển, nhưng bí mật, linh hoạt, địch kéo đến công việc đã xong, mít tinh cũng đã kết thúc.

Bọn Diệm - Nhu hoảng sợ trước phong trào đã mở hàng loạt các cuộc khủng bố trắng. Hội truyền bá quốc ngữ, nghiệp đoàn giáo dục tư thục, các tổ chức quần chúng hợp pháp bị đình chỉ hoạt động.

Tệ hơn nữa, trước ảnh hưởng của Hội Phụ nữ Việt Nam trong quần chúng nhân dân, chúng đã ra lệnh đàn áp, bắt một số anh trong ban cứu tế, mấy chị trong Ban trị sự trong đó có Nguyễn Thị Tú. Chúng điều tra biết chị Nguyễn Thị Tú là trưởng ban Ban trị sự nhận hàng cứu trợ và phân phối cho người bị hại, qua đó kích động lòng dân phản đối chính quyền Diệm - Nhu, chúng cho chị là người cầm đầu, giải luôn chị về khám Chí Hòa.

2

Giải chị Tú và một số anh chị em về nhà lao Chí Hòa. Bọn ác ôn tay sai Diệm - Nhu coi đáng bề ngoài chị Tú: một phụ nữ mảnh mai, nước da trắng, mái tóc đen nhánh, mang đôi kính cận, chúng nghĩ thầm: coi bộ con đàn bà này trí thức từ đầu đến chân sẽ không chịu nổi những đòn tra của cảnh sát. Đưa chị về bót, ba, bốn tên mỗi tên nốc một vài ly rượu, đoạn một tên mà bọn chúng kêu là Hán hát hàm hỏi chị:

- Tên gì?

- Nguyễn Thị Tú - Chị đáp.

- Đ. mẹ mày - nó văng tục.

Mày tên Nguyễn Thị Trung (Trung là một mật danh của

chị Tú). Mày làm Ban phụ vận xúi bầy bọn phụ nữ đòi này đòi nọ. Mày thẳng bị bắt cùng mày khai hết cho mày rồi.

Chị Tú thân nhiên:

- Từ nhỏ tôi không biết phụ vận phụ việc gì hết.

- Vậy ai kêu bầy đứng ra cứu trợ nạn nhân chiến cuộc? Nói, nói mau. Cấp trên của mày là ai, tên gì, ở đâu?

- Từ hồi nào tôi chỉ biết nuôi con, thấy đồng bào bị cháy nhà, hết tiền, hết gạo thì tôi ra giúp vậy thôi.

Tên Hán lồng lên, sẵn cái roi da nó quất chị tú bụi, ba tên kia cũng lồng lên mỗi đứa một góc quất vào mình chị, vừa đánh vừa tra xem ai là cấp trên của chị: “Chúng tao chỉ cần cấp trên của mày thôi, còn mày thứ đàn bà đái không qua ngọn cỏ, chúng tao đ. cần”.

Khi chúng buông chị ra, người chị mềm nhừ, chân tay sưng húp, đôi chỗ rớm máu.

Trời đã về chiều. Bọn chúng coi chừng đã mệt, một tên lác đầu. Tên Hán nhìn chị hầm hè:

- Bữa nay cho mày ném thù trận đòn đầu, chưa hết đâu, mày sức mấy mà chịu nổi, ráng nghe con.

Chị em khiêng chị Tú về phòng, thoa dầu, bóp muối. Nằm trong vòng tay đồng đội, chị ứa nước mắt. Từ nhỏ tới lớn, có khi nào mình bị ba mẹ đánh một roi nào đâu, chị càng căm thù chúng và mừng cho mình đã vượt qua được trận đầu.

Những ngày sau chúng tiếp tục hành chị, chúng gi điện, trấn nước, làm chị ngộp thở, song chị vẫn chỉ có một lời:

- Tôi nuôi con không biết ông A, ông B nào hết, thấy đồng

bào cháy nhà, hết tiền, hết gạo thì giúp vậy thôi, các ông nói cần lao nhân vị mà để dân chúng như vậy à.

“Cái con mẹ trí thức từ đầu đến chân này thật bướng”. Chúng giam chị ở Chí Hòa, sau đó đưa chị qua Thủ Đức, Tam Hiệp rồi Phú Lợi.

Tới đâu chị cũng chỉ nói từng ấy. Mẹ chị, bà Lê Thị Mẹo mang giỏ quà vào thăm con gái. Nhìn con trong cảnh tù đầy, bà xót xa: “Sao ra nông nổi này, con ơi”. Chị cố nở nụ cười, nói với mẹ: “Bao nhiêu đồng chí cũng như con thôi, mẹ à, mẹ đừng lo chi”.

Báo chí Sài Gòn lên tiếng phản đối chính quyền Diệm - Nhu khủng bố những người cứu trợ nạn nhân chiến cuộc.

Chúng vẫn làm ngơ, chúng đày chị đi Phú Quốc. Tại Phú Quốc, chị kiên quyết không chào cờ, không chấp hành nội quy của bọn chúng. Chúng đã man cột chị trong một thùng phuy chứa đầy nước, nặng như đồ lửa đốt cháy da thịt, nước làm sặc sụa ngộp thở nhưng ý chí của chị vẫn vững vàng.

Từ Hà Nội, Tố Nga đọc trên báo *Nhân dân*, báo *Phụ nữ* thấy có nhiều bài viết nêu gương đấu tranh của mẹ ở trong tù.

Những ngày này cả miền Bắc, cả Hà Nội ào ào xuống đường mít tinh, biểu tình cực lực lên án chính quyền Ngô Đình Diệm trắng trợn, vi phạm Hiệp định Genève trả thù những người kháng chiến cũ. Nhiều bài báo ca ngợi tinh thần kiên trung bất khuất của đồng chí Nguyễn Thị Tú. Tố Nga hiểu mẹ mình hơn ai hết. Từ trong ngục tù, qua song sắt nhà giam với tinh thần hết sức lạc quan, tin tưởng, mẹ viết cho Tố Nga:

“Cố gắng học tập cho tốt, lao động cho tốt đi, con à. Rồi mẹ con mình sẽ được gặp nhau, đừng nòn nong. Mẹ tin rằng trên con đường chiến đấu sắp tới, các con sẽ trong số tích cực nhất, nếu không nói là phải đi đầu trong mọi hoàn cảnh khó khăn. Miền Nam đấu tranh anh dũng như thế, các con phải làm thế nào để xứng đáng là con của Thành Đồng trong cuộc bảo vệ miền Bắc thân yêu”.

Miền Bắc, cái nôi của cách mạng, nơi Trung ương Đảng, tất cả đang “Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt” là chỗ dựa tinh thần cho tất cả các chiến sĩ đang trong vòng tay xiết chặt của kẻ thù.

Trước sự phản đối ngày càng mạnh của dư luận, bọn tay chân Diệm - Nhu giờ thủ đoạn khác: Đày chị và mấy trăm anh chị em tù chính trị ra đảo.

Chị Minh Sơn bạn tù của chị Tú quê ở Quảng Trị nhớ lại: “Từ Phú Quốc, chúng giải tôi, chị Tú và hơn một trăm anh chị em nữa về nhà lao Gia Định.

Một buổi sáng cuối tháng ba năm 1957, hai xe ca đến trước cửa nhà lao Gia Định, chúng lừa tất cả anh chị em lên xe, xe bịt bùng kín mít. Ai chạm chân, ai phản đối, chúng lấy dùi cui ma trặc vụt túi bụi không thương tiếc. Mà xe chạy đi đâu, xe chạy một lúc, tôi thấy xe lao từ từ xuống một cái tàu, xe xuống, tàu mở họng ra, cửa xe mở, chúng tôi thấy mình đang ở trên cái boong tàu của tàu “Há Họng” ngoài Bắc gọi là tàu “Há Mồm”.

Mấy trăm anh chị em tù, nam có, nữ có, tự sắp xếp nam nằm một nơi riêng biệt, nữ cũng nằm riêng biệt.

Tàu rúc còi, chông chành chạy trên biển. Nằm dưới boong

tàu, chị em ói lên ói xuống, san cho nhau từng lát chanh để ngâm, bào nhau rảng mà chịu, không chịu cũng phải chịu.

Gần đến cảng bến Đầm, bọn chúng hô:

- Đàn ông nhảy xuống hết đi. Nước cạn tàu không vô được.

Tôi thấy các anh thật tội nghiệp, các anh nhảy xuống, nước dâng tới ngực, còn mấy chị em hầu hết là yếu, mệt xỉu, chúng cho vài ba cái thuyền chờ đi.

Đi gần tới bờ nước càng cạn, chúng cũng bắt chị em nhảy xuống, nước chắm tới lưng. Tời trại, chúng mở cửa tổng vô hết, mạng nhện còn quệt cả vào mặt, mùi ẩm mốc xông lên thật khó chịu.

Qua một đêm khó ngủ vì mùi ẩm ướt. Chúng gọi lên, hạch từng người hỏi:

- Tại sao ở tù?

Hầu hết chị em không trả lời được, chỉ biết tôi làm như vậy là đúng, như chống sưu cao thuế nặng, như phản đối lính bắt người vô cớ, yêu cầu thi hành Hiệp định Genève hiệp thương tổng tuyển cử có gì đâu sai. Chúng kết luận như vậy là tiếp tay cho miền Bắc, không ủng hộ quốc gia.

Qua phân hạch tội, chúng nói:

- Đây là Côn Đảo có hai bàn tay, bàn tay nhưng và bàn tay sắt. Ai chấp hành theo chế độ thì được hưởng bàn tay nhưng nhẹ nhàng, nếu không tuân theo bàn tay sắt sẽ đánh đập khảo tra. Chị em biết vậy nhưng không ai chấp hành”.

Thiếu tá tình trưởng Bạch Văn Bốn là một tên Việt gian có hạng. Từ tháng 3-1955, Aloise Blanc đại diện thực dân Pháp

đã bàn giao quần đảo và ngục Côn Lôn cho Bạch Văn Bốn, đại diện của chính quyền miền Nam lệ thuộc đế quốc Mỹ. Từ khi Côn Đảo được nâng lên thành tỉnh, chúa đảo có chức danh tỉnh trưởng. Bạch Văn Bốn, người cao to lực lưỡng, đôi mắt sắc gian giảo.

Biết chuyến tàu lưu đày gần 300 tù chính trị đã tới đảo, sáng ấy Bạch Văn Bốn quyết định đi “thăm” các tù nhân để hoạch định đôi sách.

Hắn đi tới đâu, bọn tay chân rạp gót, nhất tề hô:

- Ủng hộ Ngô Tổng thống!
- Ủng hộ Thiếu tá Tỉnh trưởng!
- Ủng hộ Việt Nam cộng hòa!
- Đả đảo cộng sản!
- Đả đảo!

Riêng các tù chính trị vẫn lặng thinh. Bạch Văn Bốn cay cú lắm song hắn lọc lõi chưa tò thái độ gì. Hắn tới nơi giam giữ các chính trị nam, đoạn hắn tới nơi giam các tù chính trị nữ. Có chị còn mang theo cả đứa con nhỏ, có chị mang bầu. Nhưng tất cả đều mảnh mai, “coi bộ hiền khô”. Song hắn chú ý tới một nữ tù mảnh dẻ, tóc đen nhánh, mang đôi kính cận.

“Con này đẹp nhưng đích thị là trí thức bự, trí thức từ đầu tới gót phải tách riêng ra để khai thác”. Bạch Văn Bốn nghĩ. Người nữ tù đó là Nguyễn Thị Tú, chị em thường gọi chị Năm Tú.

Bạch Văn Bốn đã lên kế hoạch. Kế hoạch của bọn chúng đối với các tù chính trị bị bắt đầu tiên dưới thời Ngô Đình

Diện sẽ là: trường kỳ truy bức tư tưởng, buộc từng người phải căng thẳng thần kinh chịu được cho đến khi phải gục ngã, mất ý chí chiến đấu và chúng sẽ tiến đến tiêu diệt sinh mạng chính trị của từng người, bắt ép họ ly khai cộng sản, chấp nhận chính quyền tay sai Mỹ ở miền Nam. Ngay từ cuối tháng 3-1957 chúng bắt đầu thanh lọc, phân hóa chính trị đối với các anh, các chị. Côn Đảo có ba trại, Trại 1 lúc này là nơi giam cầm cố những anh em cương quyết chống ly khai cộng sản. Những ai bị chúng nghi là cầm đầu còn bị đưa xuống Hầm Đá, đánh đập khủng bố hằng đêm để bức ép ly khai.

Một trại giam với gần một ngàn con người, vậy mà suốt ngày phải chìm trong tĩnh lặng, khi đêm xuống, tiếng động từ những món đòn hiểm độc của bọn chúng giáng vào thân xác anh em ở khu hầm đá dội vào phòng giam khiến mọi người cảm thấy chính tim mình bị đau đớn.

“Các anh đang bị chúng khủng bố đánh đập để bắt ép ly khai cộng sản. Vậy đối với chị em nữ tù chúng ta chúng sẽ áp dụng đối sách như thế nào đây?”.

Câu hỏi đó từng giờ, từng phút bắt các chị phải suy nghĩ. Tất nhiên chúng sẽ có một đối sách khác hẳn với khi còn ở trong đất liền. Đất liền còn có đồng bào, dân chúng, có các báo chí, còn đây Côn Đảo chỉ có nó với chị em. Chị em mình chắc khó tránh khỏi cảnh khủng bố đọa đày, bắt ép ly khai cộng sản. Các chị chuẩn bị tinh thần để chịu đựng.

Các chị được tập hợp từ nhiều nơi: Sài Gòn, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Vĩnh Long, Bình Định, Phú Yên, Cần Thơ, Rạch Giá, Sóc Trăng... Hoàn cảnh mỗi người mỗi khác, có

chị là cán bộ đảng viên, có quá trình từng trải trong công tác, chiến đấu, có chị là cơ sở cách mạng tiếp tế cho kháng chiến, nuôi giấu cán bộ, có chị lại có cả con mọn phải mang theo vào tù, thậm chí có cả chị đang mang bầu sắp đến ngày sinh nở...

Dù nhận thức mỗi chị mỗi khác nhưng hầu như tất cả đều thấy phải cương quyết chống lại âm mưu của kẻ thù, chống lại việc bắt ép ly khai. Chị Năm Tú, các chị từng nhóm nhỏ bàn bạc cùng nhau trao đổi, động viên nhau ráng vượt qua thử thách.

Bạch Văn Bốn và đồng lõa đã ra tay đối với nữ tù chính trị, chúng tiến hành phân hóa các chị.

Ngày 20 tháng 5 năm 1957, chúng bố trí hai hàng lính cầm súng lờn lê cho gọi 68 chị đến tập hợp trước dinh Tỉnh trưởng. Khi chị em đến, bọn lính ghìm súng đứng sau lưng để hăm dọa, chúng thuyết giảng, dụ dỗ, lại nói đến hai bàn tay: bàn tay nhung và bàn tay sắt.

Cuối cùng tên Bạch Văn Bốn Tỉnh trưởng, Bùi Văn Năm Phó Tỉnh trưởng nói:

- Nói cho mấy chị biết, ai muốn về đất liền đứng qua bên đây, ai muốn ở lại Côn Đảo đứng qua bên kia.

Các chị vẫn đứng nguyên tại chỗ. Một chị hỏi:

- Mấy ông nói cho rõ. Về đất liền là sao, ở lại Côn Đảo là sao?

Tên Bạch Văn Bốn hùng hổ nói:

- Tôi nói thiệt với mấy bà. Đi về đất liền là đi theo Quốc gia, ở lại Côn Đảo là đi theo cộng sản.

Trong đám lính có ai nói nhỏ động viên: “Đũa một bó bẻ không gãy, đũa bẻ riêng từng chiếc thì gãy. Đừng xé lẻ ra”.

Lại có người lính nói: “Nên bước qua chỗ cộng sản, chừng nào nước Việt Nam không còn cộng cò mới hết cộng sản”.

Chị em trả lời: “Chúng tôi chưa được làm người cộng sản, nhưng vẫn bước qua bên phía cộng sản”.

Trong tình hình đó, các chị tù chính trị đã bị phân hóa. Ba mươi ba chị cương quyết không ly khai bước qua sang hàng trận những người cộng sản, ba mươi lăm chị đứng tại chỗ và bọn chúng đã tách các chị ra: Ba mươi ba chị chống ly khai vào dãy Hàm Đá, ba mươi lăm chị trở về nhà giam cũ.

Cuối tháng 7-1957, tổng số chị em chống ly khai là 42 người. Song chị em thấy tội nghiệp nhất là chị Đỗ Hữu Bích tên thường gọi là chị Ba Bích. Chị mang con từ đất liền ra, nó là một đứa bé trai, năm tháng tuổi đang còn phải ẵm ngửa. Chị Ba Bích quê ở Cần Thơ. Chị có một tiệm may nhỏ tại thị xã. Hòa bình, chị hoạt động trong Hội Phụ nữ, nhà chị có mảnh vườn phía sau nhà, là nơi các anh thường lui tới, đánh cờ, và hội họp.

Một lần không may cơ sở bị lộ, bọn chúng ập đến nhà. Chồng chị là thầy giáo, đi vắng, chúng giải chị về bắt tra khảo về mấy cán bộ nằm vùng, chị một mực khai: “Tôi chỉ biết làm thợ may nuôi con không biết ai hết”. Chúng cho chị ngoan cố, giải đi hết các nhà tù và đày ra đảo. Chúng bắt ép chị ly khai, chị cương quyết chống. Chị Bích quyết định gửi con lại cho chị em bên ngoài nuôi dưỡng, mình tiếp tục chịu cảnh đọa đày trong xà lim tối tăm, hôi hám. Nhưng bọn địch

đã dồn chị đến bước đường cùng. Chúng cấm tiệt không cho ai được nhận nuôi đứa nhỏ, buộc phải trả cháu bé về cho mẹ. Tất cả các nữ tù chống ly khai không đành lòng để đứa nhỏ ở lại, nó có tội gì đâu. Chị Năm Tú và chị em khuyên chị Ba Bích nên chấp nhận ra ngoài, đảm bảo tính mạng cho cháu. Chị Năm Tú nói: “Ba Bích à, người mẹ nào chẳng thương con, Bích hãy vì cháu cho cháu ra ngoài, ở lại đây, chị em sẽ lãnh đủ phần Bích”. Chị Tú vuốt ve cháu. Chị Bích đành gạt đầu, ẵm con nho trên tay, gạt nước mắt từ biệt đồng đội, rời vị trí chiến đấu của mình mà lòng quặn đau.

Chị Ba Bích ẵm cháu đi rồi. Các chị, 41 chị tất cả vưng lòng bước vào cuộc đấu cam go. Hầm Đá đúng là một địa ngục nơi dương thế. Ngoài kia khí trời mênh mông là vậy mà ở đây chúng chỉ cho mình một chút bằng cái tấm nhang. Hầm Đá, đá thi dày lại còn sơn hắc ín khiến ai cũng cảm thấy ngột ngạt khó thở. Các chị lần lượt phải cởi bộ quần áo bà ba bên ngoài chỉ mặc bộ đồ lót.

Rồi có chị cũng không bán được cả đồ lót, cởi phăng hết, chỉ nói với chị em: “Đừng có cười mình nha”. Nào còn ai có dám cười ai, chỉ vài ngày sau, thêm mấy chị nữa cũng cởi phăng hết. Hầm Đá chỉ giam một hai người, nay chúng tổng vô tới bảy, tám người.

Không khí đã vậy, nước chúng cũng chỉ cho mỗi chị ngày một lon nước. “Nước, nước”, trong đầu các chị khi nào cũng chỉ thêm có nước. Sự thèm nước đã len cả vào giấc ngủ các chị, một đêm nọ, chị Nền nằm mơ thấy có trận mưa rào rơi ào ào trước sân nhà mình, chị hớp một ngụm nước mát lạnh và kêu

lên “Nước, nước” khiến các chị em choàng dậy tưởng ai cho nước. Nhưng hồi ôi, chỉ có những cái lon lăn lóc trên nền đất khô khốc không một giọt, và cái thùng cầu hôi thúi góc nhà.

Bữa ăn chỉ có cơm với khô mực, mắm thì đặng lại còn bị có dòi không thể ăn được. Có bữa lại chỉ có cơm lạt, các chị cũng phải cố nuốt.

Sức khỏe chị em giảm sút từng ngày. Chị Minh Sơn phải nghĩ cách làm mắm ruốc. Những con cá mắm khô, chị gỡ lấy xương kiếm cục đá nghiền nhỏ, lấy cái ống bơ cũ bỏ xương đã nghiền nhỏ vô, xin tí lửa rang lên, vậy là cũng có mùi thơm. Thức ăn đó để dành cho mấy chị ốm yếu, nó cũng có tí chút canxi.

Dù vậy, với hoàn cảnh sinh lý chị em là nữ, lại trong hầm thiếu ánh nắng chật chội nóng bức không có nước tắm giặt nên đã phát sinh bệnh tật ghê lờ. Nhiều chị đã phải cắt bỏ mớ tóc dài duyên dáng ngày xưa.

Các chị ốm yếu cầu cho bác sĩ tới thăm bệnh. Song ai đau gì, bác sĩ cũng chỉ cho có dầu cù là, vài viên ký ninh. Các chị đặt tên bác sĩ “cù là, ký ninh”. Nhưng bác sĩ đó cũng “chê” chị em. Một bữa ông vô phòng khám bệnh, vừa tới cửa, ông đã la to “Thôi, tôi biết rồi, biết bệnh của mấy chị rồi, trời ơi, sao mấy chị khổ quá, không ngờ các ông họ đối xử với phụ nữ như vậy, để tôi nói mấy ông”.

Những ngày này, số anh em chồng ly khai ở Trại 1 cũng ngày đêm bị địch khủng bố đánh đập, từ các hầm đó liên tục vọng lại tiếng kêu la càng làm cho chị em cảm thấy chính mình cũng bị hành hạ.

Trong hoàn cảnh này chị em thấy cần phải có lãnh đạo nên đã cử chị Năm Tú, chị Trọng quê Tân An, chị Thoại quê Cần Thơ vào ban lãnh đạo.

Tình hình sức khỏe các chị mỗi ngày một sa sút, bức bách quá các chị liền nổ ra cuộc đấu tranh đòi mở cửa, đòi thêm nước uống.

Tháng 10-1957, trước sự đấu tranh của các chị, tên Bạch Văn Bốn chúa đảo quyết định chuyển hết 41 chị chống ly khai sang giam ở phòng 6 Trại 2. Đó là một buổi tối khoảng 9 giờ, trước giờ giới nghiêm, có một tiếng keng, một tên vào báo: “Mấy chị chuẩn bị, mỗi người mặc một bộ đồ thôi và một lon đựng nước. Các chị đi theo tôi”. Các chị lặng lẽ đi trong cảnh Côn Đảo im lìm vắng vẻ, chỉ có gió và sóng biển từ xa dội về.

Chúng cho các chị chuyển sang phòng 6 Trại 2. Cuộc sống ở đây có đỡ hơn hầm đá Trại 1. Hàng ngày các chị có thể lần lượt ra vào tắm giặt trong phạm vi sân trại.

Chúng thay đổi cách đối xử, chắc chắn có ý đồ kèm theo. Song được cùng nhau ở chung trong một phòng, các chị tranh thủ bàn bạc, rút ra những bài học kinh nghiệm trong thời gian ở hầm đá.

Chị Năm Tú nói:

- Bọn chúng không dễ buông tha mình, mình cần cảnh giác. Chúng còn thâm độc xảo quyệt lắm.

Chị em đều nhất trí với chị. Đúng là chỉ được một tuần lễ nói lòng, chúng đặt thẳng vấn đề với các chị. Tên quản đốc Bùi Văn Năm nói:

- Sao mấy chị không suy nghĩ cho kỹ. Gia đình cần mấy chị, mấy chị cũng cần gia đình, chớ ly khai thì có mất chị, mấy chị chỉ nói chịu ly khai tụi tôi tha ngay cho mấy chị về đoàn tụ với gia đình tức thì.

Nào, giờ ai theo cộng sản thì ghi chữ O, ai về đất liền thì ghi chữ thập.

Nói tới đây hẳn dừng lại mở tờ giấy vừa nhận được, nói tiếp, đồng dục:

- Văn phòng trường trại xin mời mấy chị, chị Nguyễn Thị Tú, chị Lưu Hồng Thoại, chị Võ Minh Trọng lên văn phòng nói chuyện.

Ba chị ðàng hoàng lên văn phòng.

Ba chị đi rồi, tên quản đốc cầm một xấp giấy phát cho mỗi chị một tờ. Các chị cầm tờ giấy và cái bút, một số chị biết rõ ý đồ của địch nên ghi chữ O, nhưng một số chị lầm tưởng đây chỉ là việc trắc nghiệm thông thường, ai lại chả muốn về đất liền nên ghi chữ thập, còn một số chị để y nguyên giấy trắng. Bọn chúng thu lại các mảnh giấy và bây giờ mới nói rõ ý định của bọn chúng. Ai ghi chữ thập tức là chấp nhận ly khai, trở về với quốc gia, quốc gia cho về đất liền.

Các chị đồng loạt phản ứng rầm rầm, tố cáo thái độ xảo trá của chúng, đòi ghi lại theo đúng thái độ của mình. Địch phải nhượng bộ cho ghi lại lần thứ hai. Kết quả tất cả chị em đều ghi O.

Ba chị vào văn phòng. Bạch Văn Bốn đưa đôi mắt gian giảo nhìn các chị thăm dò thái độ, đoạn hẳn nói:

- Chúng tôi biết mấy chị thuộc thành phần tri thức. Trí

thức dù sao cũng có lòng tự trọng, có những việc không thể nói ra công khai trước mọi người, vậy nên chúng tôi phải tạo điều kiện để từng chị có thể yên tâm nêu rõ thái độ của mình mà những người xung quanh, ngay cả đồng chí của mình cũng không sao biết được.

Chị Trọng, chị Thoại nói:

- Mấy ông nói như vậy là sao, còn chúng tôi không ly khai thì dù ở đâu cũng không ly khai.

Chị Năm Tú dứt khoát:

- Nếu các ông đã đánh giá chúng tôi là thành phần trí thức, có lòng tự trọng thì chúng tôi xin được nói thẳng. Lòng tự trọng đã buộc chúng tôi phải công khai không có gì mờ ám, không có gì phải úp mở. Chúng tôi công khai tuyên bố trước các ông cũng như trước tất cả chị em là chúng tôi không ly khai cộng sản.

Vậy là trò phân hóa quốc gia, cộng sản của bọn chúng đã hoàn toàn thất bại.

Chúng tức tối trả thù, chuyển hết 41 chị ngay trong đêm sang nhốt ở khu Hầm Đá Trại 2. Những vật dụng cá nhân phải bỏ lại hết tại phòng, chúng chỉ cho mỗi chị mặc một bộ quần áo trên người, áp dụng chế độ cấm cố nghiêm ngặt bằng cách nhốt chặt, hạn chế nước uống, không cho tắm giặt.

Anh em Trại 2 đã khéo léo tìm mọi cách giúp đỡ, tiếp tế từng nắm rau, con cá, chai dầu. Các anh lên rừng đốn củi đã đóng cho 41 chị 41 cái ghế ngồi. Các chị ăn trầu không có trầu, các anh đã hái trái “đùng đĩnh” cho các chị ăn thay cau cho đỡ lạt miệng. Các anh nói:

- Biết mấy chị trong này khổ quá, chúng tôi đi ngang qua thấy cái cửa mở, không có ai, thấy vô cho mấy chị.

Song Bạch Văn Bốn chúa đảo ác ôn quyết không để cho chị Năm Tú và mấy chị “cứng đầu cứng cổ” được yên, giờ hẳn đã là trưởng trung tâm cải huấn Côn Đảo kiêm tỉnh trưởng Côn Sơn.

Hắn ra lệnh khủng bố, cô lập những cán bộ lãnh đạo trong tù. Riêng đối với các chị, hắn đặc biệt chú trọng khống chế, mua chuộc khủng bố, hắn cho rằng chị Nguyễn Thị Tú bề ngoài mảnh mai nhưng đích thị là người cầm đầu 99 nữ can phạm chính trị. Hắn đã bắt nhốt chị một thời gian dài trong xà lim Trại 2, ba, bốn tháng mới cho tắm một lần, quần áo cũng không có mà mặc.

Ông Năm Hè, một cán bộ lãnh đạo bí mật trong Đảo ủy đã tổ chức để anh Nguyễn Văn Nhanh cũng là tù nhân đưa cơm vào xà lim cho chị Năm Tú, lên đưa cả thuốc men, kim chỉ vào cho chị và mấy chị khác cùng bị nhốt. Chị Năm Tú đã đứng vững trong giai đoạn khủng bố ác nghiệt này, chị kiên quyết không ly khai cộng sản.

Tra tấn khủng bố không được, Bạch Văn Bốn dùng đến thủ đoạn thâm độc, tách rời chị Năm Tú ra khỏi tập thể nữ tù nhân, hòng ly gián nội bộ, gây nghi ngờ mất lòng tin trong hàng ngũ chị em tù với nhau. Chị Năm Tú đã tìm cách nhắn gửi lại để chị em và các anh cảnh giác với âm mưu của kẻ địch, vững vàng tiếp tục đấu tranh.

Giữa những ngày cam go đến cùng cực này, chị Năm Tú giật mình được tin mẹ lặn lội ra Côn Đảo thăm con. Chị ứa

nước mắt thương mẹ, thương mình. Chị xin mẹ về ngay không cho kẻ địch lợi dụng tình mẹ con để lung lạc lòng người đang chịu cực hình và cũng để các anh chị em đồng chí đang đấu tranh vững tin ở mình mà không lùi bước. Mẹ chị - bà Lê Thị Mẹo, người phụ nữ làng Thượng Phước, tỉnh Cần Thơ đã gần cả cuộc đời đi các nhà tù nuôi con cháu, luôn che giấu cán bộ cách mạng trong ngôi nhà của mình, ở giữa lòng địch, trong đó có các đồng chí Sáu Dân (sau này là Thủ tướng Võ Văn Kiệt), Huỳnh Tấn Phát, luật sư Nguyễn Hữu Thọ,... Bà mẹ ấy đã vừa khóc vừa động viên con mình bền gan bền chí đấu tranh.

Sau chuyện này nhiều cán phạm chính trị gửi tờ giấy đến chúa đảo Bạch Văn Bốn với những lời chắc như đinh đóng cột “tôi không thể ly khai Đảng Cộng sản được” khiến Bạch Văn Bốn càng tức điên.

Thái độ dứt khoát của các chị đã có tác dụng cảm hóa số lính bảo an làm nhiệm vụ canh gác ở trại. Họ bí mật tìm cách giúp đỡ các chị trong sinh hoạt hàng ngày. Do vậy cuộc sống của các chị có đỡ cơ cực chút ít.

Sang tháng 12 năm 1957, Bạch Văn Bốn lại giờ một trò chiêu dụ mới: tổ chức cho các chị cùng anh em tù nam đi chơi Cờ Óng”, có ở lại qua đêm. Tên quản đốc vào báo: “Bữa nay Thiếu tá Tỉnh trưởng cho mấy chị đi hứng gió. Chả ở lâu trong cầm cố, ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe nên muốn đưa chị em ra ngoài dạo chơi cho thông thả một hôm rồi về”. Các chị biết nó đang mua chuộc mình, mình cũng ráng tranh thủ nó. Đi đây là phải có vui chơi ca hát. Tất cả các chị đều

biết đây là một thủ đoạn mới của Bạch Văn Bốn và đồng bọn. Các chị bảo nhau: “Chị em nào mạnh khỏe thì nên đi, nhưng đã đi thì nên đề cao cảnh giác, dù cách nào cũng không được để chúng xé lẻ, tách rời từng người, tránh mọi âm mưu chúng có thể vu khống làm ảnh hưởng đến danh dự nữ tù chúng mình”.

Bảo nhau ai khỏe thì đi nhưng hầu hết các chị đều đi, đi để bảo vệ lẫn nhau. Đó là một cuộc đi dạo bộ của những người nữ tù, nhiều chị đã bị cảm cố dài ngày. Cứ chừng vài mươi bước chân lại phải dừng lại thở dốc, mà con đường từ trung tâm nhà lao đến Cỏ Ống (một bãi cỏ, cỏ mọc rất tốt nên dân gọi là Cỏ Ống), đường dài đến 15 cây số men theo dốc núi do bước chân trần của anh em tù khổ sai tạo nên. Đến Cỏ Ống, suốt cả đêm chị em chống ly khai xin ở một phòng riêng, với mục đích là để chị em thư giãn. Thực ra tổ chức chuyến đi này, bọn chúng muốn dùng cảnh sống “thoải mái” có cả nam và nữ để tác động tư tưởng những anh em tù đang chống ly khai, người nào buộc phải chấp nhận ly khai sẽ tác động lôi kéo anh chị em đang ở vị trí chống ly khai.

Về phòng riêng, các chị cất cao tiếng hát những bài *Về miền Trung, Làng tôi xanh bóng tre, Giai cấp công nhân*, tiếng hát vang vang trên bãi cỏ rộng khiến ai cũng cảm thấy nức lòng, tin tưởng ở ngày mai.

Bọn chúng rất tức, hạch hỏi:

- Tại sao mấy bà ở tù mà còn hát những bài cộng sản?

Các chị nói ngay:

- Những bài đó ở ngoài chúng tôi cũng hát thì bây giờ vẫn hát, có sao đâu.

Vậy là ý đồ chiêu dụ chị em lại thất bại, bọn chúng phải đưa tất cả về trại giam vào sáng ngày hôm sau.

Từng ngày lại từng ngày, trước sức ép của dư luận về việc lưu đày phụ nữ và nhất là trước ý chí kiên cường bất khuất của các chị, Bạch Văn Bốn cùng đồng bọn đã thấy không thể lung lạc được tư tưởng các chị. Từ bóp siết đến nói lỏng, nói lỏng lại bóp siết bằng nhiều thủ đoạn, nhưng các chị vẫn vậy, vẫn như những cây sậy mảnh mai trong gió bão nhưng không hề bị gục ngã.

Tháng 10-1958, chúng quyết định chuyển tất cả 98 chị về đất liền tại nhà lao Phú Lợi. Dù vậy 41 chị chống ly khai cộng sản vẫn khẳng định cuộc đấu tranh của mình tuy có thắng lợi nhưng chưa kết thúc. Không có Bạch Văn Bốn chúa đảo ác ôn thì lại có Bạch Văn Bốn khác. Kẻ địch dù ở bất cứ nhà lao nào cũng rắp tâm bắt những người tù phải khuất phục về chính trị, bằng thủ đoạn này hay thủ đoạn khác.

Dù được giam chung trong một phòng với hơn 100 người. nhưng tất cả 41 chị vẫn giữ thái độ như những ngày còn ở Côn Đảo: Không chào cờ, không hô khẩu hiệu, không học tập tổ cộng.

Những ngày đầu, tên đại tá quản đốc nhà lao Trần Vĩnh Đắc bề ngoài tỏ thái độ mềm dẻo, luôn hỏi han các chị về cảnh sống ở Côn Đảo, không động gì đến thái độ của các chị ở Phú Lợi, sau chúng tổ chức buổi tranh luận thẳng thắn ngay với các chị. Vậy là ý đồ của bọn chúng đã rõ: dùng chiêu bài

trả tự do, dùng cảnh sống tương đối dễ dãi bước đầu ở nhà lao Phú Lợi để cổ thuyết phục, dụ dỗ các chị chấp nhận việc chào cờ, thi hành nội quy nhà lao, học tập tổ cộng.

Nhưng tất cả 41 chị, 41 người như một lần lượt tố cáo chế độ bắt bớ đánh đập vô cớ, chế độ giam cầm đầy ải, đối xử tàn tệ dã man với tù nhân ở tất cả các nhà lao mà các chị đã trải qua, từ đó các chị tuyên bố thẳng thừng: “Vì những lý do đó, chúng tôi không tin, không thể chấp nhận chế độ Ngô Đình Diệm”.

Tên quản đốc Trần Vĩnh Đắc vô cùng tức tối. Hăn hăm dọa:

- Được, mấy chị như vậy là không biết điều. Tôi quản đốc trại giam Phú Lợi cho mấy chị vài ngày suy nghĩ thêm rồi sẽ đưa mấy chị tới một nơi khác, tới đó mấy chị sẽ thấy tai hại hậu quả về hành động của mấy chị.

Từ Phú Lợi, chúng chuyển các chị về nhà lao Gia Định (Bà Chiểu) rồi lại về Phú Lợi lần hai. Nhưng tất cả mọi hành động man rợ của kẻ thù đã không thể khuất phục được các chị và chị Năm Tú. Qua sự tra tấn của chúng, chị Tú và một số chị bị kiệt sức. Chúng phải đưa các chị đi bệnh viện Chợ Quán, bệnh viện của người tù và cũng còn gọi là Nhà thương điên. Gọi là nhà thương tù nhưng cũng còn hơn trại giam Phú Lợi, Thủ Đức. Tại đây chị Năm Tú được tiếp xúc với một số nữ tù chính trị do sức khỏe suy sụp cũng được bọn chúng đưa về Chợ Quán.

Trong số chị em này có một chị tóc cắt ngắn, khuôn mặt tròn, dáng thư sinh, nhưng thân hình thật ốm yếu. Qua trao đổi trò chuyện ban đầu, chị Năm Tú biết nữ tù đó tên Diệp

Tú Anh. Diệp Tú Anh cũng ngỡ ngàng sau không giấu được vui mừng biết chị Năm Tú và mấy chị mới đến đích thị là 41 chị chống chào cờ, chống tổ cộng từ Côn Đảo trở về. Tú Anh ôm vai chị Tú, ứa nước mắt và nói:

- Từ hồi nào tụi em đã được nghe tiếng 41 chị chống ly khai từ Côn Đảo, em thèm được như mấy chị đấu tranh quyết liệt đến hơi thở cuối cùng.

Các chị chống ly khai từ Côn Đảo và các chị chống chào cờ, chống tổ cộng ở Thủ Đức tự động ôm lấy nhau, nước mắt giàn giụa và mừng vì đã được ở bên nhau.

Chị Năm Tú đã hiểu Diệp Tú Anh. Cô vốn là người Việt gốc Hoa, quê ở Hội An - Đà Nẵng. Gia đình Diệp Tú Anh đã tham gia kháng chiến chống Pháp ở Hội An, là cơ sở vận chuyển thuốc cho đảng mình. Do hoạt động ở Hội An, được kết nạp vào Đảng năm 1951, Tú Anh đã bị lộ.

Hiệp định Genève được ký kết, Tú Anh được tổ chức điều vào Sài Gòn và nhờ có anh trai ở Sài Gòn, giới thiệu cho Tú Anh vào hoạt động trong phong trào công nhân ở hãng pin Con ó. Cơ sở bị lộ, Tú Anh bị chúng bắt giải về bót Catinat. Chúng bắt Tú Anh khai ra tổ chức.

Trải qua những trận đòn, những trận đánh như trời giáng vào mặt mũi, chân, tay, khắp nơi trên cơ thể, Tú Anh một mực khai không biết gì hết. Chúng chỉ kết luận và buộc tội Tú Anh: “Tình nghi hoạt động cộng sản”.

Tú Anh đã bị giam ở bót Catinat, qua nhà lao Gia Định, Thủ Đức, bọn chúng bắt học tập tổ cộng, bắt chào cờ ngụy, nhưng cô kiên quyết không chịu. Từ ngày được kết nạp vào

Đảng năm 1951, Tú Anh đã xác định: mình chiến đấu cho Việt Nam cũng như chiến đấu cho Tổ quốc Trung Hoa của mình vậy.

Tú Anh rất quý, rất thương yêu chị Năm Tú, chị mảnh mai, xinh đẹp và hiền hậu biết bao. Có lần chị đã chải tóc cho Tú Anh, như người chị chải cho em gái. Có lần, chị tâm sự với Tú Anh:

“Sống trên cõi đời này, mình không có tham vọng gì đảng kể, chỉ có một hoài vọng, một nguyện vọng của mình phải phấn đấu để được trở thành một Con người chân chính”.

Biết con gái nằm ở nhà thương Chợ Quán, bà Lê Thị Mẹo lại xách giỏ quà đến thăm nuôi con.

Bà nghẹn ngào nói với con:

- Con ơi, con ra sao rồi con?

Chị Tú nói với mẹ:

- Con không sao mẹ à. Mẹ yên tâm đi. Lũ nhỏ ra sao rồi mẹ?

- Lũ nhỏ ngoan, con à.

- Mẹ, mẹ ráng giữ sức khỏe, nghe mẹ. Rồi con sẽ về.

Hai mẹ con nói chuyện hồi lâu. Mẹ ra về rồi, chị Năm Tú lấy giỏ quà chia hết cho chị em: có bánh ít, bánh gai, bánh quy và các trái cây: bưởi, cam, quýt, lê ki ma.

Tất cả các chị em nằm nhà thương đều cảm ơn, ghi nhận tấm lòng nhân hậu của chị Năm Tú.

Cuối năm 1960, cao trào Đồng khởi lan rộng trên khắp các tỉnh miền Nam. Mặt trận dân tộc giải phóng Việt Nam ra đời. Cùng lúc, phong trào quần chúng và phong trào trí thức

ở Sài Gòn lên mạnh đòi hỏi trả tự do cho các chính trị phạm: những người đã bị bắt trái phép, bị giam giữ không thời hạn. Ngô Đình Diệm buộc phải cho thành lập Ủy ban nghiên cứu liên bộ Nội vụ - Tư pháp - Quốc phòng để xét trả lại tự do cho trên 3000 tù nhân các trại. 41 chị từ Côn Đảo chống lý khai cũng được trả trong đợt này, nhưng để hạn chế ảnh hưởng, bọn chúng chỉ tiến hành trả tự do mỗi đợt vài ba người. Mỗi lần trả chúng vẫn không từ bỏ ý đồ lôi kéo chiêu dụ các chị chấp nhận điều kiện do chúng đưa ra. Nhưng chúng hoàn toàn thất bại.

Chị Năm Tú và Diệp Tú Anh từ bệnh viện Chợ Quán về cũng được gọi lên trả tự do.

Chia tay nhau, biết Tú Anh quê mãi Hội An lúc này không còn một xu dính túi, chị Năm Tú dúi vào tay Tú Anh 100 đồng để Tú Anh chi dùng trong trong lúc chờ bắt được liên lạc với người thân. Tú Anh cảm động không nói được nên lời, chỉ ôm chị Tú mà khóc.

Ra khỏi nhà tù, dù bị mang lưới công an theo dõi, chị Năm Tú vẫn tìm cách bắt liên lạc được với tổ chức: Thành ủy Sài Gòn - Gia Định.

3

Ngày trở về như con chim xa tổ đã lâu ngày nay về lại, chị Năm Tú rơi nước mắt trong vòng tay đồng chí: chị Hai Thanh, chị Mười Mỹ. Các anh cũng vây quanh chị. Anh Sáu Dân bí thư đặc khu Sài Gòn - Gia Định, đôi mắt chớp chớp:

- Ráng lên, chị Năm. Anh em trông chờ chị đó.

Anh vỗ vai chị, thân mật:

- Trí thức đích thực của Sài Gòn đây. Kẻ thù không ngờ mà anh em mình thì rất khâm phục tinh thần kiên trung bất khuất của chị.

Chị Tú khiêm nhường:

- Tôi cũng như mấy chị thôi anh à.

Khu ủy Sài Gòn - Gia Định đã nhiều lần biểu dương tinh thần đấu tranh của chị Năm Tú để toàn thể đảng bộ học tập. Khu ủy đã dành những lát sân quý hiếm từ miền Bắc gửi vào cho chị bồi bổ sức khỏe. Bữa ăn của chị dù trong cảnh ta còn hoạt động bí mật cũng khá hơn của anh chị em đôi chút. Nghỉ ngơi ít ngày, chị tham gia sinh hoạt, tìm hiểu tình hình.

Chị tìm hiểu rõ hơn về phong trào Đồng khởi, đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang. Từ Bến Tre, phong trào đã lan ra các tỉnh Trà Vinh, Tiền Giang, Long An, lan nhanh khắp miền Nam, quét sạch hệ thống kiểm kẹp của địch ở đại bộ phận nông thôn. Hàng triệu lượt quần chúng bao vây, uy hiếp địch, giải tán tề xá, trấn áp ác ôn, đánh trống mõ gây tiếng nổ vang trời, đồng loạt làm cho địch phải khiếp sợ. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi đã tạo cơ sở để phát động cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân toàn diện, chống lại sự xâm lược của đế quốc Mỹ và tay sai, làm cho bộ máy ngụy quyền phải lâm vào tình trạng khủng hoảng triền miên.

Chị vui hơn nữa biết các con đã khôn lớn.

Phong trào Đồng khởi đã lôi cuốn Tuyết Nga, cô gái xếp

bút nghiên, bỏ trường lớp, trốn ông bà ngoại, tham gia Đồng khởi và trở thành một trong các cô phát thanh viên đầu tiên của Đài phát thanh giải phóng.

Hòa mình trong phong trào, chị Tú được tiếp thêm sức mạnh. Tháng 3 năm 1961, tại Đại hội thành lập Hội Phụ nữ giải phóng Sài Gòn - Gia Định, chị được Đại hội nhất trí bầu làm Hội trưởng Hội Phụ nữ giải phóng. Tiếp đó, chị lại được bầu làm Chủ tịch Ban Chấp hành lâm thời Trung ương Hội Phụ nữ giải phóng miền Nam Việt Nam, chị làm việc say sưa, năng nổ, hướng dẫn các chi hội cơ sở từ xã đến huyện, tích thực hiện những nhiệm vụ chính như tham gia các cuộc đấu tranh chính trị giành thế hợp pháp, vạch trần âm mưu của bọn xâm lược Mỹ và tay sai Ngô Đình Diệm, chống chiến tranh phi nghĩa, chống ruồng bỏ căn quê, chống bắt lính. Làm tốt công tác binh vận, làm tan rã hàng ngũ địch, ra sức bảo vệ xóm làng, chống đồn dân, lập ấp chiến lược, tăng gia sản xuất.

Chị Năm Tú cũng quan tâm đề xuất với cấp ủy xây dựng trường học cho con em và quan tâm đến việc xây dựng nhà hộ sinh, tủ thuốc, tủ cứu thương để chăm sóc các bà mẹ, trẻ em ở vùng giải phóng.

Với khối lượng công tác khá lớn, chị miệt mài làm việc, đem sức lực, hiểu biết của mình đóng góp cho phong trào.

Năm 1963, chị Năm Tú được cử đi học lớp báo chí do Trung ương Hội mở cho 16 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, Đồng Nai, Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Bạc Liêu, Trà Vinh, Vĩnh Long, Tiền Giang, v.v...

Bốn chị: Chị Năm Tú, chị Tư Định, chị Pauline Mỹ, chị Lê Thoại Chi được bố trí ở chung một phòng cho phù hợp với lứa tuổi, tiện cho việc ăn uống bồi dưỡng và cũng tiện cho việc tâm tình. Chị Tư Định đã dí dỏm đặt tên cho nhà nữ này là “tả bà già” (tổ bà già). Các chị tỏ ra thích thú với tên gọi được các học sinh phụ họa theo đã viết trước cửa phòng của các chị mấy chữ “Tả Bà Già”.

Các chị cũng lấy thế làm vui, mọi người đều vui. Các chị thông cảm, hiểu nhau và coi chị Tú như người chị, ai mới tiếp xúc với chị đều có cảm tình liền.

Cuối lớp học, nhà trường bỗng được tin cấp báo: Ngô Đình Diệm bị lật đổ, anh em Diệm - Nhu đã bị tay sai Mỹ giết hại. Nhà trường chớp thời cơ, liền cho các học viên tranh thủ đi thực tế.

Anh chị em thanh niên khỏe mạnh gia nhập lực lượng vũ trang, phát động quần chúng đấu tranh chính trị, phá ấp chiến lược mở rộng vùng giải phóng. Chị Năm Tú và các chị đột nhập nội thành xây dựng cơ sở Hội. Lớp học đã thu được nhiều kết quả tốt đẹp, và để lại trong chị Năm Tú những kỷ niệm thật khó quên.

Điều chị Tú mừng hơn cả là trong khí thế đi lên của cách mạng, lực lượng phụ nữ với đội quân tóc dài hùng mạnh đã đóng vai trò quan trọng, góp phần tích cực làm thất bại cái gọi là “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ ở miền Nam.

Đề phát huy thắng lợi ngày càng rực rỡ, Hội phụ nữ giải phóng miền Nam Việt Nam quyết định tổ chức Đại hội phụ nữ toàn miền.

Chị Mười Mỹ nhớ như in Đại hội phụ nữ toàn miền Nam lần thứ nhất tổ chức vào tháng 3 năm 1965.

Anh Sáu Dân, anh Huỳnh Tấn Phát, luật sư Nguyễn Hữu Thọ hồ hởi đón các chị.

Toàn Đại hội tung bùng khí thế hân hoan đón chào các đoàn phụ nữ: Sài Gòn - Gia Định, khu Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ và khu vực Nam Trung Bộ.

Để tới được Đại hội, các má, các chị đã phải vượt qua bao rào gai áp chiến lược, len lỏi qua các đôn bốt dày đặc, qua các vùng tạm bị chiếm đầy hiểm nguy, bởi nếu sơ sẩy một chút là cầm chắc chết.

Đại hội nhằm tổng kết phong trào đấu tranh chính trị, vũ trang binh vận của phụ nữ, một phương châm đấu tranh mà chị em phụ nữ có lợi thế vận dụng làm tan rã hàng hoạt đội ngũ nguy quân, nguy quyền. Đại hội cũng nhân dịp này tổng kết thành tích phụ nữ tham gia lao động sản xuất, tiết kiệm, tham gia công tác văn hóa giáo dục, y tế xã hội, công tác hậu phương, quân đội, nuôi dưỡng chăm sóc thương binh, úy lạo chiến sĩ và nhất là công tác xây dựng Hội, đào tạo cán bộ.

Trên bàn Chủ tịch đoàn, chị em vui mừng thấy có chị Nguyễn Thị Định - Phó Tư lệnh các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam, người đã giương cao ngọn cờ Đồng khởi ở Bến Tre, chị Nguyễn Thị Tú kiên cường bắt khuất từ nhà tù Côn Đảo trở về, chị Lê Thị Riêng, Mi Đoan, chị Nguyễn Thị Thanh, những gương mặt tiêu biểu của phụ nữ Thành Đồng.

Một sự động viên lớn đối với các chị là Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, Bí thư Quận ủy miền đã về dự đại hội. Đồng chí đã chăm chú theo dõi các bản báo cáo.

Đại hội vui mừng cảm động được tin Trung ương Đảng, Bác Hồ tặng phụ nữ miền Nam tám chữ vàng: *Anh hùng - Bất khuất - Trung hậu - Đảm đang*.

Các mẹ chiến sĩ được tặng danh hiệu: Yêu nước - Thương con - Đảm đang - Bất khuất.

Và phong trào phụ nữ toàn miền Nam được tặng Huân chương Thành Đồng hạng nhất.

Sau Đại hội, chị Tú, chị Mười Mỹ về căn cứ Khu ủy tại Cù Chi. Cù Chi cách Sài Gòn 20 cây số là cửa ngõ vào Sài Gòn và cũng là con đường vào căn cứ T4. Chị Tú và chị Mười Mỹ được phân công phụ trách khối công thương và trí thức. Bọn Mỹ ráo riết sẵn lòng tàn phá Cù Chi.

Căn cứ Cù Chi gần sát căn cứ đóng quân của Mỹ, nên mỗi sáng dậy, tất cả cán bộ chiến sĩ cơ quan phải gọn gàng, đề phòng khi giặc thả biệt kích, hoặc tấn công, bỏ bom thì tất cả đã gọn gàng, sẵn sàng chiến đấu. Hàng ngày, máy bay trinh sát L19 mà lính ta thường gọi là “con đằm già” lượn vòng, chỉ cần phát hiện một vệt khói là chúng gọi “con điều hâu” - máy bay phản lực F5 tới bỏ bom. Anh chị em dưới hầm cứ từ dưới nhìn theo đường đi của trái bom mà chạy: trái bom hình tròn, có nghĩa là bom lao đến chỗ của mình, trái bom hình dài có nghĩa là nó đi nổ ở chỗ khác rồi. Tiếng máy bay đi xa, tiếng bom ngừng nổ thì mọi người ra khỏi hầm, coi ai còn ai mất, ai có thương vong gì không. Việc ăn

uống nhiều bữa cũng chả có chi. Lâu lâu, chị Năm Tú lại nhấn mẹ gọi thức ăn lên. Bà Lê Thị Mẹo gọi vào cho con và đồng đội của con nào cá, nào mực, nào mắm. Những ngày lễ tết, bà còn gửi hàng chục chiếc thùng đựng đủ thứ trái cây xum xuê: mít, dứa, bưởi, cam, quýt, lê-ki-ma, vú sữa. Nhưng rồi những cây trái thân thương đó đã bị bọn Mỹ bỏ thuốc độc chết hết.

Năm 1966, được tin con gái từ miền Bắc đã vượt Trường Sơn về tới Trung ương Cục, chị gọi lên cho con một cái khăn rằn và những thứ cần thiết nhất trong cuộc sống của một người con gái ở rừng. Chỉ có một người mẹ mới nghĩ ra được những gì con gái cần!

Thực ra, tốt nghiệp khoa Hóa trường Đại học Tổng hợp Hà Nội năm 1965, theo chính sách chăm lo cho miền Nam mai sau, Bộ Giáo dục quyết định cho Tô Nga sang Liên Xô làm luận án Phó Tiến sĩ. Nhưng tiếng gọi của quê hương, của cuộc chiến đấu mạnh hơn vinh quang khoa bảng. Tô Nga xin được vào miền Nam chiến đấu.

Nhưng, quân Mỹ đổ bộ vào miền Nam, bom đạn Mỹ tàn phá làng mạc, không còn trường để dạy, các giáo viên được phân công làm những việc khác. Tô Nga được phân công về phòng tư liệu của Thông tấn xã giải phóng.

Cuối năm 1966, được phép của cơ quan, Tô Nga từ trên rừng căn cứ Trung ương Cục, đi tìm mẹ ở cơ quan T4.

Tô Nga nhắc bông mẹ trên tay. Muốn ôm mẹ vào lòng mà mắt cứ trước mặt mọi người. Mười năm tròn xa mẹ, chỉ mong có giây phút này. Xin mẹ kể cho nghe về những năm

tháng ở tù của mẹ, mẹ từ chối vì “mẹ cũng chỉ như mọi người khác” và “con chỉ cần nhớ: mẹ là đảng viên mà!”.

Ồi cái tiếng *đảng viên* từ Mẹ thốt ra sao mà thiêng liêng, thiêng liêng vì nó hàm chứa cả cuộc đời của Mẹ.

Sống với mẹ chưa được một tháng, cơ quan gọi về. Hai ngày sau, trận càn Cedar Fall do quân phối hợp Mỹ - ngụy bắt đầu.

Chị Tú mất tích. Các cuộc tìm kiếm do cơ quan, do chính Tạ Bá Tòng từ nội đô trở về thực hiện đều vô vọng. Hy vọng chị Tú bị ngụy bắt bỏ tù, bị Mỹ bắt chờ trao đổi... đều không thành...

Chồng, con, các đồng chí, những người yêu thương Nguyễn Thị Tú bắt đầu sống trong khắc khoải.

Năm 1967, Tổ Nga xây dựng gia đình cùng Kiều Xuân Long. Và cô được chính thức là phóng viên, vinh dự có mặt trong Đại hội lịch sử thành lập Chính phủ lâm thời miền Nam Việt Nam, làm cán bộ nghiên cứu của Tiểu ban giáo dục, rồi giao liên nội thành Sài Gòn - Chợ Lớn. Tháng 8-1974, cơ sở bị lộ, Tổ Nga bị bắt khi đang mang thai. Cô kiên quyết không khai dù bị treo, bị đánh, bị đòn khủng bố của Khôi chiến tranh tâm lý của Tổng nha cảnh sát ngụy. Cô càng nhớ, càng thương, càng hiểu mẹ của mình hơn. Và cô muốn được xứng đáng là con của mẹ Nguyễn Thị Tú.

Tổ Nga sinh con - bé Việt Liên trong tù. Việt Liên là thế hệ thứ tư của gia đình Nguyễn Thị Tú ở tù trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của dân tộc Việt Nam.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, bé Việt Liên cùng mẹ ra khỏi

tù. Với hai mẹ con, hai từ giải phóng mang ý nghĩa giải phóng thật sự.

Sau mười bảy năm phục vụ ngành Giáo dục của thành phố Hồ Chí Minh, Tố Nga quyết định dành phần đời còn lại của mình thực hiện ước nguyện của Mẹ: chăm sóc những người bất hạnh hơn mình. Tố Nga tham gia giúp đỡ các trại mồ côi, tổ chức cho từng đoàn bác sĩ Pháp về mổ vá môi, hờ hàm ếch cho gần 400 bệnh nhân của đồng bằng sông Cửu Long, cùng với các cựu tù binh Pháp xây nhiều ngôi trường ở những nơi Pháp đã từng gây tang tóc trên mảnh đất Việt Nam. Chính phủ Pháp tặng cô huân chương Bắc Đẩu Bội Tinh với tư cách cô là gạch nối tình hữu nghị Pháp - Việt. Đã gần bảy mươi tuổi, Tố Nga vẫn còn là gạch nối trong cuộc đấu tranh gian khổ của các nạn nhân chất độc da cam khi chính Tố Nga và các con cũng là nạn nhân.



Trần Quế Nga, em Tố Nga lớn lên khi ba đã mất, khi mẹ Tú vì công tác kháng chiến trong vùng địch phải vắng nhà thường xuyên. Ông bà ngoại đã hết lòng chăm sóc yêu thương Quế. Cô gái dung dị hồn nhiên ấy vẫn giấu kín nỗi nhớ mẹ da diết trong lòng. Khi chị Tú từ Côn Đảo chuyển về đất liền và đi trị bệnh tại bệnh viện Chợ Quán, Quế cùng bà ngoại đến thăm mẹ. Phòng giam của chị Tú cách một khoảng sân, có hàng rào gai và một hàng cây cô thụ. Quế nhỏ xíu lén giấu mình phía bên hông rào để nhìn thấy mẹ rõ hơn. Em

dựa vào gốc cây cổ thụ. Em khóc và gọi mẹ. Chị Năm nhìn con, xúc động lắm, mắt ngấn nước, nhưng vẫn nói với con: “đừng khóc nữa con”.

Đến tháng 9 năm 1964, vừa thi xong tú tài 1, giao liên đến nhà, xin được đón Quế đi vào chiến khu. Quế xin phép ông bà ngoại cho đi chiến đấu với mẹ, với chị Tuyết.

Ba Tòng là người đón Quế, giải thích cho Quế những bài học cách mạng đầu tiên. Quế hòa rất nhanh vào tập thể mới, thích nghi rất nhanh vào những công việc của kháng chiến.

Trong trận tổng tấn công Mùa xuân Mậu Thân, Quế hòa vào dòng chiến sĩ xuống đường. Quế đi cùng với một chiến sĩ trẻ, em Tấn, hai chị em được phân công diệt ác ôn. Quế yểm trợ cho Tấn bắn, tên ác ôn bị thương, nhưng hai chị em bị lộ, phải rút vào cố thủ trong một căn nhà bỏ hoang tại quận



Trần Quế Nga (1968) (thứ hai, bên trái)

4. Súng hết đạn, Quế và Tấn đều bị thương và hai chị em bị bắt. Đòn roi khảo tra dã man không lấy được một lời khai nào của hai chị em. Quế lại bị thương nặng, địch đành chuyển cô đi nhà thương Chợ Quán, máu của vết thương còn bê bết khắp người, Quế nằm bất động.

Khi vết thương đã đỡ, Quế cùng Tấn bị đưa ra tòa án binh. Tòa kết án Quế hai mươi năm tù giam. Tấn lĩnh án tù chung thân.

Cũng như mẹ, Quế bị giải từ nhà tù này đến nhà tù khác, từ Nha đô thành, đến Chí Hòa, Thủ Đức, Tam Hiệp, rồi cuối cùng đến Côn Đảo.

Cũng như mẹ, Quế đã trải qua tất cả các đòn tra tấn thâm độc của địch, cũng như mẹ, Quế đã qua những ngày bị nhốt trong Chuồng Cọp, bị cùm khi đấu tranh, bị đồ vôi sống khi phản đối chính sách khắc nghiệt của địa ngục trần gian. Quế học tiếng Hoa, học hát, học thêu, nhường cho các chị lớn tuổi yếu sức hơn mình, dù là một chút không khí trong lành.

Do sự đấu tranh của dư luận Sài Gòn, năm 1973, bọn địch phải trả lại tự do cho Quế và các chị tù Côn Đảo.

Đất nước hết chiến tranh, hòa bình về tới toàn dân. Con của chị Tú lần lượt trở về nhà, quay quần bên ông bà ngoại. Chỉ có chị Tú là không về.

Ông bà ngoại của các anh chị Tuấn, Nga, Tuyết, Quế, Ly, Sơn đã yếu lắm rồi, bao nhiêu năm chờ đợi hết con đến cháu, bao nhiêu năm sống căng thẳng trong sự rình rập ngày đêm của bè lũ cú vọ, sức khỏe của ông Thâu và bà Mẹo đã bị bào

mòn. Sự mất tích của người con gái duy nhất là đòn đánh cuối cùng làm cho cả ông và bà lần lượt ra đi. Tuấn, Nga, Tuyết, Quế, Ly chưa mừng sum họp đã trở thành mồ côi Ông Bà.

Thêm vào đó là nỗi đau vắng tin mẹ. Mỗi lần gặp các dì “41 - Côn Đảo”, nhìn nước mắt của các dì lăn dài khi kể đến những ngày đã cùng mẹ Tú đấu tranh và chiến thắng kẻ thù, mấy anh em tự hào, nhưng lòng đau như dao cắt. Nga là người cuối cùng trong nhà gặp mẹ trước khi mẹ mất thương nhắc lại với anh Hai, với các em của mình những ước vọng của mẹ. Bao giờ mẹ cũng bắt đầu câu chuyện bằng “bao giờ hòa bình...”. “Bao giờ hòa bình, mẹ muốn cả nhà mình ở chung với nhau, con chờ bao giờ hòa bình rồi hẵng lấy chồng, để ông bà ngoại còn có mặt trong đám cưới, bao giờ hòa bình, bao giờ hòa bình...”. Hòa bình rồi, mẹ ở đâu?

Chính phủ công nhận chị Tú là liệt sĩ, tặng cho chị Huân chương Độc lập hạng nhất, truy tặng bà Lê Thị Mẹo danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, huân chương Độc lập hạng nhì. Nhưng với các con của chị, chứng nào chưa có tin của chị, nỗi đau vẫn còn đó, nỗi đau nhân đôi, nhân ba vì vừa mất mẹ, vừa không được để tang cho mẹ.

Cuộc tìm kiếm dấu tích của mẹ ngày càng thôi thúc các con của người mất tích.

Chị Mười Mỹ là người đã ở cùng trong mười ngày ác liệt của trận càn kể lại:

Cuối năm 1966, Mỹ mở nhiều trận càn quét dài ngày, đi xét lại vùng căn cứ, đánh vào các cơ quan lãnh đạo và hạ lương vũ trang chủ lực quân giải phóng.

Trận càn Cedar Fall, phối hợp với quân đội ngay, tràn vào khu Tam giác sắt gồm các huyện Củ Chi, Dầu Tiếng, Bến Cát.

Trận càn Cedar Fall kéo dài ròng rã cả tháng trời. Tuy địch đã bị quân dân ta đánh trả quyết liệt, giáng cho chúng những thiệt hại nặng nề nhưng ta cũng phải trải qua những ngày hết sức căng thẳng, cam go.

Cuối tháng 12 năm 1966, chúng mở trận càn chữ O, trên trời máy bay quần đảo bỏ bom không ngớt, dưới sông Vàm Cỏ Đông thì tàu chiến bắn lên, ngoài Đồng Dù ca nông bắn vào. Trên mặt đất hàng đàn chiếc xe tăng tràn vào, cày nát đất, chà luôn các cây cao su non.

Để bảo toàn lực lượng, đồng chí Huỳnh Tấn Phát yêu cầu phân tán lực lượng thành nhóm nhỏ, tránh xe tăng, cũng để tránh bom pháo hơn.

Chị Tú và chị Mười Mỹ chia tay, hẹn nhau mấy ngày sau gặp lại. Chị vừa chia tay với con, trên cổ vẫn còn quần chiếc khăn rằn con gái năn nỉ mẹ nhận. Vừa xé đôi chiếc khăn, chị Năm còn nói chơi: “Con gái đừng giận mẹ nhen, mẹ con mình chia cho anh Tân nửa cái khăn để ảnh gói cơm”.

Sau trận càn, anh Tân về R, gặp Tố Nga, vừa khóc, vừa nói: “Đến chiếc khăn dì Năm cũng chia, bây giờ khăn còn mà dì thì mất”. Chiếc khăn ấy đã cùng anh Tân đi chuyển đi cuối cùng về đồng bằng, cùng anh hy sinh trong một trận càn khác.

Chị Năm Tú đi cùng với các anh bên Mặt trận. Chị Mười Mỹ đi với anh Thương và một số anh chị em nữa. Mỗi đoàn đi cách nhau mấy trăm thước, nhưng rồi cuối cùng thì lạc nhau.

Trận càn cũng đã vào những ngày cuối cùng, tiếng súng, tiếng pháo đã ngớt dần, lính Mỹ và lính ngụy cũng lần lượt rút quân.

Đoàn chị Tú tới xã Bung Còng, nơi có một căn hầm của cơ quan. Mọi người muốn đi ngay vào hầm vì ai cũng mệt, cũng đói, nhưng anh Hai Liệt, người bảo vệ chị Năm, với tinh thần cảnh giác cao, yêu cầu mọi người ngồi tại chỗ, để Hai Liệt đi thám thính trước. Biết đâu có Mỹ phục kích trong cù! Nơi đoàn ngồi chờ là một khu rừng cao su non, không có gì để che chắn nếu không may gặp địch.

Hai Liệt vào tới hầm đã thấy đồng chí Huỳnh Tấn Phát đang bồn chồn chờ tin các đoàn, rất sốt ruột vì ông biết chị Năm đã yếu sức lắm rồi, mắt cận thị nặng nhưng đôi mắt kiếng đã bị mất trong khi chạy giặc. Thấy Hai Liệt, ông mừng quá, vội cử thêm ba người nữa cùng đi đón chị Năm và các đồng chí khác. Nhưng không kịp nữa rồi, 5 người vừa đi được mấy bước đã nghe tiếng đại liên của xe tăng giặc bắn liên hồi... Một đoàn xe tăng, đoàn xe cuối cùng của Mỹ trên đường rút quân đã vô tình phát hiện đoàn người đang ngồi chờ.

Tiếng súng im đã lâu, anh em vẫn chưa dám ra, sợ giặc còn phục kích, cho đến khi có vài người trong đoàn thoát về được tới hầm, báo tin giặc đã rút hết, đồng chí Huỳnh Tấn Phát cùng anh em lao ra rừng cao su thì không còn ai nữa. Ai chạy thoát được đã vào tới hầm, chị Năm Tú và hai anh khác không có dấu tích. Chỉ có vài giọt máu còn đọng lại trên một gốc cao su non.

Chị Mười Mỹ lạc trong rừng, ăn hết lương khô, phải bứt lá rừng ăn để sống tìm về đơn vị.

Liên mười ngày sau đó, các cuộc tìm kiếm chị Tú và các đồng chí khác được tổ chức gấp rút. Mỗi người, một tay cầm cuốc, một tay cầm một lon cháo hoặc sữa, gặp người bị thương thì dứt cháo, dứt sữa rồi đưa về cứ, gặp người hy sinh thì làm dấu rồi dùng cuốc mà đào huyết chôn đồng chí. Trong khu rừng cao su ấy, đã có bao nhiêu đồng chí nằm lại, có khi tên tuổi cũng không được ai biết đến.

Cây cuốc và lon sữa của anh Tạ Bá Tòng không được dùng để lo cho vợ của mình, chị Năm như đã đi vào không khí. Một chút vết máu tại gốc cao su làm cho mọi người nghĩ rằng chị Năm có thể bị thương rồi bị địch bắt. Chị đã yếu, lại không có đôi mắt kính, làm sao có thể chạy thoát như các đồng chí khác? Những cuộc tìm kiếm trong các nhà tù của địch cũng không có kết quả. Chị Nguyễn Thị Tú bị liệt vào danh sách của những người mất tích trong trận càn Cedar Fall.

Bao nhiêu năm hòa bình là bấy nhiêu năm trông chờ, tìm kiếm. Đến việc trả hiếu bình thường là làm đám giỗ cho mẹ, các con của chị Tú cũng không làm được, vì nào ai có biết chị mất ngày nào? Bà ngoại trước khi đi về trời, đã dặn lại các cháu rằng: Mẹ con sanh ra vào tháng giêng, lúc trăng vừa tròn, vừa sáng. Thôi thì lấy ngày rằm mà cúng mẹ vậy. Từ ấy, cứ rằm tháng giêng, các dì, các cậu, các chú bác và cả các anh chị đã cùng ở tù, cùng chiến đấu cùng công tác với chị

Năm Tú, chị Năm Trung, hay với dì Năm, cô Năm lại gặp nhau khi thì ở nhà người con gái này, khi thì ở chỗ người con gái khác, nhưng dù ở đâu, hình ảnh chị Năm vẫn cứ sáng ngời trong lòng của từng người. Các con của chị Tú, lòng dặn lòng phải sống như mẹ. Mẹ của mình đã phải sống như thế nào để mà đã hơn bốn mươi năm rồi, mọi người vẫn yêu thương đến như vậy?

Các cuộc tìm kiếm cuối cùng đã đưa các con của chị đến xin sự giúp đỡ của nhà ngoại cảm Nguyễn Văn Liên. Thông cảm với các anh, chị, có trách nhiệm với người đã khuất, Hội Phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh sẵn sàng làm đủ hồ sơ xác nhận để việc tìm kiếm được dễ dàng.

Dưới một khóm cây tre tàu, có một người phụ nữ bị chôn sống. Người phụ nữ ấy không có được một tấm vải niêm, không có được một cái áo quan. Người phụ nữ ấy đã bị chôn ngò, chân và tay bị trói bằng những sợi dây màu xanh. Đầu của người phụ nữ ấy chỉ cách mặt đất vài mươi phân. Khi người phát hiện ra hải cốt ấy, tóc người phụ nữ ấy còn dài và đen. Với thời gian, tóc đã rã ra từng sợi, rã rời. Người phát hiện hải cốt đã trồng tre thay mộ, tre tàu có tiếng là nhiều rễ, rễ tre tàu đã làm nổ tung sọ của người phụ nữ ấy, từng mảnh xương sọ bám vào rễ tre làm nát lòng những người đang đứng vây quanh. Từ Hà Nội, ông Nguyễn Văn Liên gọi vào: những mảnh xương ấy là xương sọ, xương chân, xương đùi của mẹ mình, đất đen ấy là thịt, là xương của mẹ mình, cứ lấy hết, lấy hết đi để đem về mà an táng cho mẹ.

Người phụ nữ bị chôn sống ấy, hải cốt ấy là của chị

Nguyễn Thị Tú, mẹ của Tuấn, Nga, Tuyết, Quế, Ly, Sơn. Phải chiến đấu dữ dội ở những phút cuối cùng như thế nào chị Nguyễn Thị Tú mới bị kẻ thù căm hận đến mức chôn sống! Một lần nữa, các dì 41, các anh, các chị, các chú, các bạn nhận ra ở bộ hài cốt rã nát kia, hình ảnh của người đồng chí trung kiên, nhân hậu và thủy chung đến cùng với tất cả những giá trị thiêng liêng chị luôn mang trong tim, luôn dạy con sống theo đó.

Các con của chị Tú cuối cùng đã được đề tang cho mẹ.

Năm tháng sẽ qua đi. Ký ức về Nguyễn Thị Tú rồi cũng sẽ bị người đời lãng quên. Điều đó là bình thường.

Chính chị khi sống trên cõi đời này cũng chưa bao giờ có tham vọng gì ngoài tham vọng làm *một con người chân chính* như chị vẫn hằng dạy con mình qua những bức thư vượt qua song sắt của nhà tù, qua chính cuộc đời của chị.

BÍCH THUẬN

Nguyễn Thị Xà

(Sinh năm 1929)



NGỤC TÙ KHÔNG NGĂN NỖI LỜI CA

Nhìn vẻ mảnh mai của bà Nguyễn Thị Xà, tôi không thể tin được, người phụ nữ ấy đã trải qua hơn mười bảy năm trong những nhà tù khét tiếng của Mỹ - ngụy. Quê hương Củ Chi đất thép thành đồng đã hun đúc nên người phụ nữ ngỡ như mềm yếu nhưng cứng hơn sắt thép. Cũng thật khó hình dung, người phụ nữ ấy đã tham gia cách mạng từ năm 1945, khi còn rất trẻ, với vai trò Đoàn trưởng Phụ nữ cứu quốc xã An Nhơn Tây. Đó là những ngày hoạt động sôi nổi, với Hội mẹ, Hội chị chiến sĩ, phát động phong trào “hũ gạo nuôi quân”, “Bụi chuối, vòng khoai, con gà... kháng chiến”. Cô kể: “Phong trào cứ thế mà thành, mà lớn mạnh”. Sau Hiệp định Genève, cô làm giấy tờ giả, sống hợp pháp để hoạt động...

Đó là những năm chính quyền Diệm được dựng nên, ra sức khủng bố, đàn áp những người kháng chiến cũ. Nhiều chi bộ bị xóa trắng. Tháng 12-1954, cô gái trẻ bị bắt vào tù. Chúng giam cô cùng các thường án. Nhìn cô gái trẻ trung, vui vẻ hiền lành bị đánh đập, tra tấn dã man, những tù thường án can tội móc túi, đâm chém thuê, bài bạc, chứa gái điếm... cũng mềm lòng. Tiếng hát của cô làm họ ngạc nhiên. “Nhớ núi non xóm làng...”. Giọng hát trong vút của cô gái vang lên từ bóng đêm tù ngục làm họ mềm lòng, rơi nước mắt vì nhớ quê hương, nhớ những người thân...

Năm 1956, được thả, Chín Xà về quê hương Củ Chi, tiếp tục hoạt động binh vận. Từ bàn đạp Củ Chi, đôi chân cô đi đến những miền đất khác, xây dựng mạng lưới cơ sở trong lòng địch, gặp gỡ những đối tượng cần tranh thủ. Sau khi về căn cứ dự khóa học hoạt động nội thành, cô được đưa về vùng tạm chiếm, tiếp cận với binh lính, sĩ quan địch. Đó là thời kỳ cô rơi vào cô đơn, khủng hoảng, do các cơ sở nội thành bị vỡ. Nhiều người bị bắt. Thấy một cô gái thường mặc áo hoa thon thả dễ nhìn, ngồi sau yên xe đạp của vài thanh niên trai trẻ, dạo lên dạo xuống, khiến vài bà mẹ cơ sở ngần ngại tỏ lòng khinh miệt. Cô bị xem là một “con điếm”, bị xua đuổi, ghê lạnh, tẩy chay. “Tôi đã khóc rất nhiều vì buồn tù”. Cô Chín Xà nói trong nước mắt khi nhớ đến những ngày khó khăn hoạt động trong lòng địch...

Năm 1960, Chín Xà bị bắt, do một cán bộ vì không chịu nổi sự tra tấn dã man của địch khai báo. Từ bót Bà Hòa,

chúng đưa cô về đề lao Gia Định, rồi Tổng nha Cảnh sát, Chí Hòa, Thủ Đức, Côn Đảo... Cô trầm ngâm: “Tôi bị đày ra Côn Đảo bốn lần, trong khoảng năm năm, chuyến chót có mười ngày. Côn Đảo với tôi là một địa ngục trần gian vô cùng khắc nghiệt. Nhưng tôi đã sống, trở về nhờ tiếng hát!”. “Tiếng hát?!”. Tôi ngạc nhiên hỏi lại. Cô nói: “Phải. Nhờ hát mà tôi sống. Nhờ những bài thơ, bài ca tôi viết trong tù mà tôi vượt qua nỗi cô đơn, sợ hãi, yếu đuối của mình. Tôi nhớ lần bị đưa vào khám Chí Hòa, giữa năm 1961. Tôi nằm trong số hai mươi chị tù chính trị em chống học tập tổ cộng. Sau một trận đánh đập, đàn áp dữ dội, thấy không có kết quả, địch tổng giam chúng tôi vào phòng kỷ luật. Đó là một căn phòng hẹp, ẩm ướt, hôi hám, đầy ruồi muỗi. Hai tay, hai chân chúng tôi đều bị còng - một kiểu còng độc ác, hai chân bị còng chung một cây sắt dài, hai tay luồn dưới hai nhượng¹ của chân rồi còng dính lại. Bị còng kiểu này phải ngồi cong lưng suốt ngày đêm (chỉ được mở ra ngày hai lần lúc ăn cơm). Trong hoàn cảnh ấy, nếu cứ nghĩ đến nỗi buồn, sự cô đơn thì người ta càng chông chênh, bất an, yếu đuối. Không, phải nghĩ đến sự tích cực. Để chống lại không khí ám đạ này, tôi nghĩ mình phải truyền ngọn lửa lạc quan cho đồng đội. Cách duy nhất tôi có thể làm được là viết một bài về trong đầu, nhắm cho thuộc rồi đọc lên cho chị em nghe...”. Đã mấy mươi năm trôi qua, bài về ấy cô vẫn nhớ như in. Và cô cất giọng đọc, rành mạch, lạnh lốt:

¹ *Nhượng*: Khoeo (chỗ sau đầu gối).

*Nghê vè nghe ve nghe vè khám tội
Bị vào cấm cố, như công chúa vào cung
Còng tréo tay chân, như đi xe máy cuộc
Tơi bời đánh đập, như đám bóp dần lưng
Cơm lạt hàng tuần, như về Tây phương Phật
Phòng chật nóng bức, như được tắm xông hơi
Cơm nước tận nơi, như có người phục vụ
Tiểu tiện tại chỗ, như các vị công nương
Muỗi đốt đêm trường, như điểm son ghi tạc
Mặt mày phờ phạc, như tiên nữ cau mày
Kính nguyệt không thay, như ra đồng tâm huyết
Kẻ bỏ người lết, như vũ khúc tân thời
Bệnh kêu hết hơi, như thiên lôi sấm sét
Gan bầu ruột nát, như đào hát cải lương
Tê lạnh đêm trường, như lãnh cung hoàng hậu
Người tù không tội, có cơ hội gặp nhau
Chia sẻ thương đau, xem nhau như ruột thịt
Nhà lao kỷ luật là trường học trong tù
Khắc khổ hận thù, trui rèn ý chí
Đêm nằm ngẫm nghĩ “Tù sướng như tiên”...*

Không khuất phục nổi những người phụ nữ chân yếu tay mềm, địch chuyển chi em qua nhà tù Thủ Đức. Trước khi có cuộc chuyển tù, chúng phân loại và tách ra, số thi hành nội quy, số chống đối để có cách đối xử. Tháng 12-1962, tù phòng K, sáu nữ tù, trong đó có Chín Xà bị tách ra, bị nhốt vào phòng kỷ luật số 6. Phòng kỷ luật nằm phía ngoài trung tâm gần lò hỏa thực - nơi địch tiến hành những hình phạt hà

khắc, bốp siết gắt gao. Cảm thương những người phụ nữ bị giam cầm, những tù nam được làm việc ở nhà bếp tìm cách tiếp tế lương thực cho các chị. Trong hoàn cảnh ngặt nghèo ấy, tán đường chôn dưới thau cơm đã đi vào tâm thức của người nữ tù, được ghi lại bằng một cảm xúc “Bất chợt”:

*Bất chợt dưới cơm có tán đường
Bồi hồi xúc động, lệ muốn rưng
Lòng người hòa thực sâu xa lắm
Không chi đơn sơ một tán đường
Nếu địch biết ra chẳng phải thường
Thân đây bầm dập, lắm tai ương
Thân đây Côn Đảo, tăng thêm án
Chẳng ngại, các anh vẫn xem thường
Cảm ơn người chưa biết mặt tên
Mà sao như đã quá thân quen
Bao ngày lặng lẽ không bày tỏ
Nghĩa cử âm thầm đáng kính thay
Kỷ luật từng qua các nơi rồi
Hòa Lò, Thủ Đức cũng thể thôi
Nhưng đây tình nghĩa thêm sười ảm
Tăng sức tinh thần, vững đấu tranh..:*

Dán mắt qua những song cửa nhà giam, nhìn mùa xuân rộn ràng bên ngoài, người tù không khỏi chạnh lòng nhớ gia đình, quê hương. Nhưng cô gái trẻ năm ấy hiểu rất rõ cái giá của những ngày tù ngục mình ném trái và không nguôi khát vọng ngày mai:

*Xuân này còn tạm đọa đày
Xuân sau mãi mãi hưởng ngày tự do.*

Từ nhà tù Thủ Đức, cô bị đưa về khám Chí Hòa lần hai. Ra tòa, cô bị kết án năm năm tù giam về tội “phá rối trật tự trị an”. Đầu tháng 11 năm 1963, cùng 11 chị em tù chính trị, cô bị đày lên nhà tù Phú Lợi - nhà tù nổi tiếng tàn khốc, bởi vụ đầu độc tù nhân năm 1958. Qua một trận đòn dữ dội, chúng đưa 11 chị qua phòng biệt giam F2. Hơn 60 chị ở trại Y Thủ Đức cũng nhập chung về đây. Những câu chuyện kể, những kinh nghiệm đấu tranh đẫm máu và nước mắt, những tấm gương kiên cường, bất khuất, sự đoàn kết, yêu thương của các chị em gây xúc động mãnh liệt trong cô. Cô viết bài vọng cổ *Tình lao lý*. Tòai đặc biệt xúc động trước bài ca vọng cổ này, bởi qua đó, thế hệ ngày hôm nay hiểu một cách khái quát và cũng rất chi tiết về những nhục hình trong những nhà tù Mỹ - ngụy:

“Đây kể lại một phần trong muôn một, ngoài tra khảo còn bị lột hết áo quần, còng tréo tay, khớp miệng, còng chân cho người đội nước cầm chừng suốt đêm, gió đông thổi lạnh buốt tim, nhưng tình yêu nước sưởi lên ấm lòng. “Lò bát quái” nhốt vào ngộp thở. “Lò bánh mì” nóng đốt lửa thiêu, đắng cay, cay đắng trăm chiều, dù trong bão tố chẳng xiêu chút lòng, nước đường mương vi trùng hôi thối, bệnh lao, cùi truyền nhiễm tập trung, mủ lên tạt ướt khắp thân, hôi tanh ối mửa ngã lẫn chất chông.

Thế mà lũ gian ác chưa được hả lòng còn lập ra kỳ luật, biệt phòng để thẳng tay trừng trị cả tháng ăn cơm lạt, lúc thì rất muối, khi lại rỗng đường, dưới chế độ cơm lường bữa

bữa, nước đong. Năm sáu tháng trời không cho nước rửa, bệnh đau gần tắt thở, thuốc chẳng nhỏ một viên, sống chết mặc nhiên còn thêm thường xuyên khủng bố, luôn dờ trờ khủng bố, rún ép chia ly cố làm cho lực lượng ta giảm suy để yếu đi tinh thần tranh đấu. Nhưng địch càng đi sâu vào nợ máu thì bao con tim càng sục sôi nung nấu căm thù”.

Lòng kiên cường, sức đoàn kết đấu tranh bền bỉ của chị em khiến kẻ thù bất lực. Tháng 5 năm 1964, chúng lại chuyển 52 chị em tù chính trị từ Phú Lợi về Thủ Đức, đưa vào trại F. Tên đại úy Phạm Văn Hai - giám đốc nhà tù Thủ Đức đã từng đàn áp chị em trong các cuộc đấu tranh biết rõ, nếu buộc chị em chào cờ, chấp nhận lý tưởng quốc gia sẽ không thực hiện được nên buộc các chị chào kính khi gặp hấn. Nhưng chị em vẫn làm như không nhìn thấy hấn. Vì sĩ diện cá nhân, hấn tức tối, điên cuồng làm cuộc đàn áp tù nhân đê tra thù. Trong tháng 5 năm 1964, chị em đã đoàn kết, quyết liệt đấu tranh chống phân tán. Chị em đã trải qua một tháng đấu trí, đấu sức, đổ máu, nước mắt để giành lấy thắng lợi. Cô viết tiếp bài hát *Quyết sống chung* trong đầu mình. Bài hát ra đời, tăng thêm sức mạnh cho các nữ chiến sĩ. Bài hát như một cuộn phim sống động, bày ra trước mắt những người phụ nữ chân yếu tay mềm phải đối mặt với sức mạnh của bầy quỷ dữ được trang bị với đầy đủ những phương tiện chiến tranh hiện đại:

... “Thế rồi cuộc đấu tranh liên tục kéo dài. Sau bốn ngày người người la liệt, nhưng với tinh thần cương quyết, bệnh chẳng chịu khai, thuốc nài không cho chích cùng một câu:

chết thì chịu chết nếu không được sống chung. Liệu bề bề vậy không xong, chúng âm thầm giải quyết. Chờ đến lúc nửa đêm, người người chung quanh yên giấc, báo động liền, đèn tắt, rào banh, tiếng chân nhè nhẹ, thình lình, xông vào khiêng hết chạy nhanh vội vàng.

Số chị em bị đưa về công an, cuộc điều tra gạn hỏi mờ mản, trước bề lũ hung hăng lang sói hung tàn, chị em ta vẫn ôn tồn lời lẽ hiên ngang: Tôi làm việc này là chống Mỹ, đấu tranh cho hòa bình thống nhất quê hương; bấy lâu nay Mỹ - Diệm bắt lương, chiến tranh gieo rắc đau thương lan tràn, gập người bắt đại bắt càn, căm thù bất mãn ngày càng thâm sâu. Nội quy dứt khoát một câu, chết thì cũng chết quyết không thi hành.

Thế là bọn ác ôn lòng lộn như điên, hùng hùng hổ hổ, cây bổ máu rơi, thế xác dập bầm, thâm cảnh đau thương, chúng còn đưa tất cả ra ngoài trời, phơi sương phơi nắng, nhưng với tinh thần cố gắng đã chiến thắng gian lao. Đồng tâm đoàn kết bên nhau đấu tranh tuyệt thực trái bao dãi dầu, đưa ra nguyện vọng yêu cầu: Mở công ngưng đánh, đòi mau trả về, sống nơi tương đối yên bề, không thì chịu chết không hề đổi thay.

Thất bại trước cuộc đàn áp buộc các nữ tù phải “chào kính”, tên chúa ngục ở Thủ Đức chuyển các chị về Chí Hòa. Với Chín Xà, đây là cuộc trở về Chí Hòa lần thứ ba. Và ở đây, cô cũng như những người bạn tù của mình đối mặt với cuộc “Trả thù thâm độc”:

Chí Hòa trở lại lần ba

Bốn nơi chuyển đổi rõ là không yên

Trần truồng hành động thấp hèn
Cài lương văn nghệ trồng kèn lung tung
Trống trưa, trống tối ùng ùng
Không cho ngơi nghỉ trà thù nhỏ nhen
Béu hình lãnh tụ thiêng liêng
Đánh vào cân não cho nghiêng ngã lòng
Động kinh ngất xỉu não nùng
Mất ăn mất ngủ thân hình xanh xao
Giết người không cần gươm đao
Hành cho kiệt sức tiêu hao tinh thần
Đấu tranh tố cáo không ngừng
Phản đối vạch trần bộ mặt dã nhân
Bên ngoài đảo chính mấy lần
Buộc lòng địch phải mị dân ít nhiều
Đấu tranh liên tục tiếp theo
Tự do được trả trên hai mươi người
Tàn nào tật ấy không thôi
Chia rẽ nội bộ kéo lôi tách rời
Có ba em trẻ thương ôi!
Bị địch tác động nghe lời tách riêng
Bao năm tập thể gắn liền
Lâm âm mưu địch giữa nghiêng cuộc đời
Còn lại trên hai mươi người
Bị sống cô lập không gán được ai
Đời dù tiếp tục đắng cay...

Trong ngục tù, những người con gái còn tiếp tục bị dọa
đày, chịu đựng đắng cay. Kẻ thù dùng đến đòn trừng phạt

cuối cùng: Đày các nữ tù cứng đầu, chuyên “đoàn kết đấu tranh”, liên tục làm thất bại các cuộc đàn áp của chúng bằng cách đưa các chị ra Côn Đảo. Tuy nhiên, với sự xào trá, sợ làn sóng phản đối của dư luận, sợ các chị em đấu tranh chống cuộc đi đày, chúng thông báo đưa chị em về Vĩnh Long. Cô Chín Xà đã mục kích tận cùng âm mưu dối trá của địch - một hành vi chứng tỏ thế yếu của kẻ mạnh. Chúng phải nói dối, “Miễn sao xong”:

*Năm mươi một người thành danh khám Chí Hòa
Thế thời lần lượt được thả ra
Còn lại hơn hai mươi chị
Quản đốc Chí Hòa phải lo xa
Làm sao chịu nổi với các bà
Ngày ngày đòi hỏi lắm kêu ca
Để đây ánh hưởng tù nhân mới
Đi đày kẻ hoạch đã vạch ra
Một hôm đại úy Nguyễn Văn Hai
Đến phòng vui vẻ để tỏ bày
Vĩnh Long, khám lớn không khí tốt
Chị em sẽ đi trong nay mai
Khoảng 5 giờ sáng ra sân bay
Tại Tân Sơn Nhất chẳng ai hay
Thêm mười một chị tù Thủ Đức
Gặp nhau mừng rỡ tay nắm tay
Từ cao nhìn xuống thấy núi, sông
Lúa xanh tươi tốt ngập cánh đồng
Chập chờn biển cả cơn sóng dữ*

*Đúng rồi Côn Đảo, đâu Vĩnh Long?
Nhà tù đầy uy lực, lắm xiềng gông
Nói ngay không dám lại nói vòng
Phải chăng sợ nữ tù chồng đôi
Thôi đành nói dối miễn sao xong!*

Năm 1966, cô Chín Xà bị đày ra Côn Đảo, chuyển đầu trong cuộc đời tù ngục của cô. Cô nhớ như in, 33 chị em chung một phòng ở Trại 5. Những trận đòn phủ đầu, những trải nghiệm chuyển đi đày, nghe những người bạn tù kể lại sự tàn khốc của “Chúa đảo” và bọn cai ngục với tù nhân, lòng đầy thương cảm, thương cho cả mình, cô viết bài ca cò *Hận Côn Sơn*: “*Đây Côn Sơn mịt mù đông tố. Đây Côn Sơn muôn thuở hận lòng. Côn Sơn đất nhuộm máu hồng của bao người chiến sĩ anh hùng tiền nhân*”.

Dù ở nơi địa ngục trần gian bạo tàn ở Côn Đảo, các nữ tù chính trị vẫn tìm cách tổ chức ngày sinh của Bác. Cô nói về xúc cảm chân thành của mình đối với Bác Hồ: “Người là nguồn động viên to lớn, là niềm tin tuyệt đối với chúng con. Xúc cảm từ trái tim mình, tôi viết thành bài ca gắn với tấm lòng kính yêu nhớ thương vô hạn đối với vị cha già dân tộc”. Cô đã dùng điệu *Khóc hoàng thiên* để viết bài ca cò *Tháng Năm nhớ Bác*:

*Mười Chín tháng Năm về trên Côn Đảo
Xua tan màn đêm âm u đông bão
Tháng năm về cho nỗi nhớ mênh mang
Lời Bác thiết tha nồng thắm khắp sơn hà*

*Tiếng Bác ấm lòng chúng con tận đảo xa
Giọng ngọt ngào như bản tình ca
Tự hào thay vị cha già vĩ đại!
Khai sinh nước non này, rạng mặt với năm châu
Vì nước quên thân, đức độ tuyệt vời
Di sản của Người là áo sòn, dép lóp, nhà tranh
Cuộc sống đơn sơ mà tim óc phi thường
Ôi! Tháng Năm nhớ Bác, Bác ơi!*

Do bị động, thiếu phòng giam thêm mấy ngàn tù nhân mới sau đợt tấn công dữ dội năm 1968 nên ngày 12-3-1968, 32 nữ tù chính trị Côn Đảo được đưa về Chí Hòa. Các chị bị trừng trị bằng cách bóp xiết các chế độ sinh hoạt. Chị em đoàn kết tuyệt thực bốn ngày, địch buộc phải giải quyết yêu sách. Rồi ngày 1-8-1968, các “thành phần nguy hiểm” này bị đưa trở lại nhà tù Thủ Đức. Các chị bị đưa vào trại O, cách ly trung tâm khám Thủ Đức một bức tường. Để hình dung những người phụ nữ ở trại O năm ấy ra sao, thật may mắn khi cô Chín Xà đã vẽ được một bức tranh toàn cảnh bằng một bài thơ:

*Trại O có ba mươi một người
Chị Ba Chi, dì Tám Dẽ, chị Tám Lại, chị Chín Thom
Phép Châu, Dung Tiên, Sáu Lui
Chị Hoa, chị Hải, Chín Phan, Chín Xà
Bảy Mai, Ba Nhỏ, Năm Hà
Chị Ba Đồi, Hoa Lý, Năm Hòa, Hai Sua
Lý (lùn), Hoa (sư), Nguyệt, Xáy
Diệt, Phé, Mai, Trí, Thoại, Quyên, Liên, Chìng*

*Ngọc Anh là số sau cùng
Đội ba mươi một chị sống chung một phòng
Trại O nằm ngoài trung tâm
Ba năm chẳng được ai thăm ai gần
Nhưng mà về mặt tinh thần
Được nhiều ưu ái xa gần đồng viên
Tù lâu, tù cũ, thâm niên
Gây nhiều ấn tượng chị em mới vào
Kẻ thù cô lập cách nào
Càng xa cách mặt càng giàu tình thương
Chị gần được bốn bức tường
Cùng đi một đường, sớm muộn cũng gặp nhau
Ngày hai mươi một tháng tám bước vào
Cuộc đấu tranh mới ào ào diễn ra...*

Và chính ở đây, cô chứng kiến và dự phần thêm nhiều “cuộc đấu tranh mới ào ào diễn ra”. Đó là cuộc đấu tranh lịch sử từ ngày 21 đến 23-8-1969. Bọn quản đốc nhà lao Thủ Đức mở đợt tấn công dữ dội vào tù nhân. Chiến dịch mang tên “Quốc hận”, với ý đồ biến tất cả các phòng kỷ luật biệt giam thành phòng thi hành nội quy của chúng. Lập tức, chúng nhận được sự đấu tranh dũng cảm của các nữ tù. Ba chị Rành, Đào, Tấn hy sinh. Hàng ngàn chị em nữ tù đoàn kết tiếp tục đấu tranh. Nhà tù Thủ Đức vang lên tiếng hô la long trời lở đất. Chiến dịch “Quốc hận” hoàn toàn thất bại. Ở trại O, hưởng ứng cuộc đấu tranh, cô Chín Xà cùng các bạn tù cũng hô la khàn cổ. Xúc cảm ngập tràn, cô viết tiếp bài hát *Thủ Đức vùng lên*:

Lưu thủy hành vân

Giữa đê lao tối âm u

Chìm lặng trong sương mù

Đêm khuya vắng vắng bên tai tiếng người kêu la

Nhà tù Thủ Đức khảo tra giết người

Vọng cổ

1. Tiếng nước nở hờn căm bỗng vang lên giữa đêm trường tăm tối. Chị em ơi bọn sát nhân đã manh tâm giết chết ba chị em mình. Sau sáu ngày không ăn còn đem tra tấn cực hình, nào là voi bột, điện bình đủ mọi cách khảo tra, hơi ôi nát thịt tan da tím bầm thể xác, đã bao lần sống lại chết đi, cho đến lúc sau cùng sức mòn hơi suy rồi, ba chị đã hy sinh giữa một đêm bão bùng đông tố.

2. Ôi! Như sét đánh ngang tai, như banh vỡ tim lòng, sôi sục hờn căm hận oán chất chồng. Chị em các trại các phòng đồng thanh phản ứng khẩu hiệu liên liên liên tiếp hét to: “Đả đảo đàn áp, đả đảo giết người, hãy chấm dứt hành động dã man tàn ác, đả đảo phát xít, đả đảo độc tài...”. Tiếng hô la vang dội suốt hai ngày làm náo động cả nhà lao.

3. Lòng uất hận dâng cao máu trào sôi sục đã biến thành bạo lực đấu tranh, kỷ luật hội trường đập cửa phá banh, trại K trại M cũng tan tành cánh cửa để khiêng bệnh nhân đi cứu chữa và giải phóng cho đám trẻ khờ thoát cảnh ngộp hơi. Ngọn lửa hờn căm cháy rực một

góc trời mặc cho bè lũ làm lời dọa hăm, vỡ bờ nước lũ khó ngăn làm cho bè lũ chó săn điên đầu.

4. Tiếp theo cái chết đấu tranh của chị Xuân Đào, lệ đò đau thương uất hận nghẹn ngào. Thêm một đón đau càng dâng cao phong trào tranh đấu: Đả đảo tập đoàn khát máu, đả đảo Dương Ngọc Minh, hãy giữ xác lại, kẻ giết người phải đền tội, hãy mở còng xả trói cho kỹ luật biệt giam. Đồng bào ơi, hãy cứu lấy chúng tôi! Anh em binh sĩ hãy dừng tay lại, đừng tham gia vào cuộc đàn áp đẫm máu này, hãy ủng hộ cuộc đấu tranh của chúng tôi vì lẽ sống. Tiếng loa vang khiến cho người người xúc động, cả binh sĩ kia cũng hạ súng nghẹn ngào.

5. Tang tóc đề lao bao phủ một màu, nghi ngút hương bay trầm lắng những mái đầu. Phút mặc niệm tiễn đưa hồn người nữ liệt sĩ, chị em còn quyết chí đấu tranh. Bãi bỏ chế độ thi hành, thẻ dính bài xé nhanh vào giỏ rác và thay vào một mảnh băng tang. Chào cờ trở giọng hiên ngang chiêu hồn tử sĩ bàng hoàng xót xa, bao nhiêu giọt lệ chan hòa là bao sức mạnh xông ra ngăn thù.

6. Cuộc nổi dậy của nhà tù Thủ Đức đã ghi sâu vào ký ức của tù nhân và cũng chứng minh rằng tinh thần thắng hơn bạo ngược, có sức mạnh kết đoàn mọi việc sẽ thành công. Cuộc rún ép thi hành đã trở thành thất bại, số chống chào cờ ngược lại lên cao. Hỡi ai trong cảnh tù lao, vùng lên phá xích mới mong thoát cùm. Đề lao Thủ Đức thêm dòng diêm tô trang sử thành đồng miền Nam”.

Rồi cô Chín Xà lại bị đưa trở về khám Chí Hòa lần thứ năm. Tin Bác Hồ mất được bí mật lan truyền các trại giam. Cô Chín Xà nói lên nỗi lòng mình lúc đó: “Trải qua biết bao cảnh đày đọa, nhục hình của địch, có lúc tôi tưởng chừng như không còn sống nổi, nhưng có gì đau đớn hơn khi hay tin Bác Hồ đã qua đời”. Và nếu như cứ đến ngày 19 tháng 5, chị em nữ tù tìm cách làm lễ sinh nhật Bác, cất lên bài ca *Tháng Năm nhớ Bác* mà bà đã viết, thì hôm ấy, với xúc cảm đớn đau tràn ngập trong lòng, cô viết bài thơ *Bác Hồ bất diệt*, cất lên tiếng khóc bi thương qua bài hát *Bài ca khóc Bác*, theo điệu *Lý con sáo*:

*Bác ơi! Bác ơi! Sao Bác nữ đành ra đi
Sùi sụt sùi lệ rơi
Ngùi ngậm ngùi chia phôi
Dân Nam đã mất một cha già
Đau thương bao phủ khắp sơn hà
Khói hương lòng bốc lên nghi ngút
Hương Bắc phương khăn liệm hồn Cha
Giữa lao tù chúng con vọng bái
Mắt mắt lớn lao, đớn đau, Bác Hồ ơi!*

*Trông, trông lên với vợi chín tầng mây cao
Thôn thức lòng nao nao
Bóng người như trăng sao
Bác đang lơ lửng giữa trời
Với đôi mắt sáng ngời
Tay vẫy chào nhủ khuyên các con
Hãy biến đau thương thành quyết tâm bền gan*

Vững tin ngày Việt Nam chiến thắng

Bác đôn các con giữa muôn cờ hoa

Với cô Chín Xà, ký ức về những ngày bị đày ra Côn Đảo luôn in đậm trong lòng cô. Trong địa ngục trần gian ấy, cô đã từng có những giây phút yếu đuối, chông chênh, đến mức có lúc tự kết liễu đời mình. Nhưng trong tận cùng sự khắc nghiệt ấy, một tiếng nói nghiêm khắc vọng lên: “Chết rất dễ, sống mới là khó”. Và cô đã dũng cảm sống, dũng cảm đấu tranh, dũng cảm nhìn thẳng vào sự tàn bạo, cả sự yếu đuối để lòng mình bật lên những câu ca, như một vũ khí truyền dẫn niềm tin, sự chia sẻ, an ủi cho những bạn tù. Có một cuộc đi đày đã khắc sâu vào lịch sử như một sự ô nhục của chính quyền Sài Gòn. Hoàng sợ trước phong trào đấu tranh của các chị, chúng cưỡng ép những nữ tù nhân chân yếu tay mềm ra Côn Đảo. Đó là ngày 29-11-1969, từ nhà tù Chí Hòa, cô Chín Xà trong số trên 300 nữ tù nhân đã làm cuộc “Đi bằng lưng”:

Sau ngày tang Bác, Chí Hòa

Địch đưa tù nữ đi đày Côn Lôn

Ý chung phải chống tới cùng

Muốn đày tù nữ cũng không dễ dàng

Nửa đêm cuộc bố mờ màn

Máy trăm dã chiến dọc ngang dài dài

Bên càn, bên chống dằng dai

Tiếng hô, tiếng hét điếc tai, nhức đầu

Bom cay, vôi bột ập vào

Câu tay, lôi, kéo ào ào điễn ra

*Hai tên khiêng được một bà
Thầy lên, liêng xuống hơn ba bốn lần
Mọi người đều đi bằng lưng...*

Chúng kiến cuộc đấu tranh đẫm máu này mà sinh viên Nguyễn Thành Công, cùng bị bắt giam ở khám đã viết nên bài hát *Những cánh hoa ngược dòng* với những ca từ rất bi tráng, lãng mạn: “Giữa dòng thác lũ nghiêng trời đất/
Những cánh hoa kia vẫn ngược dòng/ Hoa đẹp nhất là hoa hướng dương/ Người đẹp nhất là người cộng sản/ Dù có chết giữa ngục lao/ Dù chị đi/ dù em đi...”. Người con gái mặt hoa da phấn ngày nào ra Côn Đảo, ném mùi Chuồng Cọp, nơi trước kia chỉ giam những tù nam “cứng đầu”, giờ giam cả phụ nữ. Cô đã miêu tả Chuồng Cọp một cách sống động:

*... Đồ đạc lấy hết, năm người một hầm
Bê ngang thước năm, dài chừng ba thước
Cửa hầm ẩm ướt vì nước thùng cầu
Hôi thúi nực mùi, trên đầu song sắt
Củ vọ rình rập, vôi bột thùng thùng
Nước chứa hàng lu, roi mây trăm ngọn
Tạo cảnh rùng rợn, cửa đóng ầm ầm
U ám lặng câm, rệp đàn muỗi đăm
Thi nhau hút máu, bắt kẻ trẻ già
Gió rét cắt da, đầu lưng chông lạnh
Thật là bất hạnh, những lúc có kinh
Như một cục hình, vệ sinh phụ nữ
Đồ cầu tuẩn lễ, ra được hai người*

*Chỉ mười phút thôi, kẻ cà tằm giặt
Hết giờ không kịp, la lối ào ào
Quý sứ xông vào tha hồ dòm ngó
Chế độ cầm cố, nước lon một ngày
Khô mực mấm cay, cơm thời lấm cát
Cắm ca cắm hát, cắm hỏi thăm nhau
Nhiều người ốm đau, bệnh tình thâm
Không cho người khám, chẳng cấp thuốc men
Sống chết mặc nhiên, còn thêm dọa nạt
Không ngồi chịu phạt, dù cách dù gần...*

Những người phụ nữ năm ấy có lẽ sẽ tiếp tục sống ở địa ngục ấy nếu như không có một cuộc viếng thăm đặc biệt. Tháng 7 năm 1970, thượng nghị sĩ Tom Harkin - khi đó còn là nhân viên trợ lý tại Quốc hội, đi cùng đoàn mười nghị sĩ Mỹ đến Việt Nam, tìm hiểu tình hình cuộc chiến. Qua giới thiệu của nhà báo Don Luce, Tom Harkin được gặp ông Cao Nguyên Lợi - một trong những lãnh đạo phong trào học sinh sinh viên Sài Gòn vừa mới thoát khỏi từ Chuồng Cọp Côn Đảo. Ông Lợi đã vẽ bản đồ để Tom Harkin không đi theo sự sắp đặt của bọn cai ngục mà theo cách của mình, đã tìm được Chuồng Cọp sau cánh cửa bí mật, đằng sau một bức tường hai lớp. Và một cảnh tượng khủng khiếp bày ra trước mắt họ:

*Người què người lết, có cả người mù
Không áo che thân, chật chội nóng bức...*

Họ kinh ngạc tột độ, vì đó còn là những người phụ nữ. Và những hình ảnh nữ tù trong Chuồng Cọp qua ống kính của

Tom Harkin được đăng trên tạp chí *Life* vào ngày 17-7-1970, gây nên làn sóng căm phẫn trong chính lòng nước Mỹ và thế giới. Chính quyền Sài Gòn buộc phải chuyển 180 tù nhân nam và 300 tù nhân nữ ra khỏi Chuồng Cọp. Số tù nữ được đưa qua Trại 5. Lần lượt, địch đưa 108 chị về đất liền, bằng đường biển. Những người nữ tù đã dựa vào nhau, đấu tranh chống còng tay khi bị đưa xuống tàu, dù đó là “Cuộc chiến súng đồng với tay không”. Các chị đã căm phẫn quăng tất cả chiếc còng xuống biển trước cái nhìn bắt lực của bọn lính áp giải...

Ngày 30-10-1970, cô Chín Xà trong số 200 chị em nữ tù được đưa từ Côn Đảo, về nhà tù Tân Hiệp. Họ nhập cùng số chị em có sẵn ở đây trên 400 người. Và ở nơi đây, ngày 26-11-1970 đã diễn ra cuộc đấu tranh tuyệt thực lớn nhất trong lịch sử nhà tù Mỹ - ngụy. Để đàn áp nữ tù, ngoài ma trác, dùi cui, chúng còn dùng đến chất độc bom cay vô cùng nguy hại, khiến tất cả đều bị phỏng. Hơn một trăm chị em bị trọng thương, được đưa đến các nhà thương, bệnh xá. Đó thực sự là một địa ngục hải hùng ở trần gian: “Nhiều chị em không mặc áo quần, bò lét ngày đêm, nóng bức cháy tim, tuột da nám mặt...”. Tinh thể khiến địch đứng trước sự lúng túng, khó xử: “Nếu để chết trên 400 người chúng sẽ bị trách phạt nặng nề, còn giải quyết yêu sách thì chúng sẽ mất sĩ diện vì phải chịu thua tập thể nữ tù. Sau 11 ngày, chúng đành chấp nhận yêu sách đấu tranh của các chị. Thắng lợi ấy đổi bằng máu và nước mắt của chị em, có chị Võ Thị Chính bị tuột da vì phỏng nặng đã hy sinh.

Không muốn những cuộc đấu tranh trong tù của chị em gây hiệu ứng mạnh mẽ trên đất liền, tháng 6-1972, chúng đày các chị ra Côn Đảo, ở Trại 4. Chị em bị đối xử vô cùng tàn bạo, ăn uống thiếu thốn, đau ốm không thuốc men, khiến năm chị chết ở trại tù này. Là một trong những tù nhân may mắn được sống sót, cô Chín Xà khóc thương những bạn tù của mình, bởi không biết làm gì hơn, viết nên bài thơ *Thôi đành vĩnh biệt*:

*Gặp cơn bạo bệnh phải qua đời
Đau lòng biết mấy bạn tù ơi
Chỉ vài ba tháng, năm người đã...
Vĩnh viễn ra đi mãi mãi rồi!
Phẫn nộ, căm hờn đòi đưa tiễn
Địch giải quyết ngay, chẳng dám chối từ
Cho nhiều đại diện đi đưa tiễn
Âm đạm ngoài trời lác rắc mưa!
Năm chị Xuân, Tàn, Cúc, Thanh, Hương
Thôi đành gởi xác lại hàng dương
Đồi thông, gió rít lời ai oán
Kẻ đi người ở. Ôi tiếc thương
Côn Lôn lắm nỗi đoạ trường
Mối thù khắc cốt ghi xương đời đời.*

Năm 1974, địch lại áp giải chị em nữ tù về nhà lao Tân Hiệp. Đó là những ngày chính quyền Sài Gòn giãy chết. Trong cơn cáo chung, chúng không từ bỏ những thủ đoạn tàn bạo, hèn hạ. Một trận pháo ném đúng vào nhà lao Tân Hiệp, vào khu nhà bếp, khiến 93 chị hy sinh. Cô Chín Xà

may mắn thoát chết và được nghe người tại chỗ kể lại đã tận mắt chứng kiến cảnh tang thương:

...Nát thây bao chị em mình

Nhật từng thịt vụn, tay lia, chân văng

Tiếng gào, tiếng khóc chứa chan

Chi xiết bàng hoàng thâm cảnh tang thương...

Càng giã chết, chúng càng hoảng sợ sức mạnh của những người phụ nữ yếu đuối. Chúng lại đẩy các chị ra Côn Đảo. Với cô Chín Xà, đây là lần ra Côn Đảo lần thứ tư. Cô còn nhớ như in. Đó là ngày 20-4-1974. Cô là chứng nhân những ngày cuối cùng ở Côn Đảo. Những cảm xúc buồn vui trào dâng lẫn lộn khó tả trong ngày giải phóng Côn Đảo. Vì lẽ đó, ngày được về đất liền, nhớ bao đồng đội đã hy sinh, nhớ những ngọt bùi cay đắng chia máu, nước mắt, miếng cơm hẩm, hạt muối đời tù, cô đã để rơi những giọt nước mắt vì hạnh phúc. Và cô đã để những ngôn từ reo vui trong lòng, muốn truyền niềm vui đến những người đồng chí qua từng con chữ:

... Giải phóng rồi các chị ơi!

Anh em các trại ra hết rồi

Nghẹn ngào, sung sướng. Ôi! Giải phóng

Không khóc mà sao lệ lại rơi

Côn Đảo chính quyền đã về tay

Mơ thành hiện thực bấy lâu nay

Đất liền trở lại không xa nữa

Mà vẫn luyến lưu đất đảo này!

Nghĩa địa Hàng Dương thấp nén hương

*Hỡi anh! Hỡi chị! Bao người thương
Về đây cùng đón vui chiến thắng
Hồn hòa sông núi, thắm quê hương
Côn Đảo sắp rời nay mai thôi
Từ giờ đất thiêng vạn mảnh đời
Hẹn ngày trở lại thăm đảo thánh
Hồn chị hồn anh vui thành thoi...*

Về với đời thường, cô lại bước vào trận chiến đấu mới. Niềm vui chiến thắng chưa kịp lắng, thành phố rơi vào những ngày khó khăn, khủng hoảng sau hậu chiến. Trở về gia đình, cô đối mặt với đau thương, mất mát. Riêng gia đình cô đã có ba người anh ngã xuống cho ngày hòa bình, thống nhất, bốn người bị bắt vào tù. Mẹ cô hết lau nước mắt khóc thương con hy sinh và ôm cô trong vòng tay, người mẹ không tin con gái mình còn sống, trở về. Rồi cô lại xa mẹ, lao vào công tác. Người con gái “mặt hoa da phấn” năm nào phải đối mặt với những căn bệnh, di chứng những năm tháng tù ngục. Tuổi xuân lần trôi đi. Vượt qua nỗi đau riêng, cô dành tâm huyết, trở thành thành viên sáng lập, giám đốc đầu tiên của Nhà Văn hóa Phụ nữ thành phố. Trong những ngày họp mặt nữ tù chính trị và tù binh ở Bảo tàng Phụ nữ Nam Bộ, cô cùng các bạn tù cất cao tiếng hát. Nhiều vở kịch, bài ca vọng cổ, vè của cô viết trong tù được đội văn nghệ nữ tù dàn dựng, trở thành những tiết mục sinh động, đặc sắc của buổi biểu diễn. Cô viết hồi ký theo cách của mình, như lời cô tâm sự:

“Qua mười bảy năm, tôi đã sống trong các nhà tù Mỹ - ngụy. Quá trình ấy xảy ra biết bao chuyện hỷ, nộ, ái, ố do kẻ

thù gây ra và cũng có vô vàn kỷ niệm về cuộc sống, về niềm tin, buồn vui, yêu thương và thù hận mà tôi đã khắc sâu vào ký ức khó quên.

Tôi rất yêu thích văn nghệ từ thuở nhỏ. Và trong thời kỳ kháng chiến chín năm chống Pháp lại càng mê say hơn, nhất là những ngày sống trong gian lao, đầy ải. Văn nghệ đã giúp tôi cùng cố thêm tinh thần và nghị lực trong cuộc đấu tranh đối mặt với kẻ thù, đồng thời cổ vũ, động viên, an ủi tôi vượt qua mọi gian lao thử thách, khắc nghiệt giữa cái sống và cái chết mà có lúc tôi tưởng chừng như không thể vượt qua được.

Vốn là một nông dân ít học nên nghèo nàn và vụng về về văn hoa, từ ngữ, mù dốt về vần điệu thơ ca..., nhưng vì quá ưa thích và thường cảm xúc từ đáy lòng nên đã thôi thúc tôi tập làm văn nghệ, dù biết khả năng mình còn rất hạn chế trên lĩnh vực này. Nhờ lòng quyết tâm, cố gắng tìm tòi học hỏi của bản thân, cùng với sự giúp đỡ và khích lệ, động viên của bạn bè đã giúp tôi thực hiện được ý nguyện của mình ở mức độ nhất định.

Trong tù, tôi đã viết được 40 bài gồm về, thơ, ca cổ, ca kịch và tuồng; và đã góp phần nhỏ bé của mình vào phong trào văn nghệ chung của tập thể cho thêm phần phong phú hơn.

Tập hồi ký của tôi hôm nay, là việc góp nhặt xuyên suốt những bài văn nghệ do tôi đã làm được từ dạo ấy. Sau hết, tôi cũng muốn nói rõ hơn: Việc tôi viết tập hồi ký này không phải để làm truyền thống hoặc vì bất cứ lý do nào



Cô Nguyễn Thị Xà (Chín Xà) hôm nay với bức tranh thêu trong tù, trong triển lãm Những kỷ vật trong tù, tại bảo tàng Phụ nữ Nam Bộ năm 2010

khác mà chủ yếu là tôi muốn tìm lại niềm vui trong quá khứ, thấy lại những hình ảnh của bạn bè đã từng đồng cam cộng khổ cùng mình trong những năm tháng lao tù. Chính đó cũng là nguồn động viên giúp tôi tiếp tục sống lúc tuổi già bóng xế”.

Cô Chín Xà khiêm tốn nói vậy nhưng những người bạn tù năm xưa đã đón nhận, chuyển tay tập hồi ký của cô. Những sáng tác của cô đặc biệt có ý nghĩa với những người bạn tù, như bà Phan Thị Tốt - Trưởng ban Ban Liên lạc cựu nữ tù chính trị và tù binh - khi còn sống đã viết những dòng chân thành:

“Tôi và các chị em tù chính trị thời chống Pháp và chống Mỹ xin chân thành cảm ơn chị Chín. Thơ ca của chị rất bình dị, mộc mạc, giản đơn như cuộc đời chị, song nó có sức sống mãnh liệt, đem lại niềm vui, tiếng cười cho chị em ở những nơi mà người ta gọi là “Địa ngục trần gian”. Thật là một điều vô cùng quý hiếm! Đọc tập văn nghệ của chị làm tôi nhớ đến nhiều kỷ niệm, nhớ nhiều chị em trong tù và thấy rất thương chị”.

Vâng, thực sự quý hiếm. Quý hiếm bởi chỉ có những người trong cuộc, cùng chịu những trận đòn tù, chịu chung cái đói, cái khát, cái ngộp, cùng nếm mùi vôi bột, lựu đạn cay, giá lạnh và nóng bức mới có thể thốt lên tự đáy lòng, rất tự nhiên như thế. Những câu thơ, ca từ vút đến trong đầu, không có giấy bút, cô ghi nhớ trong lòng. Rồi sau những trận đòn, những trận hô la, tuyệt thực, cô lại hồi nhớ, đọc cho bạn tù nghe, rồi lại ghi nhớ, nhờ người khác ghi nhớ... Tôi đọc, nâng niu từng sáng tác của cô vì tin đó không chỉ là “văn nghệ” mà còn là những tư liệu chân xác, sống động, vô cùng quý hiếm về những người phụ nữ trong tù ngục.

TRÂM HƯƠNG

PHỤ LỤC 1
VĂN NGHỆ Ở CÔN ĐẢO

Văn nghệ là món ăn tinh thần cho con người nói chung, và cho những tù nhân yêu nước nói riêng. Trong thời kỳ chiến tranh có câu "Tiếng hát át tiếng bom", thì trong nhà tù Mỹ - nguy cũng có câu "Tiếng hát át tiếng gông xiềng". Thực tế văn nghệ trong nhà tù đã tạo được niềm vui sống trong gian lao, củng cố và động viên tinh thần chiến đấu, giữ vững niềm tin cách mạng, gắn bó tình đoàn kết đấu tranh vượt qua gian nan thử thách, chống kẻ thù thâm độc bạo tàn, bảo vệ khí tiết cách mạng.

Mặc dù bọn địch ở các nhà lao ngăn cấm tù nhân không cho hát những bài ca cách mạng, nhưng chúng không thể thực hiện được ý đồ ấy. Nhất là trong cầm cố biệt giam, tiếng hát vẫn vang lên và vang lên mãi mãi.

Văn nghệ trong tù cũng rất dồi dào và đủ loại: thơ, ca, hò, vè, tuồng, kịch, múa, chèo, các mẩu truyện cười v.v... Ngoài những tác phẩm cũ được truyền lại, soạn lại, còn thêm những sáng tác mới ra đời từ cuộc sống thực tế rất phong phú đa dạng.

MỘT SỐ BÀI CA, HÒ, VÈ ¹

HẠN CÔN SƠN

Ca thủ phong nguyệt

Bao la trời mây nước muôn trùng

Đồi đồi núi núi chập chùng thay

Biển cả ngàn cây, theo gió lay sóng dồi

Như bao trùm lên lớp người

1. Kia ai có nghe chãng tiếng hờn nước kêu than đang thét gào trong đêm tối, từ hải đảo xa xôi điệu vọi muôn trùng. Chính đây là Côn Sơn địa ngục của dương trần đang đọa đầy hàng vạn người yêu nước mền dân vào bể khổ gian truân muôn phần tăm tối, máu đã tuôn thành dòng suối, núi cao chất bằng xương và hiện còn biết bao người oằn oại đau thương với chuỗi ngày lạnh lùng phong sương nơi hoang đảo.

¹ Ở phần này giới thiệu một số bài ca, hò, vè sáng tác ở Côn Đảo theo *Hồi ký văn nghệ* của bà Nguyễn Thị Xà (Chín Xà). Số còn lại đã được đưa vào bài viết về chân dung của chính tác giả. (Bài *Ngục tù không ngăn nổi lời ca*).

2. Và đây là những di tích Côn Sơn còn đẫm máu căm hờn. Kia là cầu Ma Thiên Lãnh mấy trăm người tan xác, nọ là bến Táo Ngót nghìn mạng rớt trôi thây. Bến Dầm, Đát Dốc hiểm nguy, trên Hòn Bày Cạnh cực kỳ gớm ghê. Con đường Cò Ống thâm thê, sờ Tiêu sỏi ớt đầm đĩa máu tuôn.

3. Hầm Đá Nội, Chuồng Bò, Chuồng Cọp đã cướp linh hồn của bao bậc hùng anh, những người sống đấu tranh cho giống nòi giai cấp lúc vào tù bất khuất trước kẻ thù, quyết bảo toàn khí tiết thanh danh cho đến giờ phút sau cùng mà lòng vẫn thấy quang vinh, vì dân vì nước hy sinh âm thầm.

4. Những nắm mồ hoang chen chúc ở chân đồi, lớp lớp mây bay bao phủ mịt mờ. Trên đất hàng dương đã vùi xương muôn ngàn người liệt sĩ, cánh đồi thông hùng vĩ bao la đã trở thành nghĩa địa thây ma lạnh lùng hoang vắng, thịt nát xương tan nghìn đời vĩnh biệt mà tiếng oán than như còn vi vu trên gió núi mây ngàn.

5. Dưới chế độ khổ sai khắc nghiệt bạo tàn, đầy ải hiểm nguy sống chết không màng. Nào là bắt tù nhân đi xây thành đắp lũy, hết Tây đến Mỹ hành hạ kiếp ngựa trâu, xương của tù nhân đã đắp thành vách khám, thịt máu đã hòa với cát đắp nhà giam, còn bắt lên non cao đốn củi đốt than, xuống hồ thăm phá rừng xẻ núi. Cuộc đời tăm tối kiếp sống nổi trôi, ngày làm đủ số mới thôi, không thì máu chảy thịt rơi xương mềm.

6. Biết bao công việc khổ sai ngày ngày chồng chất, kẻ

còn người mất, quý sứ hoành hành cuộc sống mỏng manh, bệnh đau cơ cực, thức ăn khô mục, mắt muối rặc rờng, cơm ngày thiếu bữa đói lòng, áo quần tơi tả lạnh lùng thương ơi! Đời tù khắc khổ mãi thôi, căm thù càng nhắc càng sôi căm thù. Đây Côn Sơn mịt mù đông tố. Đây Côn Sơn muôn thờ hận lòng. Côn Sơn nhuộm máu hồng của bao người chiến sĩ anh hùng tiền nhân.

1966

ĐI BẰNG LƯNG

Sau ngày tang Bác, Chí Hòa
Địch đưa tù nữ đi đày Côn Lôn
Ý chung phải chống tới cùng
Muôn đày tù nữ cũng không dễ dàng
Nửa đêm cuộc bỏ mìn
Mấy trăm dĩa chiến dọc ngang dài dài
Bên càn, bên chống dằng dai
Tiếng hô, tiếng thét điếc tai, nhức đầu
Bom cay, vôi bột ập vào
Cầu tay, lôi, kéo ào ào diễn ra
Hai tên khiêng được một bà
Thấy lên, liệng xuống hơn ba bốn lần
Mọi người đều đi bằng lưng
Khiêng thôi mệt lá, nổi khùng kêu ca
Mấy bà nằm vạ đây mà
Nếu là vợ nhà, chết cuộc đời tôi
Mấy trăm bà khiêng cho hết, hỡi ôi!
Chắc là đến sáng. Trời ơi là trời!
Đi bằng lưng. Ôi, tuyệt vời!
Khỏi đi khỏi bước giống thời kiệu quan
Tinh hơn ngày rươi rõ ràng
Mấy trăm chiếc kiệu đưa nàng về “đình”

Cửa “đình” đóng lại chình ình
Không cơm, không nước mặc tình mê say
Bấy lâu cảm cố dài dài
Nay vào Chuồng Cọp lại oai như “hùm”.

29-11-1969

VỀ CHUỒNG CỌP

Nghe về nghe về, nghe về Chuồng Cọp
Miền Nam có một, thế giới không hai
Từ xưa đến nay giam tù nam giới
Thế thời thay đổi, nhốt cả đàn bà
Từ khám Chí Hòa, đưa ra 342 chị
Một bầy trật tự, quý sứ ác ôn
La hét om sòm, dữ dằn hung bạo
Đây là Côn Đảo, các bà biết chưa
Làm gió làm mưa, ắt là toi mạng
Đừng có lạng quạng, bẻ nạng chống trời
Chuồng Cọp đầy rồi, các bà sẽ biết!
Đồ đạc lấy hết, năm người một hầm
Bẻ ngang thước năm, dài chừng ba thước
Cửa hầm ẩm ướt vì nước thùng cầu
Hôi thối nực mùi, trên đầu song sắt
Cú vọ rình rập, vôi bột thùng thùng

Nước chứa hàng lu, roi mây trăm ngọn
Tạo cảnh rừng rợn, cửa đóng ầm ầm
U ám lặng câm, rệp đàn muỗi đám
Thi nhau hút máu, bắt kẻ trẻ già
Gió rét cắt da, đầu lưng chống lạnh
Thật là bất hạnh những lúc có kinh
Như một cục hình, vệ sinh phụ nữ
Đổ cầu tuần lễ, ra được hai người
Chỉ mười phút thôi, kê cả tấm giặt
Hết giờ không kịp, la lối ào ào
Quý sử xông vào tha hồ dòm ngó
Chế độ cấm cổ, nước lon một ngày
Khô mực mắm cay, cơm thời lấm cát
Cắm ca cắm hát, cắm hỏi thăm nhau
Nhiều người ốm đau, bệnh tình thê thảm
Không cho người khám, chẳng cấp thuốc men
Sống chết mặc nhiên, còn thêm dọa nạt
Không chịu ngồi phạt, dù cách dù ngăn
Nhưng một quyết tâm, đấu tranh thống nhất
Bằng nhiều hình thức chống lại nội quy
Đòi trả tức thì áo quần đồ đạc
Đòi ra tấm giặt, đòi mở cửa hầm
Cải thiện bữa ăn, bệnh đau có thuốc
Luôn giữ tiếng hát, kêu gọi thăm nhau
Đòi gặp cấp trên vang lên inh ỏi

Không thể chịu nổi, quý sứ như điên
Lông lộn thét lên: Mấy bà phá lệ!
Tên chùa đảo Vệ trực tiếp đến nơi
Qua loa mấy lời mỉ dân cũ rích
Sê cho ăn vít nếu chịu nghe lời
Thông báo tức thời mỗi hăm một cái
Bảo đừng quấy rối, phản đối lung tung
Nội quy phải tuân, bình thường trở lại
Tên Nhàn trường trại, biệt hiệu giặc già
Tên Sum gian tà, gọi là giặc trẻ
Theo dõi chặt chẽ sinh hoạt từng nơi.
Thông báo vừa rồi đi cầu hết ráo
Vội vàng báo cáo Chúa đảo cấp trên
Tức tối như điên, hung thần ra mặt
Đủ cách trừng phạt: Tắm giặt cấm ngay
Chấm dứt ra ngoài, ngày ngày bố ráp
Tùng hăm lục soát, chẳng sót cây kim
Xáo trộn liên liền, sợi lung quần cũng lấy
Vói bột đầy rẫy, dập tắt kêu ca
Ngộ thờ phỏng da, hô la phản đối
Không thể chịu nổi, xé lẻ còng chân
Sai trái chẳng phân, bắt cần hậu quả
Tuy nhiều khắc khổ vẫn vững tinh thần
Tin tưởng không ngừng Cách mạng thắng lợi
Tiếng đồn vang dội lan rộng trong ngoài

*Thế giới biết ngay độc tài Mỹ - Thiệu
Phái đoàn quốc hội của Mỹ đến đây
Bắt chợt vào ngay, tận tai tận mắt
Người què người lết, có cả người mù
Không áo che thân, chật chội nóng bức
Tranh thủ đúng lúc tố cáo đủ điều
Đòi về đất liền, tạo thêm áp lực
Để an dư luận, đối phó trong ngoài
Sau đó mấy ngày, Chuồng Cọp phá bỏ
Chuồng Cọp thống khổ hơn một trăm năm
Bạo ác tiếng tăm, bắt khừ xâm phạm
Nay phải đụng chạm với tù đàn bà
Chuồng Cọp phôi pha, xót xa mai một
Mười tháng Chuồng Cọp, lắm nỗi đau thương
Nhưng cũng quật cường, nêu gương bất khuất
Vẫn còn phía trước thử thách gian nan
Một dạ kết đoàn, quyết không lùi bước!*

Viết xong tháng 1 năm 1971

CHÔNG LĂN TAY CHỤP HÌNH

*Âm mưu tráo án tù nhân
Án tù chính trị chuyển sang dân thường
Gian nhân hiệp đảng bắt lương
Đề không trao trả bên ta số này
Chủ trương khủng bố dài dài
Trại Tư đến lượt lăn tay chụp hình
Đả đảo, phản đối thét vang
Tổ cáo hành động dã man đê hèn
Trong ngoài bố trí sẵn sàng
Không cho chúng bắt dễ dàng được ai
Cửa phòng cột chặt ngày ngày
Đội xung kích trẻ chặn ngay cửa vào
Yếu đau tiếp viện phía sau
Nước kinh, nước tiểu thi nhau chống càn
Đáng đời một lũ ác gian
Minh mang “nước thánh” kinh hoàng chạy ngay
Í ùng phi tiễn bom cay
Chờ cho ngã hết không ai đương đầu
Vào phòng cũng không dễ đâu
Hết hơi phá cửa mới vào được trong
Kéo lôi khiêng hết một phòng
Phải xong buổi sáng mới hòng chờ đi*

*Trả thù, trật tự như điên
Nhắm vào lớp trẻ thanh niên của mình
Nhiều em chân bị đánh bằng bàn đing
Thân hình bầm dập, máu ra dầm dề
Mỗi người hai tên cặp kè
Tay ấn tay đè để lấy chi tay
Chụp hình, phải dựng đầu cho ngay
Mặt nhăn, mắt nhắm, lưỡi le bất cần
Trại tư là đợt sau cùng
Mười ngày mới hết năm phòng đắ thay.*

CẢM XÚC NGÀY VỀ

Nói lời: *Từ cõi chết, trở về cõi sống*
Giữa rừng người gió lộng cờ bay
Thành phố Hồ Chí Minh xa cách bao ngày
Lòng phấn khởi lẫn ai hoài xúc động.

Vọng cổ

1. Miền Nam mến yêu hoàn toàn giải phóng, một chiến thắng vẻ vang anh dũng phi thường... Trần ngập khắp nhà giam, sụp đổ bốn bức tường, vượt cả Thái Bình Dương, lồng vào Côn Lôn Phú Quốc, đem sức sống phục hồi cho những người yêu nước sắp bị vùi thây, làm cho kẻ thù chẳng kịp ra tay, giúp cho tù nhân tự đứng lên giải phóng.

2. Nhờ Đảng và quân dân, chúng tôi được cứu sống trở về giữa lòng mẹ thương yêu dồn dập tràn trề... Tôi đang tỉnh hay mê, đây Sài Gòn hay Hà Nội? Đâu đâu cũng xanh đỏ rợp cờ chói lọi ánh vàng sao. Nghẹn ngào chẳng nói nên câu, hình ảnh Bác nơi nào cũng có, đôi mắt Bác sáng ngời thành phố, miệng Bác cười như hội mở giữa thành đô.

3. Nhìn "... đoàn chiến thắng" như Bác Hồ đã nói: mừng các con vừa thoát khỏi xiềng gông, sáng ngời qua hết bão dông, ngày ly hận sẽ không còn nữa. Bác đã đi nhưng Bác còn mãi ở trong tim, trong hơi thở muôn đời.

Nói lời: *Danh dự thay đoàn người chiến thắng
Chánh phủ và đồng bào truy tặng huy danh
Về đến đây được chăm sóc tận tình
Đủ mọi mặt tinh thần vật chất.*

4. Nhiều đoàn thể trong và ngoài nước, tay mặt giao thi xiết vui mừng... Ôi! Xúc động, hân hoan phấn khởi vô cùng, bao cay đắng tháng năm dài trút sạch, đen tối qua rồi, ánh sáng lại bùng lên. Ngậm ngùi nức nở không quên những anh cùng chị đã hy sinh giữa lao tù.

5. Nhất là anh chị em Côn Lôn, Phú Quốc thấy vui, vì quê hương công hiến trọn đời. Ôi! Quên sao được những ngày khắc khổ, chia nhau từng hớp nước vắt cơm, cây bồ, máu tuôn, bom gào người gục, chị ngã em nâng, vươn lên đấu tranh liên tục cho đến ngày miền Nam độc lập tự do. Tôi đang đi giữa thành đô không quên muôn vạn nắm mồ cỏ xanh. Hào hào liệt liệt oanh oanh. Những anh chị em đồng đội đã hy sinh âm thầm.

6. Kê sao hết nỗi lòng xúc cảm trong ngày về chiến thắng vinh quang. Ôn dăng nghĩa Đảng muôn vàn, tình đất nước ngập tràn tha thiết, bù đắp lại bằng tấm lòng nhiệt huyết trong học tập đấu tranh, công tác trau dồi luôn luôn xứng đáng nên người. Dân thương Đảng mến trọn đời sắt son.

Ngày về ở Hùng Vương
Tháng 5-1975

MỘT SỐ VỞ KỊCH¹ (TUÔNG, KỊCH HÀI)

NỮ CHÚA VÀ HUNG THẦN

Màn 1

Cảnh 1

Hung thần nói:

- Ta là hung thần ác quỷ, xuất thân từ lò lửa chiến tranh, luôn chuyên quyền tự sát tự sinh. Tên của ta đã lừng danh khắp năm châu bốn biển. Nay ta nhìn về dương thế, thấy nước Việt Nam nhỏ bé mà anh hùng. Nhưng đây là miếng mồi ngon béo bở vô cùng. Ta phải dùng sức mạnh ra tay chiếm đoạt. Lo gì dân họ ốm yếu, nghèo xơ nghèo xác. Làm sao chống lại với mưu thần, chước quỷ của ta. Âu là giục thần tốc bốn ba, đến đất Việt Nam làm mưa làm gió a... (vào trong).

Một số nông dân kéo ra, vừa ca bài ca cấy lúa vừa điệu bộ. Nghe tiếng gió mạnh, mọi người dừng tay trông lên trời, có người nói:

¹ Kịch bản chủ yếu do bà Nguyễn Thị Xà sáng tác, với sự “cố vấn” nội dung, kỹ thuật của bà Ba Tốt, Bừ Liên. Các nữ tù khác, tùy tài năng, tham gia các vai diễn rất nhiệt tình.

- Anh chị em ơi! Hãy lại đây nhìn cho kỹ. Đứng là có bóng dáng của tên ác quỷ hung thần. Nó đang hung hăng phá xóm đốt làng. Vậy ta phải trở về nhà tìm mọi cách lo toan chống trả!

Cảnh 2

Nữ Chúa nói:

- Chốn bồng lai ung dung nhàn hạ. Ta là Nữ Chúa hòa bình, chu du khắp hành tinh. Nay đến Việt Nam ta dừng lại giây lát để dạo chơi non cảnh.

Nữ Chúa ca:

*Xem ngắm xem ngàn hoa đua nở
Hương đưa ngào ngạt nồng say
Lúa vàng trĩu nặng hạt sai
Ấm no xây cuộc đời vui
Núi sông trải tình non nước
Suối reo như nhạc hòa ca
Sương mai lung linh huyền diệu
Ánh hồng chiếu rạng trời Nam
Ôi! Nước non hữu tình
Vui khúc ca thanh bình
Đẹp làm sao như vạn lời thơ
Mang mệnh mang mơ mộng mơ.*

Bỗng nghe có tiếng gió ào ào, Nữ Chúa nói:

- Ngọn gió lạnh từ đâu thổi đến, làm cho nhà xiêu, cây

ngã, đá lăn ắt là có chuyện chẳng lành. Mau đoán quẻ âm dương để rõ điều hung kiết...

(Sau khi bấm các đốt tay), Nữ Chúa:

- ... Rõ rồi, đúng là tên Hung Thần ác quỷ, đang kéo bầy kéo lũ đến Việt Nam, đang phá xóm đốt làng, giết hại dân lành vô tội. Vì bảo vệ hòa bình, ta phải ngăn đường cản lối, không để chúng tự do sát hại sinh linh lòng vọng khấu thiên đình. Xin với các chư thánh, chư thần Việt Nam về trần gian diện kiến!

Màn 2

Cảnh 1

Trung Vương (nói lối hò Quảng):

- Như ta đây Trung Nữ Vương tái thế á... Mũi giáo "*độc thương*" của ta đã đẩy lùi quân Đông Hán xâm lăng a...

Triệu Nữ:

- Ta đây Triệu Trinh Nữ giám phạm à... Mũi giáo "*tinh nhuệ*" của ta đã bao phen làm cho quân Ngô kinh hồn khiếp vía á...

Ỡ Lan:

- Còn ta đây Ỡ Lan thái hậu. Mũi giáo "*tinh tường*" thao vát đảm đang a... Đã từng giúp Lý triều an bang tế thế a...

Ba người cùng nói:

- Chúng tôi là nữ thánh Việt Nam, nghe tiếng gọi giang san phải kịp trở lại trần gian lo cứu nước a...

Cảnh 2

Lý Thường Kiệt:

- Đây là quả đấm “*thôi sơn*” của Lý Thường Kiệt. Đã đấm rã tan ba mươi vạn thiện chiến của Tống triều a...

Trần Quốc Tuấn:

- Đây là quả đấm “*giáng trời*” của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn á... Đã từng đấm tan tành sáu mươi vạn quân Nguyên a...

Nguyễn Huệ:

- Đây là quả đấm “*thần kỳ*” của Nguyễn Huệ Quang Trung a... Đã đấm tan tác hai mươi vạn quân Thanh qua một đêm sấm sét á...

Ba người cùng nói:

- Chúng tôi là chư thần nước Việt, nghe tiếng gọi của sơn hà, vượt bão tố mưa sa, cùng nhau về dương thế góp công giữ nước a...

Cảnh 3

Nữ Chúa và sáu người có mặt. Sáu người cùng nói:

- Chúng tôi từ cõi thánh nghe tiếng gọi về đây, có chuyện chi Nữ Chúa hãy tỏ bày, cho chúng tôi được rõ.

Nữ Chúa:

- Mừng các chư khanh tỵ về đông đảo. Ta mời các khanh về đây để cùng nhau bàn luận việc xuất chinh, sớm diệt trừ tên ác quỷ đang lộng hành. Hầu giải thoát cho dân Việt Nam thoát khỏi cơn binh lửa. Vậy ai có kế sách chi hay mau bày tỏ!

Trung Vương:

- Dạ thưa Nữ Chúa hòa bình, theo kế sách của chúng tôi là dựa vào truyền thống giết giặc của cha ông còn lưu lại, tùy tình hình thực tiễn diễn ra...

Ba người nữ cùng nói:

- Sẽ ứng dụng vào ba mũi giáo “*Tinh thông quyết thắng*”.

Lý Thường Kiệt:

- Thưa Nữ Chúa! Còn chúng tôi đây cũng theo binh lược của tổ tiên từ ngàn xưa sẵn có. Lấy ít đánh nhiều, lấy yếu đánh mạnh, chủ động tấn công. Từng đương đầu với Tống triều, Ngô quốc, Nguyên - Mông...

Ba người nam cùng nói:

- Chúng tôi sẽ vận dụng sáng tạo vào ba quả “*Thần công quyết định*”.

Nữ Chúa:

- Hay lắm! Ta tin tưởng vào tài ba thao lược, ý chí và thông minh sáng tạo uyên thâm. Tất cả đồng tâm nhất định thắng quân xâm lược. Vậy các chư vị mau dàn bài thế trận để đương đầu với ác quỷ hung thần. Nó sắp đến đây rồi đó.

Hung Thần:

- Bóng dáng ai thấp thoáng trước mặt ta. Có phải là Nữ Chúa hòa bình đó không?

Nữ Chúa:

- Đúng! Ta là Nữ Chúa hòa bình đây.

Hung Thần:

- Nay Nữ Chúa, tại sao nhà ngươi mãi theo ta ngăn đường,

cản lối. Đừng hòng mong cản trở việc ta làm. Nhất định rồi ta không thể rời bỏ Việt Nam. Nhà người chớ khuyên can vô ích.

Nữ Chúa:

- Nay Hung Thần, mi đừng quá ý tài ý thế, cố làm điều tán tận lương tâm, sát hại dân lành thất đức bất nhân. Đây lần cuối ta khuyên mi nên dừng chân lui bước. Bằng như mi cố hung hăng bạo ngược, chớ trách ta sao chẳng nề tình.

Hung Thần:

- Hay cho Nữ Chúa hòa bình. Đừng dùng ý đồ để chuyển xoay tình thế, cố kéo dài làm chậm trễ bước chân ta. Đây thế trận ta đã bày ra, nhà người hãy cùng ta trở tài cao thấp.

- Hãy xem đây! Thần phục vọng tôn sư: hãy cho năm mươi vạn tinh binh, bom tấn, pháo bày,... tìm diệt tất cả không chừa một ngọn cây cọng cỏ. Hô giáng!

Nữ Chúa:

- Truyền lệnh ba mũi giáo "*Tinh thông*" xuất kích!

Một nữ tướng nói:

- Khẩu mật niệm chân ngôn: hãm công, hổ đình, ngựa trời, mìn gạt, địa đạo chiến... Du kích quân, đặc công, biệt động, đội quân tóc dài... Hô thâu!

Hung Thần:

- Cha chá! Nữ Chúa hòa bình dám phá phép thuật của ta. Hãy tiếp tục xem đây! Thần phục vọng tôn sư: xin cho tăng cường hùng lực không quân F-4, F-8, F-105, B52... giáng một đòn sấm sét vào miền Bắc thủ đô Hà Nội. Đưa nước này trở về thời kỳ đồ đá... Hô giáng!

Nữ Chúa:

- Truyền ba quả đấm “*Thần công*” xuất kích!

Một nam tướng nói:

- Khẩu mật niệm chân ngôn: cao xạ tầm thấp, tầm trung bình, tầm cao, MIG- 17, MIG- 21... Hô thâu!

Hung Thần:

- Này Nữ Chúa hòa bình! Ta với người vốn không thù không oán. Dùng phép nhiệm màu nào mi thâu hết pháp thuật của ta. Đừng để thù hận sinh ra. Yêu cầu nhà người phải trả lại cho ta tất cả.

Nữ Chúa:

- Ta chỉ có trợ lực tinh thần và cổ vũ. Còn phép nhiệm màu để thắng người là do tài ba quảng đại thần thông của các tướng lĩnh và một dân tộc Việt Nam anh hùng thành sức mạnh.

Cuộc kháng chiến thần thánh của Việt Nam sắp đến hồi kết thúc. Mi chỉ còn rút ra một bài học nhớ đời. Thời điểm đã đến rồi, mi hãy đỡ lấy đòn quyết định!

Nữ Chúa:

- Lệnh truyền ba mũi giáo “*Tinh thông*” phối hợp cùng ba quả đấm “*Thần công*”, tập trung sức mạnh giáng vào đầu quân xâm lược.

Sáu người tướng cùng nói:

- Đồng vọng bài Bác Hồ, chiến dịch Hồ Chí Minh. Hô giáng!

Nữ Chúa:

- Hung Thần đã bỏ mạng. Việt Nam được hòa bình thống nhất giang san. Vui thắng trận khai hoàn. Hãy đốt ngọn lửa truyền thống mừng ngày chiến thắng!

Sáu người cùng nói:

- Theo tiếng gọi của núi sông đồng vọng. Nay sứ mạng đã hoàn thành, xin từ giã Nữ Chúa chúng tôi trở về cõi thánh á...

1973 - Tại Trại 4 Côn Đảo

GIẶC GIÀ CUỐN GÓI

Cảnh 1

Trưởng trại (Nhàn):

- Như ta đây, Trưởng trại Tư Côn Đảo, kiêm Chuồng Cọp diêm la. Quyết phen này ăn hiếp đàn bà, cho rõ mặt ta là quỷ sứ.

Đầu Trâu (Trưởng trại Châu) và Mặt Ngựa (Trưởng trại Xum) cùng vào, hai người cùng nói:

- Dạ dạ, cấp báo, cấp báo!

Trưởng trại:

- Này Đầu Trâu, Mặt Ngựa, chuyện chi mà hơ hãi chạy cấp báo lung tung vậy?

Đầu Trâu và Mặt Ngựa:

- Dạ, mấy bà cọp cái này hung dữ quá chừng. Nếu để vậy ắt sự sinh, sinh sự đó quan.

Trưởng trại:

- Chuyện gì mau kể lại cho ta rõ ngọn ngành!

Đầu Trâu:

- Dạ, mấy tù bà này quá lộng hành, họ bất chấp nội quy kỷ luật. Vừa hùng sáng gọi nhau tập thể dục, đếm một hai hai một nghe điếc tai, rồi hỏi thăm nhau ai khỏe ai đau...

Mặt Ngựa:

- Thậm chí còn hát những bài ca cộng sản. Con làm dữ

nhưng họ đâu có ngán, mà lại còn chửi lên sau lưng, con tức tới quá chừng. Vì họ gọi quan là giặc già, gọi con là thằng giặc trẻ đó quan.

Trưởng trại:

- Cha chả này, nghe tự sự bùng bùng lửa đỏ, ắt phen này tới số với ta. Lệnh hình phạt đưa ra: Tắm, đồ cầu một lúc, thời gian là mười phút, mỗi hầm ra hai người thôi. Nếu chậm trễ, tha hồ vào dòm ngó. Cho ăn uống tại chỗ, nước uống ngày một lon. Cháo nguội, cơm cát, ruồi, khô mực cay, mắm đắng. Ai còn ca còn hát, còn gọi hỏi thăm nhau. Vôi bột đập ngay, xé lẻ từng người, chia cắt. Ngày ngày cho khám xét, xáo trộn không cho yên. Không chừa sót một cây kim, dây lưng quần cũng lấy. Bệnh, đau gọi y tế, thuốc không cho một viên. Nếu đòi gặp cấp trên, dứt khoát không cho gặp. Tạo cơ đàn áp để dẫn mặt. Nếu hầm nào phản đối kêu ca sẽ đóng cửa 100%, không cho ra tắm.

Đầu Trâu và Mặt Ngựa đồng nói:

- Thừa lệnh trên phán dạy, chúng con kíp đi ngay. Về Chuồng Cọp một, hai quyết thi hành độc kế.

Cảnh 2

Trưởng trại:

- Kia nhện sa trước mặt, ắt là có chuyện chẳng lành. Mấy tháng rồi mắt ngủ giảm ăn, thân ròm ròi, da nhăn, tóc bạc. Dù mọi cách gia tăng hình phạt. Trông họ cũng gầy mòn phờ phạc xanh xao. Hết trận này đến trận khác chẳng thấy họ

núng nao, rồi vẫn tánh nào tạt nấy. Thật là lăm điều rắc rối, ta phải tính sao đây?

Đầu Trâu, Mặt Ngựa vào:

- Dạ dạ, cấp báo, cấp báo!

Trưởng trại:

- Có việc chi?

Đầu Trâu:

- Dạ, có phái đoàn quốc hội Mỹ, đến Côn Đảo sáng nay. Đi lại khu vực này, như dò la tìm hiểu. Không theo lời hướng dẫn. Cửa trước chẳng chịu vào, mà đi lại cửa sau. Vô gặp ngay Chuồng Cọp. Không ai ngăn lại được. Họ đi thẳng lên lầu...

Mặt Ngựa:

- Dạ, rồi họ nhìn xuống hầm sâu. Thấy toàn bà già con gái. Họ hỏi han sai trái, mấy bà tổ cáo lung tung. Rằng Chuồng Cọp này khắc nghiệt vô cùng. Yêu cầu mấy ông phải giải quyết...

Đầu Trâu:

- Các ông lo ghi ghi chép chép, lại hứa hẹn đủ điều. Có lẽ thời thế đã xoay chiều, xin quan lo định liệu!

Trưởng trại:

- Đúng là gặp rắc rối! Thúng không thể úp miệng voi, sao quả tạ đã chiếu đúng ta rồi. Thời gian không xa nữa...

Có người vào đưa thư cho tên Trưởng trại, hấn xem xong rồi nói:

- Có lệnh trên đưa xuống, bảo chúng ta phải xoa dịu ít

nhieu, để tránh điều phiền phức. Những việc làm trước mắt: Cho tắm giặt, rửa hầm. Ngày mở cửa hai lần, dẹp các thùng vôi bột. Nói năng bớt vắng tục, không nạt nộ hét la. Không ăn hiệp đàn bà, phải tỏ ra lịch sự. Dù họ ghét họ chửi, cũng phải xuống nước làm lành. Nếu đòi ăn rau xanh, thì chỉ cho rau mỏng tươi sống. Ăn tươi vào sẽ giảm nóng, bớt làm đất làm trời. Ăn rau sống mỏng tươi, cho nhớ đời Chuồng Cọp.

Có người đưa thư vào tiếp, Trưởng trại nói:

- Ôi! Mộng bá vương Chuồng Cọp. Nay để vượt khỏi tay ta. Bởi tại mấy trăm tù bà, khiến ta bị cách chức. Nay Đầu Trâu, Mặt Ngựa, tụi bây lo thu xếp, cùng ta kíp rút ngay. Người khác sẽ đến thay. Ấu là, mau cuốn gói chạy dài. Kèo chậm trễ ắt là toi mạng đó. Nhanh lên, nhanh lên...

NỤ CƯỜI KHÁM LAO¹

ĐÂY, HÃY DÒM ĐI!

Theo chế độ ở Chuồng Cọp, mỗi sáng cho năm phòng và mười người ra ngoài một lượt để đổ cầu và tắm giặt trong 10 phút. Không sao kịp.

Một lần, lúc chị em đang tắm gội, mình mấy còn đầy xà phòng, chưa kịp dội nước thì bỗng thấy cánh cửa mở toác ra, đầu một tên trật tự thò vào, mắt nhìn trần trối, miệng hỏi thúc om sòm: “Hết giờ rồi, ra ngay, mau lên!”.

Luýnh quýnh, tất cả chị em trẻ đều quay mặt, xoay mình vào vách đá, trừ một chị lớn tuổi bực tức cứ tự nhiên đi thẳng ra cửa và báo: “Đây nè, hãy dòm đi, dòm cho đã đi!...”.

Tên trật tự sừng sốt, rút đầu ra, khép cửa lại đi một mạch. Chị em cười hả dạ...

¹ Trong tù, nhất là ở Côn Đảo, xa gia đình, xa đất liền, ít được người thân thăm hỏi, những người nữ tù thường kể cho nhau nghe chuyện cười, nhất là những kỷ niệm từng xảy ra trong số chị em bị tù đầy, để cùng nhau cười vui, lạc quan và tin tưởng.

CHIẾN TRANH LẠNH - CHIẾN TRANH NGUỘI

Tại phòng kỹ luật ở trại Y Phú Lợi (nơi giam hơn 60 chị). Sau giờ học chính trị cách mạng, lúc nghỉ ngơi chị em ôn bài. Trí và chị Bé Mẫn đối thoại với nhau:

- Hiện nay thế giới có chiến tranh lạnh.
- Không phải là chiến tranh lạnh mà gọi là chiến tranh nguội.
- Nhưng em nhớ chị Sáu Nga nói rõ là chiến tranh lạnh mà!
- Mà tao nói là chiến tranh nguội. Mà y có im đi không!
- Mấy chị làm gì cãi vã vậy, nguội hay lạnh gì cũng giống nhau thôi!

ANH BA CHẾT...

Lúc ở khám Chí Hòa, em B nhận được thư nhà, ai cũng mừng lây. Em B đọc thư liền vừa hết trang đầu em lại khóc ồ lên. Có chị hỏi:

- Chuyện gì vậy B?
- Anh Ba em chết rồi các chị ơi! (lại khóc).
- Thơ đâu, đưa chị xem!

Đọc xong dòng cuối trang đầu, có câu "... ở nhà anh Ba chết...", và qua trang kế là "... một con trâu...".

Chị em được một trận cười nôn ruột.

HỒ KHẨU HIỆU

Một cuộc tuyệt thực tại Tân Hiệp với mấy trăm người sau sáu ngày. Thấy chị em sức yếu dần, ngại có người chết, chúng cho y tế (có bọn ác ôn kèm theo) đem xi-rum (nước biển) đến chích cho mỗi người. Một cây kim to, dài như kim may bao bố, đâm thẳng vào bụng bơm thật mạnh, khiến đau như xé ruột.

Khi y tế vừa ra khỏi phòng bỗng nghe có tiếng la “Hồ Chủ tịch muôn năm!”. Vài chị nằm gần bỏ lại hỏi:

- Chị Út, chị Út sao vậy?
- Chị cảm thấy sắp chết, nên phải hô khẩu hiệu kéo không kịp...
- Sao lại chết chớ???
- Chúng nó làm gì mà cái bụng của chị có một cục to như vậy, đau lắm chắc thế nào cũng chết.
- Không chết đâu chị Út ơi. Chị em mình đều có một cục giống như chị vậy. Vài ngày sẽ hết thôi, chị yên tâm.
- Vậy hả?... Chị tưởng...

NÓ ĐÃ THẤY HẾT RỒI...

Trong một cuộc đấu tranh của chị em tù tại khám Tân Hiệp, chúng bắn phi tiễn, bom cay vào các phòng giam. Hầu

hết các chị đều bị thương, nhiều người bị phỏng da không mặc được quần áo. Y tế và trật tự phải bồng, ẵm dõng chỗ để chữa trị các vết thương. Sau khi kết thúc đấu tranh về phòng. Em T. vừa khóc vừa nói: “Kỳ này tụi nó thấy của mình hết rồi mấy chị ơi!”

ĂN HẾT CON HEO

Vì ăn uống quá thiếu thốn kéo dài nhiều năm nên ai cũng thèm ăn đủ thứ. Em A. nói:

- Kỳ này về nhà, em sẽ làm một con heo và ăn cho hết.
- Ăn một mình, không cho ai ăn sao?
- Không, ai muốn ăn thì làm con khác mà ăn!

CỌP CÁI

Cuối tháng 11 - 1969, từ Chí Hòa địch đưa trên 300 nữ tù đi Côn Đảo. Đến nơi, tất cả chị em đều nằm trên xe, không ai chịu đi xuống vì phải chống đến cùng.

Thế là cứ hai tên trật tự phải khiêng một người bò vào Chuồng Cọp. Mỗi lần khiêng vô liêng xuống đất nó đếm “một con... hai con... ba con...”.

Có tiếng hỏi: “Được mấy con rồi?”

Nó trả lời: “Mới được có 3 con, còn 2 con nữa mới đủ...”.

Thế là chuồng cọp có trên 300 “cọp cái”.

“VỢ CHỒNG” ÔNG NGOẠI BÀ NGOẠI

Sau khi được thăm nuôi, trở về phòng, em M. khóc sụt mướt. Thấy vậy một chị hỏi:

- Ai thăm nuôi vậy M?

- “Vợ chồng” ông ngoại bà ngoại em, thấy ông bà ấy ôm như ma trời... thương quá! Hu...hu...

CÁI BÁNH XÈO NHỎ XÍU

Sau nhiều lần đấu tranh với tên Ph. trưởng trại Côn Đảo, hẳn đồng ý cho chị em ra quản lý hóa thực¹, tự lo nấu ăn uống cho tù nhân trại. Nhờ quản lý tốt, dư được một ít gạo, nhà bếp thông báo cho biết sẽ tổ chức làm bánh xèo ăn vào một dịp gần Tết. Cả trại rất vui mừng chờ đợi.

Sáng ra giờ mở cửa, tôi đi xuống nhà bếp thấy các chị đang chiên bánh xèo trong cái chảo to (chảo nấu cơm canh thường ngày), tôi hỏi mỗi người được mấy cái. Chị T trả lời: “Một cái”. Tôi nhìn cái bánh trong chảo, hơi thất vọng vì cái bánh quá nhỏ. Tôi chạy về phòng 5 nói với chị Năm X: “Chị Năm ơi, khẩu phần mỗi người có một cái bánh xèo nhỏ xíu à. Làm sao ăn đã thèm được!”. Chị Năm X nghe vậy liền đi xin bột về đồ thêm được một thau đầy (bánh xèo) để cả

¹ Hóa thực: bếp nấu ăn.

phòng ăn cho đã. Lúc vào bữa ai nấy rất hớn hờ, vui vẻ khen đáo đẽ. Thực tế tôi ăn được nửa cái là bụng đã rồi, và chị em nào mạnh ăn nhất cũng chỉ hết một cái thôi.

Đúng là con mắt đói hơn cái bụng!

“ĐỒ NGU”

Chị Tư bị chúng tra điện đủ cách. Khi chị ngất xỉu bất tỉnh, tên ác ôn bỏ đi. Lúc tỉnh dậy, chị nhìn thấy cái bình điện còn để trên bàn gần đó. Chị nảy ý định sẽ đập nát cái đó cho hả giận. Chị bò từ từ đến bàn, chị đứng lên, hai tay vừa nắm bình điện thì bất ngờ tên ấy xuất hiện bắt gặp. Hấn nạt to:

- Mày muốn gì hả?
- Tôi muốn biết con này là con gì mà cắn tôi đau quá...
- Đồ ngu! Mày muốn chết hả?...

KHÔNG XÌ

Khoảng năm 1961 tại khám Chí Hòa. Một hôm, bọn cái huấn (chiêu hồi) gọi một số người chống đối lên văn phòng làm việc... Đến lượt di Tám Thành (Bến Súc - Bình Dương).

- Bà có chịu suy tôn Ngô Tổng thống không?
- Không xì!
- Tại sao?

- Tôi đã xi cho tám đứa con của tôi nhiều quá rồi, bây giờ tôi không xi ai hết. Ông muốn xi thì xi, còn tôi không xi.
Tên cái huân đánh chào thua.

O ƠI!

Bữa nọ, có một giám thị nam người miền Trung xuống phòng giam phụ nữ. Thấy em C. đứng phía trước, nó gọi:

- O ơ! (... chưa kịp hỏi trực tiếp đã bị phản ứng ngay).
- Tôi phản đối ông!
- Phản đối chuyện gì?
- Tôi phản đối ông kêu tôi bằng o, tôi không đồng ý cho ông gọi bằng o. Ông muốn gì?

Giám thị này không thể trả lời gì được nữa trước thái độ phản nộ của C. nên bỏ đi cho êm chuyện. Khi vô phòng, C. kể lại sự việc vừa rồi, chị em liền cười và giải thích:

- O là cô, tiếng gọi của người miền Trung đó em!
- Vậy hà? Em tưởng nó “ba lăm”.

ÂM VÀ DƯƠNG

Lúc ở khu A khám Chí Hòa (1963), lầu 1 giam tù nữ, lầu 2 giam tù nam. Có y tá nam (Hiếu), y tá nữ (Vân Anh) thay phiên nhau đến khám bệnh và cho thuốc mỗi sáng.

Có dịp gặp các anh (lầu 2) lúc đi tòa hỏi thăm nhau.

Nữ hỏi: “Trên phòng các anh y tá khám bệnh và phát thuốc có tốt không?”

Nam: “Bữa nào gặp phiên cô Vân Anh thì tương đối dễ chịu, khám kỹ hơn, cho thuốc tốt hơn, thái độ vui vẻ hòa nhã. Còn phiên y tá Hiếu thì hắc ám lắm, thuốc men hạn chế, khám bệnh qua loa, lời lẽ cộc cằn khó ưa. Còn dưới các chị thì sao?”

Nữ: “Cũng hai người này, nhưng các anh cứ đảo ngược lại thì có thôi... Có lẽ âm khắc âm, dương khắc dương, âm và dương tương khắc!”.

QUÊN VƯỢT NGỤC

Chị Quế lúc ở phòng y Thủ Đức luôn có mộng vượt ngục. Một hôm được gọi đi tòa án, trưa về vô phòng chị nói: “Trời ơi! Thiếu chút nữa tôi đã vượt ngục rồi!”.

Chị em hỏi: “Tại sao?”.

Chị nói: “Lúc ngồi chờ đợi gần tòa án đó, tôi thấy vắng lắm, không có tên lính nào canh giữ cả. Tôi định vượt ngục rồi, nhưng nhìn thấy gần đó có đám rau càng cua tốt quá, tôi vào hái ngay để chị em mình được ăn một bữa nên quên vụ vượt ngục đi. Đến lúc nghe tiếng kêu lên xe về thì hết cơ hội rồi. Ôi! Tiếc quá trời...!”.

ĐỪNG HÒNG...

Lúc ở Chuông Cọc, ngày nào cũng có tiếng kêu trật tự mở cửa đòi ra ngoài để giặt đồ, vệ sinh.

Bữa nọ, tên trật tự đứng ngoài không chịu mở cửa và nói:

- Mấy bà tưởng tôi đây ngu lắm sao, đừng có láo! Tôi biết hết rồi, phụ nữ mỗi tháng chỉ có kinh một lần vào cuối tháng thôi. Còn mấy bà ở đây ngày nào cũng kêu, ngày nào cũng gọi đòi ra giặt... là sao? Đừng hòng!

- Tức quá, hãy đợi đấy...!

Đến trưa, vừa mở cửa đưa cơm nước vào, một chị bưng một thau đồ au đưa sát vào mặt tên trật tự:

- Đây nè, láo đây. Xem đi!

Tên trật tự hoảng hốt nói:

- Ghê quá! Ra giặt đi bà nội...

HẾT CHỖ ĐÚNG RỒI SAO?

Trong một vở tuồng: Táo về Trời họp tất niên tại Trại 4 Côn Đảo năm 1973.

Ngọc Hoàng đang chờ đợi các Táo về, liền có linh của thiên đình (Phùng Ngọc Anh) vào bẩm báo:

- Tàu Ngọc Hoàng! Có các Táo quân miền Nam về,

đang đứng trước “Hậu Môn”¹, chờ lệnh Ngọc Hoàng vào yết kiến.

- Bộ hết chỗ đứng rồi sao? Ai lại đứng nơi mắt vệ sinh thế? Cho vào ngay!

TƯ TƯỞNG PHI VÔ SÀN

Cứ đến ngày 19 - 5, ngày sinh nhật Bác Hồ, các phòng biệt giam, cầm cố đều tổ chức học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại.

Tại khám Tân Hiệp lần này, chị Chín Thơm là một trong số chị em lớn tuổi là báo cáo viên, có đoạn chị kể Bác Hồ nói: “... tư tưởng phi vô sản trong người ta lúc ẩn lúc hiện... chúng ta cần phải nghiêm khắc soi rọi lại bản thân mình...”.

Sau đó chị em đại diện đi học về phổ biến lại cho phòng mình, chị ấy nói: “... tư tưởng phi vô sản lúc thụt lúc ló, khó thấy lắm...”.

ĐỘ QUỲ MÀY!!!

Nét đặc biệt của chị Ba D. là từ lúc vào tù, không bao giờ chị chịu tắm chung hoặc đi cầu, đi tiểu chung với ai cả vì sợ người ta thấy... của chị.

Lúc ở Trại 5 Côn Đảo, một lần chị Ba bị bệnh nặng. Mặc dù có thuốc men chữa trị nhưng trông chị ngày càng bơ phờ

¹ Đúng ra là “Ngọ môn”.

hốc hác, bụng chị ngày càng to ra. Chị em rất lo, nhiều lần chị em khuyên chị đi gọi bác sĩ đến khám cho chị, nhưng chị vẫn một mực không nghe. Bệnh kéo dài gần một tháng. Một hôm chị ói ra một ít phảm đen hôi hám dễ sợ và bắt đầu chị vật vã, mê mết từ đó. Chị em gọi y tế cấp cứu ngay. Khi y tá đến nơi, khám kỹ càng và thực hiện nghiệp vụ chuyên môn của mình... Một phút sau, từ hậu môn chị giọt bật ra nghe lộp độp, lộp độp... Chị em hứng đầy một thau đen xì, thấy ghê!

Chị em thở phào nhẹ nhõm. Qua ngày sau, chị Ba tỉnh táo lại, chị em kéo đến vừa hỏi thăm vừa chọc chị... Em Quyên nói: “Chị Ba ơi, hôm qua y tá tới chữa bệnh cho chị, sợ chị chết nên chị em có mặt đầy đủ, tất cả ai cũng thấy... hết rồi đó chị ơi!”

Chị Ba (đó mặt) rủa: “Đồ quỷ mày!!!”.

TRỜI SẬP

Lúc ở Chuồng Cọp, một hôm nghe tiếng trật tự trên lầu vọng xuống: “Hôm nay có bão lớn, trời sấm sét to. Các bà chuẩn bị tinh thần, kéo hoảng hồn mà chết giấc đó”.

Khoảng 5 phút sau, bỗng nghe tiếng nổ “Ầm” như long trời lở đất. Tại hầm chị Ba Dê, ba người không ai bảo ai cũng ngã lăn ra đất, bò lại ôm nôi đuôi nhau, nhắm mắt nín thở. Vài giây sau, thấy im re, tất cả chồm dậy nhìn nhau, ngả nghiêng ngả ngửa cười hắc hắc... “Tuờng trời sập chớ!”

BỤNG CƯỜI

Trong cuộc chống lấn tay, chụp hình của trên 400 nữ tù chính trị ở Trại 4 Côn Đảo năm 1973.

Sau một trận bị đàn áp dữ dội của địch, hầu hết chị em đều ngắt xiu (có một số thật và đóng kịch). Tuy lắm đau thương nhưng cũng nhiều dũng khí, khiến kẻ thù phải nể. Mà khô nhất là chuyện cười bằng bụng.

Chuyện 1:

Trước khi đàn áp các phòng đông người, chúng cho xe chở một số ít chị em đang nằm ngoài bệnh xá lên phòng an ninh trước. Đầu tiên nó gọi chị Gái vào. Trong khi hai bên đang đấu tranh lý lẽ với nhau gay gắt, bỗng nghe có tiếng xe đến, rồi đậu trước sân. Chị Gái nhìn ra, thấy bọn trật tự vừa lúi vừa kéo và khiêng chị em mình bỏ xuống xe, ai nấy đều nhắm mắt, mặt mày nhăn nheo... Tức khắc, chị Gái vọt chạy ra sân, chúi ngã vào nằm chung với chị em, mắt cũng nhắm lại, mặt cũng nhăn nhó giống y chị em mình vậy. Tên thẩm vấn lúc đó rất đổi ngạc nhiên và lên tiếng:

- Ô! Kia cái bà này, có ai đụng đến bà cái nào đâu mà cũng lăn ra chết giả thế. Thiệt hết biết! Chẳng ra làm sao cả!

Những cái bụng nằm đó bỗng nhúc nhích... nhúc nhích...

Chuyện 2:

Trong lúc chị em còn nằm dài tại đó, chờ chúng khiêng đi rún ép từng người cũng khá lâu. Mọi người như nằm ngủ chờ

đợi. Lúc ấy có tên trật tự đi hái hai cái bông tím nhỏ, đem đeo vào lỗ tai của em Thảo (Xe) rồi tếu:

- Cho anh xin cầu hôn em đi!...

Ồi! Những cái bụng lại nhúc nhích... nhúc nhích...

Chuyện 3:

Làm một ngày không kịp, chúng đưa tất cả chị em vào Trại 2. Ngày sau sẽ làm tiếp.

Đến lượt chúng vào khiêng em Bạch Mai (hơi to con nên phải bốn tên khiêng). Lúc mới vào phòng chúng đã nín thở, khịt mũi... Rồi khiêng Bạch Mai lên, thấy quần áo ướt mềm, cái mùi khó chịu càng bốc dữ. Có một tên trật tự vụt la lớn lên:

- Ôi! Cái bà này từ Tết Mậu Thân đến giờ chưa tắm tụi bay ơi.

Những cái bụng kia, ôi! Lại nhúc nhích, nhúc nhích, rúc rích rục rịch. Thiếu chút nữa bể đĩa.

TUNG LÁI

Trong một đêm văn nghệ, khi đến tiết mục tuồng Trần Bình Trọng (Tuyết Lại đóng). Bé Tư (vai lính phải đem rượu thịt cho Trần Bình Trọng). Trước khi ra sân khấu, người nhắc tuồng dặn dò kỹ:

- Bé Tư, ráng nhớ câu này nghe... Nên lặp đi lặp lại nhiều lần đi. Coi chừng đảo ngược lại thì nguy hiểm lắm đấy.

Nghe nhắc nhở, Bé Tư nghe lời và rất cẩn thận. Đến giờ ra sân khấu, Bé Tư bung mâm rượu thịt ra mời Trần Bình Trọng dùng. Đúng theo lời thoại thì phải hết bốn câu, nhưng vừa vào câu đầu là Bé Tư “tung lái” ngay:

Lính: Đây rượu thịt “đầy đủ” các món!

Trần Bình Trọng - nhanh trí húng lái tài tình (vừa nói vừa đá mâm xuống đất cái rầm):

- Dập đổ ngay ta chẳng thèm dùng!

Phía dưới khán giả vỗ tay tán thưởng rầm rộ.

Đúng là tô trác Bé Tư, nhưng nào ai hay biết!...

PHỤ LỤC 2

- * Một số hình ảnh nhà tù Côn Đảo**
- * Vài thuật ngữ Côn Đảo**
- * Một vài số liệu về tù nhân trong các giai đoạn lịch sử ở nhà tù Côn Đảo**



Chamber of Deputies cũ trước 1940



Chamber of Deputies Pháp xây dựng năm 1940



Một kiểu tra tấn người tù tại hầm xay lúa Banh I (thời Pháp)



*Tù nhân khi ra vào khám
giam đều bị cai ngục
kiểm soát chặt chẽ,
vô nhân đạo*



Ngũ cũng bị tra tấn



Nữ tù chính trị Côn Đảo đang bị đàn áp



Nữ tù chính trị trong Chuồng Cọp Côn Đảo



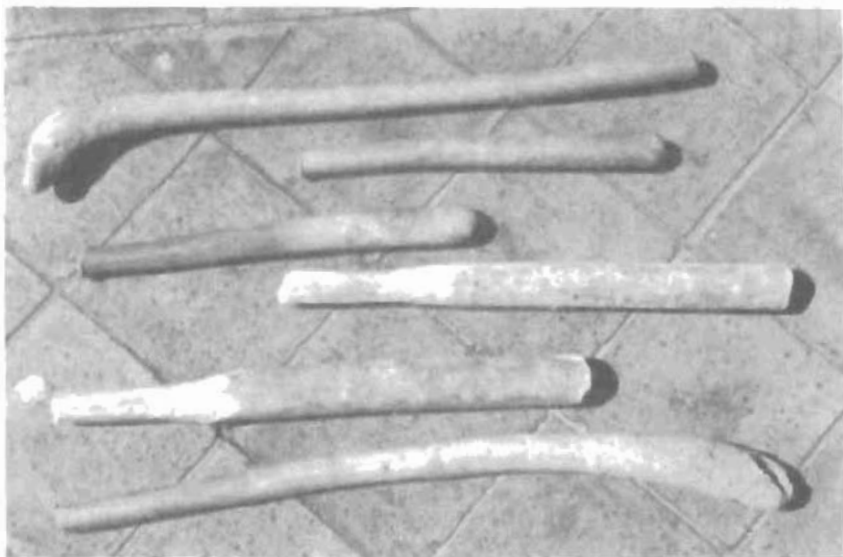
Hầm (hố) phân bò trong khu Chuồng Bò: nơi khai thác ghê rợn



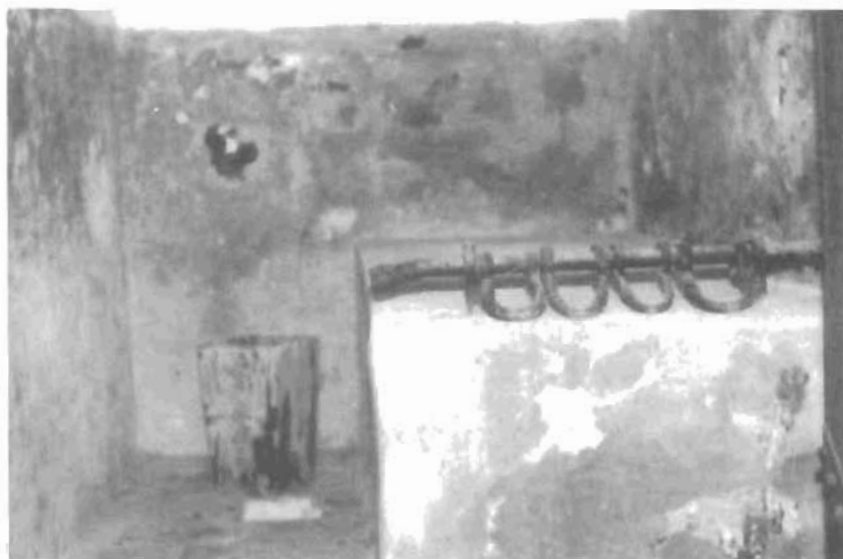
Trại Chuồng Bò: dãy lợp ngói cỏ từ thời Pháp, dãy lợp tôn thời Mỹ



Hầm Đà Trại 2 Côn Đảo, nơi khai thác và hành hạ tù đầu tranh



Các loại roi đôn (củ mây) ở Côn Đảo



Bên trong một căn Hầm Đá Trại 2



Đằng sau khung cửa hẹp này là khu Chuồng Cọp



Bãi hấp tù nhân nằm sau Banh III phụ



Hòn Trác - Hòn Tùi (Côn Đảo)



Đỉnh Tình yêu (Côn Đảo)

VÀI THUẬT NGŨ CÔN ĐÀO

* *Còng treo*: hai chân bị còng trong hai cái quyet sắt; dính trong một cây sắt, không để cho hai chân song song mà phải bắt chéo nhau.

* *Khớp miệng (mô)*: để chống tù nhân hô la, đấu tranh hoặc nói chuyện đưa tin cho nhau, bọn giám thị cho khớp miệng người tù lại bằng một thanh cây tròn, ngang vào miệng, rồi cột chằng hai đầu cây ra sau ót. Việc này chúng làm đồng thời với việc còng thúc ké hai tay ra sau, còng treo hai chân vào cây sắt.

* *Hô la*: là hình thức đồng hè la lớn kéo dài của anh em tù chính trị. Thường có người xướng đầu bằng một khẩu hiệu. Thí dụ: “Yêu cầu nhà cầm quyền cấp phát cơm đủ ăn, thức ăn đủ bữa và cho ra sân tắm nắng mỗi ngày”. Tiếp theo đồng loạt hô: “Yêu cầu! Yêu cầu”.

* *Trực sinh*: làm công việc giúp đỡ anh em trong việc ăn ngủ, tắm rửa, sinh hoạt tối thiểu trong nhà tù.

* *Làm hòa thực*: làm công việc nấu cơm, nấu thức ăn, đem phân phối cho tù.

* *Tuyệt thực*: nhịn ăn và uống cho là người, có khi đến chết, để lấy đó đấu tranh cho một yêu cầu chính đáng trong tù. (Có đồng chí cho rằng đây là một hình thức đấu tranh tiêu cực).

* *Đập đuôi*: đấu tranh, nửa chung, sợ quá rút lui, làm khó cục diện đấu tranh chung.

* *Đánh hội đồng*: người bị đánh, bắt đứng ở giữa, bốn bên bốn tên ác ôn hung dữ đánh đá, túi bụi vào người tù.

* *Rái vôi*: anh em tù bị nhốt trong Hầm Cọp¹ lao I, II, VII, nhiều lần bị đàn áp bằng cách chúng mang vôi lên trên, đổ xuống đầy hầm giam, người tù hít phải vôi bị ngộp thở.

* *Xôi nước*: gặp những đêm mùa lạnh, chúng cho xôi nước công rãnh, nước tiêu xuống, gây lạnh lẽo, ngứa ngáy.

* *Đồ thùng cầu*: ở trong mỗi phòng giam đều có đặt những thùng gỗ, dùng làm chỗ tiêu tiện. Sáng ra anh em, đi đồ thùng cầu.

* *Rệp nháy dù*: các con rệp một đêm cắn no đến hừng sáng bắt đầu theo tường bò lên tận trần nhà, chờ tối hôm sau, không theo tường bò dần xuống, mà buông mình nhảy đại xuống cho mau. Hầu hết rệp Côn Đảo đều dùng lối nhảy dù này.

* *Tắm nắng*: ở trong phòng giam tối tăm, được ra ngoài phơi nắng, được thở một khoảng không khí, gọi là tắm nắng.

* *Biệt giam*: giam riêng một mình trong phòng nhỏ (hầm đá). Còn gọi là Chuồng Cọp.

* *Cấm cố*: giam li một chỗ không cho ra ngoài suốt năm này qua năm khác.

* *Làm khổ sai*: đi làm lao động khổ nhọc ở ngoài trại giam.

* *Lật vịch*: có hai nghĩa: nghĩa đen là đi bắt những con vịch, khi chúng lên bãi cát để moi hang đẻ trứng, thỉnh linh

¹ Còn gọi là Chuồng Cọp.

ập tới lật ngửa nó ra, là coi như bắt được (vịch không tự lật úp lại được). Nghĩa bóng: hành động quan hệ bậy bạ với phụ nữ của một số tên tù án.

* *Thăm nuôi*: gia đình vào nơi giam để thăm và gửi đồ đạc, cơm bánh cho người bị giam.

* *Lãnh có li*: lãnh gói quà thuốc do gia đình gửi ra bằng đường bưu điện.

* *Mang thẻ bài*: mang số tù trên ngực áo để bọn giám thị dễ quản lý. Thí dụ số tù của Võ Ngọc An là: CT 18.333. CT: chính trị - 18333 là đến tên AN, là con số tù ở đảo có 18.333 người (không rõ tính từ giai đoạn nào).

* *Về đất liền*: từ Côn Đảo anh em được đưa về đất liền để được trả tự do hoặc bị điều tra hỏi cung lại.

* *Vượt ngục*: anh em trốn ra ngoài vào mùa gió chướng thả bè tấp về đất liền. Có khi đi tuốt tới đảo Hải Nam...

* *Câu lưu*: không có án (không kết án được) hoặc mãn hạn tù song chúng không thả, vẫn câu lưu lại.

* *Cồng xiềng, bóp siết*: chỉ chung những hành vi khắc nghiệt nhằm đàn áp tù nhân.

* *Quay phim*: người có khiếu kể những chuyện văn học cho anh em nghe như chuyện: *Chiếc khay đồng, Bạch mao nữ, Ruồi trâu, Sơn hậu...*

Có anh em tự đặt những mẩu chuyện chiến đấu kể ra nhằm động viên nhau.

* *Làm văn nghệ*: khi địch dân ra, anh em tù thường tổ chức diễn kịch, đàn ca, sáng tác văn thơ.

* *Làm báo miệng*: Tại Trại Chuồng Bò, khu B, phòng 2, có

các anh Tư Phường, anh Ba Trinh, anh Võ Ngọc An tổ chức ra một tờ báo miệng. Có anh đọc bài xã luận, có anh viết (đọc) tiêu thuyết, có anh phụ trách mục “món ngon, vật lạ”. Mục sau, ở các số báo sau bị “kiểm duyệt” bỏ đi vì cho rằng nó kêu gọi cải thiện khát trong lúc đói có thể làm nhụt chí chiến đấu.

* *Học chính trị, học văn hóa*: đây là hai loại hoạt động chính yếu của người tù. Thí dụ: học chữ Trung Quốc có các anh Võ Văn Thuật, Lê Quang Vịnh, một ngày học trên 100 chữ, ngày sau vẫn còn nhớ đủ, và học được 100 chữ tiếp. Các anh khác thuộc ít, mau quên. Anh Nguyễn Hữu Lợi (chung vụ anh Trỗi) học toán với anh Nguyễn Quế anh Vũ Chuân từ đệ Tứ lên đệ Nhất (12/12).

* *Ra Trại lá*: số anh em không sống nổi kham khổ đó bị bóp siết, chịu điều kiện ra ngoài ở Trại lá, mặc áo trắng (phân biệt áo xanh) làm công việc văn phòng cho nhà tù. (Có một số anh em được tổ chức phân công ra).

* *Chống chào cờ, chống khổ sai, chống học tập tổ cộng, chống ly khai, chống bất kỳ hình thức chiến tranh tâm lý, chiêu hồi nào*: là các hành động người tù chính trị Côn Đảo không thực hiện bất cứ hình thức và quy định nào của địch nhằm giám sát hoặc tiêu diệt ý chí cách mạng người tù chính trị.

* *Chịu điều kiện*: là những việc làm mà một số anh em yếu đuối làm khác với những điều vừa nêu trên v.v...

* *Rau “Tần u”*: rau tù ăn - tức mọi thứ cây cỏ màu xanh, ăn được, nhưng không phải rau, như cỏ hôi, cỏ riêu, lá bàng, lá ớt...

VÕ NGỌC AN

MỘT VÀI SỐ LIỆU VỀ TÙ NHÂN TRONG CÁC GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ Ở NHÀ TÙ CÔN ĐẢO

Khi Pháp đánh chiếm Côn Đảo (1861), nhà Nguyễn còn giam giữ ở đây 129 phạm nhân, án phát lưu. Họ là những người có thái độ đối lập với triều Nguyễn. Địa phương chỉ tỉnh Côn Sơn 1968 cho biết có nhiều người trong số đó là dân Khmer, bị bắt trong các cuộc giao tranh ở biên giới. Số phạm nhân này sau đó được giải tòa về đất liền cùng phần lớn số dân trên đảo.

Tháng 3 - 1862, sau khi ra Nghị định thành lập nhà tù, Đô đốc Bonard cho tàu Echo chở 50 phạm nhân đầu tiên ra Côn Đảo. Tính đến tháng 7 - 1867, nhà tù Côn Đảo đã có 500 tù nhân.

Trong 50 năm đầu, con số tù nhân ở nhà tù Côn Đảo biến động ở mức trên dưới 1 000 người. Theo báo cáo của nhà tù, tháng 11 - 1881 có 807 tù nhân, trong đó có 698 người Việt, 72 người Trung Hoa, 22 người Khmer. Họ bị kết án khò sai, án tù giam, cấm cố, phát lưu, lưu xử với mức án từ một vài năm đến chung thân. Đến ngày 31-12-1890, số tù nhân đã lên đến 1 422 người.

Theo yêu cầu của công cuộc khai thác thuộc địa, Toàn quyền De Lanessan đã ra Nghị định ngày 12-7-1891 cho phép sử dụng lao động khổ sai của tù nhân trong các công trình dân dụng và quân sự trên toàn xứ Đông Dương. Những đợt tuyển mộ lao động khổ sai cho công trình mở con đường số 4 từ Lạng Sơn đi Tiên Yên và cho các đồn điền thuộc địa ở Guyane, Nouvelle Calédonie đã làm tăng số lượng tù nhân. Khi đó, Côn Đảo chỉ mới có Trại giam số 1 vừa hoàn thành sau nhiều năm xây dựng. Trong phiên họp Hội đồng thuộc địa Nam Kỳ ngày 29-9-1899, nhiều quan chức thực dân đã nêu ý kiến nên đóng cửa nhà lao Côn Đảo vì số lượng tù nhân ở đây không tương xứng với chi phí quá lớn. Họ đề nghị giải tỏa tù nhân ở đây về các nhà giam tại các quận để sử dụng vào những việc công ích. Sau nhiều cuộc tranh cãi, rốt cuộc nhà tù Côn Đảo vẫn cần thiết để đảm bảo an ninh cho nền thống trị ở Đông Dương. Ngân sách Liên bang đã đặt cho Xứ Nam Kỳ quản trị nhà tù này. Chi phí cho mỗi tù nhân đày đi Guyane lên đến 300F, trong khi tiền nuôi dưỡng một tù nhân tại P.C. chỉ có 266F/năm. Cải tạo Poulo Condore thành một nhà lao thực thụ sẽ có lợi cho ngân sách thuộc địa. Với quyết định này, số tù nhân lại tăng dần đến mức 1 200 vào ngày 11-9-1908, 1142 vào tháng 5-1909 rồi vượt quá con số 2 000 vào năm 1926. Ngân sách Liên bang đã được duyệt cấp cho việc mở rộng nhà tù Côn Đảo. Ban II được khởi công xây dựng năm 1917 và Ban III vào năm 1935.

Trong 15 năm tiếp theo số lượng tù nhân ở đây dao động

mức trên dưới 2 000. Theo báo cáo của Thanh tra thuộc địa, ngày 31-12-1927, nhà tù Côn Đảo có 2 038 người, trong đó có 32 án chính trị, 1 749 án tù giam và khổ sai, 257 án lưu. Các năm tiếp theo, số lượng tù nhân (tính đến ngày 31-12) là:

Năm 1928: 2 102	Năm 1933: 2 483 người
Năm 1929: 1 941	Năm 1934: 2 818 người
Năm 1930: 1 992	Năm 1935: 2 399 người
Năm 1931: 2 116	Năm 1936: 2 436 người
Năm 1932: 2 276	Năm 1937: 2 018 người

Theo báo cáo của Thanh tra thuộc địa Ruffel làm tại Côn Đảo ngày 4-7-1939 số tù giam ở đây là 2 566 người, chia ra các loại án sau:

- Án phát lưu giam:	3 người
- Án phát lưu thường:	3 người
- Cấm cố:	1 006 người
- Khổ sai:	1 293 người
- Cấm cố hàm:	32 người
- Cấm cố thường:	372 người
- Án tù giam:	30 người
- Án lưu:	387 người

Biên bản thống kê số người tù đang bị giam giữ tại Côn Đảo do Giám đốc Bouvier lập ngày 31-5-1940 xác định số tù nhân ở Côn Đảo là 2 293 người.

Con số tù nhân Côn Đảo thời Pháp thuộc lên cao nhất vào thời điểm sau Nam Kỳ khởi nghĩa (23-11-1940). Banh I, Banh II, Banh III và các Sở tù đều nhốt chặt trong hai

năm 1941-1942, mỗi ngày có từ 10 đến 20 tù nhân chết, vậy mà cuối năm 1942 vẫn còn lại 4 403 người (Báo cáo ngày 15-1-1943 của Thống đốc Nam kỳ gửi Toàn quyền Decoux). Hơn 1 000 tù nhân đã chết trong hai năm tiếp theo. Tháng 5-1945, một bản báo cáo cho biết nhân số nhà tù là 3 308 người.

Tháng 9-1945, hơn 2 000 tù chính trị đã nổi dậy giành quyền làm chủ và được đón về đất liền tham gia kháng chiến. Côn Đảo còn lại khoảng 1 000 tù thường phạm, được sinh sống tự do bình đẳng với công chức, gác ngục. Nhiều người tiếp tục vượt biển về quê hương. Cuộc bầu cử chính quyền trên đảo vào tháng 3 năm 1946 cho biết số cử tri là 816, trong đó có chừng trên 100 vốn là gác ngục người Việt và vợ con họ, còn lại là tù thường phạm mới được tự do. Một tài liệu của Jacques Brulé đại úy lê dương, Giám đốc quần đảo vào nhà tù 1947 xác nhận khi Pháp tái chiếm chỉ còn lại 400 tù thường phạm.

Ngày 18-4-1946 thực dân Pháp tái chiếm Côn Đảo, lập lại nhà tù. Chuyến tàu đổ bộ chở 300 tù nhân kháng chiến lưu đầy ra Côn Đảo đã cập bãi Nhà thờ vào trưa 27-5-1946, trong đó có 56 án tử hình. Tháng 12-1947, Cao ủy Pháp tại Đông Dương đã quyết định chuyển đến Côn Đảo một số lượng lớn nhất tù nhân để giảm bớt mật độ và tình trạng căng thẳng ở Khám Lớn - Sài Gòn. Tất cả tàu chiến ở Hạm đội Viễn Đông hoạt động trong vùng đều được tham gia vận chuyển và tiếp tế cho Côn Đảo. Quyết định này đã nâng số lượng tù nhân này lên mức 1 500, vào giữa năm 1948, trong

đó, có 63 tù nhân án tử hình, 69 tù binh tội phạm chiến tranh Nhật Bản.

Trong 9 năm tiến hành cuộc chiến tranh tái xâm lược đất nước ta, thực dân Pháp đã lưu đày ở đây lúc cao nhất là hơn 2 000 tù nhân kháng chiến. Báo cáo số 2270 - ngày 5-1-1953 của Giám đốc quần đảo và nhà tù cho biết, đến 31-12-1952, Côn Đảo hiện giam giữ 548 tù binh và 1 739 tù án. Hai năm tiếp theo, số lượng tù nhân tăng giảm không nhiều. Cho đến ngày 30-7-1954, trước lúc nổ ra cuộc Tổng đình công bãi thực đòi trao trả theo Hiệp định Genève 1954, Ban Chấp hành Đảo ủy Côn Đảo đã kiểm điểm lại lực lượng tham gia, có 2 252 người, gồm 593 tù binh và 1 659 tù án. Sau cuộc đấu tranh, thực dân Pháp đã trao trả cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bốn đợt, tổng số 593 tù binh và 1 150 tù án. Côn Đảo còn lại 603 tù nhân án tử pháp (thường phạm) trong đó có vài chục vốn là người kháng chiến, bị chúng kết án tử pháp nên không được trao trả.

Tháng 3-1955, thực dân Pháp bàn giao lại nhà tù Côn Đảo cho ngụy quyền Sài Gòn. Số lượng tù nhân cho đến khi đó biến đổi không nhiều. Tháng 12-1956, một Ủy ban Liên Bộ (Nội vụ - Tư pháp - Quốc phòng) đã ra Côn Đảo khảo sát để chuẩn bị lưu đày lớp tù chính trị mới của giai đoạn này. Bản phúc trình của Ủy ban Liên Bộ cho biết, Côn Đảo hiện giam giữ 674 tội nhân.

Ngày 11-1-1957, chuyến tàu há mồm của Hải quân ngụy chở 390 tù chính trị thuộc các tỉnh miền Đông Nam Bộ, từ nhà lao Biên Hòa rời Cảng Sài Gòn ra Côn Đảo.

Trong năm 1957, chúng liên tiếp lưu đày 10 chuyến, tổng số 3 080 người, trong đó có 100 phụ nữ, một số cháu nhỏ chưa đầy năm, tất cả đều là tù chính trị bị câu lưu, không có án tiết.

THỨ TỰ VÀ SỐ LƯỢNG 10 CHUYẾN LƯU ĐÀY TÙ CHÍNH TRỊ NĂM 1957

STT	Ngày tháng	Nơi xuất phát	Số lượng
1	11-1-1957	Sài Gòn	360
2	20-1-1957	Sài Gòn	235
3	21-3-1957	Sài Gòn	384
4	24-3-1957	Phủ Quốc	285
5	30-4-1957	Sài Gòn	212
6	30-4-1957	Trung Việt	391
7	17-5-1957	Trung Việt	409
8	7-7-1957	Sài Gòn	391
9	27-7-1957	Trung Việt	175
10	3-12-1957	Sài Gòn	233

Tổng cộng 10 chuyến = 3 075

Từ Sài Gòn ra lẻ tẻ = 5

(Theo phúc trình không số của công an viên Nguyễn Văn Hòa ngày 5-9-1958, biệt phái làm Trưởng trại 1 - Trung tâm Huấn chính Côn Sơn).

Bản phân tích theo “Mẫu A” của quản đốc Trung tâm Huấn chính Côn Sơn Bùi Văn Năm cho biết, tính đến ngày 30-12-1957, nhân số hiện hữu của Trung tâm là 2 983, con

số này đã vắng mặt ngót 100 người chết trong năm 1957 (riêng tháng 12 chết 26 người). Bản phân tích “Mẫu A” còn cho biết trong thành phần 2 983 tù chính trị có: 2 951 Việt cộng, 8 Hòa Hảo, 19 Cao Đài, 3 Đại Việt, 2 Bình Xuyên. Số lượng tù chính trị câu lưu bị đày ra Côn Đảo lên đến hơn 4 000 vào tháng 12-1959 rồi giảm dần trong những năm sau do mãn hạn câu lưu và chuyển về nhà lao trong đất liền. Tháng 10-1962, chỉ còn lại 499 tù chính trị câu lưu (Báo cáo số 429/BQĐ/HC/01 ngày 22-10-1962 của Ban quản đốc Trung tâm Cải huấn Côn Sơn).

Trong hơn 10 năm đầu thời Mỹ ngụy, nhân số tại nhà lao Côn Đảo biến động ở mức trên dưới 4 000 người. Trong lúc số lượng tù chính trị lưu giảm dần thì tù án tăng lên một cách đáng kể từ năm 1959. Cũng theo bản báo cáo đã dẫn ngày 22-10-1962, Côn Đảo có 3 415 tù án. Một báo cáo khác, lập ngày 15-5-1962 cho biết rõ thành phần trong tổng số 3 201 phạm nhân mang án như sau:

Thường phạm:	949
Quân phạm thường án:	172
Quân phạm chính trị:	137
Chính trị phạm:	1 372
Án tử hình:	116
Phá án:	455

Từ khi Mỹ - ngụy leo thang, đẩy mạnh chiến tranh, số lượng tù nhân Côn Đảo cũng tăng dần dần đến mức 8 000 vào những năm 1967-1969 và gần 10 000 trong những năm 1970-1973. Bản báo cáo đề ngày 15-4-1970 của Trung tâm

Cải huấn Côn Sơn cho biết nhân số lúc đó là 9 448 người, trong đó có 38 án tử hình.

Giữa năm 1972, sau chiến dịch Quảng Trị, ngục quyền cho di tán ra Côn Đảo 1 226 người dân Thừa Thiên thuộc diện nghi can cùng 53 cháu bé từ 1 đến 5 tháng tuổi. Một phái đoàn Bộ Tư lệnh Cảnh sát quốc gia ngục được phái đến Côn Đảo để phân loại Phiếu trình số 878/ĐB/E225 ngày 2-6-1972 của Đoàn công tác cho biết, tính đến ngày 27-5-1972, Côn Đảo có 8 441 can phạm, trong đó có 2 924 can phạm cộng sản an trí (không án), 4 237 can phạm thành án, 828 nghi can cộng sản, số còn lại chưa phân loại.

Một bản báo cáo khác do những người tù làm khổ sai tại văn phòng Ban Quản đốc nhà lao Côn Đảo lấy được, gửi qua đường dây đặc biệt đến Ban An ninh Trung ương Cục, nay còn lưu giữ được đã xác định, tính đến ngày 19-3-1973, tổng số tù nhân Côn Đảo là 9 892, phân loại như sau:

Thường phạm:	274
Quân phạm thường tội:	940
Quân phạm đặc biệt (chính trị):	636
Can phạm đặc biệt (chính trị):	4 020
An trí đặc biệt (chính trị):	3 498
Nghi can:	37
Chưa phân loại:	487

Sau nhiều đợt phân loại, chuyển tù, 4 075 tù chính trị Côn Đảo đã được trao trả trong danh sách 5 081 nhân viên dân sự toàn miền Nam. Số lượng tù nhân tại nhà lao này được

bổ sung và biến động ở mức 8000 người cho đến ngày giải phóng. Những con số ghi chép trong sổ công tác của đồng chí Trịnh Văn Tư¹ - Bí thư Đảng ủy lâm thời, ngày giải phóng 1-5-1975, Côn Đảo có 7 448 tù nhân, trong đó 3 214 là thường phạm, quân phạm và 4 234 tù chính trị (có 494 phụ nữ).

Trong tháng 5-1975, tàu hải quân đã chuyển trên 4 000 tù chính trị về an dưỡng tại Vũng Tàu rồi đưa về các địa phương, 153 người tình nguyện ở lại theo yêu cầu quân quản, nhiều người còn phục vụ ở Côn Đảo cho đến ngày hôm nay.

NGUYỄN ĐÌNH THỐNG

¹ Đồng chí Trịnh Văn Tư (Trịnh Văn Lâu), tức Tư Cẩn. Sau giải phóng, lần lượt đảm nhận các chức vụ: Chủ tịch UBND tỉnh Cửu Long, Phó ban Kiểm tra Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Tây Ninh, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long, Ủy viên Trung ương Đảng khóa VII.

MỤC LỤC

Lời Nhà xuất bản	7
Người nữ tử tù chính trị đầu tiên ở Côn Đảo	15
◆ Lê Quang Vịnh	
Liệt nữ anh hùng Võ Thị Sáu.....	23
◆ Kim Chi	
Hoà Tú Cẩm.....	31
◆ Trần Hương	
Trần Tường Chân - Cuộc đời là một mũi tên bắn thẳng... ..	43
◆ Ngô Ngọc Ngũ Long	
Người con gái đất Rạch Gầm	59
◆ Kim Quyên	
Những mẩu chuyện của người cựu tù - Bà Trương Mỹ Hoa	70
◆ Nguyễn Thị Ngọc Hải	
Ký ức những ngày tù ngục	94
◆ Trần Hương	
Thiên nga trong đông bão.....	139
◆ Trần Hương	
Vàng trắng năm ấy hôm nay	160
◆ Trần Hương	

Một tấm lòng son	181
◆ Hà Hoa	
Người con gái xuyên tường	196
◆ Trâm Hương	
Vấn nụ cười chiến thắng cho Côn Đảo	237
◆ Nguyễn Thị Ngọc Hải	
Chị Mười Thanh, mười lăm năm qua miền đông bão.....	249
◆ Kim Quyên	
Mẹ của anh hùng	288
◆ Trâm Hương	
Làm một con người chân chính	308
◆ Bích Thuận	
Ngục tù không ngăn nổi lời ca.....	357
◆ Trâm Hương	
Phụ lục 1: VĂN NGHỆ Ở CÔN ĐẢO.....	383
Phụ lục 2:.....	423
Một số hình ảnh nhà tù Côn Đảo	
Vài thuật ngữ Côn Đảo	425
◆ Võ Ngọc An	
Một vài số liệu về tù nhân trong các giai đoạn lịch sử ở nhà tù Côn Đảo	429
◆ Nguyễn Đình Thống	

NHỮNG BÔNG HOA
NƠI NGỤC TỬ
CÔN ĐẢO

Chịu trách nhiệm xuất bản: Mai Quỳnh Giao

Biên tập: Hoa Phương

Bìa: Ngô Xuân Khôi

Trình bày: Chu Hương

Sửa bản in: Thanh Vân

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

39 Hàng Chuối - Hà Nội.

ĐT: (04) 39717979 - 39717980 - 39710717 - 39716727 - 39712832.

FAX: (04) 39712830

E-mail: nxbphunu@vnn.vn

Chi nhánh:

16 Alexandre De Rhodes - Q. 1 - TP Hồ Chí Minh ĐT: (08) 38234806



In 2.500 cuốn, khổ 14x20,5cm, tại Công ty Cổ phần In Công Đoàn Việt Nam, 167 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội. Giấy xác nhận KHXB số: 1231-2010/CXB/1-86/PN ký ngày 20/12/2010. Giấy QĐXB số: 11/QĐ-PN. In xong và nộp lưu chiểu quy 1 năm 2011



Những bông hoa nơi ngục tù...



8 933069 191290 7

Giá: 82.000đ

<http://tieulun.hopto.org>